

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ TRỌNG AN

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ
MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

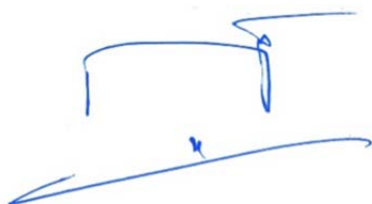
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ TRỌNG AN

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ
MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Trần Quang Hiến

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:



1. PGS.TS. Tăng Thị Thu Trang



2. TS. Ngô Văn Vịnh

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là hoàn toàn trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được tác giả trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận án



Lê Trọng An

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	27
1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	32
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA.....	35
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra	35
2.2. Nội dung pháp luật và các giai đoạn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra.....	46
2.3. Điều kiện bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra.....	62
2.4. Áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm với Việt Nam	68
Chương 3: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM.....	84
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	84
3.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	105
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM.....	145
4.1. Quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam.....	145
4.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam	155
KẾT LUẬN	194
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	196
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	197
PHỤ LỤC	209

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADPL	: Áp dụng pháp luật
BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CAND	: Công an nhân dân
CBĐT	: Cán bộ điều tra
CQCSĐT	: Cơ quan Cảnh sát điều tra
ĐTV	: Điều tra viên
MTNHS	: Miễn trách nhiệm hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

STT	Tên phụ lục	Trang
Phụ lục 1:	Cơ cấu tỷ lệ (%) và xu hướng vụ án, bị can đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và cập nhật 6 tháng đầu năm 2026	209
Phụ lục 2:	Phụ lục số liệu phòng, chống tội phạm	212
Phụ lục 3:	Đối chiếu những quy định liên quan đến miễn trách nhiệm hình sự trong pháp luật hiện hành và Dự thảo Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2026	213
Phụ lục 4:	Cơ cấu tỷ lệ (%) vụ án đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự theo nhóm tội phạm giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026	217
Phụ lục 5:	Cơ cấu tỷ lệ (%) bị can đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự theo nhóm tội phạm giai đoạn từ năm 2018-2025 và 6 tháng đầu năm 2026	219
Phụ lục 6:	Hệ thống văn kiện chính trị, văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nghiệp vụ liên quan đến áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra	221
Phụ lục 7:	Khung mã hóa và kết quả nghiên cứu điển hình các trường hợp áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra	228
Phụ lục 8:	Khung đối chiếu nội dung thực trạng, nguyên nhân và giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra	232
Phụ lục 9:	Cơ cấu tỷ lệ (%) ngạch điều tra viên của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp Bộ, cấp tỉnh	235
Phụ lục 10:	Cơ cấu tỷ lệ (%) điều tra viên, cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp bộ, cấp tỉnh và lực lượng được bố trí tại Công an cấp xã	236
Phụ lục 11:	Cơ cấu tỷ lệ (%) trình độ đào tạo và công nghệ thông tin của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Trinh sát viên, Cán bộ điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra và Công an cấp xã	237
Phụ lục 12:	Đề xuất bổ sung biểu mẫu Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự	238

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

STT	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 1:	Cơ cấu tỷ lệ (%) và xu hướng vụ án, bị can đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và cập nhật 6 tháng đầu năm 2026	211
Biểu đồ 2:	Cơ cấu tỷ lệ (%) vụ án đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự theo nhóm tội phạm giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026	218
Biểu đồ 3:	Cơ cấu tỷ lệ (%) bị can đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự theo nhóm tội phạm giai đoạn từ năm 2018-2025 và 6 tháng đầu năm 2026	220

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, miễn trách nhiệm hình sự (MTNHS) là chế định thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và lẽ ra phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS), nhưng do đáp ứng đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định nên không bị buộc phải chịu TNHS. MTNHS không phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi, không đồng nghĩa với dung túng tội phạm, mà là phương thức phân hóa TNHS có điều kiện, bảo đảm sự kết hợp giữa nghiêm minh và nhân đạo. Việc áp dụng đúng chế định này góp phần cá thể hóa việc xử lý người phạm tội; khuyến khích họ tự thú, thành khẩn khai báo với cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải với bị hại và tái hòa nhập cộng đồng.

Đối với bị can, áp dụng pháp luật (ADPL) về MTNHS trong giai đoạn điều tra là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT). Việc ADPL được tiến hành thông qua việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ; xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm pháp luật và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền. Kết quả ADPL được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền, làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi được đình chỉ, đồng thời có thể tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan. Vì vậy, việc áp dụng căn cứ MTNHS và ban hành quyết định đình chỉ điều tra phải bảo đảm đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, khách quan, thận trọng, có khả năng kiểm tra, giải trình và chịu sự kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND).

Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng về hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đặt nền tảng cho việc xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và khả thi; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 định hướng đổi mới chính sách hình sự và tổ chức, hoạt động tư pháp. Tiếp đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày

09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nhấn mạnh yêu cầu thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, kiểm soát quyền lực và tiếp tục hoàn thiện tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tiếp tục đặt trọng tâm vào chất lượng pháp luật và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Đặc biệt, Nghị quyết số 49-NQ/TW xác định: *“hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...”*. Trên cơ sở các định hướng đó, Nhà nước từng bước thể chế hóa trong pháp luật hình sự và pháp luật TTHS, hoàn thiện các căn cứ, điều kiện, thẩm quyền và trình tự xem xét MTNHS, tạo cơ sở pháp lý cho CQCSĐT thực hiện trong giai đoạn điều tra.

Về phương diện thực tiễn, giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và sáu tháng đầu năm 2026, CQCSĐT đã ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với gần 4.000 bị can, qua đó góp phần thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, đồng thời khuyến khích người phạm tội tích cực hợp tác, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả [5] Theo *Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2024, “tình hình tội phạm về trật tự xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, số vụ phạm tội tăng 12,53% so với cùng kỳ năm trước”* [28] trong khi đó, tỷ trọng số bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS của ba năm cuối trong tổng số bị can được đình chỉ do MTNHS giai đoạn 2018 - 2025 có xu hướng giảm liên tục, từ 10,5% năm 2023 xuống 9,4% năm 2024 và 8,1% năm 2025 [5] sự vận động chưa đồng chiều này đặt ra vấn đề cần xem xét về mức độ tương xứng giữa diễn biến của tình hình tội phạm với thực tiễn thực hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng thông qua MTNHS, đồng thời đòi hỏi làm rõ nguyên nhân, điều kiện và mức độ thống nhất trong ADPL. Điều đó không đồng nghĩa với việc phải mở rộng MTNHS đối với bị can, mà đòi hỏi bảo đảm mọi trường hợp đều được nhận diện, xem xét đúng căn cứ, điều kiện và không bỏ qua trường hợp đủ điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT vẫn còn một số hạn chế. Các thông báo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao

và tài liệu thực tiễn cho thấy việc nhận diện, chứng minh căn cứ, điều kiện MTNHS; phân biệt MTNHS với các căn cứ đình chỉ khác; lựa chọn, viện dẫn quy phạm và thực hiện trình tự tố tụng trong một số trường hợp chưa thật sự thống nhất. Việc xác định mối quan hệ giữa căn cứ chung tại Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (BLHS năm 2015), với các căn cứ MTNHS trực tiếp, đặc thù tại một số điều thuộc Phần các tội phạm cụ thể và phạm vi, giá trị sử dụng của các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cũng còn có cách hiểu khác nhau. Bên cạnh đó, việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và các điều kiện có tính định tính; ban hành, tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra và kiểm sát việc đình chỉ điều tra; công tác quản lý, kiểm tra, thống kê, báo cáo và tổng kết thực tiễn còn có mặt chưa chặt chẽ, đồng bộ. Những hạn chế này xuất phát từ một số quy định chưa cụ thể, hướng dẫn áp dụng chưa đầy đủ, thống nhất; năng lực của một bộ phận chủ thể ADPL chưa đồng đều; cơ chế phối hợp, kiểm sát và hệ thống dữ liệu nghiệp vụ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Về phương diện lý luận, các công trình đã công bố chủ yếu nghiên cứu MTNHS dưới góc độ luật hình sự, TTHS hoặc nghiên cứu ADPL nói chung; chưa làm rõ đầy đủ ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT như một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra. Những vấn đề về khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL, điều kiện bảo đảm, trách nhiệm của chủ thể, cơ chế kiểm sát và kiểm soát quyền lực cần tiếp tục được hệ thống hóa dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Việc nghiên cứu vấn đề này còn đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người và tổ chức thi hành pháp luật thống nhất.

Từ yêu cầu hoàn thiện cơ sở lý luận, đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm ADPL khách quan, đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam”*** làm luận án tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, phân tích các quy định của pháp luật và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, luận án đề xuất

các quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Một là, tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến đề tài; đánh giá những kết quả đã đạt được và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, làm rõ cơ sở lý luận của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL và điều kiện bảo đảm; đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia để rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Ba là, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam; chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hạn chế đó.

Bốn là, đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trên cơ sở những vấn đề lý luận và thực tiễn đã được luận án làm rõ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can là cá nhân của CQCSĐT trong CAND trong giai đoạn điều tra, tập trung vào nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL, điều kiện bảo đảm và thực tiễn ban hành, tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Các quy định về MTNHS tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm của BLHS không được nghiên cứu như một nhóm căn cứ độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT. Số liệu phân theo các chương của BLHS chỉ được sử dụng để phản ánh cơ cấu tội phạm của những bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS, không phải cơ cấu căn cứ pháp lý để MTNHS. Luận án không nghiên cứu toàn diện ADPL về MTNHS của VKSND và TAND; vai trò của VKSND được xem

xét trong phạm vi kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra của CQCSĐT, còn hoạt động của TAND và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chỉ được đề cập ở mức độ liên quan trực tiếp đến đề tài.

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên phạm vi toàn quốc.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu thông tin, số liệu và dữ liệu thực tiễn trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Số liệu sáu tháng đầu năm 2026 chỉ được sử dụng để cập nhật xu hướng, không thay thế số liệu tổng kết năm và không so sánh trực tiếp với số liệu của một năm đầy đủ. Văn bản pháp luật và tài liệu có liên quan được cập nhật đến tháng 8/2026; các dự thảo pháp luật năm 2026 chỉ được sử dụng để nhận diện xu hướng lập pháp và kiểm tra tính dự báo của kiến nghị, không được coi là pháp luật hiện hành hoặc sử dụng để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định trong giai đoạn nghiên cứu.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của đề tài là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật và bảo vệ quyền con người; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, kiểm soát quyền lực nhà nước, thực hiện chính sách hình sự nhân đạo và phòng, chống tội phạm. Những nội dung này được vận dụng trực tiếp vào việc nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật và bảo vệ quyền con người; đồng thời quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, kiểm soát quyền lực nhà nước và thực hiện chính sách hình sự nhân đạo.

Luận án vận dụng có chọn lọc cách tiếp cận dựa trên quyền con người, xác định bị can, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các chủ thể; CQCSĐT và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền của các chủ thể có liên quan theo quy định của pháp luật. Cách tiếp cận này không coi MTNHS là quyền đương nhiên của bị can mà được cụ thể hóa qua bốn giai

đoạn ADPL: xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn và làm rõ quy phạm, ban hành quyết định đình chỉ điều tra và tổ chức thực hiện quyết định. Trên cơ sở đó, luận án đánh giá đồng thời nguy cơ áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và nguy cơ không kịp thời nhận diện, xem xét trường hợp có đủ căn cứ, điều kiện theo pháp luật.

Luận án còn sử dụng cách tiếp cận liên ngành ở mức cần thiết giữa lý luận nhà nước và pháp luật, luật hình sự, luật TTHS và khoa học tổ chức điều tra hình sự. Cách tiếp cận này phù hợp với ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, cho phép xem xét ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong mối quan hệ giữa pháp luật, quyền con người, thực hiện quyền lực nhà nước và kiểm soát thẩm quyền tố tụng trong giai đoạn điều tra.

Trên cơ sở đó, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng để thu thập, kiểm tra, hệ thống hóa và đánh giá các công trình khoa học, văn bản pháp luật, báo cáo, thông báo rút kinh nghiệm, số liệu thống kê và tài liệu thực tiễn liên quan đến MTNHS và ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, lịch sử - logic và hệ thống được sử dụng xuyên suốt luận án, tập trung ở Chương 1 và Chương 2 để làm rõ tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, nội dung pháp luật và các giai đoạn ADPL; đồng thời được sử dụng tại Chương 3 và Chương 4 để đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và xây dựng các giải pháp tương ứng.

- Phương pháp so sánh pháp luật được sử dụng khi nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia, qua đó rút ra những giá trị tham khảo phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và thực tiễn của Việt Nam, không sao chép máy móc mô hình pháp luật nước ngoài.

- Phương pháp thống kê và nghiên cứu điển hình được sử dụng chủ yếu ở Chương 3 để xử lý số liệu, phân tích tỷ trọng, cơ cấu và xu hướng biến động, kết hợp đánh giá các trường hợp điển hình. Đối với số liệu cần bảo vệ bí mật nhà nước, luận án chỉ công bố dưới dạng tỷ lệ (%) hoặc số tổng hợp; số liệu sáu tháng đầu năm 2026 được trình bày riêng, không so sánh trực tiếp với số liệu cả năm. Các trường hợp điển hình được lựa chọn có chủ đích nhằm phản ánh các thời điểm, địa bàn, căn cứ MTNHS và dạng vấn đề pháp lý khác nhau trong các giai đoạn ADPL, được mã hóa và chỉ được

sử dụng để phân tích định tính, đánh giá biểu hiện, kết quả và hạn chế điển hình, không suy rộng trên phạm vi toàn quốc.

5. Những đóng góp mới của đề tài

Thứ nhất, luận án xác lập cách tiếp cận ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT như một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, được thực hiện thông qua xác định căn cứ thực tế, lựa chọn và làm rõ quy phạm pháp luật, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ mối quan hệ giữa căn cứ, điều kiện MTNHS theo pháp luật hình sự với thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS, đồng thời phân định trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS, qua đó xác định rõ giới hạn thực hiện quyền lực nhà nước của CQCSĐT trong lĩnh vực này.

Thứ hai, luận án xây dựng khung đánh giá ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT theo bốn giai đoạn của ADPL, gắn với các yêu cầu về tính hợp pháp, tính có căn cứ, tính thống nhất, trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền con người và cơ chế kiểm sát. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá đồng thời hai chiều: phòng ngừa việc áp dụng MTNHS khi chưa đủ căn cứ, điều kiện và nhận diện, xem xét kịp thời những trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, trên cơ sở số liệu giai đoạn từ năm 2018 - 2025, kết hợp cập nhật xu hướng sáu tháng đầu năm 2026 và nghiên cứu các trường hợp điển hình, luận án xác định được những dạng hạn chế chủ yếu theo từng giai đoạn ADPL, từ xác định căn cứ thực tế, lựa chọn và viện dẫn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Luận án đồng thời phân biệt số liệu về cơ cấu tội phạm của những bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS với cơ cấu căn cứ pháp lý để MTNHS, qua đó hạn chế việc suy diễn trực tiếp từ sự tăng, giảm số lượng sang đánh giá chất lượng ADPL.

Thứ tư, luận án xây dựng hệ thống giải pháp gắn với các hạn chế và nguyên nhân đã xác định, tập trung vào hoàn thiện pháp luật, hướng dẫn áp dụng, trách nhiệm chủ thể, cơ chế kiểm sát, kiểm tra, thống kê, báo cáo và quản lý dữ liệu. Đồng thời, luận án đề xuất bổ sung Mẫu số 230A “Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự”, sử dụng sau quyết định đình chỉ điều tra và không làm phát sinh quyết định hoặc thẩm quyền tố tụng mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và làm rõ lý luận về ADPL trong lĩnh vực TTHS, trực tiếp là ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Những luận giải về chủ thể, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL, điều kiện bảo đảm và cơ chế kiểm soát quyền lực trong ADPL có thể được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho việc tiếp tục nghiên cứu chế định MTNHS và việc ADPL trong giai đoạn điều tra.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật, xây dựng văn bản hướng dẫn, chuẩn hóa biểu mẫu và tổ chức thực hiện ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Các kết quả đánh giá thực trạng và giải pháp của luận án cũng có thể phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Cảnh sát nhân dân và các cơ sở đào tạo luật; đồng thời cung cấp tài liệu tham khảo cho cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và những người quan tâm đến vấn đề nghiên cứu.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 04 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Ở Việt Nam, MTNHS và ADPL trong lĩnh vực hình sự đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, chủ yếu là luật hình sự, luật TTHS và lý luận chung về ADPL. Các công trình đã công bố cung cấp những luận điểm quan trọng về khái niệm, bản chất, đặc điểm, căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý của MTNHS; khái niệm, đặc điểm, nội dung và các giai đoạn ADPL; đồng thời tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong TTHS. Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu trực tiếp, có hệ thống về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Có thể khái quát một số công trình tiêu biểu liên quan đến cơ sở lý luận của đề tài như sau:

- Các công trình nghiên cứu là sách, tài liệu tham khảo, chuyên khảo:

Trịnh Tiến Việt, trong sách chuyên khảo “*Chế định miễn trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam*” (2010), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội [68], đã nghiên cứu tương đối hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn của chế định MTNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam. Công trình làm rõ khái niệm, đặc điểm, cơ sở và các trường hợp MTNHS; đồng thời sử dụng số liệu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án để đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS năm 1999. Kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa khi nhận diện bản chất và ý nghĩa của MTNHS. Tuy nhiên, công trình tiếp cận chủ yếu dưới góc độ luật hình sự, chưa nghiên cứu chuyên biệt quá trình CQCSĐT xem xét sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với bị can.

Lê Cẩm, trong sách chuyên khảo “*Pháp luật hình sự Việt Nam từ thế kỷ X đến nay*” 2018 [12] đã hệ thống hóa quá trình hình thành và phát triển của pháp luật hình

sự Việt Nam, trong đó có chế định MTNHS, từ thế kỷ X đến khi ban hành BLHS năm 2015. Công trình phân tích sự phát triển trong nhận thức lập pháp, cách quy định các trường hợp bắt buộc và tùy nghi MTNHS, đồng thời chỉ ra một số ưu điểm, hạn chế của các thuật ngữ pháp lý được sử dụng tại Điều 29 BLHS năm 2015. Luận án kế thừa công trình ở phương diện lịch sử pháp luật và sự vận động của chính sách hình sự nhân đạo; trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu việc cá biệt hóa các quy định về MTNHS trong hoạt động của CQCSĐT ở giai đoạn điều tra.

Trong cuốn sách *“Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự”* (2019) [70]; tác giả Trịnh Tiến Việt nghiên cứu TNHS, loại trừ TNHS và xu hướng hoàn thiện các quy định có liên quan. Tại phần về MTNHS, tác giả phân tích khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa MTNHS với các chế định pháp lý có liên quan và những trường hợp MTNHS được quy định trong BLHS năm 2015. Công trình có giá trị giúp luận án phân biệt MTNHS với loại trừ TNHS, miễn hình phạt và các hình thức xử lý khác. Việc tác giả khảo cứu cả các quy định tại Phần chung và một số điều luật thuộc Phần các tội phạm được luận án sử dụng để nhận diện cấu trúc của chế định, không phải để xác lập các điều luật thuộc Phần các tội phạm thành một nhóm căn cứ đình chỉ điều tra độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT.

- Các công trình nghiên cứu là luận án:

Luận án tiến sĩ luật học *“Chế định trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam”* của Phạm Mạnh Hùng (2005) [30] đã phân tích các vấn đề cơ bản về khái niệm, cơ sở và nội dung của TNHS; mối quan hệ giữa TNHS với MTNHS; TNHS trong một số trường hợp đặc biệt và thực tiễn áp dụng pháp luật. Tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện BLHS năm 1999, trong đó có kiến nghị liên quan đến việc xử lý người phạm tội ít nghiêm trọng đã bồi thường thiệt hại và hòa giải với bị hại. Công trình được thực hiện trong bối cảnh pháp luật trước khi BLHS năm 2015 và Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 có hiệu lực nên các nhận định về hậu quả của việc bị hại rút yêu cầu khởi tố chỉ có giá trị tham khảo về lịch sử nhận thức pháp lý. Luận án kế thừa công trình ở phương diện làm rõ mối quan hệ giữa TNHS và MTNHS, đồng thời tiếp tục phân biệt MTNHS với trường hợp đình chỉ vụ án do người yêu cầu khởi tố rút yêu cầu theo pháp luật TTHS.

Luận án tiến sĩ luật học *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam”* của Trịnh Tiến Việt (2008) [67] là một trong

những công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên về MTNHS ở cấp độ luận án tiến sĩ. Công trình làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và lịch sử phát triển của chế định MTNHS; phân biệt MTNHS với miễn hình phạt; phân tích các trường hợp MTNHS theo BLHS năm 1999; đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Công trình cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu chế định MTNHS nhưng chưa đặt trọng tâm vào ADPL của riêng CQCSĐT, chưa phân tích hoạt động này theo các giai đoạn của quá trình ADPL và cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra.

Luận án tiến sĩ luật *“Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án quân sự ở Việt Nam hiện nay”* của Dương Văn Thắng (2017) [52] đã xây dựng khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, quy trình và nguyên tắc ADPL trong xét xử sơ thẩm VAHS; đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo đảm ADPL. Mặc dù chủ thể và giai đoạn tố tụng được nghiên cứu khác với đề tài, công trình có giá trị tham khảo về cách tiếp cận ADPL như một hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua việc lựa chọn quy phạm và ban hành quyết định pháp luật cá biệt. Luận án kế thừa khung lý luận chung này nhưng phát triển theo đặc thù của CQCSĐT, đối tượng là bị can và hình thức pháp lý là quyết định tố tụng trong giai đoạn điều tra.

Luận án tiến sĩ luật học *“Miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam”* của Trần Thị Quỳnh (2020) [45] đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và lịch sử phát triển của chế định miễn, giảm hình phạt; đồng thời phân biệt miễn hình phạt với MTNHS về điều kiện, thẩm quyền và hậu quả pháp lý. Công trình có giá trị đối chiếu, giúp xác định người được miễn hình phạt vẫn phải chịu TNHS, trong khi MTNHS làm chấm dứt việc truy cứu TNHS về hành vi được xem xét. Do đối tượng nghiên cứu chính là miễn, giảm hình phạt, công trình không phân tích toàn diện quá trình CQCSĐT áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can. Đây là giới hạn về khả năng kế thừa của luận án, không phải hạn chế trong phạm vi nghiên cứu mà công trình đã xác định.

Luận án tiến sĩ luật học *“Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam”* của Lê Văn Đông (2023) [20] đã xây dựng khái niệm, đặc điểm, các giai đoạn, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến ADPL của VKSND cấp tỉnh; phân tích

thực trạng và đề xuất giải pháp phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm. Công trình có giá trị tham khảo đối với việc xác định yêu cầu hợp pháp, khách quan và kiểm soát quyền lực trong TTTHS. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu hoạt động của VKSND, không nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Luận án chỉ kế thừa những luận điểm phù hợp về kiểm sát, kiểm soát quyết định tố tụng và yêu cầu tránh cả áp dụng MTNHS thiếu căn cứ lẫn bỏ qua trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định.

- Các công trình nghiên cứu là đề tài khoa học:

Trong khuôn khổ Chương trình KX.02/21-25, đề tài “*Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân thời kỳ đổi mới*” nghiên cứu các vấn đề về thượng tôn pháp luật, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước [25] những kết quả này gợi mở cho luận án cách tiếp cận ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT như một hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền con người và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát theo thẩm quyền.

Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia “*Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021 - 2025*”, mã số KX.04/21-25, tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng, phát triển đất nước và hoàn thiện hệ thống chính trị [27] các nghiên cứu thuộc Chương trình góp phần làm rõ phương thức lãnh đạo, cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, cùng những vấn đề về quyền con người. Mặc dù không trực tiếp nghiên cứu MTNHS hoặc hoạt động của CQCSĐT, kết quả của Chương trình có giá trị tham khảo về phương pháp tiếp cận ADPL như một hình thức thực hiện quyền lực nhà nước, gắn việc trao thẩm quyền với trách nhiệm và cơ chế kiểm soát.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường “*Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*” do Nguyễn Thị Hồi làm chủ nhiệm (2009) [29] đã nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về khái niệm, đặc điểm, các trường hợp cần ADPL, quy trình ADPL, quyết định ADPL và ADPL tương tự; đồng thời khảo sát hoạt động ADPL trong một số lĩnh vực pháp luật. Công trình cung cấp khung lý luận chung để luận án xác định các giai đoạn ADPL và đặc điểm của quyết định pháp luật cá biệt. Trên cơ sở đó, luận án cụ thể hóa khung lý luận vào hoạt động của CQCSĐT, trong đó pháp luật hình sự cung cấp

căn cứ, điều kiện MTNHS, còn pháp luật TTHS quy định thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra đối với bị can.

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Trong bài viết “*Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận (Kỳ 1, Kỳ 2)*” [74]; tác giả Võ Khánh Vinh phân tích khái niệm, dấu hiệu, nội dung, chức năng và các cách tiếp cận đối với ADPL hình sự. Tác giả xác định ADPL hình sự là một dạng ADPL có tính đặc thù, được thực hiện bởi chủ thể có thẩm quyền trên cơ sở quy phạm pháp luật hình sự và những tình tiết của vụ việc cụ thể. Luận án kế thừa cách tiếp cận này nhưng không giới hạn việc nghiên cứu ở lựa chọn quy phạm luật hình sự, mà đặt hoạt động của CQCSĐT trong sự thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS, từ xác định sự kiện pháp lý đến tổ chức thực hiện quyết định tố tụng.

Bài viết “*Chế định miễn trách nhiệm hình sự*” của Nguyễn Văn Lam (2018) [31] đã phân tích các trường hợp bắt buộc và tùy nghi MTNHS, thẩm quyền quyết định, một số khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện Điều 29, Điều 91 BLHS năm 2015 cùng các quy định liên quan của BLTTHS năm 2015. Công trình góp phần nhận diện mối quan hệ giữa quy phạm nội dung về MTNHS và quy phạm tố tụng về thẩm quyền, trình tự xử lý. Tuy nhiên, bài viết mới tập trung vào một số quy định và vướng mắc cụ thể, chưa xây dựng khung nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT như một quá trình thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra.

Bài viết “*Bàn về cơ sở của trách nhiệm hình sự*” của Trần Hữu Tráng (2021) [55] đã phân tích cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của TNHS; đồng thời đề cập đến mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự, MTNHS và loại trừ TNHS. Công trình khẳng định việc xử lý người thực hiện hành vi phạm tội phải dựa trên cơ sở luật định và chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước. Luận án kế thừa công trình ở phương diện làm rõ cơ sở của TNHS và sự khác biệt giữa MTNHS với trường hợp loại trừ TNHS: người được MTNHS đã thực hiện hành vi cấu thành tội phạm và lẽ ra phải chịu TNHS, nhưng được chấm dứt việc truy cứu TNHS khi đáp ứng đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định.

Tổng quan nhóm công trình về cơ sở lý luận cho thấy, khoa học pháp lý Việt Nam đã hình thành hệ thống nhận thức tương đối phong phú về trách nhiệm hình sự, MTNHS, áp dụng pháp luật và ADPL trong TTHS. Luận án kế thừa các kết quả về bản chất của MTNHS; sự phân biệt MTNHS với loại trừ TNHS, miễn hình phạt và các

trường hợp đình chỉ khác; đặc điểm quyền lực nhà nước và tính cá biệt của ADPL. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây chủ yếu tiếp cận riêng biệt dưới góc độ luật hình sự, luật TTHS hoặc lý luận chung về ADPL; chưa làm rõ đầy đủ sự thống nhất giữa căn cứ MTNHS theo pháp luật hình sự với thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS trong hoạt động của CQCSĐT. Đây là nội dung luận án tiếp tục phát triển thông qua việc xây dựng khái niệm, đặc điểm và khung bốn giai đoạn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, gắn với bảo vệ quyền con người, trách nhiệm giải trình và kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền tố tụng.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

- Các công trình nghiên cứu là sách tham khảo, chuyên khảo:

Võ Khánh Vinh, trong sách “*Áp dụng pháp luật hình sự: Lý luận và thực tiễn*” (2021) [75] đã nghiên cứu những vấn đề chung về ADPL hình sự, việc áp dụng bộ phận giả định, quy định và chế tài của quy phạm pháp luật hình sự; trong đó có nội dung áp dụng các quy định về MTNHS. Công trình làm rõ khái niệm, các loại MTNHS và sự khác biệt giữa MTNHS với miễn, giảm hình phạt. Giá trị nổi bật của công trình đối với luận án là cách kết nối lý luận ADPL với việc phân tích những dạng biểu hiện trong thực tiễn. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu ADPL hình sự ở phạm vi rộng, chưa khảo sát chuyên biệt thực trạng CQCSĐT xác định căn cứ, điều kiện và ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với bị can.

- Các công trình nghiên cứu là luận án:

Luận án tiến sĩ luật học “*Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an Việt Nam*” của Nguyễn Tiến Phương (2024) [39] đã phân tích lý luận, các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng ADPL trong điều tra một nhóm tội phạm thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia; từ đó đề xuất quan điểm, giải pháp bảo đảm ADPL. Công trình có giá trị tham khảo về cách đánh giá thực trạng theo các giai đoạn ADPL, năng lực chủ thể và điều kiện bảo đảm. Tuy nhiên, chủ thể được nghiên cứu là Cơ quan An ninh điều tra và đối tượng là hoạt động điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, không phải ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Vì vậy, luận án chỉ kế thừa phương pháp tiếp cận thực trạng, không đồng nhất phạm vi, chức năng và thẩm quyền của hai hệ thống cơ quan điều tra.

Luận án tiến sĩ luật học “*Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện ở vùng Tây Bắc, Việt Nam*” của Đỗ Văn Chiến (2025) [17] đã nghiên cứu khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các giai đoạn ADPL; phân tích các yếu tố ảnh hưởng, kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong điều tra VAHS có bị can là người dưới 18 tuổi. Công trình gợi mở cách đánh giá thực trạng ADPL từ mối quan hệ giữa quy phạm pháp luật, chủ thể thực hiện và điều kiện tổ chức thi hành. Tuy nhiên, phạm vi tổ chức CQCSĐT cấp huyện và nhóm bị can được khảo sát khác với phạm vi của đề tài; hơn nữa, mô hình tổ chức CQCSĐT đã có sự thay đổi. Do đó, luận án kế thừa có chọn lọc phương pháp đánh giá, đồng thời cập nhật đặc thù tổ chức và nội dung ADPL về MTNHS.

Luận án tiến sĩ luật học “*Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*” của Đặng Bá Vinh (2026) [73] đã nghiên cứu có hệ thống ADPL trong điều tra một nhóm tội phạm cụ thể; phân tích các yếu tố ảnh hưởng, thực trạng và giải pháp bảo đảm ADPL. Công trình có giá trị tham khảo về cách xác định CQCSĐT là chủ thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều tra, phân chia quá trình ADPL thành các giai đoạn và gắn đánh giá thực trạng với điều kiện bảo đảm. Tuy nhiên, công trình không nghiên cứu chế định MTNHS và quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Luận án tiếp tục phát triển cách tiếp cận đó trong một quan hệ pháp luật có hậu quả trực tiếp là chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với bị can.

Luận án tiến sĩ luật học “*Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*” của Lê Huy Hoàng (2025) [24] đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung, các giai đoạn và điều kiện bảo đảm ADPL; đồng thời đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp trong điều tra các vụ án ma túy. Công trình cung cấp kinh nghiệm về cách kết nối các yếu tố ảnh hưởng với kết quả, hạn chế và giải pháp bảo đảm ADPL. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu ADPL trong toàn bộ quá trình điều tra một nhóm tội phạm, không nghiên cứu việc CQCSĐT áp dụng căn cứ MTNHS để đình chỉ điều tra đối với bị can. Vì vậy, các kết quả chỉ được kế thừa ở phương diện phương pháp và khung phân tích ADPL.

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Bài viết “*Áp dụng không thống nhất về miễn trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015*” của Hoàng Đình Duyên (2019) [19] phân

tích một số vụ án có quan điểm khác nhau về việc đáp ứng điều kiện MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS. Qua các tình huống thực tiễn, tác giả chỉ ra sự thiếu thống nhất trong nhận thức và vận dụng quy định, đồng thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn áp dụng. Bài viết cung cấp căn cứ thực tiễn để luận án nhận diện nguy cơ áp dụng không thống nhất đối với những điều kiện có tính định tính. Tuy nhiên, công trình chỉ tập trung vào khoản 3 Điều 29 BLHS, chưa nghiên cứu toàn bộ quá trình CQCSĐT đánh giá chứng cứ, xác định căn cứ pháp lý, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS.

Bài viết *“Bàn về chế định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật”* của Hoàng Nga và Hồng Nhân (2019) [36] phân tích điều kiện áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS và mối quan hệ giữa MTNHS với các quy định về khởi tố, đình chỉ điều tra tại Điều 157 và Điều 230 BLTTHS. Các tác giả cho rằng MTNHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS; do đó, cơ quan có thẩm quyền vẫn phải khởi tố vụ án, khởi tố bị can trước khi xem xét áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS để đình chỉ điều tra. Bài viết đồng thời đề cập hậu quả pháp lý của MTNHS và kiến nghị xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đã được MTNHS. Công trình có giá trị tham khảo trong việc phân biệt MTNHS với không khởi tố VAHS và nhận diện một số vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS.

Bài viết *“Bàn về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015”* của Lê Đình Nghĩa (2022) [37] so sánh quy định về MTNHS trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015; chỉ ra những cách hiểu khác nhau đối với một số căn cứ tại Điều 29 và tâm lý e ngại trách nhiệm hoặc áp dụng thiếu thống nhất trong thực tiễn. Tác giả đề xuất ban hành văn bản hướng dẫn nhằm thống nhất nhận thức và cách áp dụng. Bài viết có giá trị đối với việc xác định các dạng vướng mắc pháp lý nhưng chưa khảo sát riêng hoạt động của CQCSĐT, chưa phân tích sai sót theo từng giai đoạn ADPL và chưa làm rõ cơ chế kiểm sát đối với quyết định đình chỉ điều tra.

Bài viết *“Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia”* của Nguyễn Tiến Phương [38] xác định ADPL của Cơ quan An ninh điều tra là hoạt động mang tính tổ chức và quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua lựa chọn quy phạm, ban hành văn bản cá biệt và tổ chức thực

hiện theo trình tự TTHS. Công trình nhấn mạnh yêu cầu về năng lực chuyên môn, đánh giá tình tiết và trách nhiệm của chủ thể ADPL. Mặc dù không nghiên cứu MTNHS và không có cùng chủ thể với đề tài, bài viết gợi mở các tiêu chí đánh giá thực trạng về thẩm quyền, trình tự, chất lượng quyết định và năng lực của người tiến hành tố tụng.

Bài viết “*Đình chỉ vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*” của Mai Bộ và Vũ Cao Nguyên (2024) [11] phân biệt đình chỉ VAHS với không khởi tố VAHS; phân tích căn cứ và thẩm quyền đình chỉ trong các giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử. Đối với giai đoạn điều tra, các tác giả làm rõ mối quan hệ giữa Điều 230 BLTTHS với các căn cứ quy định tại Điều 16, Điều 29 và khoản 2 Điều 91 BLHS; đồng thời cho rằng, đối với trường hợp pháp luật quy định “có thể được MTNHS”, Cơ quan điều tra phải xem xét, quyết định việc áp dụng căn cứ MTNHS trước khi đình chỉ điều tra. Công trình có giá trị tham khảo trực tiếp trong việc phân biệt căn cứ MTNHS theo pháp luật hình sự với căn cứ, thẩm quyền và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS. Cụm từ “quyết định việc miễn trách nhiệm hình sự” trong bài viết cần được hiểu là kết quả xem xét, lựa chọn áp dụng căn cứ MTNHS, không đồng nghĩa với việc pháp luật hiện hành quy định một quyết định tố tụng độc lập về MTNHS của Cơ quan điều tra.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về thực trạng đã phản ánh một số biểu hiện áp dụng chưa thống nhất, nhất là trong nhận thức và vận dụng Điều 29 BLHS; đồng thời cung cấp phương pháp đánh giá ADPL theo chủ thể, giai đoạn và điều kiện bảo đảm. Tuy nhiên, chưa có công trình khảo sát có hệ thống thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên phạm vi toàn quốc và phân tích đồng thời các giai đoạn từ xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành đến tổ chức thực hiện quyết định. Trên cơ sở kế thừa các kết quả đã có, luận án sử dụng số liệu thống kê chính thức dưới dạng được chuyển hóa phù hợp với yêu cầu công khai, kết hợp với các trường hợp nghiên cứu điển hình định tính để đánh giá cả nguy cơ áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và nguy cơ chưa nhận diện, chưa áp dụng kịp thời đối với trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định. Số liệu phân theo các chương của BLHS chỉ được sử dụng để phản ánh cơ cấu tội phạm của những bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS, không được coi là cơ cấu căn cứ pháp lý để MTNHS.

1.1.1.3. Các công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

- Các công trình nghiên cứu là sách, sách tham khảo:

Trong lần tái bản thứ hai có sửa đổi, bổ sung của sách *“Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự”* (2022) [71]; tác giả Trịnh Tiến Việt tiếp tục phân tích các trường hợp MTNHS trong BLHS năm 2015, điều kiện áp dụng, những thuật ngữ còn có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tác giả đồng thời đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm khắc phục tính định tính và sự thiếu thống nhất trong áp dụng. Luận án kế thừa các luận điểm phù hợp về yêu cầu cụ thể hóa căn cứ, điều kiện MTNHS; đồng thời tiếp tục phát triển giải pháp theo đặc thù ADPL của CQCSĐT, trong đó phải xác định rõ thẩm quyền, hình thức quyết định, cơ chế kiểm sát và trách nhiệm tổ chức thực hiện trong giai đoạn điều tra.

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Bài viết *“Miễn trách nhiệm hình sự - Bất cập và kiến nghị, đề xuất”* của Bùi Viết Vinh (2022) [72] phân tích một số vướng mắc về hậu quả pháp lý của MTNHS, điều kiện tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội theo Điều 16 BLHS, việc vận dụng Điều 29 BLHS và trình tự, thủ tục, thẩm quyền MTNHS của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trên cơ sở các tình huống thực tiễn, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan, trong đó có Điều 29 BLHS. Công trình cung cấp luận cứ tham khảo cho giải pháp hoàn thiện pháp luật nhưng chưa xây dựng hệ thống giải pháp riêng đối với CQCSĐT và chưa phân định đầy đủ giữa căn cứ MTNHS theo pháp luật hình sự với căn cứ, thẩm quyền và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS.

Bài viết *“Nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* của Vũ Công Giao [21] phân tích mối quan hệ giữa quyền con người và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nhấn mạnh yêu cầu thượng tôn pháp luật, bình đẳng trước pháp luật và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người. Các luận điểm của công trình có ý nghĩa đối với việc xây dựng quan điểm và giải pháp kiểm soát hoạt động ADPL của CQCSĐT. Tuy nhiên, bài viết không nghiên cứu chuyên biệt quyền con người trong quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Luận án tiếp tục cụ thể hóa cách tiếp cận này bằng các yêu cầu về tính hợp pháp, khách quan, bình đẳng, trách nhiệm giải trình, bảo vệ quyền của bị can, bị hại và người có quyền, lợi ích liên quan.

Bài viết “*Improving provisions on criminal liability and penalty exemption*” (dịch: “*Hoàn thiện các quy định về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt*”) của Trịnh Tiến Việt [103] nghiên cứu MTNHS và miễn hình phạt trên cơ sở phân hóa TNHS, phân loại tội phạm, đặc điểm của người phạm tội và yêu cầu bảo vệ quyền con người. Tác giả cho rằng, trong trường hợp việc tiếp tục truy cứu TNHS không còn cần thiết mà vẫn đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm và giáo dục người phạm tội thì pháp luật có thể cho phép MTNHS trên cơ sở những căn cứ, điều kiện chặt chẽ. Công trình có giá trị tham khảo về định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự theo chính sách nhân đạo và phân hóa TNHS. Luận án kế thừa có chọn lọc định hướng này, đồng thời nhấn mạnh việc ADPL không nhằm làm tăng hoặc giảm cơ học số trường hợp được MTNHS mà phải bảo đảm nhận diện đúng, xử lý kịp thời trường hợp đủ điều kiện và ngăn ngừa việc áp dụng thiếu căn cứ.

Qua tổng quan các công trình về quan điểm và giải pháp có thể thấy, nhiều kiến nghị đã tập trung vào việc sửa đổi Điều 29 BLHS năm 2015, giải thích các điều kiện còn mang tính định tính, hoàn thiện trình tự, thủ tục và thống nhất nhận thức trong áp dụng. Một số công trình khác gợi mở yêu cầu bảo vệ quyền con người, kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm của chủ thể ADPL. Tuy nhiên, các giải pháp chủ yếu được xây dựng dưới góc độ hoàn thiện chế định MTNHS hoặc ADPL hình sự nói chung; chưa hình thành hệ thống giải pháp đối ứng trực tiếp với từng hạn chế, nguyên nhân trong hoạt động của CQCSĐT. Luận án tiếp tục phát triển theo hướng hoàn thiện đồng bộ pháp luật hình sự và pháp luật TTHS; chuẩn hóa quy trình, hình thức quyết định, thống kê và dữ liệu; phân định trách nhiệm của các chủ thể; hoàn thiện cơ chế phối hợp và kiểm sát; gắn mỗi giải pháp với hạn chế, nguyên nhân và điều kiện thực hiện cụ thể. Những kiến nghị liên quan đến pháp nhân thương mại và dự thảo pháp luật năm 2026 chỉ được đề cập ở mức cần thiết nhằm bảo đảm tính hệ thống và nhận diện xu hướng lập pháp, không được sử dụng để mở rộng đối tượng hoặc đánh giá thực trạng ADPL đối với bị can trong phạm vi nghiên cứu của luận án.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về cơ sở lý luận của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài tiếp cận MTNHS hoặc những cơ chế có tính chất tương đồng từ nhiều truyền thống pháp luật và mô hình TTHS khác nhau. Do

nội hàm, căn cứ, thẩm quyền và hậu quả pháp lý của các cơ chế này không hoàn toàn đồng nhất với chế định MTNHS trong pháp luật Việt Nam, luận án không sử dụng thuật ngữ MTNHS để đồng nhất hóa các chế định của nước ngoài, mà chỉ kế thừa có chọn lọc những luận điểm có giá trị tham khảo về bản chất pháp lý, điều kiện áp dụng, giới hạn thẩm quyền và cơ chế kiểm soát việc chấm dứt truy cứu TNHS.

- Các công trình nghiên cứu là sách, tài liệu tham khảo, chuyên khảo:

Trong cuốn sách *“Answering for Crime: Responsibility and Liability in the Criminal Law”* (tạm dịch: *Chịu trách nhiệm về tội phạm: Trách nhiệm và sự chịu trách nhiệm pháp lý trong luật hình sự*) của Antony Duff [81] tác giả nghiên cứu những vấn đề nền tảng về trách nhiệm hình sự và cấu trúc của luật hình sự, trong đó phân biệt trách nhiệm theo nghĩa một chủ thể phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình với trách nhiệm pháp lý phải chịu do hành vi phạm tội. Công trình phân tích việc một cá nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trước Nhà nước về hành vi bị coi là tội phạm, các điều kiện bảo đảm tính chính đáng của quá trình truy cứu TNHS, cũng như mối quan hệ giữa tội phạm và các căn cứ bào chữa. Giá trị của công trình đối với luận án nằm ở cách tiếp cận TNHS trên cơ sở tính chính đáng của quyền lực nhà nước và yêu cầu giải trình khi quyết định truy cứu TNHS đối với cá nhân. Đây không phải là công trình nghiên cứu trực tiếp về MTNHS; luận án chỉ kế thừa ở phương diện lý luận về trách nhiệm hình sự, giới hạn thực hiện quyền lực hình sự của Nhà nước và yêu cầu bảo đảm tính chính đáng của việc tiếp tục truy cứu TNHS, qua đó hỗ trợ cho việc nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can.

Cuốn sách *“Immigration and Criminal Law in the European Union: The Legal Measures and Social consequences of Criminal Law in member states on Trafficking and Smuggling in Human beings”* (dịch: *Luật Di trú và Luật Hình sự trong Liên minh Châu Âu: Các biện pháp pháp lý và hệ quả xã hội của pháp luật hình sự tại các quốc gia thành viên đối với hành vi chuyên chở và buôn bán người trái phép*) do Elspeth Guild và Paul E. Minderhoud biên tập [89] nghiên cứu các biện pháp pháp lý được áp dụng đối với hành vi mua bán người, đưa người di cư trái phép tại một số quốc gia thành viên Liên minh châu Âu. Công trình làm rõ mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia, pháp luật khu vực và yêu cầu bảo vệ quyền con người trong việc xác định TNHS, miễn trừ hoặc không truy cứu TNHS đối với một số chủ thể có liên quan. Luận án tham khảo công trình ở phương diện phân định trách nhiệm, bảo vệ chủ thể dễ bị tổn

thương và kiểm soát việc sử dụng quyền lực hình sự. Do đối tượng của công trình gắn với di trú và mua bán người trong Liên minh châu Âu, các kết quả nghiên cứu không được sử dụng để suy rộng thành căn cứ MTNHS hoặc mô hình ADPL của CQCSĐT ở Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu là luận án:

Luận án “*Освобождение от уголовной ответственности*” (dịch: *Miễn trách nhiệm hình sự*) của Novikov Vitaly Alexandrovich (Новиков Виталий Александрович) [98] nghiên cứu lịch sử hình thành, khái niệm, đặc điểm và các dạng MTNHS theo BLHS Liên bang Nga năm 1996. Công trình phân tích MTNHS trong trường hợp người phạm tội tự thú, hòa giải với bị hại, thay đổi hoàn cảnh và hết thời hiệu truy cứu TNHS; đồng thời phân biệt MTNHS với tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Luận án kế thừa có chọn lọc cách xác định bản chất và phân loại các căn cứ MTNHS, nhất là sự phân biệt giữa căn cứ gắn với sự thay đổi khách quan và căn cứ gắn với hành vi, thái độ của người phạm tội. Tuy nhiên, việc vận dụng các kết quả này phải đặt trong sự khác biệt giữa pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và mô hình cơ quan có thẩm quyền của Liên bang Nga với Việt Nam.

Luận án “*Институт освобождения от уголовной ответственности: теоретические, законодательные и правоприменительные проблемы*” (dịch: *Chế định miễn trách nhiệm hình sự: các vấn đề lý luận, lập pháp và áp dụng pháp luật*) của Endoltseva Alla Vasilievna (Ендольцева Алла Васильевна) [90] nghiên cứu sự phát triển của chế định MTNHS trong pháp luật Nga, pháp luật của một số quốc gia thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập và một số hệ thống pháp luật khác. Tác giả làm rõ khái niệm, bản chất, vị trí và cách phân loại MTNHS; phân tích những trường hợp được quy định trong Chương 11 và một số quy định khác của BLHS Liên bang Nga; đồng thời chỉ ra các vấn đề lập pháp và ADPL. Công trình cung cấp luận cứ để nghiên cứu mối quan hệ giữa quy phạm chung về MTNHS với những quy định có tính đặc thù. Luận án kế thừa kết quả này ở mức độ nhận diện cấu trúc pháp luật và khó khăn trong lựa chọn quy phạm, không coi các quy định gắn với từng tội phạm cụ thể trong pháp luật nước ngoài là một nhóm căn cứ đình chỉ điều tra đương nhiên có thể xem xét chuyển hóa vào pháp luật Việt Nam.

Luận án “*Деятельное раскаяние как институт освобождения от уголовной ответственности: ст. 75 УК РФ*” (dịch: *Tự thú - Một trường hợp của miễn trách*

nhiệm hình sự theo Điều 75 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga) của Chernova Maya Borisovna (Чернова Майя Борисовна) [87] nghiên cứu lịch sử, bản chất, cấu trúc và thực tiễn áp dụng chế định ăn năn tích cực theo Điều 75 BLHS Liên bang Nga. Công trình chú trọng phân biệt trường hợp bắt buộc và tùy nghi MTNHS, điều kiện thể hiện sự tự nguyện, tích cực của người phạm tội và mối quan hệ giữa căn cứ MTNHS với việc chấm dứt tổ tụng hình sự. Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo đối với việc xây dựng tiêu chí đánh giá hành vi tự giác, hợp tác và khắc phục hậu quả của người phạm tội. Tuy nhiên, luận án không đồng nhất khái niệm ăn năn tích cực trong pháp luật Nga với tự thú hoặc bất kỳ căn cứ MTNHS cụ thể nào trong pháp luật Việt Nam, mà chỉ sử dụng để đối chiếu về phương pháp quy định điều kiện và kiểm soát quyền quyết định của chủ thể có thẩm quyền.

Luận án *“Release of criminal responsibility in the context of the laws of the Republic of Moldova”* (dịch: *Chế định miễn trách nhiệm hình sự trong khuôn khổ pháp luật của Cộng hòa Moldova*) của Glavan Boris [91] xây dựng khái niệm, cơ sở pháp lý và hệ thống các trường hợp chấm dứt TNHS theo pháp luật Cộng hòa Moldova; đồng thời đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật. Công trình có giá trị tham khảo về cách xác định căn cứ, điều kiện và giới hạn áp dụng chế định, cũng như mối quan hệ giữa nghiên cứu lý luận với kiến nghị lập pháp. Tuy nhiên, những tiêu chí được hình thành trong bối cảnh pháp luật Moldova chỉ được luận án sử dụng để đối chiếu, không được chuyển trực tiếp thành tiêu chí đánh giá tính hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra do CQCSĐT Việt Nam ban hành.

Công trình *“A zone of legal exemption” for sports violence? Form and substance in the criminal law* (tạm dịch: *Một “khu vực miễn trừ pháp lý” đối với bạo lực thể thao? Hình thức và nội dung trong luật hình sự*) của Livings Ben [97] xem xét giới hạn của TNHS đối với hành vi gây thương tích phát sinh trong những môn thể thao có tính đối kháng như quyền anh, bóng bầu dục và bóng đá. Tác giả phân tích sự chấp nhận rủi ro, tính hợp pháp của hành vi trong bối cảnh hoạt động thể thao và giới hạn can thiệp của pháp luật hình sự. Công trình không nghiên cứu trực tiếp MTNHS, nhưng có giá trị tham khảo trong việc phân biệt trường hợp hành vi không làm phát sinh TNHS hoặc thuộc căn cứ loại trừ TNHS với trường hợp hành vi đã cấu thành tội phạm nhưng người thực hiện được MTNHS. Sự phân biệt này giúp luận án tránh đồng nhất MTNHS với các căn cứ loại trừ tính chất phạm tội của hành vi.

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Bài viết “*Special basis for exemption from criminal liability (punishment) for committing economic crimes in the criminal legislation of countries with a continental legal system*” (dịch: *Cơ sở đặc biệt để miễn trách nhiệm hình sự (hình phạt) đối với hành vi phạm tội về kinh tế trong pháp luật hình sự của các quốc gia theo hệ thống pháp luật lục địa*) của A.G. Antonov [78] đã khảo cứu quy định của nhiều BLHS thuộc các quốc gia khác nhau về những căn cứ đặc thù để MTNHS hoặc miễn hình phạt đối với tội phạm kinh tế. Tác giả chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt trong điều kiện áp dụng và từ đó đề xuất tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để hoàn thiện pháp luật quốc gia. Công trình cung cấp nguồn đối chiếu tương đối rộng, nhưng đồng thời cho thấy thuật ngữ, bản chất và hậu quả của MTNHS với miễn hình phạt không phải lúc nào cũng được phân định giống nhau giữa các quốc gia. Vì vậy, luận án chỉ kế thừa phương pháp so sánh và một số kinh nghiệm về thiết kế điều kiện áp dụng, không gộp MTNHS với miễn hình phạt và không sử dụng pháp luật nước ngoài để thay thế chuẩn mực của pháp luật Việt Nam.

Bài viết “*Grounds for the exemption from criminal responsibility under the Criminal Code of the Russian Federation*” (dịch: *Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*) của Larisa Monakhova, Mikhail Smirnov, Polina Sarygina và Olga Timofeeva [94] đã phân tích khái niệm, bản chất, cách phân loại và các căn cứ MTNHS theo BLHS Liên bang Nga; đồng thời xem xét mối quan hệ giữa pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và văn bản hướng dẫn áp dụng. Công trình có giá trị đối với luận án ở phương diện phân loại căn cứ MTNHS và nhận diện yêu cầu thống nhất giữa quy phạm nội dung với cơ chế tổ tụng. Tuy nhiên, các căn cứ và hình thức tổ tụng trong pháp luật Liên bang Nga chỉ được sử dụng để tham khảo khi phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và tổ chức của Việt Nam.

Bài viết “*Some Issues of Exemption from Criminal Liability on the Existing Criminal Code of the Republic of Kazakhstan*” (dịch: *Một số vấn đề về miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự hiện hành của Cộng hòa Kazakhstan*) của Gulmira T. Onayeva, Aytugan Zh. Abdizhami, Akylbek T. Kabzhanov và Lazzat M. Zhunusova [92] nghiên cứu khái niệm, mục đích, căn cứ và điều kiện MTNHS trong pháp luật Cộng hòa Kazakhstan. Công trình nhấn mạnh yêu cầu xác định giới hạn quyền quyết định của cơ quan thực thi pháp luật nhằm tránh áp dụng tùy tiện, đồng thời bảo đảm

mục tiêu phòng, chống tội phạm. Luận án kế thừa quan điểm về việc gắn trao thẩm quyền với giới hạn pháp lý và cơ chế kiểm soát; qua đó bổ sung luận cứ cho cách tiếp cận ADPL về MTNHS như một hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước phải bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý và trách nhiệm giải trình.

Nhìn chung, các công trình thuộc nhóm cơ sở lý luận đã làm rõ nhiều vấn đề về TNHS, MTNHS, miễn hình phạt, loại trừ TNHS, căn cứ, điều kiện và giới hạn áp dụng. Luận án kế thừa các kết quả về sự cần thiết phải phân định bản chất của từng chế định; phân loại căn cứ theo yếu tố khách quan và yếu tố gắn với hành vi, thái độ của người phạm tội; đồng thời kiểm soát quyền quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, do sự khác biệt về thuật ngữ, truyền thống pháp luật và mô hình tổ tụng, các kết quả này không thể được tiếp nhận theo hướng đồng nhất hoặc sao chép. Vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu là cụ thể hóa lý luận ADPL vào hoạt động của CQCSĐT Việt Nam, làm rõ sự thống nhất giữa căn cứ MTNHS theo pháp luật hình sự với căn cứ, thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự

- Các công trình nghiên cứu là sách, tài liệu tham khảo, chuyên khảo:

Trong công trình “*An Analysis of the Limited Criminal Liability Exemption in the Context of Organized Crime Investigations in Canada*” (dịch: *Phân tích về miễn trách nhiệm hình sự mang tính hạn chế trong bối cảnh điều tra tội phạm có tổ chức tại Canada*) của Daryl Ray Churney (2006) [88] tác giả phân tích giới hạn của cơ chế miễn trừ TNHS trong hoạt động điều tra tội phạm có tổ chức tại Canada. Công trình xem xét mối quan hệ giữa quyền hạn của Cảnh sát, yêu cầu phòng, chống tội phạm, chính sách công và sự kiểm soát của Tòa án thông qua các phán quyết có liên quan. Tác giả chỉ ra rằng việc trao miễn trừ nhằm hỗ trợ điều tra phải được giới hạn bằng điều kiện pháp lý và cơ chế kiểm soát để ngăn ngừa lạm quyền. Công trình có giá trị tham khảo trực tiếp về mối quan hệ giữa hiệu quả điều tra và kiểm soát quyền lực, nhưng cơ chế miễn trừ hạn chế trong điều tra tội phạm có tổ chức ở Canada không đồng nhất với MTNHS đối với bị can của CQCSĐT theo pháp luật Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu là luận án:

Luận án “*Research on the Application of Judicial Exemption from Punishment*” (dịch: *Nghiên cứu áp dụng tư pháp miễn hình phạt*) của Trương Hữu Thành [50]; tác

giả đã nghiên cứu khái niệm, bản chất, điều kiện và thực trạng áp dụng miễn hình phạt trong pháp luật hình sự Trung Quốc; đồng thời phân biệt miễn hình phạt với các trường hợp loại trừ TNHS khác. Trên cơ sở số liệu thực tiễn, tác giả nhận diện tỷ lệ áp dụng thấp, thiếu sự thống nhất giữa các địa phương và những hạn chế của cơ chế giám sát, từ đó đề xuất một số giải pháp. Công trình có giá trị tham khảo về phương pháp sử dụng số liệu để nhận diện xu hướng và sự khác biệt trong ADPL. Tuy nhiên, đối tượng nghiên cứu là miễn hình phạt do Tòa án áp dụng, không phải MTNHS trong giai đoạn điều tra; do đó, luận án chỉ kế thừa phương pháp đánh giá thực trạng và sự phân biệt giữa hai chế định, không sử dụng kết quả của công trình để đánh giá trực tiếp hoạt động của CQCSĐT Việt Nam.

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Bài viết *“Exemption of criminal liability in connection with the expiration of the period”* (dịch: *Miễn trách nhiệm hình sự liên quan đến việc hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự*) của Akramova Muazzam [79] xem xét việc chấm dứt TNHS do hết thời hiệu theo pháp luật Cộng hòa Uzbekistan. Tác giả phân tích ý nghĩa của thời hiệu, ảnh hưởng của việc người phạm tội trốn tránh và vai trò của Tòa án, cơ quan thực thi pháp luật trong xác định điều kiện áp dụng. Công trình cung cấp giá trị tham khảo về cách đánh giá thời gian, hành vi của người phạm tội và yêu cầu xác định đầy đủ điều kiện luật định. Tuy nhiên, hết thời hiệu truy cứu TNHS có bản chất và cơ chế áp dụng riêng; vì vậy, luận án không đồng nhất căn cứ này với những trường hợp MTNHS thuộc phạm vi nghiên cứu mà chỉ tham khảo phương pháp kiểm tra điều kiện và giới hạn thẩm quyền.

Các công trình thuộc nhóm thực trạng cho thấy việc không tiếp tục truy cứu TNHS, áp dụng miễn trừ hoặc miễn hình phạt trong các hệ thống pháp luật khác nhau đều có thể phát sinh những vấn đề về nhận thức, giới hạn thẩm quyền, sự thống nhất giữa các địa phương và hiệu quả kiểm soát. Luận án kế thừa phương pháp kết hợp quy định pháp luật, số liệu và trường hợp thực tiễn để nhận diện dạng vấn đề. Tuy nhiên, các số liệu nước ngoài không được sử dụng để so sánh trực tiếp với số vụ án, bị can được CQCSĐT Việt Nam đình chỉ điều tra do MTNHS, bởi phạm vi thống kê, chủ thể quyết định và hậu quả pháp lý không đồng nhất. Khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu là thực trạng ADPL của CQCSĐT Việt Nam theo từng giai đoạn, trên cơ sở dữ liệu trong nước và chuẩn mực của pháp luật Việt Nam.

1.1.2.3. Các công trình nghiên cứu về quan điểm, giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự

- Các công trình nghiên cứu là bài viết:

Bài viết “*Application of the Rules on the Exemption from Criminal Liability with the Imposition of a Court Fine: Problems, Features and Experience*” (dịch: *Áp dụng các quy định về MTNHS kèm theo việc áp dụng hình phạt tiền của Tòa án: Những vấn đề, đặc điểm và kinh nghiệm thực tiễn*) của Alexander Vladimirovich Rostokinsky, Rita Surenovna Danelyan, Sergei Vladimirovich Danelyan, Konstantin Andreevich Tolpekin và Elena Nikolaevna Savinkova [80] nghiên cứu cơ chế MTNHS kèm theo việc áp dụng khoản tiền do Tòa án quyết định trong pháp luật Liên bang Nga. Các tác giả phân tích cơ sở pháp lý, trình tự tố tụng, thực tiễn áp dụng và những quan điểm khác nhau về bản chất của cơ chế này; từ đó đề xuất hoàn thiện các quy định có liên quan. Công trình có giá trị tham khảo về yêu cầu quy định rõ điều kiện, hậu quả pháp lý và mối quan hệ giữa quy phạm hình sự với thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, cơ chế này gắn với thẩm quyền của Tòa án và đặc điểm riêng của pháp luật Liên bang Nga, không được luận án đề xuất áp dụng trực tiếp trong giai đoạn điều tra ở Việt Nam.

Bài viết “*Institution for the Exemption from Criminal Liability: Current Issues of Law Enforcement*” (dịch: *Chế định miễn trách nhiệm hình sự: Những vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác thi hành pháp luật hiện nay*) của Leonid Evgenievich Shchetnev và Maya Aleksandrovna Klyuchnikova [95] phân tích những vấn đề phát sinh trong quá trình áp dụng các quy định về MTNHS của pháp luật Liên bang Nga. Trên cơ sở đối chiếu quy phạm của luật hình sự và luật TTHS, các tác giả nghiên cứu một số tình huống thực tiễn, nhận diện những điểm chưa thống nhất và đề xuất hoàn thiện pháp luật. Công trình gợi mở cho luận án yêu cầu bảo đảm sự tương thích giữa căn cứ MTNHS với thẩm quyền, trình tự và hình thức chấm dứt tố tụng; đồng thời cho thấy cần kiểm soát việc giải thích và lựa chọn quy phạm của chủ thể có thẩm quyền. Luận án kế thừa cách tiếp cận này nhưng xây dựng giải pháp trên cơ sở pháp luật, tổ chức CQCSĐT và cơ chế kiểm sát của VKSND Việt Nam.

Những công trình thuộc nhóm quan điểm, giải pháp chủ yếu đề xuất cụ thể hóa căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý; bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật hình sự với pháp luật TTHS; giới hạn quyền quyết định và hoàn thiện cơ chế kiểm soát. Đây là những giá trị có thể tham khảo khi xây dựng giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối

với bị can của CQCSĐT. Tuy nhiên, các kiến nghị của nước ngoài được hình thành từ những mô hình tổ tụng và cách phân định thẩm quyền khác nhau, nên chỉ có thể được tiếp nhận sau khi đối chiếu với nguyên tắc, điều kiện chính trị, pháp lý và tổ chức của Việt Nam.

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu ở nước ngoài cho thấy, MTNHS và những cơ chế có tính chất tương đồng đã được nghiên cứu từ phương diện lý luận, lập pháp, thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện. Các công trình đã góp phần làm rõ bản chất của TNHS và MTNHS; sự phân biệt MTNHS với miễn hình phạt, loại trừ TNHS và các căn cứ bào chữa; yêu cầu quy định chặt chẽ căn cứ, điều kiện, hậu quả pháp lý và kiểm soát quyền của chủ thể áp dụng. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp, toàn diện ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong điều kiện pháp luật và tổ chức TTHS ở Việt Nam.

Luận án kế thừa các công trình nước ngoài ở ba phương diện: bổ sung cơ sở lý luận về giới hạn quyền lực nhà nước khi quyết định chấm dứt việc truy cứu TNHS; tham khảo cách nhận diện những khó khăn trong lựa chọn, giải thích và thực hiện quy phạm; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về hướng dẫn áp dụng, chuẩn hóa thủ tục và kiểm soát quyết định. Việc khảo cứu rộng các công trình của Anh, Canada, Trung Quốc, Moldova, Uzbekistan và một số quốc gia khác có ý nghĩa sàng lọc, đối chiếu; phân nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài của luận án tập trung vào Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan đồng thời khảo cứu Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Roma do có mức độ tương đồng nhất định về kỹ thuật lập pháp đối với MTNHS và khả năng cung cấp giá trị tham khảo cho Việt Nam. Mọi kinh nghiệm được tiếp nhận trên nguyên tắc không đồng nhất thuật ngữ, không sao chép mô hình và không sử dụng pháp luật nước ngoài thay thế căn cứ đánh giá tính hợp pháp của quyết định do CQCSĐT Việt Nam ban hành.

1.2. ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có thể thấy, MTNHS và ADPL trong lĩnh vực hình sự đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Các kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở để luận án kế thừa khi xây dựng khung lý luận, xác định chuẩn mực đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm ADPL về

MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Tuy nhiên, do sự khác nhau về đối tượng, phạm vi, phương pháp tiếp cận và mô hình TTHS, những công trình đã công bố chưa giải quyết trực tiếp, toàn diện các vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án.

Thứ nhất, về phương diện lý luận

Các công trình nghiên cứu đã làm rõ nhiều vấn đề về khái niệm, bản chất, đặc điểm, căn cứ, điều kiện, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của MTNHS; làm rõ mối quan hệ giữa MTNHS với TNHS và phân biệt MTNHS với miễn hình phạt, loại trừ TNHS và một số chế định có liên quan. Một số công trình nghiên cứu lý luận chung về ADPL hoặc ADPL trong hoạt động TTHS đã xác định tính quyền lực nhà nước, tính cá biệt, các giai đoạn ADPL, yêu cầu về thẩm quyền và kiểm soát việc ban hành quyết định pháp luật. Đây là những kết quả có giá trị để luận án kế thừa và cụ thể hóa vào lĩnh vực nghiên cứu.

Tuy nhiên, các công trình về MTNHS chủ yếu tiếp cận chế định này dưới góc độ luật hình sự hoặc nghiên cứu việc đình chỉ điều tra dưới góc độ luật TTHS; trong khi các công trình về ADPL thường nghiên cứu ở phạm vi chung hoặc đối với những hoạt động, chủ thể và nhóm vụ án khác. Qua phạm vi tài liệu được khảo cứu, chưa có công trình xây dựng một cách hệ thống lý luận về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT với tư cách là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra. Mối quan hệ giữa căn cứ, điều kiện MTNHS theo pháp luật hình sự với thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS; trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền; cơ chế kiểm sát và yêu cầu bảo vệ quyền con người chưa được luận giải đầy đủ trong một chỉnh thể thống nhất.

Các công trình nước ngoài cung cấp những giá trị tham khảo về căn cứ, điều kiện, giới hạn thẩm quyền và cơ chế kiểm soát việc chấm dứt truy cứu TNHS. Tuy nhiên, do khác biệt về thuật ngữ, truyền thống pháp luật và mô hình tổ tụng, những cơ chế này không hoàn toàn đồng nhất với MTNHS theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy, kinh nghiệm nước ngoài chỉ có thể được tiếp thu có chọn lọc, không được sử dụng để thay thế chuẩn mực pháp luật Việt Nam hoặc mở rộng phạm vi áp dụng của CQCSĐT ngoài quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn

Một số công trình đã khảo sát thực tiễn MTNHS, đình chỉ điều tra do MTNHS hoặc ADPL trong những lĩnh vực TTHS cụ thể; qua đó nhận diện những cách hiểu

khác nhau về căn cứ, điều kiện áp dụng, hậu quả pháp lý và thẩm quyền ban hành quyết định. Các kết quả này góp phần chỉ ra nguy cơ áp dụng không thống nhất đối với những quy định có tính định tính và gợi mở phương pháp đánh giá thực trạng theo chủ thể, giai đoạn và điều kiện bảo đảm ADPL.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới khảo sát một căn cứ MTNHS, một nhóm vụ việc, một địa phương hoặc một hoạt động tố tụng cụ thể. Qua phạm vi tài liệu được tổng quan, chưa có công trình đánh giá có hệ thống thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên phạm vi toàn quốc và theo toàn bộ quá trình từ xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành đến tổ chức thực hiện quyết định tố tụng. Vai trò của CQCSĐT với tư cách là chủ thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều tra, vai trò của người có thẩm quyền trực tiếp tiến hành và quyết định, cũng như cơ chế kiểm sát của VKSND chưa được phân định đầy đủ.

Các nghiên cứu trước đây cũng chưa làm rõ đồng thời hai nguy cơ trong thực tiễn: áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can khi chưa đáp ứng đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định và không nhận diện, xem xét kịp thời đối với trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật. Vì vậy, vẫn cần một nghiên cứu kết hợp số liệu trên phạm vi toàn quốc với các trường hợp điển hình để đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ, tính kịp thời và mức độ thống nhất của ADPL, thay vì chỉ nhận xét dựa trên sự tăng hoặc giảm về số lượng vụ án, bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS.

Thứ ba, về quan điểm và các giải pháp bảo đảm

Các công trình đã đề xuất nhiều kiến nghị về hoàn thiện căn cứ, điều kiện MTNHS; giải thích những thuật ngữ còn mang tính định tính; hoàn thiện pháp luật TTHS và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm quyền con người và kiểm soát quyền lực trong TTHS. Những kết quả này thể hiện xu hướng hoàn thiện pháp luật theo chính sách hình sự nhân đạo, kết hợp yêu cầu bảo vệ quyền con người với đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tuy nhiên, phần lớn giải pháp còn được đặt ra ở phạm vi pháp luật hình sự, pháp luật TTHS hoặc hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung; chưa được xây dựng riêng cho ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Một số kiến nghị chưa chỉ rõ chủ thể thực hiện, phương thức thực hiện và điều kiện bảo đảm; chưa thiết lập quan hệ đối ứng giữa hạn chế, nguyên nhân và giải pháp. Vấn đề chuẩn hóa việc xác

định căn cứ, hình thức quyết định, trách nhiệm giải trình, cơ chế kiểm sát, thống kê, báo cáo và quản lý dữ liệu về đình chỉ điều tra do MTNHS cũng chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Như vậy, các công trình đã công bố tạo nền tảng quan trọng nhưng chưa thay thế được việc nghiên cứu chuyên biệt ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Khoảng trống chủ yếu không nằm ở việc tiếp tục liệt kê các trường hợp MTNHS, mà ở yêu cầu xây dựng khung lý luận về hoạt động ADPL; đánh giá thực trạng theo từng giai đoạn; làm rõ giới hạn thẩm quyền và cơ chế kiểm soát; đồng thời hình thành hệ thống giải pháp phù hợp với pháp luật, tổ chức và hoạt động của CQCSĐT Việt Nam.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở kết quả tổng quan và những giới hạn của các công trình đã công bố, luận án xác định ba nhóm vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tương ứng với cơ sở lý luận, thực trạng và quan điểm, giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

Thứ nhất, về phương diện lý luận

Luận án tiếp tục làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; xác định đây là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, do CQCSĐT thực hiện thông qua người có thẩm quyền và chịu sự kiểm sát của VKSND. Trên cơ sở đó, luận án phân tích nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL và những điều kiện bảo đảm hoạt động này.

Một vấn đề trọng tâm cần giải quyết là mối quan hệ giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS. Pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện MTNHS; pháp luật TTHS quy định thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra. Trong cơ chế pháp luật hiện hành, CQCSĐT không ban hành một quyết định MTNHS độc lập mà áp dụng căn cứ MTNHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can theo thẩm quyền. Vì vậy, MTNHS và đình chỉ điều tra phải được nghiên cứu trong mối quan hệ thống nhất, nhưng không đồng nhất căn cứ của pháp luật nội dung với căn cứ và hình thức xử lý của pháp luật tố tụng.

Luận án đồng thời cần làm rõ sự khác biệt giữa trường hợp pháp luật quy định bị can “đương nhiên được MTNHS” và trường hợp “có thể được MTNHS”, qua đó xác định yêu cầu về căn cứ, điều kiện, chứng cứ và phạm vi xem xét của chủ thể có thẩm

quyền trong từng trường hợp. Việc xây dựng khung lý luận phải gắn với yêu cầu bảo vệ quyền của bị can, bị hại và người có quyền, lợi ích liên quan; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền tố tụng.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn

Luận án tiếp tục khảo sát và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong phạm vi thời gian, không gian đã xác định. Việc đánh giá được triển khai theo bốn giai đoạn: xem xét sự kiện pháp lý và xác định căn cứ thực tế; lựa chọn, phân tích quy phạm pháp luật; ban hành quyết định tố tụng; tổ chức thực hiện quyết định. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện sai sót không chỉ ở quyết định cuối cùng mà còn trong quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và lựa chọn căn cứ pháp luật.

Trên cơ sở số liệu thống kê, tài liệu nghiệp vụ và các trường hợp nghiên cứu điển hình, luận án làm rõ kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế; đánh giá mức độ thống nhất trong việc xác định căn cứ, điều kiện và hình thức đình chỉ điều tra do MTNHS. Số liệu phân theo các chương của BLHS chỉ được sử dụng để phản ánh cơ cấu tội phạm của những bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS, không phải cơ cấu căn cứ pháp lý để MTNHS. Các trường hợp nghiên cứu điển hình được sử dụng để phân tích định tính, không được suy rộng thành cơ cấu chung trên phạm vi toàn quốc.

Việc đánh giá thực trạng không nhằm xác lập yêu cầu tăng hoặc giảm cơ học số trường hợp được MTNHS, mà tập trung xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ, tính kịp thời, mức độ thống nhất và khả năng kiểm soát của hoạt động ADPL. Qua đó, luận án phải làm rõ cả trường hợp áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS nhưng chưa được nhận diện, xem xét kịp thời; đồng thời xác định trách nhiệm của chủ thể ADPL và vai trò kiểm sát của VKSND đối với quyết định đình chỉ điều tra.

Thứ ba, về quan điểm và giải pháp bảo đảm

Luận án tiếp tục xây dựng các quan điểm bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên cơ sở yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, kiểm soát quyền lực nhà nước và thực hiện chính sách hình sự nhân đạo. Các quan điểm phải bảo đảm sự thống nhất giữa tính nghiêm minh và tính nhân đạo của pháp luật; giữa quyền, lợi ích hợp pháp

của bị can với quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, tổ chức, cá nhân và lợi ích của Nhà nước, xã hội.

Hệ thống giải pháp được xây dựng tương ứng với các hạn chế và nguyên nhân đã được chứng minh trong thực tiễn, tập trung vào: hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng; chuẩn hóa việc nhận diện, đánh giá căn cứ, điều kiện MTNHS; quy định rõ trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền; chuẩn hóa việc ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS; tổ chức bồi dưỡng theo chuyên đề; hoàn thiện cơ chế phối hợp và kiểm sát; thống nhất công tác thống kê, báo cáo, tổng kết thực tiễn và xây dựng hệ thống dữ liệu nghiệp vụ được quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Mỗi giải pháp cần xác định rõ vấn đề phải xử lý, chủ thể thực hiện, phương thức thực hiện và mục tiêu kiểm soát; tránh những kiến nghị chung chung hoặc vượt ra ngoài phạm vi nghiên cứu. Các dự thảo pháp luật năm 2026 chỉ được sử dụng để nhận diện xu hướng lập pháp và kiểm tra tính dự báo của kiến nghị, không được coi là pháp luật hiện hành hoặc sử dụng để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định trong giai đoạn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu phải góp phần bảo đảm CQCSĐT nhận diện, xem xét và áp dụng đúng, đầy đủ, kịp thời các căn cứ MTNHS đối với bị can theo quy định của pháp luật, đồng thời phòng ngừa việc áp dụng thiếu căn cứ hoặc bỏ qua việc xem xét trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS.

1.3. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu của luận án

Giả thuyết nghiên cứu của luận án là: chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT chịu tác động chủ yếu từ mức độ đầy đủ, thống nhất của pháp luật và hướng dẫn áp dụng; năng lực, trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền; cơ chế phối hợp, kiểm sát, kiểm tra và các điều kiện bảo đảm. Khi các yếu tố này chưa đồng bộ, có thể phát sinh hạn chế trong việc xác định căn cứ thực tế, lựa chọn và áp dụng quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra, dẫn đến nguy cơ áp dụng MTNHS thiếu căn cứ hoặc chưa nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật. Ngược lại, việc hoàn thiện đồng bộ các yếu tố trên có khả năng bảo đảm ADPL về MTNHS được thực hiện đúng pháp luật, khách quan, thống nhất, kịp thời và có thể kiểm soát. Giả thuyết này được kiểm chứng

trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn giai đoạn từ năm 2018 - 2025 và có thể được xác nhận, bác bỏ hoặc điều chỉnh.

1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã làm rõ những vấn đề gì liên quan đến MTNHS và ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; còn những khoảng trống nào cần tiếp tục nghiên cứu dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật?

Thứ hai, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT có khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn và điều kiện bảo đảm như thế nào; mối quan hệ giữa căn cứ, điều kiện MTNHS theo pháp luật hình sự với thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS được xác định ra sao?

Thứ ba, những yếu tố nào ảnh hưởng đến ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; thực tiễn áp dụng ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 đạt được những kết quả gì, còn những hạn chế nào theo các giai đoạn ADPL và nguyên nhân của những hạn chế đó là gì?

Thứ tư, cần quán triệt những quan điểm và thực hiện những giải pháp nào để khắc phục các hạn chế, nguyên nhân đã được xác định, bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam đúng pháp luật, khách quan, thống nhất, kịp thời và có thể kiểm soát?

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã tổng quan, phân loại và đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến MTNHS, ADPL và ADPL trong TTHS theo ba nhóm nội dung: cơ sở lý luận; thực trạng; quan điểm và giải pháp bảo đảm. Các công trình đã cung cấp những luận cứ có giá trị về bản chất, căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý của MTNHS; đặc điểm, các giai đoạn ADPL; giới hạn thẩm quyền và cơ chế kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền của các cơ quan có thẩm quyền trong TTHS. Đối với các công trình nước ngoài, luận án chỉ tiếp thu có chọn lọc những giá trị phù hợp, không đồng nhất thuật ngữ, chế định hoặc mô hình tổ tụng của nước ngoài với pháp luật Việt Nam.

Qua phạm vi tài liệu được khảo cứu cho thấy, các công trình hiện có chủ yếu nghiên cứu MTNHS dưới góc độ luật hình sự, đình chỉ điều tra dưới góc độ luật TTHS hoặc ADPL trong từng lĩnh vực, loại vụ án và chủ thể cụ thể. Chưa có công trình nghiên cứu một cách hệ thống ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dưới góc độ thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, bao quát từ xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm đến ban hành và tổ chức thực hiện quyết định tố tụng. Mỗi quan hệ giữa căn cứ, điều kiện MTNHS theo pháp luật hình sự với thẩm quyền, trình tự và hình thức đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS; trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền; cơ chế kiểm sát, kiểm soát quyền lực và bảo vệ quyền con người trong quá trình này cũng chưa được luận giải đầy đủ trong một chỉnh thể thống nhất.

Trên cơ sở đánh giá kết quả, giới hạn và những vấn đề chưa được giải quyết trong các công trình đã công bố, Chương 1 xác định khoảng trống nghiên cứu, xây dựng giả thuyết và hệ thống câu hỏi nghiên cứu làm định hướng cho luận án. Chương 2 tiếp tục làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn và điều kiện bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; kết quả đó là cơ sở lý luận để đánh giá thực trạng tại Chương 3 và xây dựng các quan điểm, giải pháp đối ứng tại Chương 4.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.1.1.1. *Khái niệm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*

* Bị can

Bị can không chỉ là thuật ngữ pháp lý được sử dụng để xác định một chủ thể tham gia TTHS, mà còn phản ánh giới hạn thực hiện quyền lực nhà nước trong hoạt động truy cứu TNHS. Việc xác lập tư cách bị can phải dựa trên căn cứ, thẩm quyền và trình tự luật định; đồng thời làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ tố tụng nhằm bảo đảm quyền con người, quyền bào chữa và khả năng kiểm soát hoạt động buộc tội.

Thuật ngữ “bị can” đã xuất hiện trong pháp luật Việt Nam từ thời kỳ đầu xây dựng nền tư pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch Thẩm phán quy định tại Điều thứ 5: “*Khi bắt người trong hai trường hợp kể trên, Ban Tư pháp phải lập biên bản hỏi cung, và giải bị can lên ngay Tòa án trên, trong hạn 24 giờ là cùng*”. BLTTHS năm 1988 lần đầu tiên đưa ra khái niệm pháp lý về bị can tại Điều 34: “*Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự...*” [40]; khái niệm này tiếp tục được quy định thành một điều luật độc lập tại Điều 49 BLTTHS năm 2003: “*Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự...*” [41]; đến BLTTHS năm 2015, phạm vi chủ thể được mở rộng: “*Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự...*” [42, Điều 60]; sự phát triển của các quy định này cho thấy địa vị pháp lý của bị can ngày càng được xác định cụ thể hơn, gắn với hệ thống quyền, nghĩa vụ và các bảo đảm tố tụng tương ứng.

Tư cách bị can phát sinh khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can theo quy định của BLTTHS. Kể từ thời điểm đó, cá nhân hoặc pháp nhân bị khởi tố trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật TTHS, chịu sự buộc tội của Nhà nước, đồng thời được thực hiện các quyền và phải chấp hành các nghĩa vụ tố tụng theo luật định. Việc

khởi tố bị can không đồng nghĩa với việc xác định bị can có tội; trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và không ai bị coi là có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định, có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành quy định bị can có thể là cá nhân hoặc pháp nhân; tuy nhiên, phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài, luận án chỉ nghiên cứu bị can là cá nhân.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu bị can trong phạm vi nghiên cứu của luận án: *“Bị can là cá nhân đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can theo quy định của pháp luật TTHS, có các quyền, nghĩa vụ và tư cách pháp lý tương ứng trong quá trình giải quyết VAHS”*. Trong giai đoạn điều tra, khi bị can thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS và đáp ứng các căn cứ, điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật, CQCSĐT xem xét, áp dụng căn cứ MTNHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền.

** Khái niệm miễn trách nhiệm hình sự*

Trước khi làm rõ khái niệm MTNHS, cần nhận diện khái quát về TNHS. TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý đặc thù, phát sinh đối với chủ thể đã thực hiện hành vi cấu thành tội phạm và đáp ứng các điều kiện chịu TNHS theo quy định của pháp luật hình sự. Vì vậy, MTNHS chỉ được đặt ra khi có căn cứ xác định một người đã thực hiện tội phạm, về nguyên tắc phải chịu TNHS, nhưng thuộc trường hợp được pháp luật quy định không buộc phải chịu TNHS. Đặc điểm này phân biệt MTNHS với trường hợp không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, người thực hiện hành vi không phải chịu TNHS hoặc hành vi thuộc trường hợp loại trừ TNHS.

Khái niệm MTNHS đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu từ các góc độ khác nhau. Điểm chung của các quan niệm là xác định MTNHS thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước và làm chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện tội phạm khi có đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định. MTNHS không phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi và cũng không đương nhiên loại trừ nghĩa vụ hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc trách nhiệm pháp lý khác nếu có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật.

Giáo trình Luật hình sự (Phần chung) của Cục Đào tạo - Bộ Công an tiếp cận MTNHS từ hậu quả pháp lý của việc không buộc người đã thực hiện tội phạm phải

chịu TNHS, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu thận trọng, chính xác và khách quan khi áp dụng: *“Miễn trách nhiệm hình sự là việc không bắt buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện”*; *“Việc MTNHS chỉ trong trường hợp có đủ các điều kiện cần thiết mà luật quy định, đồng thời đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải thận trọng chính xác và khách quan khi ra quyết định MTNHS”* [16, tr.185] quan niệm này làm rõ hai dấu hiệu cơ bản của MTNHS là người được áp dụng MTNHS đã thực hiện tội phạm và việc MTNHS phải dựa trên đầy đủ căn cứ, điều kiện do pháp luật quy định.

Tác giả Trần Thị Quỳnh cho rằng: *“Miễn TNHS là trường hợp không buộc một người phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi đối với hành vi phạm tội do họ thực hiện khi có đủ các điều kiện nhất định”* [45] quan niệm này nhấn mạnh hậu quả pháp lý có lợi đối với người được áp dụng MTNHS. Tuy nhiên, việc không phải chịu TNHS không nên được hiểu là loại trừ mọi hậu quả pháp lý phát sinh từ hành vi phạm tội, bởi các nghĩa vụ về tài sản, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc trách nhiệm pháp lý khác vẫn có thể được giải quyết theo căn cứ độc lập.

Tác giả Trịnh Tiến Việt cho rằng: *“Miễn trách nhiệm hình sự là không buộc một người đáp ứng những điều kiện nhất định phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do người đó đã thực hiện hành vi phạm tội, mà vẫn phải đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm cũng như công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội”* [67, tr.32] cách tiếp cận này đặt MTNHS trong mối quan hệ giữa chính sách hình sự nhân đạo với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, qua đó cho thấy việc áp dụng MTNHS không được thực hiện tùy tiện hoặc làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Từ các quan niệm trên có thể xác định những nội dung cốt lõi của MTNHS: *một là*, người được áp dụng MTNHS đã thực hiện hành vi cấu thành tội phạm và về nguyên tắc phải chịu TNHS; *hai là*, MTNHS chỉ được áp dụng khi có căn cứ, điều kiện do pháp luật quy định; *ba là*, việc xem xét MTNHS phải do cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục; *bốn là*, MTNHS làm chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội được xem xét nhưng không đương nhiên loại trừ các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý khác có căn cứ độc lập; *năm là*, việc áp dụng phải bảo đảm chính sách hình sự nhân đạo, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nêu trên, có thể khái quát: *Miễn trách nhiệm hình sự là việc Nhà nước, thông qua cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không buộc người đã thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đầy đủ căn cứ, điều kiện do pháp luật quy định, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục người phạm tội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước.*

Trong giai đoạn điều tra và phạm vi nghiên cứu của luận án, CQCSĐT áp dụng căn cứ MTNHS đối với bị can thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền; quyết định này chịu sự kiểm sát của VKSND.

** Khái niệm áp dụng pháp luật*

Để làm rõ khái niệm ADPL, trước hết cần đặt ADPL trong mối quan hệ với thực hiện pháp luật. Theo Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội: *“Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho chúng đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật”* [57, tr.468] như vậy, thực hiện pháp luật là quá trình chuyển hóa các quy định mang tính khuôn mẫu chung thành hành vi thực tế của các chủ thể trong những quan hệ xã hội cụ thể.

Trong các hình thức thực hiện pháp luật, ADPL thể hiện rõ tính tổ chức và quyền lực nhà nước [26]. Nếu tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật có thể được thực hiện bởi các chủ thể pháp luật nói chung, thì ADPL chỉ do cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền tiến hành trong những trường hợp, theo trình tự và trong giới hạn do pháp luật quy định. Tính quyền lực của ADPL không chỉ thể hiện ở chủ thể thực hiện mà còn ở giá trị bắt buộc của quyết định hoặc hành vi pháp lý đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Về bản chất, ADPL là quá trình cá biệt hóa quy phạm pháp luật vào một tình huống cụ thể [35]. Chủ thể có thẩm quyền phải xem xét, xác định sự kiện pháp lý; lựa chọn, giải thích và làm rõ nội dung quy phạm; đối chiếu các điều kiện luật định; ban hành quyết định cá biệt hoặc thực hiện hành vi pháp lý theo thẩm quyền; đồng thời tổ chức thực hiện quyết định đó. Kết quả ADPL có thể xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc làm phát sinh, thay đổi, tạm đình chỉ, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật cụ thể.

Áp dụng pháp luật không phải là hoạt động cơ học hoặc thuần túy mang tính kỹ thuật. Trong phạm vi mà pháp luật cho phép, chủ thể ADPL phải đánh giá tài liệu, sự kiện và lựa chọn phương án xử lý phù hợp, nhưng mọi nhận định và quyết định đều phải dựa trên căn cứ pháp luật, được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có khả năng kiểm tra, giải trình. Vì vậy, ADPL thể hiện việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong khuôn khổ pháp luật và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm sát hoặc các cơ chế kiểm soát tương ứng.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu: *“Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính tổ chức và quyền lực nhà nước, trong đó cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền, trên cơ sở xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn và làm rõ nội dung quy phạm pháp luật, ban hành quyết định cá biệt hoặc thực hiện hành vi pháp lý theo thẩm quyền, nhằm xác định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc làm phát sinh, thay đổi, tạm đình chỉ, đình chỉ, chấm dứt quan hệ pháp luật cụ thể và tổ chức thực hiện quyết định đó”*.

** Khái niệm áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là một hình thức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, được thực hiện trong giai đoạn điều tra VAHS. Nội dung của ADPL là sự cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hình sự về căn cứ, điều kiện MTNHS và các quy phạm pháp luật TTHS về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức đình chỉ điều tra đối với bị can cụ thể. CQCSĐT, thông qua người có thẩm quyền, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ; xác định sự kiện pháp lý và căn cứ thực tế; lựa chọn, làm rõ nội dung quy phạm; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền.

Từ đó, có thể hiểu: *“Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính tổ chức và quyền lực nhà nước, do CQCSĐT thực hiện thông qua người có thẩm quyền trong giai đoạn điều tra, trên cơ sở kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ để xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn và làm rõ nội dung quy phạm pháp luật hình sự, pháp luật TTHS; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền, qua đó chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định và chịu sự kiểm sát của VKSND”*.

Nội hàm của khái niệm trên gồm: chủ thể ADPL là CQCSĐT, thực hiện thông qua người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; đối tượng áp dụng là bị can trong VAHS cụ thể; căn cứ pháp lý là sự thống nhất giữa quy định của pháp luật hình sự về căn cứ, điều kiện MTNHS với quy định của pháp luật TTHS về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra; nội dung ADPL bao gồm xác định sự kiện pháp lý, đánh giá chứng cứ, lựa chọn, làm rõ quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định; hậu quả pháp lý là chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định đình chỉ điều tra. ADPL phải bảo đảm đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, khách quan và có khả năng kiểm tra, giải trình; đồng thời bảo vệ quyền của bị can, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm.

2.1.1.2. Đặc điểm của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trước hết mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện bởi chủ thể có thẩm quyền và làm phát sinh những hậu quả pháp lý đối với trường hợp cụ thể; đây cũng là những dấu hiệu cơ bản của hoạt động ADPL trong lý luận chung về Nhà nước và pháp luật [58].

Thứ nhất, ADPL về MTNHS đối với bị can thể hiện việc thực hiện quyền lực nhà nước thuộc chức năng của CQCSĐT và được tiến hành thông qua người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

Cơ quan Cảnh sát điều tra là chủ thể ADPL về mặt tổ chức; việc ADPL được thực hiện thông qua Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, Điều tra viên (ĐTV), Cán bộ điều tra (CBĐT) và những người được phân công theo quy định của pháp luật. ĐTV, CBĐT trực tiếp tiến hành hoặc tham gia thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ, làm rõ căn cứ, điều kiện MTNHS và đề xuất hướng xử lý; quyết định đình chỉ điều tra được ban hành bởi Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQCSĐT được phân công tiến hành việc khởi tố, điều tra VAHS. Việc ADPL phải được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT, không phụ thuộc vào ý chí cá nhân hoặc sự tùy nghi ngoài pháp luật. Quyết định đình chỉ điều tra chịu sự kiểm sát của VKSND, không thuộc trường hợp phải được VKSND phê chuẩn.

Thứ hai, trong phạm vi pháp luật hiện hành và đối tượng nghiên cứu của luận án, đối tượng ADPL về MTNHS là bị can là cá nhân trong VAHS cụ thể

Bị can là người đã có quyết định khởi tố bị can của cơ quan có thẩm quyền và đang chịu sự buộc tội theo trình tự TTHS nhưng chưa bị coi là có tội. MTNHS không được quy định là một căn cứ không khởi tố VAHS độc lập tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 [2] vì vậy, trong giai đoạn điều tra, việc CQCSĐT xem xét MTNHS phải gắn với bị can cụ thể, hành vi đã bị khởi tố và tài liệu, chứng cứ xác định người đó đã thực hiện tội phạm nhưng thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS theo quy định của pháp luật.

Việc xác định bị can là đối tượng nghiên cứu không có nghĩa tư cách bị can là điều kiện thuộc bản chất bất biến của chế định MTNHS. Đây là giới hạn về đối tượng, giai đoạn và thẩm quyền ADPL theo pháp luật TTHS hiện hành. Nếu pháp luật trong tương lai cho phép xem xét MTNHS trước khi khởi tố bị can (giai đoạn khởi tố) thì phải đồng thời quy định căn cứ, thẩm quyền, trình tự, hình thức quyết định và cơ chế kiểm soát tương ứng.

Thứ ba, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được thực hiện trên cơ sở thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự

Pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý về hình sự của MTNHS; pháp luật TTHS quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức đình chỉ điều tra và cơ chế kiểm sát việc áp dụng. Trong cơ chế hiện hành, CQCSĐT áp dụng căn cứ MTNHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can. Vì vậy, tính hợp pháp của quyết định phụ thuộc đồng thời vào việc xác định đúng căn cứ, điều kiện MTNHS và tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục TTHS. Xác định đúng căn cứ nhưng vi phạm thủ tục hoặc tuân thủ đúng thủ tục nhưng đánh giá sai căn cứ, điều kiện đều ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hợp lý của quyết định và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

Thứ tư, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là quá trình cá biệt hóa pháp luật trên cơ sở kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định tố tụng đối với trường hợp cụ thể

Áp dụng pháp luật không dừng lại ở việc viện dẫn điều luật mà bao gồm xác định sự kiện pháp lý và căn cứ thực tế; kiểm tra, đánh giá chứng cứ, tình tiết có liên quan; lựa chọn, làm rõ nội dung quy phạm; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ

điều tra theo thẩm quyền. Quyết định phải thể hiện rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tế, phạm vi hành vi được xem xét và các vấn đề cần xử lý. Quá trình nhận thức và quyết định phải khách quan, toàn diện, có thể kiểm tra, giải trình; không được suy diễn, áp dụng máy móc hoặc thay thế điều kiện luật định bằng nhận xét chung về nhân thân của bị can.

Thứ năm, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dẫn đến chấm dứt việc truy cứu TNHS và chấm dứt quá trình tố tụng đối với bị can trong phạm vi quyết định đình chỉ điều tra

Đây là hậu quả pháp lý trực tiếp và là đặc điểm quan trọng phân biệt ADPL về MTNHS với nhiều trường hợp ADPL khác trong quá trình điều tra. Khi quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS có hiệu lực, việc truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định chấm dứt; các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và những vấn đề tố tụng có liên quan phải được xử lý theo quy định của pháp luật. Hậu quả này đòi hỏi căn cứ, điều kiện MTNHS và căn cứ đình chỉ điều tra phải được xác định chính xác, quyết định phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và chịu sự kiểm sát của VKSND.

Thứ sáu, ADPL về MTNHS đối với bị can có điều kiện, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo nhưng phải bảo đảm sự cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

Miễn trách nhiệm hình sự không phải là sự phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi hoặc lợi ích được áp dụng chỉ theo ý chí của bị can. Đối với trường hợp pháp luật quy định đương nhiên MTNHS, CQCSĐT phải áp dụng khi có đầy đủ căn cứ, điều kiện; đối với trường hợp có thể được MTNHS, người có thẩm quyền phải đánh giá khách quan, toàn diện các căn cứ, điều kiện luật định và giải trình được quyết định của mình. Trong cả hai trường hợp, việc ADPL phải bảo đảm đúng người, đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bình đẳng, không phân biệt đối xử và không tùy tiện.

Cùng với việc bảo vệ quyền của bị can, CQCSĐT phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quyền khiếu nại theo quy định; đồng thời đặt quyết định đình chỉ điều tra dưới sự kiểm sát của VKSND và các cơ chế kiểm soát có liên quan. ADPL phải phòng ngừa cả việc MTNHS thiếu căn

cứ dẫn đến bỏ lọt tội phạm và việc không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Vai trò của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Thứ nhất, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần bảo đảm quyền con người, quyền của bị can và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan trong tố tụng hình sự

Bị can là chủ thể đang bị buộc tội nên quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS tác động trực tiếp đến địa vị pháp lý, quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Khi CQCSĐT xác định đúng căn cứ, điều kiện MTNHS và ban hành quyết định đình chỉ điều tra đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, việc truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định được chấm dứt kịp thời. Qua đó, ADPL về MTNHS đối với bị can góp phần bảo vệ quyền tự do, danh dự, nhân phẩm và các quyền tố tụng của bị can; việc bảo đảm các quyền này không chỉ dừng ở sự ghi nhận của pháp luật mà còn đòi hỏi cơ chế để các quyền đó được thực hiện trên thực tế [22], qua đó hạn chế nguy cơ kéo dài việc áp dụng các biện pháp tố tụng khi căn cứ MTNHS đã được xác định đầy đủ.

Việc bảo vệ quyền của bị can phải được đặt trong mối quan hệ với quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lợi ích cần được pháp luật bảo vệ; đồng thời phải bảo đảm các quyền con người trong TTHS được tôn trọng và thực hiện thông qua các cơ chế tố tụng cụ thể [48]. Vì vậy, quyết định đình chỉ điều tra phải có căn cứ thực tế, căn cứ pháp lý rõ ràng, có khả năng kiểm tra, giải trình; bảo đảm quyền được thông báo, khiếu nại và chịu sự kiểm sát của VKSND theo quy định của pháp luật.

Vai trò này phù hợp với Điều 9 và khoản 2 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, theo đó quyền tự do, an toàn thân thể phải được bảo vệ, không ai bị bắt, giam giữ tùy tiện và người bị buộc tội được suy đoán vô tội [96] các chuẩn mực trên không làm phát sinh quyền đương nhiên yêu cầu Nhà nước áp dụng MTNHS, nhưng đặt ra yêu cầu mọi quyết định ADPL phải hợp pháp, khách quan, không tùy tiện và không phân biệt đối xử. Như quan điểm đã được nêu trong khoa học pháp lý: “trong lĩnh vực xã hội pháp luật, nhân đạo thể hiện ở chỗ con người tồn tại vì pháp luật mà ngược lại, pháp luật phải tồn tại vì con người” [46, tr.53] theo

đó, ADPL về MTNHS đối với bị can vừa là phương thức thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, vừa là cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra.

Thứ hai, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa việc xử lý từng trường hợp cụ thể

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can góp phần thực hiện sự phân hóa TNHS trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, đặc điểm của người phạm tội và những tình tiết pháp lý phát sinh sau khi tội phạm được thực hiện. Khi có đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật, việc đình chỉ điều tra do MTNHS là cách thức xử lý phù hợp, không tiếp tục quá trình truy cứu TNHS đến giai đoạn xét xử và áp dụng hình phạt.

Vai trò cá thể hóa bắt nguồn từ bản chất của ADPL là chuyển hóa quy phạm pháp luật chung thành quyết định cá biệt đối với một bị can trong một VAHS cụ thể. CQCSĐT phải kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ; phân biệt trường hợp đương nhiên được MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; xác định đúng căn cứ pháp luật hình sự và căn cứ đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS. Vì vậy, ADPL về MTNHS không được thực hiện máy móc chỉ dựa vào nhân thân hoặc một số tình tiết có lợi cho bị can, mà phải căn cứ đầy đủ vào các điều kiện luật định và yêu cầu xử lý của từng vụ án.

Thứ ba, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần giáo dục người phạm tội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm

Miễn trách nhiệm hình sự không làm giảm yêu cầu phòng, chống tội phạm, mà là phương thức xử lý có căn cứ và điều kiện đối với những trường hợp pháp luật quy định. Theo Điều 31 BLHS năm 2015: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”* [43] tuy nhiên, hình phạt không phải là biện pháp duy nhất để thực hiện mục đích giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tác giả Trần Thị Quỳnh viết rằng: *“nếu ví tội phạm như một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, là bệnh tật của xã hội, thì hình phạt được ví như một phương thuốc để điều trị. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp mắc bệnh đều phải dùng đến thuốc”*

[45, tr.32]; tác giả Võ Khánh Vinh cũng nhấn mạnh ý nghĩa của việc “*không cách ly người phạm tội với xã hội...kích thích việc tự giáo dục, tự cải tạo để phục thiện của người phạm tội...*” [76, tr.463] theo đó, việc áp dụng đúng căn cứ MTNHS có thể khuyến khích bị can tự thú, thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả. Những hành vi tích cực này vừa thể hiện khả năng tự giáo dục của người phạm tội, vừa hỗ trợ việc phát hiện, xử lý và phòng ngừa tội phạm.

Thứ tư, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần kiểm nghiệm, hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng thống nhất các quy định về MTNHS trong thực tiễn

Thực tiễn ADPL là căn cứ kiểm nghiệm tính đầy đủ, rõ ràng, thống nhất và khả thi của các quy định về MTNHS. Thông qua việc giải quyết các VAHS cụ thể, CQCSĐT có điều kiện phát hiện những quy định còn định tính, chưa thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS hoặc chưa được hướng dẫn đầy đủ; những cách hiểu khác nhau về căn cứ, điều kiện MTNHS, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra.

Việc tổng hợp số liệu, kiểm tra quyết định, giải quyết khiếu nại, thực hiện kiến nghị của VKSND và tổ chức rút kinh nghiệm giúp nhận diện nguyên nhân của tình trạng áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, CQCSĐT có thể kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung pháp luật; đồng thời chấn chỉnh nhận thức và quy trình nghiệp vụ trong nội bộ. Vai trò này không làm cho CQCSĐT trở thành chủ thể sáng tạo căn cứ MTNHS ngoài quy định của pháp luật, mà góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật thống nhất.

Thứ năm, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần bảo đảm trật tự pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự

Áp dụng pháp luật đúng về MTNHS góp phần bảo đảm trật tự pháp luật thông qua việc xử lý đúng người, đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục. Việc đình chỉ điều tra kịp thời đối với bị can có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật thể hiện tính nhân đạo nhưng không làm suy giảm tính nghiêm minh của pháp luật, bởi quyết định chỉ được ban hành sau khi CQCSĐT đã xác định hành vi phạm tội và kiểm tra đầy đủ các căn cứ, điều kiện luật định. Ngược lại, áp dụng

MTNHS thiếu căn cứ có thể dẫn đến bỏ lọt tội phạm, còn không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS có thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bị can và làm kéo dài tố tụng không cần thiết.

Khi căn cứ, điều kiện MTNHS được xác định đầy đủ, việc ban hành quyết định đình chỉ điều tra đúng thời điểm góp phần giảm những hoạt động tố tụng không còn cần thiết, sử dụng hợp lý nhân lực, thời gian và phương tiện điều tra để tập trung giải quyết các vụ án phải tiếp tục truy cứu TNHS. Qua đó, hoạt động này góp phần nâng cao hiệu quả TTHS, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, lợi ích hợp pháp của tổ chức, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước; đồng thời củng cố niềm tin của xã hội vào tính hợp pháp, công bằng và nhân đạo của hoạt động tư pháp hình sự.

2.2. NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIAI ĐOẠN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.2.1. Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT bao gồm sự thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS. Pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý của MTNHS; pháp luật TTHS quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra. Trong giai đoạn điều tra, CQCSĐT không ban hành một quyết định MTNHS độc lập, mà áp dụng căn cứ MTNHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền; quyết định này chịu sự kiểm sát của VKSND.

Bộ luật Hình sự năm 2015 không dành một chương riêng quy định về MTNHS. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, các căn cứ MTNHS được xem xét trên cơ sở Điều 16, Điều 29 và quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong giai đoạn pháp luật tương ứng có hiệu lực [43] việc xác định nội dung pháp luật không chỉ dựa vào quy định của pháp luật hình sự mà phải đặt trong mối quan hệ với thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra của CQCSĐT theo pháp luật TTHS.

Căn cứ vào mức độ ràng buộc của quy phạm đối với chủ thể ADPL, nội dung pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được phân thành hai nhóm: trường hợp đương nhiên được MTNHS và trường hợp có thể được MTNHS. Sự phân chia này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xác định phạm vi xem xét của CQCSĐT. Đối với trường hợp đương nhiên được MTNHS, khi đã xác định đầy đủ căn cứ, điều kiện luật

định, CQCSĐT phải ban hành quyết định đình chỉ điều tra. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, CQCSĐT phải đánh giá toàn diện căn cứ, điều kiện và những tình tiết có liên quan trước khi quyết định; quyền xem xét, lựa chọn cách thức xử lý không đồng nghĩa với sự tùy nghi hoặc mở rộng điều kiện ngoài quy định của pháp luật. Trong các tiêu mục dưới đây, các “tiêu chí xác định”, “tiêu chí đánh giá” được sử dụng để hệ thống hóa những dấu hiệu cần kiểm tra trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành, văn bản hướng dẫn có thẩm quyền và yêu cầu chứng minh trong TTHS; trường hợp pháp luật chưa quy định cụ thể thì các tiêu chí do luận án đề xuất chỉ có giá trị phân tích, không phải là căn cứ hoặc điều kiện MTNHS mới ngoài quy định của pháp luật.

2.2.1.1. Nhóm nội dung pháp luật về các trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự

(1). Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội

Có nhiều trường hợp người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng, ngừng việc thực hiện tội phạm, mặc dù vẫn đang có những điều kiện thuận lợi để họ tiếp tục thực hiện tội phạm. Nếu trường hợp người phạm tội ngừng hẳn việc phạm tội, họ không thực hiện tội phạm đến cùng do những nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội, thì họ không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Trường hợp người phạm tội không thực hiện tội phạm đến cùng, ngừng hẳn việc phạm tội do ý muốn chủ quan của họ, tức là họ tự chấm dứt hành vi phạm tội không tiếp tục thực hiện tội phạm nữa thì đây được coi là trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Đây là cơ sở pháp lý phản ánh chính sách hình sự khoan hồng và nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, vừa khuyến khích sự hối cải của người phạm tội, vừa hạn chế hậu quả nguy hiểm cho xã hội, đồng thời vẫn bảo đảm sự nghiêm minh và nhân văn của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Để xác định trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS cần dựa vào một số tiêu chí cốt lõi: *thứ nhất*, hành vi phạm tội đang ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt và người phạm tội tự mình chấm dứt trước khi tội phạm hoàn thành; *thứ hai*, việc chấm dứt thực hiện tội phạm phải hoàn toàn tự nguyện và dứt khoát, thể hiện người phạm tội thực sự từ bỏ ý định tiếp tục phạm tội, mặc dù không có trở ngại khách quan ngăn cản họ thực hiện tội phạm đến cùng; *thứ ba*, việc tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội phải do chủ quan

của người phạm tội; *thứ tư*, người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đương nhiên MTNHS về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành một tội phạm khác thì vẫn phải chịu TNHS về tội phạm đó. Nhưng nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành một tội phạm khác thì người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vẫn phải chịu TNHS về tội phạm đã thực hiện. Những tiêu chí này phản ánh nguyên tắc nhân đạo và khoan hồng trong chính sách hình sự, đồng thời bảo đảm sự công bằng trong ADPL.

(2). *Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*

Trong tiến trình hoàn thiện và phát triển của hệ thống pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp luật hình sự, luôn tồn tại độ trễ nhất định giữa thực tiễn vận động của đời sống xã hội và khả năng phản ứng kịp thời của các quy phạm pháp lý. Bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội không ngừng biến đổi dẫn đến sự điều chỉnh trong chính sách lập pháp và cách nhìn nhận về bản chất nguy hiểm của hành vi phạm tội. Có những hành vi trong một giai đoạn lịch sử cụ thể từng được đánh giá là nguy hại cho xã hội và bị hình sự hóa, nhưng cùng với sự chuyển biến của các điều kiện khách quan, hành vi đó dần mất đi tính nguy hiểm vốn có, không cần thiết phải đặt trong phạm vi điều chỉnh của luật hình sự. Đây chính là biểu hiện sinh động của tư duy lập pháp hiện đại - một tư duy hướng đến tính thích ứng, linh hoạt và nhân đạo trong quá trình xác lập giới hạn TNHS.

Tác giả Nguyễn Ngọc Hòa có viết “*mặc dù hành vi phạm tội vẫn còn quy định trong Bộ luật Hình sự nhưng cơ quan Lập pháp chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung, song văn bản pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực tương ứng đó của Nhà nước đã có sự thay đổi, dẫn đến hành vi đó không còn bị nghiêm cấm, xử lý nữa...*” [23, tr.160] sự thay đổi chính sách, pháp luật có thể được thể hiện trong pháp luật hình sự hoặc pháp luật chuyên ngành có liên quan, làm thay đổi căn cứ đánh giá tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Điều đó cho thấy sự tương tác linh hoạt và thống nhất giữa luật hình sự với pháp luật chuyên ngành. Đồng thời thể hiện nguyên tắc không hình sự hóa các quan hệ xã hội không còn nguy hiểm, nhằm bảo vệ quyền con người.

Tiêu chí đánh giá: *Thứ nhất*, phải xác định được sự thay đổi chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội; sự thay đổi này có thể được thể hiện trong pháp luật hình sự hoặc pháp luật chuyên ngành và phải xuất phát từ sự thay đổi trong

điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội, không phải từ nhận thức chủ quan, quan điểm riêng của cơ quan, người có thẩm quyền; *thứ hai*, phải xác định được văn bản thể hiện sự thay đổi chính sách, pháp luật, hiệu lực áp dụng và nội dung cụ thể làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội; không đồng nhất sự thay đổi chính sách, pháp luật với sự thay đổi trong cách giải thích hoặc vận dụng pháp luật đối với từng vụ án; *thứ ba*, phải chứng minh được mối quan hệ trực tiếp giữa sự thay đổi chính sách, pháp luật với việc hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội, qua đó bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước, đồng thời tránh tiếp tục truy cứu TNHS đối với hành vi không còn cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

(3). Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự trong trường hợp người phạm tội được đại xá

Đại xá là một căn cứ MTNHS đặc biệt, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước trong những thời điểm có ý nghĩa chính trị, lịch sử quan trọng. Khác với các căn cứ MTNHS thông thường, đại xá không xuất phát từ việc đánh giá riêng lẻ từng hành vi, từng bị can, mà được xác lập trên cơ sở quyết định chính sách hình sự có tính chất chung của Nhà nước đối với một nhóm người phạm tội nhất định.

Trong lịch sử tư pháp hình sự Việt Nam, đại xá không được áp dụng thường xuyên. Tính đến nay, nước ta mới có hai lần đại xá: *lần thứ nhất*, thực hiện theo Sắc lệnh số 52/SL ngày 20/10/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời về việc xá miễn cho một số tội phạm trước ngày 19/8/1945 [47, tr.184]; *lần thứ hai*, căn cứ vào Thông tư số 413/TTg ngày 19/11/1954 của Thủ tướng Chính phủ về đại xá [47, tr.186] thực tiễn này cho thấy đại xá là căn cứ MTNHS có tính chất đặc biệt, gắn với yêu cầu chính trị - pháp lý của từng thời kỳ, không phải là biện pháp xử lý thường xuyên trong TTHS.

Về thẩm quyền, Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội quyết định đại xá theo khoản 11 Điều 70 và Chủ tịch nước công bố quyết định đại xá theo khoản 3 Điều 88. Do đó, CQCSĐT không có thẩm quyền quyết định đại xá mà chỉ áp dụng căn cứ MTNHS đối với bị can trên cơ sở quyết định đại xá của Quốc hội đã được Chủ tịch nước công bố. Việc áp dụng căn cứ này phải căn cứ vào phạm vi, đối tượng, điều kiện và thời điểm được xác định trong quyết định đại xá, đồng thời bảo đảm đúng quy định của BLHS, BLTTHS và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tiêu chí xác định: *thứ nhất*, phải có quyết định đại xá của Quốc hội đã được công bố và có hiệu lực áp dụng. CQCSĐT không được tự xác định hoặc mở rộng phạm vi đại xá ngoài nội dung quyết định đã được ban hành; *thứ hai*, hành vi phạm tội phải thuộc phạm vi điều chỉnh của quyết định đại xá. Việc xem xét MTNHS chỉ đặt ra khi loại tội phạm, thời điểm thực hiện hành vi, mức độ nguy hiểm cho xã hội và các điều kiện khác của bị can phù hợp với nội dung cụ thể của Nghị quyết Đại xá. Trường hợp thuộc loại tội phạm, nhóm đối tượng hoặc điều kiện bị loại trừ theo quyết định đại xá thì không được áp dụng; *thứ ba*, người thực hiện hành vi phải thuộc đối tượng được hưởng Đại xá theo quy định; *thứ tư*, việc áp dụng Đại xá phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục tố tụng. CQCSĐT phải căn cứ vào quyết định đại xá và các quy định của BLTTHS để kiểm tra điều kiện và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền, bảo đảm tính hợp pháp, công khai, có căn cứ và minh bạch của quyết định tố tụng; *thứ năm*, việc đình chỉ điều tra do MTNHS theo quyết định đại xá không phụ thuộc vào đánh giá chủ quan về mức độ nguy hiểm cụ thể của từng bị can, mà phụ thuộc vào quyết định chính sách chung của Nhà nước. Tuy nhiên, CQCSĐT vẫn phải kiểm tra đầy đủ các điều kiện pháp lý theo Nghị quyết Đại xá, tránh áp dụng vượt quá phạm vi cho phép.

2.2.1.2. Nhóm nội dung pháp luật về các trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự

(1). *Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa*

Trong tư duy lập pháp hình sự, việc ghi nhận khả năng MTNHS do chuyển biến của tình hình phản ánh tính thích ứng của pháp luật trước sự vận động của các điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội. Khác với trường hợp thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội, căn cứ này được áp dụng khi hành vi vẫn có tính chất phạm tội nhưng do chuyển biến khách quan của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội tại thời điểm xem xét. Vì vậy, trọng tâm đánh giá là mối liên hệ giữa sự chuyển biến của tình hình với mức độ nguy hiểm của người phạm tội, không phải sự thay đổi trong tính chất pháp lý của hành vi đã thực hiện.

Cần phân biệt sự chuyển biến khách quan của tình hình với những thay đổi mang tính chủ quan của người phạm tội sau khi thực hiện tội phạm. Những biểu hiện tích cực của cá nhân sau khi phạm tội không tự mình làm phát sinh căn cứ MTNHS trong trường hợp này. Sự chuyển biến phải mang tính khách quan, xuất phát từ sự thay đổi thực sự của điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và làm cho chính người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội.

Tiêu chí đánh giá: *thứ nhất*, phải có sự thay đổi khách quan của bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội. Sự chuyển biến này phải xuất phát từ điều kiện chung của đời sống xã hội hoặc chính sách quản lý nhà nước, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người phạm tội; *thứ hai*, phải xác định được do sự chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội tại thời điểm xem xét; CQCSĐT phải làm rõ mối liên hệ trực tiếp giữa sự chuyển biến đó với mức độ nguy hiểm của người phạm tội; *thứ ba*, trường hợp xem xét đình chỉ điều tra do MTNHS không thuộc diện đương nhiên không cấu thành tội phạm hoặc căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự. Nếu hành vi không còn đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì phải áp dụng quy định của BLTTHS về không khởi tố hoặc đình chỉ điều tra, không áp dụng Điều 29 BLHS; *thứ tư*, đình chỉ điều tra do MTNHS không làm ảnh hưởng đến yêu cầu bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đặc biệt đối với các tội phạm có tính chất, mức độ nghiêm trọng hoặc liên quan đến lợi ích công cộng, việc đánh giá phải hết sức thận trọng; *thứ năm*, các điều kiện trên phải được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ cụ thể trong hồ sơ VAHS. Việc viện dẫn “chuyển biến tình hình” phải có căn cứ rõ ràng, tránh suy đoán hoặc đánh giá tùy nghi.

(2). Nội dung pháp luật quy định về miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội

Trong lý luận pháp luật hình sự hiện đại, TNHS không chỉ được đặt trên cơ sở hành vi phạm tội mà còn phải tính đến năng lực tiếp tục gây nguy hại cho trật tự xã hội của chủ thể. Khi người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo và tình trạng bệnh dẫn đến họ không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội thì việc tiếp tục truy cứu TNHS cần được xem xét trên cơ sở điều kiện luật định và chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước. Đối với trường hợp này, MTNHS không phải là sự từ bỏ xử lý pháp lý mà là biểu hiện của chính sách hình sự mang tính nhân đạo, khoan hồng thừa nhận giới hạn khách quan trong việc áp dụng hình phạt.

Tiêu chí xác định: *thứ nhất*, người phạm tội phải mắc bệnh hiểm nghèo; *thứ hai*, tình trạng bệnh phải dẫn đến người phạm tội không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội. Hai điều kiện này phải được xem xét trong mối quan hệ trực tiếp, không chỉ căn cứ vào tên bệnh hoặc tình trạng sức khỏe nói chung.

Do pháp luật chưa quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá, CQCSĐT phải xem xét căn cứ này trong giới hạn của pháp luật, trên cơ sở hồ sơ y tế, kết luận chuyên môn có giá trị pháp lý và các tài liệu, chứng cứ liên quan. Việc xác định tình trạng bệnh và khả năng gây nguy hiểm cho xã hội phải khách quan, có căn cứ, tránh suy diễn hoặc mở rộng điều kiện ngoài quy định của pháp luật.

(3). Nội dung pháp luật quy định trong trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận

Trường hợp MTNHS này thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội có thái độ tự giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Khác với các căn cứ xuất phát từ sự thay đổi khách quan như chuyển biến của tình hình hoặc thay đổi chính sách, pháp luật, căn cứ này được xác định trên cơ sở tổng hợp hành vi tự thú, khai báo, hợp tác, hạn chế hậu quả với việc lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt của người phạm tội.

Về bản chất, đây là căn cứ MTNHS kết hợp đồng thời hai nhóm điều kiện: *một là*, trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm; *hai là*, người phạm tội lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận. Trong nhóm điều kiện thứ hai, lập công lớn và có cống hiến đặc biệt là hai trường hợp có tính lựa chọn; người phạm tội chỉ cần đáp ứng một trong hai trường hợp nhưng phải được chứng minh và thừa nhận theo quy định của pháp luật. Việc chỉ đáp ứng một số biểu hiện như tự thú, thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác hoặc có thành tích trong công tác mà không thỏa mãn đầy đủ cấu trúc điều kiện trên thì chưa đủ căn cứ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29 BLHS.

Đối với CQCSĐT, việc ADPL về MTNHS đối với bị can trong trường hợp này đòi hỏi phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ từng điều kiện luật định, nhất là các yếu tố có tính định tính như “góp phần có hiệu quả”, “cố gắng hạn chế đến mức thấp

nhất hậu quả của tội phạm”, “lập công lớn”, “cống hiến đặc biệt” và “được Nhà nước và xã hội thừa nhận”. Việc xác định nội hàm của các điều kiện này phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ VAHS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP; không được bổ sung, hạ thấp hoặc thu hẹp điều kiện theo nhận thức chủ quan. Do đây là trường hợp có thể được MTNHS, CQCSĐT phải đánh giá toàn diện các điều kiện trước khi áp dụng căn cứ này để ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền.

Tiêu chí đánh giá: *thứ nhất*, việc tự thú phải được thực hiện trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, xuất phát từ ý chí tự nguyện của người phạm tội; CQCSĐT phải xác định rõ thời điểm, hoàn cảnh tự thú và tình trạng phát hiện hành vi phạm tội tại thời điểm người đó khai báo; *thứ hai*, người phạm tội phải khai rõ sự việc, nội dung khai báo phải trung thực, có giá trị thực tế đối với việc phát hiện, điều tra tội phạm, đồng thời phải có hành động thể hiện sự cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm; những điều kiện này phải được chứng minh bằng kết quả cụ thể, không chỉ dựa vào lời khai hoặc nhận xét chung về thái độ hợp tác; *thứ ba*, việc lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt phải được xác định theo tiêu chí do pháp luật và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn, được chứng minh bằng tài liệu hợp pháp và được Nhà nước, xã hội thừa nhận; không đồng nhất thành tích hoặc hình thức khen thưởng thông thường với lập công lớn hoặc cống hiến đặc biệt; *thứ tư*, CQCSĐT phải đánh giá tổng hợp, kiểm tra tính xác thực của tài liệu, chứng cứ và xác định đầy đủ mối liên hệ giữa các điều kiện luật định; yêu cầu về tính thực chất, không đối phó được sử dụng để kiểm tra độ tin cậy của chứng cứ, không phải là một điều kiện MTNHS độc lập ngoài quy định của pháp luật.

(4). Nội dung pháp luật quy định trong trường hợp người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự

Trường hợp MTNHS này thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước đối với người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý, khi họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải, đề nghị

MTNHS. Căn cứ này cho thấy pháp luật hình sự không chỉ hướng đến việc xử lý người phạm tội, mà còn ghi nhận thái độ tích cực của họ sau khi phạm tội, ý chí của người bị hại và yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Đối với CQCSĐT, áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can trong trường hợp này không đơn thuần là ghi nhận sự thỏa thuận giữa người phạm tội và người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại mà phải kiểm tra đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định. Trọng tâm của việc áp dụng là làm rõ loại tội phạm, hình thức lỗi; tính tự nguyện và kết quả của việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; tính tự nguyện, hợp pháp của việc hòa giải và đề nghị MTNHS của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại. Do đây là trường hợp có thể được MTNHS, việc đáp ứng các điều kiện luật định không làm phát sinh một cách tự động quyết định đình chỉ điều tra; CQCSĐT phải đánh giá toàn diện các tình tiết có liên quan trước khi áp dụng căn cứ MTNHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền.

Các điều kiện “tự nguyện sửa chữa”, “bồi thường thiệt hại”, “khắc phục hậu quả”, “tự nguyện hòa giải” và “đề nghị MTNHS” phải được CQCSĐT xác minh bằng tài liệu, chứng cứ cụ thể. ADPL trong trường hợp này phải bảo đảm khách quan, đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục; tránh hợp thức hóa sự thỏa thuận không tự nguyện, đồng thời không bỏ qua việc xem xét trường hợp có đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định. Quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS phải thể hiện rõ căn cứ thực tế, căn cứ pháp lý và chịu sự kiểm sát của VKSND.

Tiêu chí đánh giá: *thứ nhất*, hành vi phạm tội phải thuộc loại tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng theo quy định về phân loại tội phạm tại Điều 9 BLHS năm 2015. CQCSĐT phải xác định đúng loại tội phạm trên cơ sở tính chất lỗi và khung hình phạt của điều luật được áp dụng, không mở rộng đối với tội phạm nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; *thứ hai*, người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả. Việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả phải được thực hiện trên thực tế và được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ cụ thể trong hồ sơ VAHS, không chỉ dừng lại ở lời hứa hoặc cam kết sẽ thực hiện; *thứ ba*, người phạm tội và người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hòa giải. Việc hòa giải phải xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, đe dọa, lừa dối hoặc tác động trái pháp luật; CQCSĐT có trách nhiệm kiểm tra tính tự

nguyện, nội dung và kết quả thực hiện việc hòa giải; *thứ tư*, người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại có đề nghị MTNHS. Ý chí đề nghị phải được thể hiện rõ, được xác minh và ghi nhận hợp pháp trong hồ sơ VAHS; CQCSĐT phải xác định đúng tư cách pháp lý và thẩm quyền đại diện của người đề nghị; *thứ năm*, trên cơ sở xác định đầy đủ các điều kiện luật định, CQCSĐT phải đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, hậu quả của tội phạm, việc khắc phục hậu quả, ý chí của người bị hại và yêu cầu bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước. Đây là yêu cầu của quá trình xem xét trường hợp có thể được MTNHS, không phải là điều kiện độc lập ngoài quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS.

(5). Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam, người dưới 18 tuổi phạm tội là nhóm chủ thể đặc thù, vừa phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi phạm tội, vừa được bảo vệ theo chính sách tư pháp hướng đến lợi ích tốt nhất, giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2018 - 2025, khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc các trường hợp luật định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 BLHS thì có thể được MTNHS, đồng thời áp dụng biện pháp giám sát, giáo dục. Đây là căn cứ MTNHS đặc thù được áp dụng riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong thời gian quy định này có hiệu lực.

Từ ngày 01/01/2026, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 và hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 107/VBHN-VPQH ngày 27/8/2025, có hiệu lực; Chương XII BLHS năm 2015 về những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được bãi bỏ. Theo cơ chế pháp luật hiện hành, người dưới 18 tuổi phạm tội trước hết được xem xét có thuộc trường hợp được MTNHS theo BLHS hay không; nếu không thuộc trường hợp được MTNHS thì mới tiếp tục xem xét khả năng áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên. Sự thay đổi này cho thấy pháp luật không còn duy trì khoản 2 Điều 91 BLHS như một căn cứ MTNHS đặc thù, đồng thời phân định rõ hơn giữa MTNHS và xử lý chuyển hướng về căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục và hậu quả pháp lý.

Đối với CQCSĐT, việc ADPL trước hết đòi hỏi phải xác định chính xác độ tuổi của người thực hiện hành vi tại thời điểm phạm tội, căn cứ chịu TNHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, điều kiện, hoàn cảnh, mức độ trưởng thành và khả năng nhận thức của họ. Đối với các trường hợp phát sinh trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, CQCSĐT phải áp dụng đúng quy định có hiệu lực tại thời điểm giải quyết và căn cứ đình chỉ điều tra tương ứng của BLTTHS. Từ ngày 01/01/2026, CQCSĐT phải kiểm tra trước các căn cứ MTNHS theo BLHS; nếu người dưới 18 tuổi không thuộc trường hợp được MTNHS thì mới xem xét điều kiện áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên trong phạm vi thẩm quyền của giai đoạn điều tra. Quá trình này phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi, quyền tham gia tố tụng, quyền bào chữa, trợ giúp pháp lý và sự tham gia của người đại diện; đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và yêu cầu phòng ngừa tội phạm.

Như vậy, nội dung pháp luật về MTNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong giai đoạn nghiên cứu thể hiện sự chuyển đổi từ căn cứ MTNHS đặc thù tại khoản 2 Điều 91 BLHS sang cơ chế ưu tiên xem xét MTNHS theo các căn cứ chung của BLHS, sau đó mới xem xét xử lý chuyển hướng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên. Việc cập nhật cơ chế pháp luật từ ngày 01/01/2026 nhằm bảo đảm tính thời sự của luận án, không được sử dụng để đánh giá tính hợp pháp của các quyết định đình chỉ điều tra trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Trong phạm vi đề tài, nội dung này chỉ được nghiên cứu ở mức cần thiết đối với bị can là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền điều tra của CQCSĐT, không mở rộng thành nghiên cứu độc lập về tư pháp người chưa thành niên.

Đối với các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự được quy định tại Phần các tội phạm cụ thể Bộ luật hình sự năm 2015:

Bên cạnh các căn cứ MTNHS được quy định tại Phần chung, BLHS năm 2015 còn có một số quy định các trường hợp MTNHS gắn với từng tội phạm cụ thể, gồm: người phạm tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc loại cây khác có chứa chất ma túy thuộc khoản 1 Điều 247, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền trước khi thu hoạch; người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác theo khoản 7 Điều 364; người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác theo

khoản 6 Điều 365; người không tố giác tội phạm nhưng đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm theo khoản 2 Điều 390, BLHS [43] đây là các căn cứ nội dung trực tiếp, đặc thù gắn với từng tội phạm cụ thể; tuy nhiên, các quy định này không được xác lập thành căn cứ tố tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Vì vậy, trong phạm vi luận án, các quy định tại Phần các tội phạm cụ thể chỉ được đề cập ở mức cần thiết nhằm xác định giới hạn nghiên cứu và lý giải những trường hợp đã phát sinh trong thực tiễn, không được phân tích thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT. Căn cứ pháp lý của từng quyết định đình chỉ điều tra phải được xác định trên cơ sở sự thống nhất giữa quy định của pháp luật hình sự được áp dụng và quy định tương ứng của pháp luật TTHS. Số liệu phân theo các chương của BLHS trong hệ thống phụ lục chỉ phản ánh cơ cấu tội phạm của những bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS theo quy định tại Điều 230 BLTTHS, không được hiểu là cơ cấu các căn cứ pháp lý để CQCSĐT đình chỉ điều tra.

2.2.2. Các giai đoạn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.2.2.1. Xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đã xảy ra cần áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Trong giai đoạn này, chủ thể ADPL về MTNHS đối với bị can là CQCSĐT, hoạt động thông qua Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, Điều tra viên và Cán bộ điều tra theo nhiệm vụ, quyền hạn do BLTTHS quy định. Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và báo cáo, đề xuất hướng giải quyết; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền. Việc phân định trách nhiệm giữa những người tiến hành tố tụng bảo đảm quá trình xác định căn cứ thực tế và quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện đúng thẩm quyền, khách quan và có thể kiểm tra, giải trình.

Việc xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của VAHS phải được tiến hành khách quan, toàn diện, đầy đủ và thận trọng. Trước hết, CQCSĐT phải làm rõ hành vi đã xảy ra có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không; người thực hiện hành vi, lỗi, động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện, tính chất và mức độ thiệt hại; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và những vấn đề khác phải chứng

minh trong VAHS. Trên cơ sở xác định bị can đã thực hiện tội phạm và về nguyên tắc phải chịu TNHS, CQCSĐT mới tiếp tục kiểm tra, đánh giá các tình tiết làm căn cứ xem xét MTNHS. Trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, bị can không thực hiện hành vi phạm tội hoặc có căn cứ loại trừ TNHS thì phải áp dụng căn cứ đình chỉ tương ứng, không được sử dụng chế định MTNHS.

Đối với các tình tiết có liên quan đến MTNHS, thì CQCSĐT phải xác định rõ tình tiết nào là căn cứ, điều kiện MTNHS, tình tiết nào chỉ là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc yếu tố tham khảo khi đánh giá sự cần thiết tiếp tục truy cứu TNHS. Việc thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt hoặc được bị hại hoặc người đại diện của bị hại đề nghị MTNHS không đương nhiên làm phát sinh căn cứ MTNHS nếu không đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trường hợp luật định. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, CQCSĐT phải kiểm tra đầy đủ các căn cứ, điều kiện bắt buộc để áp dụng; đối với trường hợp có thể được MTNHS, ngoài việc xác định đầy đủ điều kiện luật định, CQCSĐT còn phải đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân bị can, hậu quả của tội phạm, việc khắc phục hậu quả và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

Như vậy, kết quả của giai đoạn này chưa phải là quyết định đình chỉ điều tra, mà là sự xác định đầy đủ, có căn cứ về sự kiện pháp lý và các tình tiết thực tế của VAHS. Các kết luận phải được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ hợp pháp trong hồ sơ, làm cơ sở để CQCSĐT chuyển sang lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện MTNHS và quy phạm pháp luật TTHS quy định căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức đình chỉ điều tra. Việc đánh giá phải tránh cả hai khuynh hướng: áp dụng pháp luật về MTNHS thiếu căn cứ dẫn đến bỏ lọt tội phạm và không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

2.2.2.2. Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Lựa chọn quy phạm pháp luật là giai đoạn CQCSĐT xác định hệ thống quy định điều chỉnh trường hợp cụ thể trên cơ sở các tình tiết đã được chứng minh. Hoạt động này không chỉ giới hạn ở việc lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự mà phải bảo đảm sự thống nhất giữa các tầng quy phạm có liên quan. Trước hết, CQCSĐT phải lựa chọn quy phạm pháp luật TTHS để xác định căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình

thức đình chỉ điều tra; tiếp đó, lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện MTNHS; đồng thời đối chiếu các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan để xác định chính xác những sự kiện pháp lý làm cơ sở giải quyết VAHS.

Pháp luật hình sự quy định căn cứ và điều kiện nội dung để xác định bị can thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS; pháp luật TTHS quy định cách thức chuyển hóa căn cứ đó thành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền của CQCSĐT. Vì vậy, theo pháp luật hiện hành, CQCSĐT không trực tiếp ban hành một quyết định MTNHS độc lập mà áp dụng căn cứ MTNHS thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo Điều 230 BLTTHS. Đối với các quy định về MTNHS tại Phần các tội phạm cụ thể của BLHS, CQCSĐT chỉ đối chiếu ở mức cần thiết để xác định giá trị của căn cứ nội dung đặc thù và mối quan hệ với căn cứ tổ tụng về đình chỉ điều tra; không coi các điều luật này là căn cứ tổ tụng độc lập nếu BLTTHS không quy định. Trường hợp áp dụng Điều 29 BLHS thì các căn cứ, điều kiện của Điều 29 phải được xác định và chứng minh độc lập.

Các quy định của pháp luật hành chính, dân sự và pháp luật chuyên ngành không phải là căn cứ trực tiếp để CQCSĐT quyết định MTNHS, nhưng có thể được sử dụng để xác định tính hợp pháp của hành vi, thiệt hại, việc bồi thường, khắc phục hậu quả, sự thay đổi chính sách, pháp luật hoặc những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc áp dụng căn cứ MTNHS. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao và văn bản hướng dẫn có thẩm quyền được sử dụng để giải thích, áp dụng thống nhất pháp luật; công văn nghiệp vụ, văn bản trao đổi liên ngành và thông báo rút kinh nghiệm chỉ có giá trị hướng dẫn, phối hợp hoặc tham khảo, không được bổ sung, thay đổi hay mở rộng căn cứ MTNHS do luật quy định.

Trong quá trình lựa chọn quy phạm, CQCSĐT phải kiểm tra hiệu lực về thời gian, không gian và đối tượng áp dụng; xác định đúng thứ bậc hiệu lực và giải quyết mối quan hệ giữa quy định chung với quy định đặc thù. Trường hợp pháp luật hình sự thay đổi sau khi hành vi phạm tội được thực hiện thì phải áp dụng quy định về hiệu lực của BLHS và nguyên tắc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội. Việc lựa chọn đúng quy phạm góp phần tránh cả hình sự hóa quan hệ hành chính, dân sự và hành chính hóa, dân sự hóa hành vi phạm tội; đồng thời bảo đảm việc đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện thống nhất, bình đẳng, đúng pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

2.2.2.3. Ban hành văn bản áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Ban hành văn bản ADPL là giai đoạn chuyển kết quả xác định sự kiện pháp lý và lựa chọn quy phạm thành quyết định tố tụng cá biệt. Theo pháp luật hiện hành, văn bản thể hiện kết quả ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ điều tra đối với từng bị can, tùy thuộc vào phạm vi và đối tượng được đình chỉ trong VAHS. Cơ quan Cảnh sát điều tra không ban hành một quyết định MTNHS độc lập trước khi ban hành quyết định đình chỉ điều tra. Quyết định này làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi được đình chỉ và tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan.

Việc ban hành quyết định phải dựa trên căn cứ thực tế đã được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ hợp pháp trong hồ sơ và căn cứ pháp lý được lựa chọn chính xác. Nội dung quyết định phải xác định rõ vụ án, bị can, hành vi bị khởi tố, diễn biến và kết quả điều tra; căn cứ, điều kiện MTNHS; điều khoản cụ thể của BLHS và căn cứ đình chỉ điều tra theo BLTTHS; việc xử lý biện pháp ngăn chặn, vật chứng, tài sản và những vấn đề có liên quan. Hình thức và nội dung quyết định phải tuân thủ quy định của BLTTHS và biểu mẫu tố tụng, bảo đảm rõ ràng, chặt chẽ, thống nhất giữa phần nhận định, căn cứ và nội dung quyết định.

Việc ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS không thuộc quyền tùy nghi của Điều tra viên. Điều tra viên và Cán bộ điều tra thực hiện việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và đề xuất hướng giải quyết; Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQCSĐT được phân công phải trực tiếp kiểm tra tính đầy đủ của chứng cứ, căn cứ, điều kiện MTNHS và ban hành quyết định theo thẩm quyền. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, quyết định phải được ban hành khi đã xác định đầy đủ căn cứ, điều kiện luật định; đối với trường hợp có thể được MTNHS, người có thẩm quyền phải đánh giá toàn diện các căn cứ, điều kiện và tình tiết có liên quan trước khi quyết định, không được tùy tiện mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi áp dụng.

Sau khi ban hành, quyết định và hồ sơ phải được chuyển, gửi cho VKSND và các chủ thể có liên quan theo thời hạn, trình tự do BLTTHS quy định. VKSND thực hiện kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định đình chỉ điều tra, không phê chuẩn quyết định của CQCSĐT. Sự phân định rõ trách nhiệm giữa người tiến hành điều tra,

người có thẩm quyền ban hành quyết định và VKSND thực hiện chức năng kiểm sát góp phần phòng ngừa cả việc đình chỉ thiếu căn cứ dẫn đến bỏ lọt tội phạm và việc không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

2.2.2.4. Tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Tổ chức thực hiện văn bản ADPL là giai đoạn cuối cùng, bảo đảm nội dung của quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng pháp luật. Sau khi ban hành quyết định, CQCSĐT và người có thẩm quyền phải thực hiện hoặc tổ chức thực hiện việc gửi, giao, thông báo quyết định; chấm dứt các hoạt động tố tụng đối với bị can trong phạm vi được đình chỉ; hủy bỏ hoặc đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo thẩm quyền; giải quyết vật chứng, tài sản và các vấn đề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm bị can được khôi phục kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp bị hạn chế bởi hoạt động tố tụng trong phạm vi quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, MTNHS không đương nhiên làm chấm dứt mọi nghĩa vụ pháp lý có liên quan. Nghĩa vụ hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ tài chính, xử lý hành chính, kỷ luật hoặc trách nhiệm pháp lý khác vẫn được giải quyết nếu có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật. CQCSĐT đồng thời phải bảo đảm quyền được thông báo, quyền khiếu nại và quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong phạm vi chức năng của mình, CQCSĐT có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung của quyết định; kịp thời khắc phục việc chậm giao, gửi quyết định, không hủy bỏ biện pháp ngăn chặn hoặc xử lý không đầy đủ những vấn đề liên quan. Trường hợp VKSND phát hiện quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ hoặc trái pháp luật và thực hiện quyền năng kiểm sát theo quy định, CQCSĐT phải chấp hành quyết định, yêu cầu hợp pháp của VKSND và tiếp tục giải quyết vụ án theo trình tự TTHS.

Kết quả tổ chức thực hiện là căn cứ để đánh giá tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả thực tế của toàn bộ quá trình ADPL về MTNHS đối với bị can. Thông qua việc theo dõi, kiểm tra, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm, CQCSĐT có thể nhận diện những hạn chế trong xác định tình tiết, lựa chọn quy phạm, ban hành và thực hiện quyết định;

từ đó kiến nghị hướng dẫn, hoàn thiện pháp luật và quy trình nghiệp vụ, bảo đảm ADPL thống nhất, bảo vệ quyền con người, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

Trong phạm vi luận án, điều kiện bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được hiểu là những tiền đề cần thiết về chính trị, pháp lý, tổ chức, nhân lực, phối hợp và cơ sở vật chất để ADPL được thực hiện đúng pháp luật, thống nhất và có thể kiểm soát. Các điều kiện này khác với các yếu tố ảnh hưởng được phân tích tại Chương 3, là những yếu tố được xem xét trong mối quan hệ với chiều hướng, mức độ tác động đến thực tiễn ADPL trong giai đoạn nghiên cứu.

2.3.1. Điều kiện bảo đảm chính trị

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng tạo định hướng chính trị cho việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; bảo đảm hoạt động của CQCSĐT vừa đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, vừa thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, bảo vệ quyền con người và kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động điều tra.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định yêu cầu *“tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan điều tra...”* và xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo. Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông pháp luật, giỏi nghiệp vụ. Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với công tác này.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh yêu cầu phát huy tính Đảng trong xây dựng, thi hành pháp luật; lấy

người dân làm trung tâm; bảo đảm pháp luật có tính hệ thống, đồng bộ, khả thi, công khai và minh bạch. Tiếp tục định hướng này, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; đồng thời gắn việc trao thẩm quyền với cơ chế kiểm soát nguy cơ lạm dụng quyền lực. Đây là những định hướng chính trị quan trọng đối với việc hoàn thiện pháp luật và bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT [10].

Điều kiện chính trị còn được thể hiện ở sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa vi phạm và bảo đảm các nguồn lực phục vụ hoạt động điều tra. Tuy nhiên, sự lãnh đạo đó không thay thế thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT, không can thiệp vào việc đánh giá chứng cứ, lựa chọn căn cứ MTNHS hoặc ban hành quyết định đình chỉ điều tra trong từng VAHS cụ thể. Việc phân định rõ định hướng chính trị với trách nhiệm pháp lý của chủ thể ADPL là điều kiện để CQCSĐT thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền, không áp dụng MTNHS tùy tiện và không bỏ qua việc nhận diện, xem xét trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

2.3.2. Điều kiện bảo đảm pháp lý

Điều kiện bảo đảm pháp lý giữ vai trò trực tiếp và có tính nền tảng đối với ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Hoạt động này chỉ có thể được thực hiện hợp hiến, hợp pháp và thống nhất khi hệ thống pháp luật quy định đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ và có khả năng áp dụng thống nhất trên thực tế [54] về căn cứ, điều kiện MTNHS; căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức đình chỉ điều tra; hậu quả pháp lý và cơ chế kiểm sát việc ban hành, tổ chức thực hiện quyết định.

Sự thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS là nội dung cốt lõi của điều kiện bảo đảm pháp lý. Pháp luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý về hình sự của MTNHS; pháp luật TTHS quy định cơ chế chuyển hóa các căn cứ đó thành quyết định đình chỉ điều tra thuộc thẩm quyền của CQCSĐT. Vì vậy, việc hoàn thiện một nhóm quy định phải được đặt trong mối quan hệ với nhóm quy định còn lại, tránh trường hợp BLHS ghi nhận căn cứ MTNHS nhưng BLTTHS không có căn cứ, thẩm quyền hoặc thủ tục tương ứng để thực hiện trong giai đoạn điều tra.

Hệ thống pháp luật còn phải bảo đảm tính cụ thể và khả năng áp dụng đối với những điều kiện có nội dung định tính như chuyển biến của tình hình, người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt. Các điều kiện này cần được giải thích, hướng dẫn bằng văn bản có giá trị pháp lý phù hợp và được áp dụng thống nhất. Văn bản hướng dẫn, phối hợp hoặc trao đổi nghiệp vụ không được bỏ sung, thay đổi hay mở rộng căn cứ MTNHS ngoài quy định của BLHS và BLTTHS.

Điều kiện pháp lý cũng đòi hỏi quy định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong các giai đoạn xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định. Quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS phải có căn cứ thực tế, căn cứ pháp lý rõ ràng, đúng thẩm quyền và đúng hình thức; đồng thời bảo đảm quyền được biết, quyền khiếu nại của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan. Cơ chế kiểm sát của VKSND, kiểm tra nội bộ và trách nhiệm giải trình của người ban hành quyết định phải đủ khả năng phát hiện, khắc phục kịp thời việc áp dụng thiếu căn cứ hoặc không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

Như vậy, điều kiện bảo đảm pháp lý không chỉ được đánh giá bằng số lượng văn bản, mà chủ yếu ở tính thống nhất, minh bạch, khả thi và khả năng kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Đây là cơ sở để CQCSĐT áp dụng đúng căn cứ MTNHS và căn cứ đình chỉ điều tra, bảo đảm tính nghiêm minh, nhân đạo của pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong TTHS.

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực là điều kiện trực tiếp bảo đảm CQCSĐT thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền các giai đoạn ADPL về MTNHS đối với bị can. Bộ máy được tổ chức khoa học, phân công và phân cấp rõ ràng sẽ bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo điều tra, hạn chế việc đùn đẩy trách nhiệm hoặc can thiệp không đúng thẩm quyền vào quá trình đánh giá chứng cứ và ban hành quyết định đình chỉ điều tra.

Phù hợp với mô hình tổ chức hiện hành, CQCSĐT trong CAND được tổ chức ở Bộ Công an và Công an cấp tỉnh, với các đơn vị được phân công điều tra theo nhóm tội phạm và thẩm quyền do pháp luật quy định. Việc chuyển từ mô hình tổ chức có CQCSĐT Công an cấp huyện sang mô hình hai cấp đặt ra yêu cầu phân định lại thẩm

quyền, địa bàn, trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra VAHS; đồng thời phải bảo đảm hồ sơ, dữ liệu và công việc được chuyển giao liên tục, không làm gián đoạn việc xem xét căn cứ MTNHS hoặc ảnh hưởng đến quyền của bị can.

Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đặt ra yêu cầu tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Đối với ADPL về MTNHS đối với bị can, yêu cầu này phải được cụ thể hóa bằng việc bố trí đủ nhân lực theo vị trí việc làm, phân công đúng năng lực chuyên môn và xác định rõ trách nhiệm giữa Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, Điều tra viên và Cán bộ điều tra.

Điều tra viên và Cán bộ điều tra phải có năng lực thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nhận diện chính xác sự khác biệt giữa căn cứ MTNHS với tình tiết giảm nhẹ TNHS, căn cứ không khởi tố, căn cứ loại trừ TNHS và miễn hình phạt; đồng thời có khả năng lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT phải có năng lực kiểm tra hồ sơ, đánh giá đề xuất, xác định đầy đủ căn cứ, điều kiện và chịu trách nhiệm về quyết định tố tụng được ban hành.

Bên cạnh trình độ chuyên môn, các chủ thể ADPL của CQCSĐT phải có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức thượng tôn pháp luật và trách nhiệm bảo vệ quyền con người; đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử của cán bộ, chiến sĩ CAND gắn với chuẩn mực đạo đức, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân [33]. Việc đào tạo, bồi dưỡng cần tập trung vào những nội dung trực tiếp phục vụ ADPL về MTNHS đối với bị can như giải thích các thuật ngữ định tính; đánh giá chứng cứ chứng minh căn cứ, điều kiện MTNHS; kỹ năng soạn thảo quyết định đình chỉ điều tra; xử lý vật chứng, tài sản, bồi thường và các hậu quả pháp lý có liên quan. Năng lực này góp phần phòng ngừa việc vận dụng pháp luật theo kinh nghiệm, áp dụng máy móc hoặc tùy tiện giữa các địa phương, đơn vị.

Như vậy, điều kiện về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực phải bảo đảm cả tính hợp lý của cơ cấu tổ chức, sự rõ ràng trong phân công trách nhiệm và năng lực chuyên biệt của người tiến hành tố tụng. Đây là điều kiện để các quy định về MTNHS được

chuyển hóa chính xác thành quyết định đình chỉ điều tra, bảo đảm khách quan, kịp thời và có thể kiểm soát trong thực tiễn.

2.3.4. Điều kiện bảo đảm quan hệ phối hợp

Quan hệ phối hợp là điều kiện hỗ trợ CQCSĐT xác định đầy đủ sự kiện pháp lý, lựa chọn đúng quy phạm và giải quyết kịp thời những vấn đề có nhận thức khác nhau trong quá trình xem xét đình chỉ điều tra do MTNHS. Cơ chế phối hợp phải được xây dựng trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan; không làm thay đổi thẩm quyền tố tụng hoặc làm mờ trách nhiệm của chủ thể ban hành quyết định.

Sự phối hợp giữa CQCSĐT và VKSND được thực hiện thông qua việc trao đổi thông tin, tài liệu; thực hiện yêu cầu điều tra của VKSND; làm rõ chứng cứ, căn cứ, điều kiện MTNHS và xử lý những quan điểm khác nhau theo trình tự pháp luật quy định. CQCSĐT chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra và quyết định đình chỉ điều tra thuộc thẩm quyền; VKSND thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật, không thay thế CQCSĐT thu thập, đánh giá chứng cứ và không phê chuẩn quyết định đình chỉ điều tra. Vì vậy, phải phân biệt quan hệ phối hợp trong giải quyết VAHS với hoạt động kiểm sát của VKSND đối với quyết định của CQCSĐT.

Quan hệ giữa CQCSĐT với TAND trong lĩnh vực này chủ yếu được thể hiện thông qua tổng kết thực tiễn, hướng dẫn áp dụng pháp luật và tham gia xây dựng văn bản liên ngành. TAND không tham gia đánh giá chứng cứ hoặc quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với bị can trong VAHS đang thuộc giai đoạn điều tra. Việc xác định đúng phạm vi quan hệ này góp phần bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức pháp luật nhưng không làm lẫn lộn chức năng điều tra, công tố, kiểm sát và xét xử.

Trong nội bộ lực lượng CAND, sự phối hợp giữa CQCSĐT với các đơn vị nghiệp vụ, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và cơ quan quản lý chuyên ngành có ý nghĩa đối với việc thu thập tài liệu, xác minh thông tin và đánh giá những vấn đề chuyên môn. Đối với các vụ án liên quan đến tài chính, ngân hàng, thuế, đất đai, y tế, môi trường hoặc lĩnh vực quản lý chuyên ngành khác, kết quả trao đổi và cung cấp tài liệu là căn cứ thực tế để CQCSĐT xác định tính chất của hành vi, thiệt hại, việc khắc phục hậu quả và điều kiện MTNHS. Tuy nhiên, ý kiến của cơ quan phối hợp không thay thế trách nhiệm đánh giá chứng cứ và quyết định của CQCSĐT.

Điều kiện bảo đảm quan hệ phối hợp còn đòi hỏi phải có quy trình trao đổi thông tin, thời hạn trả lời, phương thức xử lý quan điểm khác nhau và trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân. Mỗi cơ quan, người có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về nhận định, yêu cầu và quyết định thuộc phạm vi chức năng của mình. Cơ chế phối hợp rõ ràng góp phần bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can được thực hiện thống nhất, khách quan, đúng pháp luật và chịu sự kiểm soát cần thiết.

2.3.5. Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật

Cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và hệ thống dữ liệu nghiệp vụ là điều kiện hỗ trợ trực tiếp cho việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, quản lý hồ sơ và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Khoản 1 Điều 62 Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định: *“Căn cứ yêu cầu công tác điều tra hình sự, địa bàn hoạt động và điều kiện kinh tế - xã hội, Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất của Cơ quan điều tra gồm có đất đai, trụ sở, công trình; trang thiết bị...”* [44] theo đó, CQCSĐT phải được bảo đảm trụ sở, phòng làm việc, nơi bảo quản vật chứng, kho và tủ lưu trữ hồ sơ; phương tiện giao thông, thông tin liên lạc, máy tính, máy in, thiết bị ghi âm, ghi hình và các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cần thiết.

Điều 183 BLTTHS năm 2015 quy định: *“...Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh...”*[42] việc trang bị, vận hành và bảo quản thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh đúng quy định góp phần bảo đảm tính khách quan của hoạt động hỏi cung, quyền của bị can và khả năng kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu, chứng cứ được sử dụng để xem xét căn cứ MTNHS.

Đối với ADPL về MTNHS, cơ sở vật chất không chỉ phục vụ hoạt động điều tra nói chung mà còn phải bảo đảm khả năng quản lý, đối chiếu và kiểm tra các tài liệu chứng minh điều kiện MTNHS như kết luận chuyên môn, hồ sơ y tế, chứng từ bồi thường, tài liệu khắc phục hậu quả, văn bản xác nhận lập công hoặc công hiến đặc biệt và ý kiến của bị hại. Hồ sơ phải được sắp xếp khoa học, thể hiện rõ mối liên hệ giữa chứng cứ, căn cứ pháp lý, đề xuất của Điều tra viên và quyết định của người có thẩm quyền.

Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu nghiệp vụ cần hỗ trợ việc theo dõi thời hạn tố tụng, quản lý quyết định, thống kê theo căn cứ MTNHS, phát hiện trường hợp vi phạm dẫn thiếu hoặc không thống nhất quy phạm pháp luật. Việc số hóa hồ sơ, liên thông và khai

thác dữ liệu chỉ được thực hiện trong hệ thống nghiệp vụ được kiểm soát, bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật điều tra, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Không được đưa hồ sơ, tài liệu điều tra lên nền tảng hoặc công cụ bên ngoài chưa đáp ứng yêu cầu pháp lý và bảo mật.

Như vậy, bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật và dữ liệu nghiệp vụ là điều kiện cần thiết để CQCSĐT thực hiện các giai đoạn ADPL về MTNHS chính xác, kịp thời và có khả năng kiểm tra. Điều kiện này không thay thế năng lực, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, nhưng góp phần hạn chế sai sót trong thu thập, quản lý, đánh giá chứng cứ; chuẩn hóa thống kê, báo cáo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can cùng các chủ thể có liên quan.

2.4. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỚI VIỆT NAM

Trong nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, vấn đề quan trọng không chỉ là bảo đảm sự đa dạng của các hệ thống pháp luật được khảo cứu mà còn phải xác định mức độ tương thích với đối tượng, phạm vi và mục tiêu nghiên cứu của luận án. Luận án không nghiên cứu chung về chính sách hình sự nhân đạo, miễn hình phạt, loại trừ TNHS hoặc các cơ chế thay thế truy cứu TNHS, mà tập trung vào ADPL về MTNHS trong giai đoạn điều tra. Vì vậy, việc lựa chọn quốc gia nghiên cứu được đặt trên các tiêu chí: pháp luật có quy định về MTNHS hoặc cơ chế pháp lý tương đồng; cơ chế đó có liên hệ trực tiếp với giai đoạn điều tra, việc chấm dứt truy cứu TNHS hoặc đình chỉ vụ án; hệ thống pháp luật có khả năng so sánh nhất định với Việt Nam; và kết quả nghiên cứu có thể cung cấp giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật, quy trình và điều kiện bảo đảm ADPL của CQCSĐT.

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Nghiên cứu sinh lựa chọn Liên bang Nga, Cộng hòa Kazakhstan và Cộng hòa Tajikistan làm nhóm quốc gia nghiên cứu trọng tâm. Đây là những quốc gia thuộc truyền thống pháp luật thành văn, chịu ảnh hưởng của mô hình pháp luật hình sự Liên Xô trước đây và đều ghi nhận tương đối rõ các căn cứ MTNHS trong pháp luật hình sự. Pháp luật TTHS của các quốc gia này cũng thiết lập cơ chế chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt việc truy cứu TNHS trong giai đoạn trước xét xử. Những điểm tương đồng đó tạo điều kiện để so sánh về căn cứ, thẩm quyền, hình thức

quyết định, quyền của người bị buộc tội, vai trò của cơ quan kiểm sát và cơ chế kiểm soát quyền lực.

Bên cạnh đó, Nghiên cứu sinh khảo cứu pháp luật Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome nhằm làm rõ sự khác biệt giữa MTNHS với miễn hình phạt, miễn xử phạt, quyết định không truy tố và loại trừ TNHS. Các hệ thống này không được lựa chọn làm đối tượng phân tích trọng tâm vì cơ chế pháp lý tương ứng không hoàn toàn đồng nhất với chế định MTNHS của Việt Nam hoặc không gắn trực tiếp với thẩm quyền đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra. Việc khảo cứu chỉ có mục đích đối chiếu, sàng lọc và củng cố căn cứ lựa chọn Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan làm nhóm quốc gia nghiên cứu chuyên sâu.

2.4.1. Liên bang Nga

2.4.1.1. Quy định pháp luật Liên bang Nga về chế định miễn trách nhiệm hình sự

Chế định MTNHS được quy định tại Chương 11 BLHS Liên bang Nga năm 1996, được sửa đổi, bổ sung đến năm 2026. Các căn cứ có liên quan trực tiếp đến đề tài gồm: MTNHS do ăn năn tích cực tại Điều 75; trong đó, khoản 2 Điều này quy định người thực hiện tội phạm thuộc loại khác chỉ được MTNHS trong những trường hợp được quy định riêng tại các điều luật thuộc Phần các tội phạm; MTNHS do hòa giải với người bị hại và khắc phục thiệt hại tại Điều 76; MTNHS do bồi thường thiệt hại và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính luật định đối với những tội phạm được xác định cụ thể tại Điều 76.1; MTNHS kèm theo áp dụng biện pháp phạt tiền tư pháp tại Điều 76.2; MTNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS tại Điều 78. Điều 78.1 quy định MTNHS đối với người được gọi thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc ký hợp đồng thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời kỳ động viên, thiết quân luật hoặc chiến tranh, cũng như người thực hiện nghĩa vụ quân sự trong những thời kỳ này, khi đáp ứng các điều kiện luật định; đây không phải căn cứ MTNHS do hợp tác tích cực với cơ quan điều tra [83].

Pháp luật Liên bang Nga còn ghi nhận các căn cứ MTNHS đặc thù tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm. Khoản 2 Điều 75 BLHS Liên bang Nga xác định người thực hiện tội phạm thuộc loại khác chỉ được MTNHS do ăn năn tích cực trong những trường hợp được điều luật tương ứng của Phần các tội phạm quy định. Cách

thiết kế này phân biệt căn cứ chung với căn cứ đặc thù, đồng thời đòi hỏi chủ thể ADPL phải xác định rõ điều luật nội dung và cơ chế tổ tụng tương ứng, tránh viện dẫn thay thế hoặc chồng chéo giữa các căn cứ.

Cơ chế TTTHS để thực hiện các căn cứ trên được quy định tại các Điều 25, 25.1, 27, 28, 28.1 và 28.2 BLTTHS Liên bang Nga. Tùy thuộc vào căn cứ và giai đoạn tố tụng, vụ án hoặc việc truy cứu TNHS có thể được chấm dứt bởi Tòa án; bởi Điều tra viên với sự đồng ý của người đứng đầu Cơ quan điều tra; hoặc bởi người tiến hành xác minh với sự đồng ý của Kiểm sát viên. Riêng trường hợp MTNHS kèm theo áp dụng biện pháp phạt tiền tư pháp theo Điều 25.1, trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên hoặc người tiến hành xác minh không trực tiếp quyết định chấm dứt vụ án mà lập đề nghị để Tòa án xem xét, quyết định theo thủ tục luật định. Điều 212 BLTTHS Liên bang Nga xác định vụ án và việc truy cứu TNHS được chấm dứt khi có các căn cứ quy định từ Điều 24 đến Điều 28.2; Điều 213 quy định việc ban hành, nội dung và gửi quyết định chấm dứt vụ án hoặc truy cứu TNHS. Theo đó, quyết định do Điều tra viên ban hành được gửi cho Kiểm sát viên để kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ; việc gửi quyết định không đồng nghĩa với việc mọi quyết định này chỉ có hiệu lực sau khi được Kiểm sát viên phê chuẩn [86].

Đáng chú ý, đối với một số căn cứ không có tính chất minh oan, pháp luật Liên bang Nga yêu cầu giải thích cho người bị buộc tội về căn cứ, hậu quả pháp lý và quyền phản đối việc chấm dứt truy cứu TNHS. Nếu người đó phản đối thì vụ án tiếp tục được giải quyết theo thủ tục chung. Yêu cầu này bảo đảm người bị buộc tội không bị xác định là đã thực hiện tội phạm bằng một quyết định chấm dứt vụ án mà không có khả năng yêu cầu tiếp tục tố tụng để bảo vệ quyền được suy đoán vô tội.

Tài liệu nghiệp vụ được luận án khảo cứu cho thấy hồ sơ xem xét MTNHS phải thể hiện được tính tự nguyện của việc tự thú, hòa giải, bồi thường hoặc khắc phục hậu quả; tài liệu xác định thiệt hại; ý kiến của người bị hại và căn cứ pháp lý của đề xuất chấm dứt vụ án [105], những yêu cầu này có ý nghĩa bảo đảm quyết định chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS trên căn cứ MTNHS được ban hành trên cơ sở chứng cứ có thể kiểm tra, không chỉ dựa vào nhận xét chung về thái độ hoặc nhân thân của người phạm tội.

2.4.1.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Liên bang Nga

Thực tiễn áp dụng pháp luật tại Liên bang Nga cho thấy việc chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS được thực hiện theo nhiều căn cứ, trong đó có hòa giải với người bị hại, ăn năn tích cực, bồi thường thiệt hại và MTNHS kèm theo áp dụng biện pháp phạt tiền tư pháp. Tuy nhiên, số liệu thống kê tư pháp được công bố có sự khác nhau về đơn vị tính, căn cứ chấm dứt, giai đoạn tố tụng và chủ thể ban hành quyết định; một số báo cáo còn tổng hợp các trường hợp chấm dứt vụ án do MTNHS cùng với những căn cứ tố tụng khác. Vì vậy, tổng số vụ án hoặc số trường hợp chấm dứt vụ án không thể được sử dụng để suy ra trực tiếp số người được MTNHS theo từng căn cứ pháp luật hình sự.

Đối với cơ chế MTNHS kèm theo áp dụng biện pháp phạt tiền tư pháp, số liệu của Cơ quan Tư pháp thuộc Tòa án tối cao Liên bang Nga cho thấy năm 2017 biện pháp này được áp dụng đối với 20.639 người và năm 2018 tăng lên 33.329 người [101], [102]; Điều 76.2 BLHS và Điều 25.1 BLTTHS Liên bang Nga thiết lập cơ chế tố tụng riêng, theo đó Tòa án là chủ thể quyết định chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt việc truy cứu TNHS và áp dụng biện pháp phạt tiền tư pháp khi có đầy đủ điều kiện luật định. Trong giai đoạn điều tra, Điều tra viên hoặc người tiến hành xác minh chỉ lập đề nghị để Tòa án xem xét theo thẩm quyền. Do đó, số liệu này phản ánh mức độ áp dụng một cơ chế MTNHS có điều kiện trong hoạt động xét xử, không đại diện cho toàn bộ thực trạng ADPL về MTNHS của Cơ quan điều tra Liên bang Nga.

Qua thực tiễn có thể nhận thấy vai trò của Cơ quan điều tra thể hiện chủ yếu ở việc nhận diện căn cứ, thu thập chứng cứ, xác định việc khắc phục hậu quả, lấy ý kiến của người bị hại, giải thích quyền cho người bị buộc tội và ban hành hoặc đề nghị ban hành quyết định theo đúng thẩm quyền. Kết quả ADPL vì vậy phụ thuộc không chỉ vào quy định của BLHS mà còn vào sự đầy đủ của cơ chế TTHS, chất lượng hồ sơ và khả năng kiểm soát quyết định trong từng trường hợp.

2.4.1.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Liên bang Nga và bài học kinh nghiệm với Việt Nam

*** Ưu điểm**

Mô hình ADPL về MTNHS của Liên bang Nga có một số ưu điểm: *thứ nhất*, pháp luật phân định tương đối rõ căn cứ nội dung trong BLHS với căn cứ, thẩm quyền

và thủ tục chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS trong BLTTHS; *thứ hai*, thẩm quyền quyết định được phân hóa theo từng căn cứ, có sự tham gia của người đứng đầu Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên hoặc Tòa án nhằm kiểm soát quyết định; *thứ ba*, việc tự thú, hòa giải, bồi thường và khắc phục hậu quả phải được chứng minh bằng tài liệu cụ thể; *thứ tư*, người bị buộc tội được giải thích về căn cứ, hậu quả và có quyền phản đối việc chấm dứt truy cứu TNHS trong các trường hợp pháp luật quy định.

Việc gắn căn cứ MTNHS với hành vi tích cực sau khi phạm tội góp phần khuyến khích người phạm tội tự giác hợp tác, bồi thường và khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, ý nghĩa này không làm thay đổi nguyên tắc chỉ MTNHS khi đã có đủ căn cứ xác định người đó thực hiện tội phạm và về nguyên tắc phải chịu TNHS.

** Hạn chế*

Mô hình của Liên bang Nga cũng bộc lộ một số hạn chế. Các khái niệm như “ăn năn tích cực”, “đã khắc phục thiệt hại” hoặc mức độ cần thiết của việc chấm dứt truy cứu TNHS vẫn có nội dung định tính và có thể dẫn đến cách đánh giá khác nhau [93] đối với những căn cứ gắn với khả năng bồi thường hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính, nếu thiếu tiêu chí kiểm soát có thể phát sinh nguy cơ bất bình đẳng giữa người có và người không có điều kiện kinh tế.

Sự phân hóa thẩm quyền giữa Điều tra viên, người đứng đầu Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Tòa án góp phần kiểm soát quyền lực nhưng cũng làm cho thủ tục áp dụng có thể phức tạp. Bên cạnh đó, cách thống kê chưa hoàn toàn đồng nhất giữa số vụ án, số người, căn cứ chấm dứt và chủ thể ra quyết định gây khó khăn cho việc đánh giá đầy đủ hiệu quả thực tế của từng căn cứ MTNHS [101], [102].

2.4.1.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Kinh nghiệm của Liên bang Nga gợi mở cho Việt Nam về sự cần thiết phải bảo đảm tương thích giữa các căn cứ MTNHS trong BLHS với căn cứ, thẩm quyền và thủ tục đình chỉ điều tra trong BLTTHS. Mỗi căn cứ nội dung cần được đặt trong mối quan hệ với cơ chế tố tụng tương ứng, tránh việc phải viện dẫn thêm một căn cứ khác không hoàn toàn phù hợp khi giải quyết vụ án trong giai đoạn điều tra.

Bên cạnh đó, Việt Nam có thể tham khảo yêu cầu chuẩn hóa hồ sơ chứng minh căn cứ, điều kiện MTNHS; phân định trách nhiệm giữa người thu thập, đánh giá và đề xuất với người ban hành quyết định; giải thích cho người bị buộc tội về căn cứ, hậu quả pháp lý và quyền khiếu nại; đồng thời thống nhất cách thống kê theo vụ án, bị can, căn

cứ MTNHS và chủ thể ban hành quyết định. Việc tham khảo không đồng nghĩa với sao chép cơ chế chấp thuận hoặc thẩm quyền của Liên bang Nga, mà phải phù hợp với nguyên tắc CQCSĐT Việt Nam ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền và chịu sự kiểm sát của VKSND.

2.4.2. Kazakhstan

2.4.2.1. Quy định của pháp luật Kazakhstan về chế định miễn trách nhiệm hình sự

Phần 5 Bộ luật hình sự Cộng hòa Kazakhstan năm 2014, được sửa đổi, bổ sung đến năm 2025, quy định về miễn trách nhiệm hình sự và miễn hình phạt. Trong đó, các căn cứ trực tiếp liên quan đến MTNHS gồm: Điều 65 quy định MTNHS do ăn năn tích cực; Điều 66 quy định MTNHS trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ cần thiết do sợ hãi, hoảng loạn hoặc bối rối trước hành vi xâm hại nguy hiểm cho xã hội; Điều 67 quy định MTNHS hoặc miễn chấp hành hình phạt khi người phạm tội thực hiện đầy đủ các điều kiện của thỏa thuận tố tụng; Điều 67-1 quy định MTNHS khi thực hiện đầy đủ điều kiện của thỏa thuận nhận tội và hoàn trả tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp; Điều 68 quy định MTNHS do hòa giải và khắc phục thiệt hại; Điều 70 quy định MTNHS do thay đổi tình hình; Điều 71 quy định MTNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS. Riêng Điều 69 quy định miễn chấp hành hình phạt trên cơ sở bảo lãnh nên không thuộc nhóm căn cứ MTNHS [82].

Các quy định này kết hợp căn cứ bắt buộc với căn cứ có sự đánh giá, lựa chọn của chủ thể có thẩm quyền. Đáng chú ý, pháp luật Kazakhstan ghi nhận cả căn cứ chung và căn cứ MTNHS đặc thù tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm. Vì vậy, chủ thể ADPL phải xác định rõ hành vi cấu thành tội phạm, điều kiện của căn cứ MTNHS và thủ tục chấm dứt việc truy cứu TNHS; không đồng nhất tình tiết giảm nhẹ hoặc việc bồi thường với căn cứ MTNHS.

Về phương diện TTHS, Điều 35 BLTTHS Kazakhstan quy định các trường hợp loại trừ việc tiến hành tố tụng; Điều 36 quy định những trường hợp cho phép không tiếp tục truy cứu TNHS. Việc áp dụng căn cứ MTNHS được thực hiện bởi cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong giới hạn luật định và chịu sự kiểm tra, kiểm sát theo thủ tục tương ứng [85]. Vì vậy, không nên khái quát rằng Điều tra viên luôn được tự mình đình chỉ vụ án và Viện kiểm sát chỉ tiếp nhận thông báo để ghi nhận kết quả.

Cách thiết kế của Kazakhstan cho thấy sự liên kết giữa pháp luật hình sự và pháp luật Tố tụng hình sự, Bộ luật hình sự xác định căn cứ, điều kiện MTNHS, còn BLTTHS xác định căn cứ, chủ thể, hình thức và thủ tục chấm dứt tố tụng. Đây là điều kiện để việc MTNHS không bị tách khỏi cơ chế kiểm soát quyền lực trong giai đoạn điều tra.

2.4.2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Kazakhstan

Thực tiễn tại Kazakhstan cho thấy việc chấm dứt truy cứu TNHS theo các căn cứ không có tính chất minh oan được thực hiện trong nhiều trường hợp, trong đó có ăn năn tích cực, hòa giải với người bị hại, khắc phục thiệt hại và hết thời hiệu truy cứu TNHS. Cơ chế hòa giải tại Điều 68 BLHS có ý nghĩa đáng chú ý vì gắn việc MTNHS với sự hòa giải, kể cả hòa giải thông qua trung gian, và việc khắc phục thiệt hại do tội phạm gây ra. Tuy nhiên, ý chí của các bên không phải là điều kiện duy nhất quyết định việc MTNHS. Cơ quan có thẩm quyền còn phải xác định loại tội phạm, việc phạm tội lần đầu trong những trường hợp luật định, hậu quả của tội phạm, kết quả khắc phục thiệt hại và các trường hợp pháp luật loại trừ áp dụng.

Các báo cáo thống kê năm 2023 phản ánh một số lượng đáng kể vụ án hoặc người bị chấm dứt truy cứu TNHS theo những căn cứ không có tính chất minh oan [99]. Tuy nhiên, nhóm căn cứ này có phạm vi rộng hơn MTNHS; đồng thời các nguồn thống kê sử dụng đơn vị tính, giai đoạn tố tụng và cách phân loại không hoàn toàn thống nhất. Vì chưa đối chiếu được với bảng thống kê gốc theo từng căn cứ pháp lý, luận án không sử dụng các số liệu chưa được kiểm chứng để xác lập cơ cấu, tỷ lệ hoặc suy rộng thành thực trạng chung của Kazakhstan [100].

Qua thực tiễn có thể thấy Cơ quan điều tra giữ vai trò quan trọng trong việc phát hiện các căn cứ MTNHS, kiểm tra tính tự nguyện của việc hòa giải, xác minh việc bồi thường, khắc phục hậu quả và hoàn thiện hồ sơ. Tuy nhiên, quyết định chấm dứt tố tụng phải được đặt trong cơ chế thẩm quyền và kiểm soát do BLTTHS Kazakhstan quy định, không phải là quyền tùy nghi không bị kiểm soát của Điều tra viên.

2.4.2.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Kazakhstan và bài học kinh nghiệm với Việt Nam

**** Ưu điểm***

Ưu điểm của pháp luật Kazakhstan trước hết thể hiện ở sự đa dạng của căn cứ MTNHS và sự liên kết giữa căn cứ nội dung với thủ tục chấm dứt truy cứu TNHS. Cơ

quan điều tra có điều kiện nhận diện căn cứ ngay trong quá trình điều tra, xác minh các tình tiết về tự thú, hợp tác, hòa giải, bồi thường và khắc phục hậu quả. Việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác tố tụng và hòa giải tạo cơ sở khuyến khích người phạm tội thực hiện hành vi tích cực, đồng thời góp phần bảo vệ lợi ích của người bị hại.

Pháp luật phân biệt những trường hợp phải chấm dứt truy cứu TNHS với những trường hợp cần đánh giá thêm tính chất, mức độ của hành vi và điều kiện của người phạm tội. Sự phân biệt này góp phần hạn chế việc coi mọi căn cứ MTNHS đều là quyền tùy nghi hoặc ngược lại, áp dụng máy móc mà không xem xét đầy đủ điều kiện của từng trường hợp.

** Hạn chế*

Các căn cứ như ăn năn tích cực, hòa giải, thay đổi tình hình và khả năng không còn nguy hiểm cho xã hội vẫn chứa đựng yếu tố định tính. Nếu tiêu chí đánh giá và chất lượng hồ sơ không thống nhất, cùng một tình tiết có thể được nhận thức khác nhau giữa các cơ quan hoặc địa phương. Căn cứ gắn với bồi thường cũng có thể tạo ra sự khác biệt trong khả năng tiếp cận chính sách nhân đạo giữa những người có điều kiện kinh tế khác nhau [99].

Bên cạnh đó, việc phân định thẩm quyền giữa cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án theo từng căn cứ tương đối phức tạp. Hệ thống số liệu công khai chưa phải lúc nào cũng tách được số vụ án, số người, căn cứ chấm dứt và kết quả thực hiện nghĩa vụ, làm hạn chế khả năng đánh giá hiệu quả thực chất của từng quy định [100].

2.4.2.4. Bài học kinh nghiệm với Việt Nam

Kinh nghiệm của Kazakhstan gợi mở cho Việt Nam về việc phân định rõ trường hợp đương nhiên được MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; đồng thời thiết lập thủ tục tương ứng với từng nhóm căn cứ. Cơ chế này phải bảo đảm người có thẩm quyền không tùy nghi đối với trường hợp luật quy định bắt buộc và phải giải trình đầy đủ khi quyết định áp dụng hoặc không áp dụng trường hợp có tính lựa chọn.

Việt Nam cũng có thể tham khảo việc chuẩn hóa tài liệu chứng minh hòa giải, bồi thường và khắc phục hậu quả; xác minh tính tự nguyện của người bị hại; thống nhất cách thống kê theo căn cứ pháp lý và kết quả thực hiện. Việc tham khảo không đặt ra yêu cầu chuyển quyền quyết định của CQCSĐT sang VKSND hoặc thiết lập thủ tục VKSND phê chuẩn quyết định đình chỉ điều tra. Phù hợp với mô hình Việt Nam,

CQCSĐT chịu trách nhiệm ban hành quyết định theo thẩm quyền, còn VKSND thực hiện chức năng kiểm sát tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định đó.

2.4.3. Tajikistan

2.4.3.1. Quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự tại Tajikistan

Bộ luật hình sự Tajikistan số 574 ngày 21/5/1998, sửa đổi, bổ sung năm 2025, dành Chương 11 để quy định về MTNHS. Điều 72 quy định MTNHS do ăn năn tích cực; Điều 73 quy định MTNHS do hòa giải với người bị hại; Điều 74 quy định MTNHS do thay đổi tình hình làm cho hành vi hoặc người thực hiện không còn nguy hiểm cho xã hội; Điều 75 quy định MTNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS [84] cách thiết kế này có sự tương đồng nhất định với pháp luật hình sự của Liên bang Nga và các quốc gia chịu ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Xô Viết.

Các căn cứ tại Điều 72 và Điều 73 nhấn mạnh hành vi tích cực của người phạm tội sau khi thực hiện tội phạm, như tự nguyện trình diện, hỗ trợ phát hiện tội phạm, hòa giải và bồi thường thiệt hại. Điều 74 lại đặt trọng tâm vào sự thay đổi của tình hình làm thay đổi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi hoặc người thực hiện. Do đó, khi ADPL phải phân biệt căn cứ xuất phát từ hành vi chủ quan của người phạm tội với căn cứ xuất phát từ sự chuyển biến khách quan của tình hình.

Pháp luật TTHS Tajikistan quy định việc chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS trong giai đoạn trước xét xử trên cơ sở căn cứ do pháp luật hình sự và pháp luật TTHS xác định. Cơ quan điều tra có trách nhiệm thu thập, đánh giá chứng cứ, làm rõ điều kiện MTNHS và ban hành hoặc đề xuất quyết định theo thẩm quyền; hoạt động đó chịu sự kiểm sát của Kiểm sát viên và có thể được xem xét theo cơ chế pháp lý tương ứng.

2.4.3.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Tajikistan

Dưới khung phân tích của luận án, thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can tại Tajikistan được xem xét chủ yếu qua việc nhận diện, phân tích và đánh giá căn cứ; lựa chọn quy phạm pháp luật; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS trong giai đoạn trước xét xử. Trong đó, các căn cứ ăn năn tích cực và hòa giải với người bị hại được xác định trên cơ sở những hành vi, tài liệu tương đối cụ thể như tự nguyện trình diện, hỗ trợ phát hiện tội phạm, đề nghị của người bị hại, kết quả hòa giải và bồi thường thiệt hại. Ngược lại, căn cứ thay đổi tình

hình đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền đánh giá thận trọng mối liên hệ giữa sự thay đổi của tình hình với việc hành vi phạm tội hoặc người thực hiện hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội.

Nguồn tài liệu được luận án khảo cứu cho thấy các căn cứ MTNHS tại Điều 72-75 BLHS Tajikistan được vận dụng trong thực tiễn giải quyết vụ án [104]. Tuy nhiên, nguồn này chưa cung cấp bảng thống kê chính thức được phân loại thống nhất theo số vụ án, số người, căn cứ pháp lý, giai đoạn tố tụng và chủ thể ban hành quyết định. Vì vậy, chưa có đủ cơ sở để khẳng định mỗi năm có từ 14.000 đến 16.500 VAHS có người được MTNHS hoặc số vụ án này chiếm từ 65% đến 70% tổng số VAHS được giải quyết. Luận án không sử dụng những số liệu và tỷ lệ chưa được kiểm chứng để đánh giá quy mô, cơ cấu hoặc hiệu quả chung của việc áp dụng chế định MTNHS tại Tajikistan.

Khi ban hành quyết định, cơ quan có thẩm quyền phải xác định hành vi đã thực hiện có dấu hiệu tội phạm, làm rõ căn cứ và điều kiện MTNHS tương ứng. Trường hợp chấm dứt vụ án hoặc chấm dứt truy cứu TNHS do ăn năn tích cực, hòa giải hoặc thay đổi tình hình, việc áp dụng phải tuân thủ cơ chế thẩm quyền và kiểm sát do pháp luật TTHS Tajikistan quy định; đồng thời phải giải thích căn cứ của quyết định và quyền phản đối của người bị xem xét. Đối với hòa giải, phải kiểm tra tính tự nguyện, tư cách của người đề nghị, nội dung hòa giải và kết quả bồi thường thiệt hại; đối với thay đổi tình hình, phải chứng minh sự thay đổi thực tế và mối liên hệ của nó với việc hành vi hoặc người thực hiện không còn nguy hiểm cho xã hội. Trường hợp đã tiến hành truy cứu TNHS, hồ sơ còn phải xác định rõ tư cách tố tụng của người được MTNHS và phạm vi hậu quả pháp lý của quyết định chấm dứt vụ án.

2.4.3.3. Đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan điều tra Tajikistan

**** Ưu điểm***

Pháp luật Tajikistan ghi nhận tương đối tập trung các căn cứ MTNHS và tạo điều kiện để Cơ quan điều tra nhận diện, xử lý một số vụ án ngay trong giai đoạn trước xét xử. Việc chú trọng ăn năn tích cực, hòa giải và bồi thường góp phần khuyến khích người phạm tội khắc phục hậu quả, đồng thời ghi nhận vai trò, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Cách phân định giữa căn cứ gắn với thái độ của người phạm tội và căn cứ thay đổi tình hình có giá trị tham khảo về phương pháp nhận diện sự kiện pháp lý. Cơ quan điều tra không chỉ chứng minh tội phạm mà còn phải thu thập, đánh giá những tài liệu có lợi cho người bị buộc tội và kịp thời đề xuất phương thức xử lý phù hợp khi có đủ căn cứ luật định.

** Hạn chế*

Hạn chế đáng chú ý là các nguồn thông kê công khai về MTNHS chưa đầy đủ, khó kiểm chứng theo từng căn cứ, loại tội phạm và chủ thể ban hành quyết định. Sự thiếu hụt dữ liệu làm giảm khả năng đánh giá hiệu quả của chế định và mức độ thống nhất giữa các địa phương.

Các thuật ngữ định tính như “ăn năn tích cực”, “không còn nguy hiểm cho xã hội” hoặc “thay đổi tình hình” có thể dẫn đến sự khác nhau trong giải thích và áp dụng. Bên cạnh đó, khi Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên có vai trò lớn ở giai đoạn trước xét xử nhưng cơ chế giải trình, khiếu nại và kiểm tra chưa đầy đủ, có thể phát sinh nguy cơ áp dụng tùy tiện hoặc ảnh hưởng đến quyền của người bị buộc tội và người bị hại. Tuy nhiên, không nên khẳng định Tòa án Tajikistan chỉ “phê chuẩn trên hình thức” nếu không có dữ liệu thực tiễn đủ để chứng minh.

2.4.3.4. Bài học kinh nghiệm với Việt Nam

Kinh nghiệm của Tajikistan cho thấy việc thiết kế tập trung các căn cứ MTNHS chỉ phát huy hiệu quả khi có quy trình tố tụng rõ ràng để nhận diện, chứng minh và chuyển hóa căn cứ nội dung thành quyết định chấm dứt truy cứu TNHS. Việt Nam có thể tham khảo việc chuẩn hóa quy trình theo các giai đoạn xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định, nhưng phải phù hợp với thẩm quyền của CQCSĐT và cơ chế kiểm sát của VKSND.

Thứ nhất, cần xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá các điều kiện có tính định tính, đồng thời yêu cầu mọi nhận định phải được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ hợp pháp trong hồ sơ VAHS.

Thứ hai, đối với trường hợp hòa giải, cần quy định và thực hiện thống nhất việc xác minh tính tự nguyện của người bị hại, nội dung bồi thường, kết quả khắc phục hậu quả và tư cách của người đại diện hợp pháp; không được coi việc có đơn đề nghị MTNHS là điều kiện duy nhất để đình chỉ điều tra.

Thứ ba, cần chuẩn hóa dữ liệu và thống kê theo số vụ án, số bị can, căn cứ MTNHS, loại tội phạm và chủ thể ban hành quyết định; không sử dụng số vụ án hoặc cơ cấu tội phạm như cơ cấu căn cứ pháp lý để MTNHS.

Thứ tư, cần bảo đảm cơ chế kiểm sát, khiếu nại và trách nhiệm giải trình đối với quyết định đình chỉ điều tra. Việc theo dõi bồi thường, khắc phục hậu quả phải được thực hiện trong phạm vi nghĩa vụ pháp lý còn tồn tại, không thiết lập một cơ chế “hậu kiểm MTNHS” làm phục hồi TNHS nếu pháp luật không quy định rõ căn cứ và thủ tục.

2.4.4. Khảo cứu sàng lọc một số quốc gia, hệ thống pháp luật tiêu biểu khác và Quy chế Rome

Bên cạnh việc nghiên cứu chuyên sâu Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan, luận án khảo cứu sàng lọc pháp luật Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome nhằm đối chiếu bản chất, căn cứ và hậu quả pháp lý của MTNHS với các chế định gần gũi. Nội dung khảo cứu không nhằm mở rộng phạm vi nghiên cứu, mà để làm rõ lý do các hệ thống này không được lựa chọn làm đối tượng phân tích trọng tâm.

2.4.4.1. Pháp luật Trung Quốc

Pháp luật hình sự Trung Quốc ghi nhận nhiều cơ chế thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, gồm miễn xử phạt hình sự, giảm nhẹ hình phạt hoặc không xử lý bằng hình phạt trong những trường hợp luật định. Điều 37 BLHS Trung Quốc quy định trường hợp hành vi phạm tội có tính chất nhẹ và không cần thiết phải áp dụng hình phạt thì người phạm tội có thể được miễn hình phạt hình sự, đồng thời có thể bị áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định.

Cơ chế này cho thấy sự phân biệt giữa TNHS với hình phạt và khả năng áp dụng hậu quả pháp lý khác ngoài hình phạt. Tuy nhiên, miễn hình phạt chỉ đặt ra sau khi đã xác định TNHS và không đồng nhất với MTNHS theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy, kinh nghiệm của Trung Quốc chỉ có giá trị đối chiếu trong việc phân biệt MTNHS với miễn hình phạt và làm rõ việc người được MTNHS vẫn có thể phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, hành chính, kỷ luật hoặc nghĩa vụ pháp lý khác nếu có căn cứ độc lập.

Pháp luật Trung Quốc không được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu trọng tâm vì cơ chế nêu trên không tương thích trực tiếp với việc CQCSĐT Việt Nam áp dụng căn cứ MTNHS thông qua quyết định đình chỉ điều tra.

2.4.4.2. Pháp luật Nhật Bản

Pháp luật Nhật Bản không quy định MTNHS thành một chế định độc lập, tập trung như pháp luật hình sự Việt Nam. Thay vào đó, pháp luật ghi nhận các cơ chế giảm nhẹ hoặc miễn hình phạt trong những trường hợp nhất định và trao cho cơ quan công tố quyền cân nhắc không truy tố trên cơ sở các điều kiện do pháp luật TTHS quy định.

Quyết định không truy tố là cơ chế tố tụng thuộc thẩm quyền của cơ quan công tố, không đồng nhất với MTNHS và không phải quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra. Vì vậy, kinh nghiệm Nhật Bản chủ yếu có giá trị tham khảo về phân hóa phương thức xử lý, đánh giá nhân thân, hoàn cảnh phạm tội, hậu quả và khả năng phục hồi quan hệ xã hội; không thể chuyển trực tiếp thành mô hình thẩm quyền của CQCSĐT Việt Nam.

Việc chỉ khảo cứu Nhật Bản ở mức sàng lọc giúp luận án tránh đồng nhất giữa MTNHS, miễn hình phạt và quyền tùy nghi truy tố, đồng thời giữ đúng phạm vi nghiên cứu về ADPL của CQCSĐT trong giai đoạn điều tra.

2.4.4.3. Khảo cứu Quy chế Rome

Quy chế Rome năm 1998 về Tòa án Hình sự quốc tế điều chỉnh việc truy cứu TNHS cá nhân đối với các tội ác quốc tế đặc biệt nghiêm trọng, gồm tội diệt chủng, tội ác chống loài người, tội ác chiến tranh và tội xâm lược. Với phạm vi điều chỉnh này, Quy chế Rome không xây dựng chế định MTNHS tương tự pháp luật hình sự Việt Nam.

Quy chế Rome ghi nhận các căn cứ loại trừ TNHS trong những điều kiện chặt chẽ, như mất khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi do bệnh tâm thần, phòng vệ, tình trạng bị cưỡng bức hoặc đe dọa nghiêm trọng. Những trường hợp này làm cho TNHS không phát sinh, khác với MTNHS là việc không buộc người đã thực hiện tội phạm và về nguyên tắc phải chịu TNHS phải gánh chịu TNHS khi có căn cứ luật định.

Vì vậy, Quy chế Rome không được sử dụng để so sánh trực tiếp về thẩm quyền hoặc thủ tục MTNHS của CQCSĐT. Giá trị tham khảo chủ yếu là củng cố sự phân biệt giữa căn cứ loại trừ TNHS với căn cứ MTNHS, tránh sử dụng hai nhóm quy định này thay thế cho nhau trong quá trình xác định sự kiện pháp lý và lựa chọn quy phạm.

2.4.4.4. Nhận xét và giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Kết quả khảo cứu cho thấy Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome đều có các cơ chế giới hạn việc áp dụng hình phạt, quyết định không truy tố hoặc loại trừ TNHS, nhưng bản chất, thẩm quyền và hậu quả pháp lý không đồng nhất với MTNHS. Vì vậy, việc sử dụng các hệ thống này ở mức đối chiếu, sàng lọc là phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án.

Giá trị tham khảo đối với Việt Nam tập trung ở ba nội dung: *thứ nhất*, phân biệt rõ MTNHS với miễn hình phạt, quyết định không truy tố và loại trừ TNHS; *thứ hai*, xác định cụ thể hậu quả pháp lý của MTNHS và mối quan hệ với nghĩa vụ hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại, trách nhiệm hành chính, kỷ luật hoặc trách nhiệm pháp lý khác; *thứ ba*, kiểm soát việc sử dụng các thuật ngữ định tính bằng tiêu chí, chứng cứ và trách nhiệm giải trình.

Như vậy, Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan được lựa chọn làm nhóm quốc gia nghiên cứu trọng tâm vì có mức độ tương thích cao hơn về cấu trúc chế định MTNHS và cơ chế chấm dứt truy cứu TNHS trong giai đoạn trước xét xử; Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome chỉ được sử dụng để kiểm tra ranh giới giữa các chế định pháp lý có liên quan. Những kinh nghiệm có thể tham khảo đối với Việt Nam chủ yếu là chuẩn hóa việc chứng minh căn cứ, điều kiện MTNHS; phân định trách nhiệm của các chủ thể; bảo đảm quyền của người bị buộc tội, người bị hại; cơ chế kiểm tra, kiểm sát và thống kê kết quả áp dụng. Việc tiếp thu phải đặt trong điều kiện phù hợp với hệ thống pháp luật, mô hình TTHS, thẩm quyền của CQCSĐT và chức năng kiểm sát của VKSND ở Việt Nam. Vì vậy, không thể chuyển nguyên mẫu các cơ chế trao quyền quyết định cho Kiểm sát viên hoặc Tòa án, cơ chế chấp thuận, đồng ý trước khi chấm dứt tố tụng hoặc các hình thức xử lý có bản chất khác MTNHS. Kinh nghiệm nước ngoài chỉ là nguồn tham khảo để hoàn thiện pháp luật và cơ chế ADPL ở Việt Nam, không phải khuôn mẫu để sao chép.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, tạo nền tảng khoa học cho việc đánh giá thực trạng tại Chương 3 và đề xuất quan điểm, giải pháp tại Chương 4. Trước hết, Chương 2 đã làm rõ các khái niệm về bị can, MTNHS và ADPL; trên cơ sở đó xây dựng khái niệm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Việc luận giải các khái niệm này góp phần xác định bản chất pháp lý, chủ thể, đối tượng, phạm vi và giới hạn của hoạt động ADPL trong giai đoạn điều tra.

Trên cơ sở đó, Chương 2 đã phân tích đặc điểm và vai trò của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, khẳng định đây là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước, do CQCSĐT thực hiện thông qua người có thẩm quyền, trên cơ sở kết hợp các quy định của pháp luật hình sự về căn cứ, điều kiện MTNHS với các quy định của pháp luật TTHS về căn cứ, thẩm quyền, hình thức, trình tự và thủ tục đình chỉ điều tra. Kết quả pháp lý trong phạm vi nghiên cứu của luận án được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra, làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định. ADPL về MTNHS đối với bị can thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước, đồng thời phải bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm.

Chương 2 đã hệ thống hóa và phân tích những nội dung pháp luật trực tiếp điều chỉnh việc MTNHS đối với bị can thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT. Các trường hợp được phân định thành nhóm đương nhiên MTNHS và nhóm có thể được MTNHS, qua đó làm rõ mức độ ràng buộc khác nhau đối với chủ thể ADPL. Các quy định về MTNHS tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm của BLHS chỉ được đề cập ở mức cần thiết để phân biệt với các căn cứ chung và giải thích những trường hợp phát sinh trong thực tiễn, không được xác định thành một nhóm căn cứ tổ tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Qua đó, luận án làm rõ mối quan hệ giữa căn cứ nội dung của MTNHS theo BLHS với căn cứ, thẩm quyền và hình thức đình chỉ điều tra theo BLTTHS, góp phần khắc phục sự nhầm lẫn trong nhận thức và thực tiễn áp dụng.

Chương 2 cũng xác lập các giai đoạn của quá trình ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, gồm: xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án; lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp; ban hành quyết định đình chỉ điều tra; tổ chức thực hiện

quyết định và chịu sự kiểm sát của VKSND. Cách tiếp cận này làm rõ tính trình tự, liên tục và mối liên hệ giữa các hoạt động cấu thành quá trình ADPL, đồng thời tạo cơ sở để đánh giá thực trạng theo những tiêu chí thống nhất. Bên cạnh đó, Chương 2 đã phân tích các điều kiện bảo đảm về chính trị, pháp lý, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, quan hệ phối hợp, kiểm sát và cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm bảo đảm quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được ban hành đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, khách quan và có khả năng kiểm tra, giải trình. Các điều kiện bảo đảm này là những tiền đề cần thiết cho ADPL và được phân biệt với các yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn ADPL được phân tích tại Chương 3.

Cuối cùng, thông qua nghiên cứu pháp luật và thực tiễn áp dụng tại một số quốc gia được lựa chọn, Chương 2 đã rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam về hoàn thiện căn cứ pháp luật, phân định rõ cơ chế xử lý về nội dung và tố tụng, hướng dẫn áp dụng, kiểm soát thẩm quyền và phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Những kinh nghiệm có thể tham khảo phải được tiếp nhận có chọn lọc và đặt trong điều kiện phù hợp với hệ thống pháp luật, mô hình TTTHS, chức năng, thẩm quyền của CQCSĐT và cơ chế kiểm sát của VKSND ở Việt Nam; không sao chép nguyên mẫu các cơ chế phân bổ thẩm quyền hoặc thủ tục tố tụng của nước ngoài không tương thích với pháp luật Việt Nam.

Như vậy, Chương 2 đã hình thành khung lý luận tương đối đầy đủ và thống nhất về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, làm cơ sở trực tiếp để phân tích các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân tại Chương 3, đồng thời xây dựng quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL tại Chương 4.

Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

Các yếu tố được phân tích tại mục này không đồng nhất với các điều kiện bảo đảm đã được xác định tại mục 2.3, cũng không phải là nguyên nhân của những hạn chế được đánh giá tại mục 3.2.2, mà là những yếu tố, bối cảnh có khả năng tác động theo chiều hướng thuận lợi hoặc bất lợi đến quá trình xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định tố tụng. Mức độ, chiều hướng tác động thực tế của từng yếu tố chỉ được xác định trên cơ sở đối chiếu với kết quả thực tiễn. Trên cơ sở đó, mục 3.2 đánh giá cụ thể kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT theo các giai đoạn đã được xác lập tại Chương 2.

3.1.1. Tổ chức bộ máy và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an nhân dân

3.1.1.1. Tổ chức bộ máy và năng lực thực thi của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can

Cơ quan Cảnh sát điều tra là chủ thể ADPL về MTNHS đối với bị can trong giai đoạn điều tra; hoạt động này được thực hiện thông qua những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động điều tra và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền; ĐTV trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và đề xuất hướng xử lý; CBĐT thực hiện nhiệm vụ được giao theo sự phân công. Vì vậy, tổ chức bộ máy, sự phân định thẩm quyền và năng lực của đội ngũ có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của từng giai đoạn ADPL về MTNHS đối với bị can.

Về những tác động thuận lợi, cơ cấu ngạch ĐTV của đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT cấp Bộ và cấp tỉnh phản ánh cơ cấu tiêu chuẩn chức danh của

những người có thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo và ban hành quyết định tố tụng. Số liệu đã được xử lý từ số liệu thống kê gốc (số liệu tuyệt đối) sang dạng cơ cấu tỷ lệ (%) nhằm đảm bảo công khai của luận án. Ở cấp Bộ, Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng CQCSĐT thuộc ngạch ĐTV cao cấp, chiếm tỉ lệ 100%. Ở cấp tỉnh, Thủ trưởng CQCSĐT thuộc ngạch ĐTV cao cấp chiếm 87,88%, ngạch ĐTV trung cấp chiếm 12,12%; Phó Thủ trưởng CQCSĐT thuộc ngạch ĐTV cao cấp chiếm 41,71%, ngạch ĐTV trung cấp chiếm 54,74% và ngạch ĐTV sơ cấp chiếm 3,55% [Phụ lục 9] cơ cấu này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đánh giá căn cứ, điều kiện MTNHS và kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Tuy nhiên, ngạch ĐTV chỉ phản ánh một phương diện của tiêu chuẩn chức danh, không thể tự thân được sử dụng để khẳng định chất lượng của từng quyết định ADPL.

Cơ cấu ĐTV tại các cấp cũng thể hiện sự phân hóa phù hợp với vị trí, tính chất nhiệm vụ. Trong tổng số ĐTV của từng cấp, ở cấp Bộ, ĐTV cao cấp chiếm 24,31%, ĐTV trung cấp chiếm 55,05% và ĐTV sơ cấp chiếm 20,64%; ở cấp tỉnh, các tỷ lệ tương ứng là 0,82%, 37,63% và 61,55%; đối với lực lượng được bố trí ở Công an cấp xã, ĐTV trung cấp chiếm 20,28%, ĐTV sơ cấp chiếm 79,72% và không có ĐTV cao cấp trong phạm vi thống kê [Phụ lục 10] phụ lục này còn sử dụng một số chỉ tiêu tham chiếu được tính theo mẫu số riêng; do đó, không cộng gộp tỷ lệ CBĐT hoặc các chức danh khác với cơ cấu ba ngạch ĐTV và không sử dụng các tỷ lệ đó để suy ra quy mô tuyệt đối của lực lượng.

Việc bố trí ĐTV và lực lượng hỗ trợ tại địa bàn cơ sở tạo điều kiện tiếp cận sớm nguồn tin, thu thập tài liệu ban đầu và nhận diện các tình tiết có ý nghĩa đối với việc xem xét MTNHS, như tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người thực hiện, thái độ hợp tác, việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị của bị hại. Khi tài liệu được thu thập đầy đủ, chuyển giao kịp thời và đánh giá thống nhất, cơ cấu tổ chức này hỗ trợ CQCSĐT xác định đúng căn cứ thực tế, lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp và ban hành quyết định tố tụng đúng thời điểm.

Bên cạnh đó, cơ cấu số liệu về đào tạo cho thấy trình độ đại học trở lên chiếm 81,55% tổng lượt chuyên ngành đào tạo trong bảng gốc; chuyên ngành điều tra và các chuyên ngành khác tại các trường Công an nhân dân chiếm tỷ trọng chủ yếu. Về Công nghệ thông tin, 94,13% được phản ánh ở nhóm có chứng chỉ, trong khi tỷ lệ có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên chiếm tỷ lệ thấp [Phụ lục 11] các tỷ lệ này phản ánh cơ cấu

đào tạo, không tự thân chứng minh mức độ thành thạo chuyên môn hoặc công nghệ của từng cá nhân; qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục chuẩn hóa kỹ năng khai thác dữ liệu, quản lý hồ sơ điện tử và sử dụng công nghệ hỗ trợ kiểm tra, đối chiếu thông tin trong ADPL về MTNHS.

Về những tác động đặt ra yêu cầu đối với hoạt động áp dụng pháp luật, việc tổ chức CQCSĐT theo mô hình hai cấp và không còn tổ chức CQCSĐT cấp huyện làm thay đổi đầu mối tiếp nhận, phân loại, xác minh ban đầu và tổ chức điều tra đối với nhiều vụ việc. Công an cấp xã không phải là một cấp của CQCSĐT, mặc dù có thể được bố trí ĐTV và lực lượng thực hiện một số nhiệm vụ điều tra theo quy định. Do đó, cần phân định rõ trách nhiệm giữa CQCSĐT cấp tỉnh với Công an cấp xã trong tiếp nhận nguồn tin, thu thập và bảo quản tài liệu ban đầu, chuyển giao hồ sơ, báo cáo và đề xuất xử lý. Nếu việc phân công, chuyển giao hoặc hướng dẫn nghiệp vụ không kịp thời, căn cứ và điều kiện MTNHS có thể không được nhận diện đầy đủ ngay từ đầu, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng ADPL đối với bị can. Đây là yếu tố tổ chức mới phát sinh trong những năm cuối của phạm vi nghiên cứu và giai đoạn cập nhật, không được sử dụng để giải thích ngược những kết quả, hạn chế của giai đoạn trước khi mô hình này được tổ chức lại.

Cơ cấu ĐTV sơ cấp chiếm tỷ trọng tương đối lớn ở cấp tỉnh và trong lực lượng được bố trí tại Công an cấp xã [Phụ lục 10] không mặc nhiên phản ánh hạn chế về năng lực, nhưng cho thấy yêu cầu phải tổ chức phân công phù hợp, kiểm tra hồ sơ và bồi dưỡng chuyên sâu về MTNHS. Yêu cầu này đặc biệt cần thiết đối với những căn cứ có nội dung định tính như “chuyển biến của tình hình”, “người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội”, “lập công lớn”, “có cống hiến đặc biệt” hoặc việc đánh giá tính tự nguyện trong sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả và hòa giải. Nếu thiếu tiêu chí hướng dẫn và cơ chế kiểm tra thống nhất, sự khác biệt về kinh nghiệm, nhận thức và kỹ năng đánh giá chứng cứ có thể dẫn đến cách hiểu, cách áp dụng khác nhau giữa các đơn vị, địa bàn.

Mặt khác, việc bảo đảm chất lượng ADPL không chỉ phụ thuộc vào trình độ của từng cá nhân mà còn chịu tác động của cơ chế phân công, chỉ đạo, kiểm tra nội bộ và quan hệ phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND. Sự kiểm sát của VKSND là cơ chế kiểm soát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra, không phải thủ tục phê chuẩn quyết định của CQCSĐT. Vì vậy, việc trao đổi và kiểm sát phải được thực

hiện đúng chức năng, thẩm quyền, không làm thay trách nhiệm đánh giá chứng cứ và ban hành quyết định của người có thẩm quyền thuộc CQCSĐT, đồng thời không kéo dài việc giải quyết khi căn cứ, điều kiện MTNHS đã được chứng minh đầy đủ.

Như vậy, tổ chức bộ máy và năng lực thực thi tác động đến ADPL về MTNHS đối với bị can thông qua sự phân định thẩm quyền, chất lượng thu thập và đánh giá chứng cứ, khả năng nhận diện căn cứ MTNHS, kiểm soát nội bộ và phối hợp kiểm sát. Cơ cấu ngạch, chuyên ngành đào tạo và việc bố trí đội ngũ có thể tạo những điều kiện thuận lợi nhưng không tự thân chứng minh chất lượng hoặc hạn chế của ADPL. Tuy nhiên, mô hình tổ chức hai cấp, yêu cầu phối hợp với Công an cấp xã, sự khác biệt về ngạch ĐTV, chuyên ngành đào tạo và năng lực ứng dụng công nghệ đặt ra những yêu cầu mới đối với phân công nhiệm vụ, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra hồ sơ và trách nhiệm giải trình. Tác động thực tế của những yếu tố này đối với kết quả và hạn chế trong ADPL được tiếp tục kiểm chứng tại mục 3.2 của luận án.

3.1.1.2. Hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra đối với áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can

Hoạt động của CQCSĐT có tác động trực tiếp đến ADPL về MTNHS đối với bị can, bởi căn cứ thực tế của quyết định đình chỉ điều tra được hình thành từ quá trình tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố và điều tra VAHS. Chất lượng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của CQCSĐT vì vậy ảnh hưởng xuyên suốt đến việc xác định sự kiện pháp lý, thu thập và đánh giá chứng cứ, nhận diện căn cứ, điều kiện MTNHS, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định tố tụng.

Trước hết, hoạt động tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và giải quyết nguồn tin về tội phạm ảnh hưởng đến khả năng phát hiện sớm các tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ việc và xem xét căn cứ MTNHS trong các giai đoạn tiếp theo. Số liệu đã được xử lý dưới dạng tỷ lệ (%) cho thấy, số nguồn tin mới nhận chiếm từ 67,80% đến 88,90% tổng số phải giải quyết hằng năm; tỷ lệ nguồn tin đã giải quyết dao động từ 74,94% đến 88,81%; trong khi tỷ lệ nguồn tin kỳ trước chuyển sang tăng từ 10,03% năm 2018 lên 19,56% năm 2025 [Phụ lục 2], các tỷ lệ này phản ánh khối lượng công việc và áp lực bảo đảm thời hạn giải quyết nguồn tin, nhưng không phải là chỉ báo trực tiếp về chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can. Ý nghĩa tác động của chúng thể hiện ở chỗ: nếu việc kiểm tra, xác minh ban đầu không khách quan, toàn diện thì chứng cứ xác định hành vi phạm tội cũng như những tình tiết có lợi cho người bị buộc tội có

thể không được thu thập, ghi nhận và chuyển giao đầy đủ, ảnh hưởng đến việc xem xét MTNHS sau khi người thực hiện hành vi đã có tư cách bị can.

Hoạt động khởi tố và điều tra tiếp tục tạo lập căn cứ thực tế để CQCSĐT xem xét ADPL về MTNHS đối với bị can. Trong giai đoạn 2018 - 2025, tỷ lệ vụ án khởi tố mới trên tổng số vụ án đã thụ lý dao động từ 57,93% đến 76,60%; tỷ lệ bị can khởi tố mới trên tổng số bị can đã thụ lý dao động từ 70,42% đến 76,52%. Tỷ lệ vụ án đề nghị truy tố dao động từ 59,43% đến 62,63%; tỷ lệ bị can đề nghị truy tố dao động từ 74,08% đến 91,58% [Phụ lục 2], những số liệu này phản ánh bối cảnh chung của hoạt động điều tra, xử lý tội phạm, không thể được sử dụng để suy ra trực tiếp số lượng hoặc chất lượng các quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Tuy nhiên, số lượng vụ án, bị can phải giải quyết tương đối lớn tạo áp lực đối với việc phân công, kiểm tra hồ sơ và bảo đảm thời hạn, qua đó có thể tác động đến mức độ đầy đủ, kịp thời của việc nhận diện căn cứ MTNHS.

Việc xem xét MTNHS không nhằm làm giảm khối lượng hoặc áp lực điều tra, mà chỉ được đặt ra khi tài liệu, chứng cứ đã xác định bị can thực hiện tội phạm và đồng thời có đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS theo pháp luật hình sự. Vì vậy, CQCSĐT phải chứng minh cả hành vi phạm tội và những tình tiết làm căn cứ MTNHS; phân biệt trường hợp MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, có căn cứ loại trừ TNHS hoặc thuộc căn cứ đình chỉ khác. Yêu cầu này có ý nghĩa đặc biệt đối với những trường hợp có thể MTNHS, khi người có thẩm quyền phải đánh giá đầy đủ chứng cứ, điều kiện luật định và sự cần thiết của việc chấm dứt truy cứu TNHS, không được quyết định theo suy đoán hoặc nhằm đáp ứng chỉ tiêu giải quyết án.

Kết quả điều tra là cơ sở để lựa chọn đúng quy phạm pháp luật và ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Cơ quan Cảnh sát điều tra phải làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; hình thức lỗi; loại tội phạm; nhân thân và thái độ của bị can; việc tự thú, hợp tác; sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; tính tự nguyện của việc hòa giải, đề nghị MTNHS của bị hại và các điều kiện khác tương ứng với từng căn cứ. Đối với căn cứ có nội dung định tính, kết luận phải được chứng minh bằng tài liệu cụ thể trong hồ sơ và có khả năng kiểm tra, giải trình.

Các quy định về MTNHS tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm của BLHS chỉ được đối chiếu ở mức cần thiết để xác định đầy đủ bối cảnh pháp lý của vụ án và giải thích những trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Những quy định này không tự

mình trở thành căn cứ tố tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Khi xem xét một trường hợp cụ thể, CQCSĐT phải xác định đúng căn cứ nội dung theo BLHS, đồng thời đối chiếu với căn cứ, thẩm quyền, hình thức và trình tự đình chỉ điều tra theo BLTTHS. Vì vậy, việc thống kê bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS theo các chương của BLHS chỉ phản ánh cơ cấu tội phạm, không phản ánh cơ cấu căn cứ pháp lý được CQCSĐT sử dụng để đình chỉ điều tra.

Như vậy, hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin, khởi tố và điều tra tác động đến ADPL về MTNHS thông qua chất lượng thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và khả năng nhận diện kịp thời căn cứ, điều kiện luật định. Tác động này có thể theo chiều hướng thuận lợi nếu hoạt động điều tra được tiến hành khách quan, toàn diện, đúng thời hạn và có sự kiểm tra chặt chẽ; ngược lại, việc thu thập chứng cứ không đầy đủ, áp lực giải quyết án hoặc nhận thức pháp luật chưa thống nhất có thể dẫn đến cả hai nguy cơ: đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa đủ căn cứ hoặc không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Tình hình áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

3.1.2.1. Khái quát quy mô, số lượng và xu hướng áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Trong giai đoạn nghiên cứu chính từ năm 2018 - 2025, tình hình đình chỉ điều tra do MTNHS được luận án phản ánh thông qua cơ cấu tỷ lệ (%) và chiều hướng biến động theo từng năm; số liệu sáu tháng đầu năm 2026 được trình bày riêng để cập nhật xu hướng, không đưa vào mẫu số của giai đoạn nghiên cứu chính [5] việc xem xét, quyết định được thực hiện trên cơ sở các căn cứ MTNHS theo pháp luật hình sự và căn cứ, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục đình chỉ điều tra theo pháp luật TTHS. Các quy định về MTNHS tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm chỉ được xem xét trong mối quan hệ với căn cứ chung và cơ chế tố tụng tương ứng, không được coi là căn cứ tố tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra.

Số liệu đã được chuyển hóa từ số liệu tuyệt đối sang tỷ lệ (%) nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước. Xét theo tỷ trọng trong toàn bộ giai đoạn 2018 - 2025, số vụ án được đình chỉ do MTNHS chiếm tỷ trọng cao nhất vào năm 2019 với 19,2%; tiếp đó là năm 2018 với 16,2%, năm 2021 với 14,2% và năm 2020 với 13,7%. Từ năm 2022 đến năm 2025, tỷ trọng này lần lượt là 10,1%, 10,3%,

8,6% và 7,7%. Đối với bị can, tỷ trọng tương ứng trong bốn năm cuối giai đoạn nghiên cứu lần lượt là 11,0%, 10,5%, 9,4% và 8,1% [Phụ lục 1]. Kết quả này cho thấy quy mô đình chỉ điều tra do MTNHS có sự biến động, nhưng xu hướng giảm thể hiện rõ hơn trong những năm cuối giai đoạn nghiên cứu.

Sự giảm về số lượng và tỷ trọng không thể mặc nhiên được coi là kết quả tích cực hoặc hạn chế của ADPL. Một mặt, xu hướng này có thể liên quan đến việc kiểm tra chặt chẽ hơn căn cứ, điều kiện MTNHS; mặt khác, cũng đặt ra vấn đề liệu những trường hợp có đầy đủ điều kiện luật định đã được nhận diện và xử lý kịp thời hay chưa. Việc giải thích xu hướng phải được đặt trong mối quan hệ với tình hình, cơ cấu tội phạm, số vụ án và bị can được thụ lý, khả năng phát sinh căn cứ MTNHS, chất lượng tài liệu, chứng cứ, nhận thức của chủ thể ADPL, cơ chế phối hợp, kiểm sát và phương pháp thống kê. Vì vậy, không thể căn cứ riêng vào sự tăng hoặc giảm số lượng để kết luận về chất lượng ADPL.

Đối với sáu tháng đầu năm 2026, mức bình quân tháng của số vụ án được đình chỉ do MTNHS giảm 20,45%, còn mức bình quân tháng của số bị can giảm 4,66% so với mức bình quân tháng của năm 2025 [Phụ lục 1] số liệu này chỉ được sử dụng để cập nhật xu hướng trong nửa đầu năm 2026, không thay thế số liệu tổng kết năm. Đáng chú ý, mức giảm của số vụ án lớn hơn mức giảm của số bị can, cho thấy quan hệ giữa hai đơn vị thống kê có sự thay đổi và cần tiếp tục được theo dõi, kiểm chứng khi có số liệu đầy đủ của cả năm.

Số vụ án và số bị can được đình chỉ do MTNHS không phải lúc nào cũng biến động cùng chiều hoặc tương ứng tuyệt đối. Trong các năm 2018 và 2019, số vụ án được ghi nhận đình chỉ do MTNHS cao hơn số bị can. Sự chênh lệch này có liên quan đến thực tiễn áp dụng pháp luật trong thời gian đầu thi hành BLHS và BLTTHS năm 2015 còn chưa thống nhất; ở một số địa phương, sau khi khởi tố VAHS, khi xác định có căn cứ MTNHS thì CQCSĐT thực hiện đình chỉ vụ án nhưng chưa khởi tố bị can, dẫn đến số vụ án đình chỉ được thống kê không có số bị can tương ứng. Trước những vướng mắc này, Công văn số 998/V14 ngày 13/12/2019 của VKSND tối cao, Công văn số 69/TANDTC-PC ngày 19/5/2020 của TAND tối cao và Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 của Bộ Công an đã trao đổi, hướng dẫn việc áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 theo hướng MTNHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS; việc áp dụng MTNHS đối với người thực hiện hành vi phạm tội

phải được thực hiện trong trình tự TTHS, sau khi VAHS được khởi tố, tư cách bị can được xác lập và có đủ căn cứ, điều kiện luật định để đình chỉ điều tra [Phụ lục 6] từ năm 2020 trở đi, thực tiễn áp dụng từng bước thống nhất theo hướng này; đồng thời, tương quan số bị can được đình chỉ do MTNHS cao hơn số vụ án phù hợp với đặc điểm một VAHS có thể có một hoặc nhiều bị can được đình chỉ điều tra. Sự thay đổi trong tương quan giữa hai đơn vị thống kê qua hai giai đoạn có liên quan đến quá trình hướng dẫn, thống nhất nhận thức và trình tự áp dụng pháp luật, nhưng không đủ cơ sở để quy toàn bộ sự biến động của số liệu cho riêng yếu tố này.

Như vậy, sự chênh lệch giữa số vụ án và số bị can cần được xem xét trong mối quan hệ với cách thức xử lý tố tụng và phương pháp thống kê ở từng giai đoạn; không thể đồng nhất số vụ án được đình chỉ với số trường hợp ADPL về MTNHS đối với bị can. Trên cơ sở đó, tình hình đình chỉ điều tra do MTNHS chỉ phản ánh quy mô, cơ cấu và xu hướng của hoạt động ADPL trong thực tiễn, đồng thời đặt ra yêu cầu kiểm tra mức độ thống nhất giữa căn cứ nội dung của pháp luật hình sự với căn cứ, thẩm quyền và hình thức xử lý theo pháp luật TTHS. Những số liệu này chủ yếu tạo lập bối cảnh thực tiễn; kết quả, hạn chế và nguyên nhân của ADPL được đánh giá cụ thể tại mục 3.2.

3.1.2.2. Cơ cấu các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự theo căn cứ pháp lý của Bộ luật hình sự hiện hành

Trong giai đoạn 2018 - 2025, CQCSĐT xem xét ADPL về MTNHS đối với bị can trên cơ sở các căn cứ thuộc Phần chung của BLHS, gồm trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội tại Điều 16; các căn cứ MTNHS tại Điều 29; và căn cứ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại khoản 2 Điều 91 BLHS được áp dụng trong thời gian điều luật còn hiệu lực. Từ ngày 01/01/2026, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội được thực hiện theo BLHS và Luật Tư pháp người chưa thành niên, trong đó phải phân biệt MTNHS với biện pháp xử lý chuyển hướng.

Trong số các căn cứ được phản ánh qua tài liệu thực tiễn, khoản 3 Điều 29 xuất hiện trong nhiều trường hợp điển hình được luận án khảo cứu đối với người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả, được bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị MTNHS. Việc áp dụng căn cứ này đòi hỏi CQCSĐT phải xác định đầy đủ loại tội phạm, hình thức lỗi, tính tự nguyện và kết quả

thực tế của việc sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả; đồng thời kiểm tra tính hợp pháp, tự nguyện của việc hòa giải và đề nghị MTNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc nhận xét chung về nhân thân tốt không thể thay thế các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.

Các căn cứ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 BLHS có phạm vi và điều kiện áp dụng khác nhau, trong đó có những trường hợp đương nhiên MTNHS và những trường hợp có thể MTNHS. Đối với mỗi trường hợp, CQCSĐT phải xác định rõ khoản, điểm được áp dụng, không chỉ viện dẫn chung Điều 29 BLHS. Tài liệu thực tiễn cho thấy còn có báo cáo chỉ ghi đình chỉ điều tra theo Điều 29 nhưng không xác định rõ khoản áp dụng; điều này làm hạn chế khả năng kiểm tra căn cứ pháp lý và đánh giá tính hợp pháp của quyết định [Phụ lục 7].

Bên cạnh các căn cứ thuộc Phần chung, BLHS còn quy định MTNHS gắn với một số tội phạm cụ thể, như tự nguyện phá bỏ cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy trước khi thu hoạch; chủ động khai báo trước khi bị phát giác đối với hành vi đưa hối lộ hoặc môi giới hối lộ; và không tổ chức tội phạm nhưng đã có hành động can ngăn hoặc hạn chế tác hại của tội phạm. Đây là những căn cứ nội dung trực tiếp, đặc thù gắn với từng tội phạm, nhưng không tự mình trở thành căn cứ tố tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Khi giải quyết vụ án, CQCSĐT phải xác định đúng giá trị của căn cứ đặc thù, phân biệt với căn cứ chung của chế định MTNHS và đối chiếu với quy định của BLTTHS để xác định căn cứ, thẩm quyền và hình thức xử lý phù hợp.

Thực tiễn được phản ánh trong các kết luận điều tra và thông báo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao cho thấy, khi xem xét MTNHS đối với người có hành vi phạm tội thuộc trường hợp được quy định tại Phần các tội phạm, CQCSĐT có trường hợp đồng thời viện dẫn căn cứ chung, căn cứ đặc thù và viện dẫn các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật. Điển hình, trong vụ án “*Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Nhận hối lộ*”, xảy ra tại Bộ Y tế và các đơn vị liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Cơ quan CSĐT Bộ Công an xác định 10 cá nhân thuộc các nhà thầu có hành vi “Đưa hối lộ”, phạm vào khoản 4 Điều 364 BLHS. Tuy nhiên, những người này đã chủ động làm đơn tố giác hành vi phạm tội của N.C.T và N.H.T; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tích cực hợp tác

với Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ bản chất vụ án. Vì vậy, CQCSĐT đã căn cứ khoản 7 Điều 364 BLHS và áp dụng Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao để MTNHS đối với 10 cá nhân; đồng thời tịch thu toàn bộ số tiền dùng để đưa hối lộ sung quỹ nhà nước và kiến nghị xử lý nghiêm về Đảng, hành chính” [5].

Trường hợp trên cho thấy khoản 7 Điều 364 BLHS là căn cứ nội dung trực tiếp, đặc thù để MTNHS đối với người đưa hối lộ đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP được áp dụng để làm rõ điều kiện “chủ động khai báo trước khi bị phát giác” quy định tại khoản 7 Điều 364 BLHS. Tuy nhiên, trường hợp thực tiễn này không làm thay đổi bản chất của số liệu phân theo các chương của BLHS: các chương và tội danh chỉ phản ánh cơ cấu tội phạm của những trường hợp được xem xét MTNHS, không phải cơ cấu căn cứ pháp lý được CQCSĐT sử dụng để đình chỉ điều tra đối với bị can.

Cách viện dẫn này phản ánh quá trình kết hợp căn cứ nội dung đặc thù với cơ sở chung của chế định và cơ chế tổ tụng để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, trong từng quyết định phải xác định rõ căn cứ pháp lý trực tiếp, điều kiện thực tế đã được chứng minh và mối quan hệ giữa các quy phạm được viện dẫn; tránh cách hiểu rằng chỉ cần hành vi thuộc một điều luật có quy định về MTNHS tại Phần các tội phạm thì CQCSĐT đương nhiên có căn cứ tổ tụng để đình chỉ điều tra.

Do hệ thống phụ lục đã được chuẩn hóa không công bố cơ cấu số vụ án, bị can theo từng điều, khoản của BLHS, luận án không sử dụng tỷ lệ định lượng để so sánh mức độ áp dụng giữa các căn cứ. [Phụ lục 6] được sử dụng để xác định hệ thống văn bản và giá trị pháp lý của từng loại nguồn; [Phụ lục 7] chỉ cung cấp các trường hợp điển hình phục vụ phân tích định tính, không phải mẫu thống kê đại diện. Vì vậy, kết luận về tính đúng đắn của việc lựa chọn căn cứ phải dựa trên hồ sơ, tài liệu và điều kiện pháp lý của từng trường hợp, không suy rộng từ số lượng trường hợp điển hình.

3.1.2.3. Cơ cấu các trường hợp áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo nhóm tội danh

Thực tiễn giai đoạn 2018 - 2025 cho thấy các vụ án và bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS phân bố không đồng đều giữa các nhóm tội phạm. Việc phân nhóm được thực hiện theo chương tương ứng của BLHS nhằm phản ánh cơ cấu tội phạm của

các trường hợp đã được đình chỉ điều tra, không phải cơ cấu căn cứ pháp lý được CQCSĐT sử dụng để MTNHS [Phụ lục 4, 5].

Xét trong toàn bộ giai đoạn 2018 - 2025, nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 65,54% số vụ án và 63,93% số bị can. Trong các trường hợp nghiên cứu điển hình được lựa chọn, nhiều trường hợp thuộc “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại khoản 1 Điều 260 BLHS năm 2015” [Phụ lục 7] đối với những trường hợp thuộc khoản 1 Điều 260 BLHS và đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định, CQCSĐT áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS làm căn cứ nội dung để MTNHS và căn cứ quy định của BLTTHS để ban hành quyết định đình chỉ điều tra. Trong mối quan hệ này, khoản 1 Điều 260 BLHS là căn cứ xác định tội danh, tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, không phải là căn cứ MTNHS [Phụ lục 7] ghi nhận nhiều trường hợp điển hình liên quan loại tội phạm này nhưng xác định rõ mẫu nghiên cứu không có tính đại diện thống kê.

Tiếp theo là nhóm các tội xâm phạm sở hữu, chiếm 14,37% số vụ án và 14,51% số bị can; nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người chiếm 11,03% số vụ án và 10,94% số bị can. Các nhóm tội còn lại đều có tỷ trọng thấp hơn [Phụ lục 4,5] cơ cấu trên cho thấy việc đình chỉ điều tra do MTNHS trong thực tiễn tập trung chủ yếu ở một số nhóm tội thường phát sinh các điều kiện về lỗi vô ý, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại. Tuy nhiên, cơ cấu theo nhóm tội chỉ phản ánh đặc điểm tội phạm của các vụ án, bị can được đình chỉ điều tra; việc xác định căn cứ MTNHS vẫn phải dựa trên điều kiện pháp lý và tài liệu, chứng cứ của từng vụ án cụ thể.

Trong từng năm, nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng luôn chiếm tỷ trọng cao, nhưng có sự biến động. Đối với số vụ án, tỷ trọng của nhóm này tăng từ 54,92% năm 2018 lên 74,44% năm 2021, sau đó giảm còn 61,62% năm 2024 và ở mức 63,64% năm 2025 [Phụ lục 4] đối với số bị can, tỷ trọng tương ứng là 53,25% năm 2018, đạt 73,47% năm 2021, giảm còn 57,10% năm 2024 và ở mức 60,57% năm 2025 [Phụ lục 5] sự biến động này phản ánh thay đổi về cơ cấu các trường hợp được đình chỉ điều tra do MTNHS, không đủ cơ sở để kết luận riêng về sự thay đổi chất lượng ADPL.

Tỷ trọng lớn của nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng có liên quan đến các vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Đối với loại vụ án này, việc

xem xét khoản 3 Điều 29 BLHS thường gắn với hình thức lỗi vô ý, hậu quả về tính mạng hoặc sức khỏe, việc bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị MTNHS. Tuy nhiên, CQCSĐT vẫn phải kiểm tra đầy đủ loại tội phạm, hình thức lỗi và từng điều kiện luật định; không thể chỉ căn cứ vào quan hệ thân thích giữa bị can với bị hại hoặc việc gia đình không yêu cầu xử lý hình sự để quyết định đình chỉ điều tra.

Nhóm các tội xâm phạm sở hữu có xu hướng giảm tỷ trọng trong những năm cuối giai đoạn nghiên cứu. Tỷ trọng số vụ án thuộc nhóm này giảm từ 22,54% năm 2018 xuống 7,58% năm 2025; tỷ trọng số bị can giảm từ 23,27% xuống 7,89% trong cùng thời gian [Phụ lục 4, 5] ngược lại, nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe có sự biến động và tăng tỷ trọng trong hai năm cuối: số vụ án chiếm 15,82% năm 2024 và 15,53% năm 2025; số bị can chiếm tương ứng 17,59% và 15,05%. Những biến động này cần được xem xét cùng cơ cấu tội phạm và căn cứ pháp lý của từng trường hợp, không nên giải thích đơn thuần là kết quả của việc mở rộng hoặc thu hẹp MTNHS.

Trong sáu tháng đầu năm 2026, nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, với 66,67% số vụ án và 54,89% số bị can. Nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe chiếm 14,29% số vụ án và 20,30% số bị can; nhóm các tội xâm phạm sở hữu chiếm 9,52% số vụ án và 10,53% số bị can [Phụ lục 4, 5] so với cơ cấu cả năm 2025, tỷ trọng bị can thuộc nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng giảm 5,68 điểm phần trăm, trong khi nhóm xâm phạm tính mạng, sức khỏe tăng 5,25 điểm phần trăm. Đây chỉ là sự dịch chuyển cơ cấu trong sáu tháng đầu năm, không phản ánh mức tăng, giảm về số lượng và không được sử dụng để kết luận cho cả năm 2026.

Các nhóm tội phạm về kinh tế, môi trường, ma túy, trật tự quản lý hành chính, chức vụ và các nhóm khác chiếm tỷ trọng thấp hơn. Tuy nhiên, tỷ trọng thấp không chứng minh rằng CQCSĐT chưa nhận diện hoặc chưa áp dụng đầy đủ căn cứ MTNHS. Số lượng phát sinh phụ thuộc vào cơ cấu tội phạm được điều tra, tính chất hành vi, hình thức lỗi và điều kiện pháp lý của từng trường hợp. Đặc biệt, việc một bị can thuộc nhóm tội phạm nào chỉ cho biết tội danh được xem xét, không tự xác định căn cứ MTNHS hoặc căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra.

Như vậy, cơ cấu theo nhóm tội phạm giúp nhận diện những lĩnh vực thường phát sinh việc đình chỉ điều tra do MTNHS và định hướng lựa chọn trường hợp nghiên cứu điển hình. Tuy nhiên, số liệu cơ cấu không tự chứng minh quyết định trong từng vụ án là đúng hoặc chưa đúng. Việc đánh giá phải được thực hiện trên cơ sở tính hợp pháp,

căn cứ thực tế, sự chính xác trong lựa chọn quy phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, khả năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và cơ chế kiểm sát đối với từng quyết định cụ thể tại mục 3.2.

3.1.2.4. Ảnh hưởng tích cực của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT không chỉ làm phát sinh hậu quả pháp lý đối với bị can trong từng VAHS cụ thể mà còn tác động đến việc thực hiện chính sách hình sự, phân hóa TNHS, khắc phục hậu quả và tổ chức TTHS. Trong phạm vi mục này, các ảnh hưởng được nhận diện theo chiều hướng tác động của ADPL trong thực tiễn; việc đánh giá cụ thể kết quả đạt được và hạn chế được thực hiện tại mục 3.2. Các ảnh hưởng tích cực chỉ được bảo đảm khi CQCSĐT xác định đúng hành vi phạm tội, kiểm tra đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS, lựa chọn đúng quy phạm và ban hành quyết định đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Thứ nhất, góp phần thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước

Số liệu giai đoạn 2018 - 2025 cho thấy việc đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu; tỷ trọng vụ án, bị can có sự biến động và giảm rõ hơn trong những năm cuối [Phụ lục 1] điều đó cho thấy chế định MTNHS được vận dụng trong thực tiễn điều tra, nhưng không cho phép đánh giá chất lượng ADPL chỉ từ số lượng nhiều hay ít. Việc chấm dứt truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện tội phạm khi có căn cứ, điều kiện luật định thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước. Tính nhân đạo không đồng nghĩa với giảm nhẹ yêu cầu chứng minh, mà phải được đặt trong sự thống nhất giữa khoan hồng và tính nghiêm minh của pháp luật.

Ví dụ: “Minh chứng điển hình kết quả áp dụng đúng pháp luật của năm 2020 là VAHS bị can Nguyễn Ngọc Danh (SN: 1989), khoảng 19h20 ngày 28/6/2020, tại Km 905+300 QL14 (huyện B, tỉnh Bình Phước), Danh điều khiển xe ô tô và chạm giao thông với xe mô tô do Điều Thị B (SN: 2003) điều khiển, dẫn đến va chạm, gây tai nạn làm nạn nhân tử vong tại chỗ. Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, ngày 31/8/2020, CQCSĐT ban hành Quyết định khởi tố VAHS và Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Ngọc Danh về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo khoản

1 Điều 260 BLHS năm 2015; trong quá trình điều tra, bị can Danh thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường toàn bộ thiệt hại và được đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn xin MTNHS. Ngày 19/10/2020 CQCSĐT huyện B căn cứ khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, đã ra Quyết định đình chỉ điều tra VAHS và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Ngọc Danh; các quyết định này được VKSND cùng cấp kiểm sát theo đúng quy định pháp luật” [59].

Trường hợp trên cho thấy việc MTNHS được xem xét trên cơ sở tổng hợp hình thức lỗi, hậu quả của hành vi, việc bồi thường thiệt hại, sự tự nguyện hòa giải và đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại. Việc không tiếp tục truy cứu TNHS khi có đầy đủ điều kiện tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 thể hiện chính sách khoan hồng có điều kiện, không phải sự phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi hoặc bỏ qua yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nội dung “VKSND cùng cấp kiểm sát theo quy định của pháp luật” trong tài liệu trích dẫn được bảo lưu nguyên văn [59], về phương diện pháp lý, VKSND thực hiện kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định đình chỉ điều tra, không thực hiện thủ tục phê chuẩn quyết định này.

Thứ hai, góp phần bảo đảm phân hóa và cá thể hóa TNHS trong thực tiễn điều tra

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can đòi hỏi CQCSĐT phải xem xét riêng đối với từng bị can, từng hành vi và từng căn cứ pháp luật cụ thể. Việc xem xét MTNHS không chỉ phụ thuộc vào tên tội danh mà còn phải dựa trên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hình thức lỗi, hậu quả, điều kiện phát sinh căn cứ MTNHS và những tình tiết có giá trị pháp lý liên quan đến bị can sau khi phạm tội. Các tình tiết về nhân thân, thái độ khai báo, hợp tác, bồi thường và khắc phục hậu quả chỉ có giá trị trong phạm vi mà điều luật được áp dụng cho phép xem xét; không phải là căn cứ MTNHS độc lập.

Thông qua việc đánh giá từng trường hợp đình chỉ MTNHS đối với bị can, CQCSĐT có thể phân biệt trường hợp phải đình chỉ thuộc diện đương nhiên MTNHS với trường hợp pháp luật cho phép xem xét có thể được MTNHS. Qua đó, việc áp dụng góp phần hạn chế cách xử lý đồng loạt, máy móc, đồng thời bảo đảm sự tương xứng giữa tính chất của hành vi, hoàn cảnh của người phạm tội và biện pháp pháp lý được Nhà nước lựa chọn.

Thứ ba, góp phần chấm dứt kịp thời quá trình tố tụng trong những trường hợp có căn cứ đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự

Việc đình chỉ điều tra do MTNHS diễn ra xuyên suốt giai đoạn 2018 - 2025, với tỷ trọng vụ án và bị can giảm rõ hơn trong những năm cuối [Phụ lục 1] khi căn cứ, điều kiện MTNHS đã được chứng minh đầy đủ, việc đình chỉ làm chấm dứt quá trình giải quyết đối với VAHS, bị can hoặc phần VAHS có liên quan; qua đó hạn chế việc tiếp tục chuyển vụ án sang các giai đoạn truy tố, xét xử khi không còn cần thiết. Tác động này góp phần sử dụng hợp lý thời gian, nhân lực và các điều kiện bảo đảm hoạt động TTHS, nhưng không được coi là căn cứ để đơn giản hóa hoạt động điều tra hoặc ưu tiên mục tiêu giảm số lượng án phải giải quyết.

Một minh chứng điển hình tích cực của năm 2022 là vụ án “Đ.V.T (SN 1998) bị khởi tố về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS năm 2015. Khoảng 10h30’ ngày 06/8/2022, tại Km 129+600, QL217, địa phận xã Trung Tiến, Đ.V.T. điều khiển xe ô tô tải va chạm với xe máy do ông L.V.C điều khiển, hậu quả ông L.V.C tử vong tại chỗ. Ngày 05/9/2022, CQCSĐT ra Quyết định khởi tố VAHS số 13/QĐ-KTVA và Quyết định khởi tố bị can số 17/QĐ-KTBTC. Quá trình điều tra xác định bị can có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, lỗi vô ý, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại và được đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn xin MTNHS. Căn cứ khoản 3 Điều 29 BLHS, ngày 10/11/2022, CQCSĐT ban hành Bản kết luận điều tra số 19/BKL-ĐTĐC, kết luận vụ án thuộc trường hợp MTNHS, đề nghị đình chỉ điều tra bị can Đ.V.T Quyết định đình chỉ được VKSND huyện QS kiểm sát theo quy định của pháp luật” [60].

Trường hợp này cho thấy việc chấm dứt quá trình tố tụng được thực hiện sau khi CQCSĐT đã khởi tố, điều tra, xác minh hành vi, hậu quả, hình thức lỗi và các điều kiện MTNHS. Vì vậy, sử dụng hợp lý nguồn lực tố tụng là ảnh hưởng tích cực phát sinh từ việc đình chỉ điều tra có căn cứ, không phải mục tiêu thay thế yêu cầu làm rõ sự thật khách quan của VAHS.

Thực tiễn năm 2023 tiếp tục ghi nhận trường hợp áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS trên cơ sở xem xét lỗi, hậu quả, bồi thường, khắc phục hậu quả và đề nghị của đại diện hợp pháp của bị hại, điển hình như:

Vụ án “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” xảy ra ngày 22/10/2022 tại Km 142+500 Quốc lộ 217. Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 22/10/2022, L.K.D (sinh năm 1989) điều khiển xe ô tô bán tải va chạm với bà N.T.M (SN 1952) đang đi bộ trên đường. Hậu quả, bà M tử vong ngày 23/10/2022. Ngày 15/12/2022, CQCSĐT Công an huyện ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 21/QĐ-KTVA và Quyết định khởi tố bị can số 31/QĐ-KTBC đối với L.K.D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS năm 2015; các quyết định khởi tố đã được VKSND cùng cấp phê chuẩn. Quá trình điều tra xác định: Bị can có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; được đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn đề nghị MTNHS; bị can có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự”. Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ban hành Bản kết luận điều tra trong trường hợp đình chỉ điều tra ngày 12/01/2023, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 để đình chỉ điều tra do MTNHS đối với bị can L.K.D các quyết định trên được kiểm sát theo quy định của pháp luật” [61].

Các vụ án nêu trên cho thấy việc đình chỉ điều tra do MTNHS chỉ được thực hiện sau khi các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, hậu quả, lỗi của bị can, việc khắc phục hậu quả và ý chí của người đại diện hợp pháp của bị hại đã được xác minh. Đây là điều kiện để bảo đảm việc kết thúc quá trình tố tụng không làm giảm yêu cầu chứng minh tội phạm và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan. Đối với nội dung nguồn [60], [61] đều được VKSND thực hiện chức năng kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra theo BLTTHS.

Thứ tư, khuyến khích bị can bồi thường, khắc phục hậu quả và góp phần khôi phục các quan hệ xã hội bị xâm hại

Trong những trường hợp pháp luật quy định việc bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải hoặc đề nghị của bị hại là điều kiện MTNHS, khả năng được hưởng chính sách khoan hồng tạo động lực để bị can chủ động sửa chữa thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Việc bồi thường và hòa giải tự nguyện không chỉ bảo đảm tốt hơn quyền lợi của bị hại mà còn góp phần giải quyết mâu thuẫn, giảm xung đột kéo dài và tạo

điều kiện để người được MTNHS tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng.

Tuy nhiên, ảnh hưởng tích cực này chỉ được ghi nhận khi việc bồi thường, hòa giải và đề nghị MTNHS là tự nguyện, được kiểm tra bằng tài liệu, chứng cứ hợp pháp. CQCSĐT không được đồng nhất sự thỏa thuận giữa các bên với căn cứ đương nhiên MTNHS hoặc để việc bồi thường thay thế việc đánh giá tính chất, hậu quả và mức độ nguy hiểm của hành vi.

Thứ năm, cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật và thống nhất tổ chức thực hiện

Kết quả giải quyết các VAHS cụ thể giúp CQCSĐT, VKSND và các cơ quan có liên quan tích lũy kinh nghiệm trong nhận diện căn cứ, đánh giá điều kiện, lựa chọn quy phạm, ban hành quyết định và tổ chức thực hiện việc MTNHS đối với bị can. Các trường hợp áp dụng phù hợp tại [Phụ lục 7] là nguồn thực tiễn để tổng kết, xây dựng hướng dẫn nghiệp vụ, chuẩn hóa nội dung văn bản tố tụng, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm.

Mặt khác, xu hướng giảm về tỷ trọng vụ án và bị can được đình chỉ do MTNHS trong những năm cuối giai đoạn nghiên cứu cần được đánh giá thận trọng. Xu hướng này có thể gắn với nhiều yếu tố và tự thân không chứng minh việc kiểm soát ADPL tốt hơn hoặc việc MTNHS chưa được áp dụng đầy đủ. Vì vậy, ảnh hưởng tích cực phải được đánh giá chủ yếu qua tính hợp pháp, có căn cứ, kịp thời của quyết định; việc bảo đảm quyền của bị can, bị hại và hiệu quả kiểm sát của VKSND, chứ không qua yêu cầu tăng hoặc giảm số lượng trường hợp MTNHS.

Nhìn chung, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 đã góp phần thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, phân hóa và cá thể hóa TNHS, khuyến khích khắc phục hậu quả, chấm dứt kịp thời quá trình tố tụng trong những trường hợp không cần thiết phải tiếp tục truy cứu TNHS. Những ảnh hưởng tích cực này không phát sinh một cách đương nhiên từ việc ban hành quyết định đình chỉ, mà phụ thuộc trực tiếp vào tính đúng đắn của quá trình nhận diện căn cứ, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL. Đây cũng là cơ sở để tiếp tục nhận diện các ảnh hưởng tiêu cực có thể phát sinh khi một trong các giai đoạn đó không được thực hiện đầy đủ, thống nhất.

3.1.2.5. Ảnh hưởng tiêu cực trong thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT giai đoạn từ năm 2018 - 2025 cũng cho thấy một số tác động không mong muốn. Những tác động này không xuất phát từ bản chất nhân đạo, khoan hồng của chế định MTNHS, mà phát sinh khi việc xác định sự kiện pháp lý, đánh giá căn cứ, điều kiện MTNHS, lựa chọn quy phạm hoặc ban hành, tổ chức thực hiện quyết định chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu pháp luật. Các nội dung dưới đây chỉ nhận diện chiều hướng tác động; hạn chế cụ thể và nguyên nhân được phân tích tại mục 3.2.2.

Thứ nhất, sự khác nhau trong nhận thức và đánh giá các căn cứ, điều kiện MTNHS có thể làm giảm tính thống nhất và khả năng dự báo của pháp luật. Điều này thể hiện rõ đối với các căn cứ có nội dung định tính như “chuyển biến của tình hình”, “không còn nguy hiểm cho xã hội”, “lập công lớn”, “có cống hiến đặc biệt” và việc xác định phạm vi quyền lựa chọn của CQCSĐT trong những trường hợp pháp luật quy định “có thể được miễn”. Trường hợp TH15 tại [Phụ lục 7] cho thấy việc đánh giá căn cứ chuyển biến của tình hình chưa thật sự thống nhất; trong khi các trường hợp TH16 - TH18 phản ánh vấn đề phân biệt, lựa chọn và viện dẫn căn cứ chung với căn cứ MTNHS đặc thù [Phụ lục 7].

Thứ hai, ADPL về MTNHS đối với bị can khi tài liệu, chứng cứ chưa được thu thập, kiểm tra và đánh giá đầy đủ có thể làm mờ ranh giới giữa yêu cầu chứng minh sự thật VAHS với việc thực hiện chính sách khoan hồng. Trường hợp TH14 cho thấy nếu những vấn đề cần điều tra lại chưa được làm rõ nhưng CQCSĐT sử dụng MTNHS để kết thúc việc giải quyết vụ án thì có nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan, có căn cứ của quyết định ADPL. Trường hợp TH08 cũng đặt ra yêu cầu cân nhắc sự tương xứng giữa việc khoan hồng với hậu quả của hành vi và mục tiêu phòng ngừa tội phạm [Phụ lục 7].

Thứ ba, quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS thiếu căn cứ có thể ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, tính nghiêm minh của pháp luật và yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Ở chiều ngược lại, đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, việc không nhận diện và đình chỉ kịp thời khi đã đủ căn cứ luật định có thể kéo dài tình trạng bị truy cứu TNHS không cần thiết; đối với trường hợp có thể được MTNHS, việc không xem xét đầy đủ các căn cứ, điều kiện luật định cũng có thể làm giảm khả năng

thực hiện thống nhất chính sách khoan hồng. Như vậy, yêu cầu đặt ra là phòng ngừa cả việc đình chỉ thiếu căn cứ và việc không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp pháp luật cho phép hoặc bắt buộc MTNHS.

Thứ tư, sự thiếu thống nhất trong thống kê, báo cáo, phân loại căn cứ và ghi nhận hình thức đình chỉ gây khó khăn cho việc đánh giá chính xác quy mô, cơ cấu và chất lượng ADPL. Khi quyết định tố tụng không ghi rõ căn cứ theo khoản, điểm của điều luật hoặc số liệu vụ án và bị can không được phân loại thống nhất, hoạt động kiểm tra, kiểm sát, tổng kết và rút kinh nghiệm khó phản ánh đầy đủ những vấn đề phát sinh. Đây không phải là hậu quả của số lượng vụ án được MTNHS, mà là hệ quả của việc tổ chức thống kê, báo cáo và kiểm soát quyết định ADPL chưa được chuẩn hóa [Phụ lục 8]; phụ lục này được xây dựng để đối chiếu các vấn đề thực trạng với nguyên nhân và giải pháp, không phải là nguồn thống kê đại diện.

Thứ năm, chất lượng ADPL có thể chịu tác động bất lợi khi năng lực đánh giá chứng cứ, nhận diện căn cứ pháp luật, kỹ năng lập văn bản và cơ chế phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND chưa đồng đều. Tuy nhiên, cơ cấu ngạch, trình độ đào tạo hoặc chứng chỉ Công nghệ thông tin tại [Phụ lục 9, 10, 11] không tự thân chứng minh hạn chế về năng lực của đội ngũ; biểu hiện cụ thể và nguyên nhân chỉ được kết luận trên cơ sở đối chiếu với thực tiễn tại mục 3.2.2.

Nhìn tổng thể, các ảnh hưởng tiêu cực nêu trên không cho phép kết luận chế định MTNHS làm suy giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vấn đề cốt lõi nằm ở chất lượng chuyển hóa quy định pháp luật thành quyết định ADPL trong từng VAHS cụ thể. Việc nhận diện các tác động không mong muốn là cơ sở để đánh giá xu hướng vận động của ADPL trong giai đoạn nghiên cứu, đồng thời tiếp tục làm rõ kết quả, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật, thống nhất, khách quan và có kiểm soát.

3.1.2.6. Đánh giá xu hướng tổng thể giai đoạn từ năm 2018 - 2025

Trên cơ sở tổng hợp số liệu thống kê, cơ cấu căn cứ pháp lý, nhóm tội danh và các trường hợp nghiên cứu điển hình, có thể nhận diện xu hướng tổng thể của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 qua một số đặc điểm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tỷ trọng vụ án và bị can được đình chỉ do MTNHS có xu hướng giảm xét trên toàn giai đoạn, rõ hơn trong những năm cuối

Theo Phụ lục 1, tỷ trọng số vụ án trong toàn giai đoạn đạt mức cao nhất năm 2019 là 19,2%, sau đó còn 10,1% năm 2022, 10,3% năm 2023, 8,6% năm 2024 và 7,7% năm 2025. Đối với bị can, tỷ trọng tương ứng trong bốn năm cuối lần lượt là 11,0%, 10,5%, 9,4% và 8,1% [Phụ lục 1] do số liệu công khai được trình bày dưới dạng cơ cấu tỷ lệ, xu hướng được đánh giá trên cơ sở tỷ trọng và chiều hướng biến động qua các năm.

Xu hướng giảm nêu trên cho thấy phạm vi thực tế của ADPL về MTNHS đối với bị can đang có sự thu hẹp. Một mặt, có thể đặt ra khả năng việc kiểm tra chấn chỉnh, kiểm soát chặt chẽ hơn những trường hợp áp dụng chưa đầy đủ căn cứ, điều kiện. Mặt khác, xu hướng này cũng đặt ra khả năng các căn cứ MTNHS chưa được nhận diện và vận dụng đầy đủ do nhận thức pháp luật chưa thống nhất, khó khăn trong đánh giá những điều kiện mang tính định tính, cơ chế phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND chưa hiệu quả hoặc tâm lý thận trọng, e ngại trách nhiệm của người có thẩm quyền. Vì vậy, không thể mặc nhiên coi việc giảm số lượng vụ án và bị can được MTNHS là biểu hiện của chất lượng ADPL đã được nâng lên.

Vấn đề cần đánh giá không phải là số lượng MTNHS nhiều hay ít, mà là việc áp dụng có đúng, đầy đủ và kịp thời hay không. CQCSĐT phải đồng thời bảo đảm không MTNHS đối với trường hợp chưa đáp ứng điều kiện và không tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can đã có đầy đủ căn cứ được hưởng chính sách khoan hồng của Nhà nước. Xu hướng giảm là một biểu hiện thực tiễn cần được tiếp tục làm rõ về hạn chế và nguyên nhân tại mục 3.2.2, qua đó đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật, chuẩn hóa tiêu chí nhận diện, cơ chế phối hợp, kiểm sát và trách nhiệm của chủ thể ADPL tại Chương 4.

Thứ hai, cơ cấu đình chỉ do MTNHS tập trung ở một số nhóm tội phạm, nhưng hệ thống phụ lục không sử dụng cơ cấu định lượng theo từng căn cứ MTNHS để suy luận mức độ áp dụng của từng điều, khoản

Trong giai đoạn 2018 - 2025, nhóm các tội xâm phạm trật tự công cộng chiếm 65,54% số vụ án và 63,93% số bị can; tiếp đến là nhóm xâm phạm sở hữu và nhóm xâm phạm tính mạng, sức khỏe [Phụ lục 1, 4, 5] khoản 3 Điều 29 BLHS xuất hiện trong nhiều trường hợp điển hình tại Phụ lục 7, nhất là các vụ án giao thông, nhưng Phụ lục 7 là dữ liệu định tính nên không được dùng để khẳng định đây là căn cứ có tỷ trọng cao nhất trong toàn quốc.

Thứ ba, yêu cầu kiểm tra, kiểm sát, hướng dẫn và rút kinh nghiệm đối với việc đình chỉ do miễn trách nhiệm hình sự ngày càng được thể hiện rõ hơn

Trong giai đoạn nghiên cứu, hoạt động ADPL được đặt trong hệ thống hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ, kiểm sát và rút kinh nghiệm của CQCSĐT, VKSND và các cơ quan có liên quan. Hướng dẫn số 33/HD-VKSTC ngày 30/11/2018, Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 và các Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023, số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024, số 309/TB-VKSTC ngày 19/11/2025 cho thấy yêu cầu quản lý, kiểm tra, báo cáo và áp dụng thống nhất được duy trì, cập nhật qua từng thời kỳ [Phụ lục 6]; tuy nhiên, việc ban hành các văn bản nghiệp vụ này không tự chứng minh quy trình ADPL đã được chuẩn hóa hoàn toàn, bởi nội dung rút kinh nghiệm đồng thời cho thấy vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục khắc phục.

Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026 được luận án sử dụng để cập nhật tình hình sau giai đoạn nghiên cứu chính, trong đó tiếp tục lưu ý việc báo cáo chưa ghi rõ căn cứ theo từng khoản của Điều 29 BLHS và yêu cầu cân nhắc kỹ trước khi khởi tố một số vụ án giao thông có hậu quả là người thân thích, ruột thịt của người thực hiện hành vi. Tài liệu này chỉ có ý nghĩa bổ sung, nhận diện tính tiếp diễn của vấn đề, không được sử dụng để thay đổi kết luận thống kê của giai đoạn từ năm 2018 - 2025 [Phụ lục 6] nội dung này được sử dụng để nhận diện vấn đề thực tiễn tiếp diễn, không được hiểu rằng quan hệ thân thích tự thân là căn cứ không khởi tố hoặc rằng việc khởi tố trong các trường hợp trước đây mặc nhiên trái pháp luật.

Thứ tư, yêu cầu kiểm soát tính có căn cứ và thống nhất của ADPL ngày càng rõ, trong khi các trường hợp điển hình vẫn phản ánh một số vấn đề về chứng cứ và lựa chọn quy phạm

Các trường hợp nghiên cứu điển hình cho thấy vướng mắc có thể phát sinh trong đánh giá căn cứ định tính, sự tương xứng giữa chính sách khoan hồng với tính chất, hậu quả của hành vi, cũng như trong phân biệt căn cứ chung với căn cứ đặc thù. Trường hợp TH08 đặt ra yêu cầu kiểm tra chặt chẽ điều kiện áp dụng khi hậu quả của hành vi nghiêm trọng; TH14 phản ánh yêu cầu không sử dụng MTNHS thay cho việc tiếp tục làm rõ những nội dung phải điều tra; TH15 - TH18 cho thấy những vấn đề về căn cứ định tính và kỹ thuật lựa chọn, viện dẫn quy phạm [Phụ lục 7] những trường hợp này chỉ có giá trị minh họa định tính, không được suy rộng thành tỷ lệ sai sót chung của CQCSĐT trên phạm vi cả nước.

Nhìn tổng thể, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 có xu hướng giảm về tỷ trọng trong những năm cuối, trong khi yêu cầu kiểm tra, kiểm sát và áp dụng thống nhất ngày càng được nhấn mạnh. Tuy nhiên, xu hướng giảm không đồng nghĩa với chất lượng ADPL đã được bảo đảm đầy đủ. Việc đánh giá phải đồng thời kiểm soát hai khả năng: đình chỉ điều tra thiếu căn cứ và không nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS theo quy định của pháp luật.

Đối với sáu tháng đầu năm 2026, mức bình quân tháng của số vụ án đình chỉ do MTNHS giảm 20,45% và số bị can giảm 4,66% so với mức bình quân tháng năm 2025 [Phụ lục 1] số liệu này chỉ dùng để cập nhật xu hướng, không so sánh trực tiếp về quy mô với số liệu cả năm và không dùng để thay đổi kết luận của giai đoạn nghiên cứu chính 2018 - 2025.

Phụ lục 7 quy định rõ 18 nhóm trường hợp chỉ được sử dụng để phân tích định tính, nhận diện các dạng kết quả, hạn chế và vấn đề pháp lý, không phải mẫu thống kê đại diện và không được sử dụng để suy rộng về tỷ lệ, cơ cấu chung trên phạm vi cả nước.

3.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

3.2.1. Kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và nguyên nhân của kết quả đạt được

3.2.1.1. Kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thứ nhất, giai đoạn xác định, phân tích, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra cần áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, xác định, phân tích và đánh giá đúng các tình tiết của vụ án là giai đoạn có ý nghĩa nền tảng, tạo cơ sở thực tiễn và chứng cứ cho việc lựa chọn quy phạm pháp luật, ban hành văn bản ADPL và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Chất lượng của giai đoạn này phụ thuộc trực tiếp vào việc tiếp nhận, phân loại, kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội

phạm; thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; làm rõ hành vi, hậu quả, nhân thân của người thực hiện hành vi và các tình tiết có liên quan đến điều kiện MTNHS.

Số liệu tại [Phụ lục 2] cho thấy tỷ lệ nguồn tin về tội phạm đã được giải quyết trên tổng số phải giải quyết trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 dao động từ 74,94% đến 88,81%; năm 2025 đạt 85,88%. Trong khi đó, tỷ lệ nguồn tin từ kỳ trước chuyển sang tăng từ 10,03% năm 2018 lên 19,56% năm 2025. Kết quả này phản ánh khối lượng và áp lực giải quyết nguồn tin mà CQCSĐT phải thực hiện, đồng thời cho thấy yêu cầu phân loại, kiểm tra, xác minh chính xác ngay từ giai đoạn đầu. Tuy nhiên, đây là số liệu phản ánh bối cảnh chung của hoạt động điều tra, không phải căn cứ trực tiếp để xác định chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can.

Theo pháp luật hiện hành, ở giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm chưa đặt ra việc ban hành quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ MTNHS. Kết quả kiểm tra, xác minh tại giai đoạn này có ý nghĩa cung cấp thông tin ban đầu, giúp CQCSĐT nhận diện sớm những tình tiết có thể liên quan đến căn cứ MTNHS để tiếp tục kiểm tra, chứng minh nếu VAHS được khởi tố và tư cách bị can được xác lập. Việc phân biệt rõ hai giai đoạn bảo đảm không đồng nhất MTNHS với trường hợp không có căn cứ khởi tố hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

Một là, CQCSĐT đã chú trọng thu thập, kiểm tra và đánh giá những nhóm tình tiết có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xem xét MTNHS. Các tình tiết này gồm: tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hình thức lỗi, hậu quả và vai trò của bị can; quá trình chấp hành pháp luật, thái độ khai báo, hợp tác và hành vi của bị can sau khi phạm tội; việc sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và ý kiến của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại. Việc xác định các tình tiết theo từng nhóm giúp hoạt động chứng minh tập trung vào điều kiện của căn cứ MTNHS cụ thể, thay vì chỉ dựa trên nhận xét chung về nhân thân hoặc thái độ của bị can.

Hai là, hoạt động phân tích, đánh giá tình tiết đã bước đầu gắn với việc phân loại đúng tình huống pháp lý. CQCSĐT không chỉ phải chứng minh hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm mà còn phải làm rõ tình tiết làm phát sinh căn cứ MTNHS; đồng thời phân biệt với trường hợp không có căn cứ khởi tố, có căn cứ loại trừ TNHS hoặc đình chỉ điều tra theo căn cứ khác. Việc phân loại đúng có ý nghĩa quyết định, bởi MTNHS chỉ được đặt ra đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và lẽ ra phải chịu

TNHS nhưng thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS theo quy định của pháp luật.

Ba là, kết quả nghiên cứu điển hình cho thấy trong một số trường hợp, các tình tiết có ý nghĩa đối với việc MTNHS đã được thu thập và đánh giá tương đối đầy đủ. Tại các trường hợp TH01 và TH02, CQCSĐT đã làm rõ hình thức lỗi, hậu quả của hành vi, việc tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại trước khi áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 [Phụ lục 7] những trường hợp này cho thấy việc đánh giá đúng tình tiết đã tạo cơ sở thực tế cho lựa chọn căn cứ và ban hành quyết định ADPL.

Bốn là, việc xác định đầy đủ các tình tiết trọng yếu đã góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ với căn cứ pháp luật được viện dẫn. Đối với trường hợp áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, hồ sơ phải thể hiện rõ tính chất của tội phạm, việc tự nguyện sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục hậu quả, sự tự nguyện hòa giải và đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại. Đối với các căn cứ khác, CQCSĐT phải thu thập tài liệu tương ứng để chứng minh từng điều kiện luật định, không sử dụng tình tiết của căn cứ này để thay thế điều kiện của căn cứ khác.

Như vậy, kết quả chủ yếu của giai đoạn xác định, phân tích và đánh giá tình tiết thể hiện ở việc CQCSĐT đã chú trọng hơn đến các tài liệu, chứng cứ liên quan trực tiếp đến căn cứ MTNHS; bước đầu phân loại các tình huống pháp lý và tạo lập cơ sở thực tế cho việc lựa chọn quy phạm. Các trường hợp TH01, TH02 chỉ có giá trị minh họa định tính cho kết quả này, không được suy rộng thành tỷ lệ hoặc mức độ đúng của toàn bộ các trường hợp trên phạm vi cả nước. Kết quả này là tiền đề để chuyển sang giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật, nhưng không đồng nghĩa mọi trường hợp đã được nhận diện, đánh giá đầy đủ và thống nhất; những hạn chế cụ thể sẽ được phân tích tại mục 3.2.2.

Thứ hai, giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Lựa chọn quy phạm pháp luật là giai đoạn chuyển kết quả xác định, phân tích và đánh giá tình tiết thành căn cứ pháp lý trực tiếp để CQCSĐT thực hiện thẩm quyền trong TTHS. Đây là khâu thể hiện rõ yêu cầu của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ

nghĩa, bởi quyết định chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với bị can chỉ được ban hành trên cơ sở quy phạm pháp luật có hiệu lực, đúng phạm vi điều chỉnh và phù hợp với các tình tiết đã được chứng minh.

Một là, hệ thống văn bản hướng dẫn, trao đổi và phối hợp nghiệp vụ đã hỗ trợ CQCSĐT trong việc nhận diện, lựa chọn căn cứ MTNHS. Công văn số 998/V14 ngày 13/12/2019 của VKSND tối cao, Công văn số 69/TANDTC-PC ngày 19/5/2020 của TAND tối cao và Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 của Bộ Công an đã trao đổi, hướng dẫn một số nội dung liên quan đến khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 [Phụ lục 6] các văn bản này góp phần làm rõ cách hiểu và trình tự thực hiện trong thực tiễn, nhưng không phải văn bản quy phạm pháp luật và không được sử dụng thay thế căn cứ trực tiếp của BLHS và BLTTHS.

Hai là, thực tiễn cho thấy CQCSĐT đã vận dụng các căn cứ MTNHS tương ứng với từng tình huống pháp lý cụ thể. Tuy nhiên, bộ phận được chuẩn hóa không công bố cơ cấu định lượng theo từng điều, khoản của BLHS; vì vậy, luận án không tiếp tục sử dụng các tỷ lệ theo từng căn cứ để khẳng định căn cứ nào được áp dụng phổ biến nhất. [Phụ lục 7] chỉ được sử dụng để kiểm chứng định tính việc lựa chọn quy phạm trong các trường hợp điển hình.

Trong các trường hợp TH01 và TH02, việc lựa chọn khoản 3 Điều 29 BLHS được đặt trên cơ sở các tình tiết đã được làm rõ về lỗi, hậu quả, bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại [Phụ lục 7] đây là những trường hợp cho thấy sự thống nhất tương đối giữa căn cứ thực tế và quy phạm được lựa chọn.

Ba là, việc lựa chọn quy phạm đã từng bước được đặt trong mối quan hệ giữa quy định của Phần chung BLHS, các quy định đặc thù tại một số tội danh và căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra. Các quy định MTNHS tại Phần các tội phạm có thể là căn cứ nội dung trực tiếp, đặc thù đối với từng tội phạm cụ thể, nhưng không tự mình trở thành căn cứ tố tụng độc lập để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là phải xác định rõ căn cứ nội dung được áp dụng và quy định tương ứng của BLTTHS, tránh đồng nhất căn cứ chung của chế định với căn cứ trực tiếp, đặc thù.

Đối với người dưới 18 tuổi, kết quả áp dụng khoản 2 Điều 91 BLHS chỉ được xem xét trong phạm vi pháp luật có hiệu lực của giai đoạn 2018 - 2025. Từ ngày 01/01/2026, việc xử lý người chưa thành niên phải được đối chiếu với Luật Tố tụng Hình sự.

người chưa thành niên và các văn bản hướng dẫn thi hành; vì vậy, kết quả của giai đoạn trước không được sử dụng để thay thế căn cứ pháp luật hiện hành [Phụ lục 6].

Bốn là, trong một số trường hợp điển hình, việc lựa chọn căn cứ pháp luật đã phù hợp với những tình tiết được chứng minh. Các trường hợp TH01 và TH02 cho thấy CQCSĐT đã lựa chọn khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 sau khi làm rõ lỗi vô ý, việc bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại [Phụ lục 7] việc lựa chọn đúng căn cứ trực tiếp giúp bảo đảm sự thống nhất giữa kết quả điều tra, lập luận pháp lý và quyết định tố tụng được ban hành.

Nhìn chung, kết quả đạt được ở giai đoạn lựa chọn quy phạm thể hiện ở việc CQCSĐT đã vận dụng các căn cứ MTNHS trong mối liên hệ với các tình tiết được chứng minh, đồng thời có sự hỗ trợ của hệ thống văn bản hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ để thống nhất nhận thức. Tuy nhiên, kết quả này cần được đánh giá cùng với những trường hợp lựa chọn, phân biệt hoặc viện dẫn căn cứ chưa chính xác tại mục 3.2.2; không sử dụng cơ cấu thống kê theo nhóm tội phạm để suy ra cơ cấu căn cứ pháp lý hoặc chất lượng lựa chọn quy phạm trong từng quyết định.

Thứ ba, giai đoạn ban hành văn bản miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Trong giai đoạn này, văn bản ADPL về MTNHS đối với bị can là quyết định tố tụng cá biệt do CQCSĐT ban hành trong từng VAHS cụ thể, làm phát sinh hậu quả pháp lý trực tiếp đối với bị can. Theo pháp luật hiện hành, CQCSĐT không ban hành một quyết định độc lập mang tên “Quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can”; việc áp dụng căn cứ MTNHS được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra VAHS, đình chỉ điều tra bị can hoặc quyết định đình chỉ điều tra VAHS đối với bị can theo trường hợp pháp luật quy định. Văn bản ADPL cần được phân biệt với nghị quyết, thông tư, công văn hướng dẫn, văn bản trao đổi liên ngành và thông báo rút kinh nghiệm. Những văn bản này có ý nghĩa định hướng, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra việc áp dụng, nhưng không trực tiếp quyết định MTNHS đối với bị can trong một VAHS cụ thể.

Theo pháp luật hiện hành, khi có căn cứ MTNHS, CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo căn cứ, thẩm quyền, hình thức và trình tự do BLTTHS quy định. Quyết định phải thể hiện rõ căn cứ đình chỉ, việc xử lý vật chứng, tài liệu, tài sản, biện

pháp ngăn chặn và các vấn đề có liên quan; đồng thời được gửi đến VKSND và thông báo, tổng đạt cho các chủ thể có liên quan theo quy định. VKSND thực hiện kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định, không thực hiện thủ tục phê chuẩn quyết định đình chỉ điều tra.

Một là, việc áp dụng căn cứ MTNHS đã được thể hiện bằng quyết định tố tụng cá biệt do CQCSĐT ban hành theo thẩm quyền

Kết quả này có ý nghĩa quan trọng vì chuyển kết quả xác định sự kiện và lựa chọn quy phạm thành một quyết định quyền lực nhà nước có hiệu lực đối với một bị can, hành vi và VAHS cụ thể. Việc thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra giúp xác định rõ chủ thể, phạm vi đình chỉ, căn cứ pháp luật và các vấn đề cần xử lý; đồng thời tạo cơ sở để VKSND thực hiện kiểm sát và các chủ thể có liên quan thực hiện quyền của mình.

Hệ thống văn kiện chính trị, văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu nghiệp vụ tại [Phụ lục 6] chỉ được sử dụng để làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý và nghiệp vụ của quá trình này. Các công văn, hướng dẫn và thông báo rút kinh nghiệm không phải là văn bản ADPL và không được sử dụng như căn cứ pháp lý độc lập để CQCSĐT quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS.

Hai là, việc ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đã được đặt trong cơ chế kiểm tra, kiểm sát và từng bước chuẩn hóa về hình thức

Số liệu tại [Phụ lục 1] cho thấy việc đình chỉ điều tra do MTNHS diễn ra trong toàn bộ giai đoạn 2018 - 2025, nhưng tỷ trọng vụ án và bị can giảm rõ hơn trong những năm cuối. Năm 2019 chiếm tỷ trọng cao nhất với 19,2% số vụ án và 17,8% số bị can của toàn giai đoạn; đến năm 2025 các tỷ trọng tương ứng còn 7,7% và 8,1%. Xu hướng này không tự thân chứng minh chất lượng ban hành quyết định tăng hoặc giảm; kết quả của giai đoạn này phải được đánh giá bằng tính hợp pháp, có căn cứ và kịp thời của từng quyết định.

Các trường hợp TH01 và TH02 tại [Phụ lục 7] cho thấy, khi hình thức lỗi, hậu quả của hành vi, việc bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và ý chí của bị hại được làm rõ, việc lựa chọn khoản 3 Điều 29 và ban hành quyết định đình chỉ điều tra có cơ sở thực tế, pháp lý tương đối đầy đủ. Qua đó, quyết định ADPL đã chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can trong phạm vi quyết định đình chỉ, đồng thời tạo căn cứ để xử lý các biện pháp ngăn chặn, vật chứng, tài sản và những vấn đề liên quan.

Kết quả đạt được trong giai đoạn này còn thể hiện ở việc MTNHS được thể hiện bằng quyết định tố tụng cá biệt, thay vì chỉ được ghi nhận trong báo cáo, công văn trao đổi hoặc kết luận nghiệp vụ. Hình thức quyết định giúp xác định rõ bị can, hành vi phạm tội, căn cứ pháp luật, phạm vi đình chỉ và hậu quả pháp lý; đồng thời tạo điều kiện để VKSND kiểm sát và đề bị can, bị hại thực hiện quyền khiếu nại theo quy định.

Từ ngày 01/01/2026, hệ thống biểu mẫu ban hành theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA tiếp tục chuẩn hóa hình thức quyết định đình chỉ điều tra bị can. Trên cơ sở đó, [Phụ lục 12] của luận án chỉ đề xuất bổ sung một mẫu “Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự”, sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành quyết định đình chỉ điều tra bị can. Biểu mẫu đề xuất này không thay thế quyết định đình chỉ điều tra, không tạo ra một quyết định MTNHS độc lập và không làm thay đổi thẩm quyền tố tụng hiện hành.

Như vậy, giai đoạn ban hành văn bản ADPL đã chuyển kết quả xác định tình tiết và lựa chọn quy phạm thành quyết định có hiệu lực đối với từng bị can. Đây là điều kiện trực tiếp để chính sách MTNHS được thực hiện trong thực tiễn, nhưng đồng thời cũng là giai đoạn cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm phòng ngừa cả việc đình chỉ thiếu căn cứ và việc không ban hành quyết định kịp thời đối với trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc không xem xét đầy đủ trường hợp có thể được MTNHS khi các điều kiện luật định đã được xác lập.

Thứ tư, giai đoạn tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Tổ chức thực hiện quyết định ADPL về MTNHS đối với bị can là giai đoạn đưa nội dung của quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS vào thực tiễn. Giai đoạn này bao gồm việc gửi, tổng đạt, thông báo quyết định; bảo đảm VKSND thực hiện chức năng kiểm sát; chấm dứt hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; xử lý vật chứng, tài sản và các vấn đề có liên quan; cập nhật hồ sơ, thống kê, báo cáo và giải quyết khiếu nại theo quy định.

Kết quả của giai đoạn tổ chức thực hiện được đánh giá không chỉ ở việc quyết định đã được ban hành mà còn ở mức độ hậu quả pháp lý của quyết định được thực hiện đầy đủ, kịp thời, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan.

Một là, việc gửi quyết định và thực hiện kiểm sát của VKSND đã tạo cơ chế kiểm sát quyết định ADPL về MTNHS đối với bị can

Sau khi ban hành quyết định đình chỉ điều tra, CQCSĐT có trách nhiệm gửi quyết định, hồ sơ và tài liệu có liên quan đến VKSND để thực hiện kiểm sát theo quy định của BLTTHS. Cơ chế này giúp kiểm tra thẩm quyền, căn cứ, nội dung và trình tự ban hành quyết định; kịp thời phát hiện trường hợp đình chỉ thiếu căn cứ hoặc vi phạm pháp luật. Đây là hoạt động kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra, không phải thủ tục VKSND phê chuẩn quyết định của CQCSĐT.

Hai là, việc thực hiện quyết định đã góp phần xác lập rõ tình trạng pháp lý của bị can

Theo quyết định đình chỉ điều tra, việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định đình chỉ được chấm dứt. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đang áp dụng phải được xem xét hủy bỏ hoặc xử lý theo quy định; quyết định phải được thông báo, tổng đạt để bị can và người bào chữa biết, thực hiện quyền của mình. Việc thực hiện kịp thời giúp hạn chế tình trạng quyết định đã được ban hành nhưng bị can vẫn phải chịu những bất lợi tố tụng không còn căn cứ.

Miễn trách nhiệm hình sự không đương nhiên làm chấm dứt mọi quan hệ pháp luật phát sinh từ hành vi phạm tội. Việc xử lý vật chứng, tài sản, bồi thường dân sự, xử lý hành chính hoặc kỷ luật vẫn phải được giải quyết theo pháp luật có liên quan. Đề xuất tại [Phụ lục 12] nhằm bổ sung cơ chế thông báo rõ căn cứ và tình trạng pháp lý sau khi đã có quyết định đình chỉ điều tra, qua đó hỗ trợ người có liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ và tạo điều kiện cho VKSND kiểm sát việc thực hiện quyết định.

Ba là, công tác thống kê, báo cáo đã bước đầu phản ánh được quy mô và cơ cấu áp dụng

Hệ thống số liệu đã được chuẩn hóa theo hướng tách biệt tỷ trọng vụ án, bị can theo năm và cơ cấu theo nhóm tội phạm [Phụ lục 1, 4, 5]; [Phụ lục 2] phản ánh bối cảnh chung của công tác giải quyết nguồn tin và điều tra; [Phụ lục 7] cung cấp trường hợp nghiên cứu điển hình định tính. Cách tổ chức này tạo cơ sở nhận diện xu hướng và cơ cấu thực tiễn mà không suy rộng số liệu định tính thành tỷ lệ đại diện hoặc đồng nhất nhóm tội phạm với căn cứ pháp lý MTNHS.

Tuy nhiên, chênh lệch giữa số vụ án và số bị can, việc một số báo cáo chưa ghi rõ khoản của Điều 29 BLHS hoặc chưa thống nhất cách phân loại cho thấy công tác thống kê, báo cáo chưa hoàn toàn được chuẩn hóa. Vì vậy, kết quả đạt được chỉ nên xác định ở việc đã hình thành được hệ thống số liệu phục vụ theo dõi, đánh giá; không khẳng định mọi dữ liệu đều đã đầy đủ, thống nhất hoặc hoàn toàn chính xác.

Bốn là, việc tổ chức thực hiện đúng quyết định đã góp phần kết thúc kịp thời quá trình tố tụng

Khi quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện đầy đủ, VAHS hoặc quá trình tố tụng đối với bị can không phải tiếp tục chuyển sang giai đoạn truy tố, xét xử. Qua đó, các cơ quan tiến hành tố tụng có điều kiện tập trung nguồn lực cho những vụ án cần tiếp tục xử lý hình sự. Tuy nhiên, đây chỉ là hệ quả của việc ADPL đúng pháp luật, không phải mục tiêu để đơn giản hóa việc điều tra hoặc ban hành quyết định đình chỉ nhằm giảm khối lượng công việc.

Năm là, việc tổ chức thực hiện quyết định góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa chính sách khoan hồng và yêu cầu kiểm soát quyền lực

Việc MTNHS đối với bị can chỉ phát huy giá trị nhân đạo khi quyết định được ban hành và thực hiện đúng căn cứ, không làm ảnh hưởng đến quyền của bị hại và không bỏ qua yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, khi căn cứ luật định đã được xác lập, quyết định đình chỉ phải được ban hành và tổ chức thực hiện kịp thời; đối với trường hợp có thể được MTNHS, các căn cứ và điều kiện luật định phải được xem xét đầy đủ, khách quan. Sự phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND và các cơ quan có liên quan trong thực hiện quyết định góp phần bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu nhân đạo, tính nghiêm minh và kiểm soát quyền lực.

Nhìn chung, giai đoạn tổ chức thực hiện văn bản ADPL về MTNHS đối với bị can đã đạt được một số kết quả trong việc thực hiện hậu quả pháp lý của quyết định, kiểm sát hoạt động đình chỉ, bảo đảm quyền của bị can và hình thành dữ liệu phục vụ quản lý, đánh giá thực tiễn. Tuy nhiên, chưa có cơ sở để khẳng định giai đoạn này đã được chuẩn hóa hoàn toàn hoặc mọi quyết định đều được tổ chức thực hiện thống nhất. Những hạn chế về gửi, tổng đạt quyết định, thống kê, báo cáo, phối hợp và kiểm soát việc thực hiện sẽ được tiếp tục phân tích tại mục 3.2.2.

3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng và định hướng thống nhất của Nhà nước đối với chính sách hình sự nhân đạo

Sự lãnh đạo của Đảng và định hướng thống nhất của Nhà nước là nguyên nhân có ý nghĩa nền tảng đối với những kết quả đạt được trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Sự lãnh đạo này không thể hiện bằng việc can thiệp hành chính vào từng vụ án cụ thể, mà được thực hiện thông qua chủ trương, đường lối về xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng.

Các định hướng đó tạo cơ sở chính trị - pháp lý để CQCSĐT nhận thức và thực hiện ADPL về MTNHS đối với bị can theo hướng kết hợp giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm với yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền của bị can và tính nhân đạo của pháp luật hình sự. Đây cũng là cơ sở để hoạt động điều tra không chỉ dừng ở việc chứng minh tội phạm, mà còn phải đánh giá đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS trong từng trường hợp cụ thể.

Trong giai đoạn nghiên cứu, Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022, Nghị quyết số 14-NQ/ĐUCA ngày 08/11/2022 và Đề án số 10/ĐA-BCA ngày 07/12/2022 đã đặt ra yêu cầu xây dựng lực lượng CAND. Cơ quan điều tra trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp [Phụ lục 6]; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đổi mới công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Các văn kiện này là cơ sở chính trị, định hướng tổ chức thực hiện, không phải căn cứ pháp lý trực tiếp để xác định căn cứ MTNHS hoặc ban hành quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can trong từng VAHS cụ thể.

Thứ hai, hệ thống pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự ngày càng được hoàn thiện

Hệ thống pháp luật hình sự và pháp luật TTHS ngày càng được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện là nguyên nhân quan trọng tạo cơ sở pháp lý cho ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Từ BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đến BLHS năm 2015, chế

định MTNHS từng bước được ghi nhận đầy đủ hơn, phạm vi áp dụng rõ hơn và thể hiện ngày càng sâu sắc chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước.

Đặc biệt, BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể hơn các căn cứ MTNHS, trong đó Điều 29 BLHS năm 2015 là cơ sở pháp lý quan trọng để CQCSĐT xem xét ADPL về MTNHS đối với bị can trong giai đoạn điều tra. Cùng với đó, BLTTHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền đã góp phần làm rõ hơn thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức quyết định tố tụng liên quan đến đình chỉ điều tra do MTNHS.

Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, BLHS năm 2015 và BLTTHS năm 2015 là cơ sở pháp luật nội dung, hình thức trực tiếp cho việc xác định căn cứ, điều kiện, thẩm quyền và thủ tục MTNHS đối với bị can. Các nghị quyết, thông tư liên tịch, công văn giải đáp và hướng dẫn nghiệp vụ đã hỗ trợ nhận diện, phân biệt các căn cứ chung với căn cứ MTNHS đặc thù [Phụ lục 6] những sửa đổi pháp luật và cơ chế mới có hiệu lực sau giai đoạn nghiên cứu chính chỉ được sử dụng để cập nhật bối cảnh và nhận diện xu hướng hoàn thiện pháp luật, không dùng để đánh giá ngược tính hợp pháp của các quyết định đã ban hành trong giai đoạn 2018 - 2025.

Sự hoàn thiện của pháp luật đã tạo cơ sở để CQCSĐT thực hiện các giai đoạn ADPL từ xác định, phân tích, đánh giá tình tiết; lựa chọn quy phạm; ban hành đến tổ chức thực hiện quyết định tố tụng. Tuy nhiên, kết quả đạt được không chỉ phụ thuộc vào số lượng văn bản được ban hành mà còn phụ thuộc vào mức độ rõ ràng, thống nhất và khả năng áp dụng trực tiếp của từng quy định.

Thứ ba, nền tảng về đội ngũ và công tác đào tạo, bồi dưỡng đã hỗ trợ việc thực hiện áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự

Trình độ, năng lực và nhận thức pháp lý của đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can. Đây là nhóm chủ thể trực tiếp tiếp nhận, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và ban hành hoặc tham mưu ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền.

Cơ cấu ngạch của đội ngũ lãnh đạo CQCSĐT cho thấy Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT cấp Bộ đều là ĐTV cao cấp; ở cấp tỉnh, ĐTV cao cấp chiếm 87,88% đối với Thủ trưởng, còn ĐTV cao cấp và trung cấp chiếm 96,45% đối với Phó Thủ

trưởng [Phụ lục 9] trong cơ cấu trình độ đào tạo được thống kê đến ngày 14/6/2026, trình độ đại học trở lên chiếm 81,55% tổng lượt chuyên ngành đào tạo trong bảng gốc [Phụ lục 11] các số liệu này phản ánh cơ cấu chức danh và đào tạo tại thời điểm thống kê, tạo cơ sở nhận diện nền tảng chuyên môn của đội ngũ nhưng không tự thân chứng minh năng lực thực tế hoặc chất lượng của từng quyết định ADPL.

Cùng với quá trình chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tổng kết nghiệp vụ đã giúp đội ngũ trực tiếp tiến hành điều tra từng bước chú trọng hơn đến các tình tiết liên quan đến lỗi, hậu quả, nhân thân, sự hợp tác, việc bồi thường, khắc phục hậu quả và ý kiến của bị hại. Kết quả tại các trường hợp TH01 và TH02 cho thấy trong một số VAHS, những tình tiết này đã được thu thập, đánh giá và đối chiếu tương đối đầy đủ với khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 [Phụ lục 7]. Tuy nhiên, số liệu về trình độ, ngạch chức danh không đồng nghĩa năng lực thực tế của mọi chủ thể đều đồng đều; vấn đề này được tiếp tục đánh giá trong phần hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

Thứ tư, cơ chế kiểm tra, kiểm sát và phối hợp liên ngành trong ADPL về MTNHS đối với bị can ngày càng được tăng cường

Cơ chế kiểm tra, kiểm sát và phối hợp liên ngành là nguyên nhân quan trọng góp phần bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được thực hiện đúng pháp luật. Trong hoạt động điều tra, việc xem xét MTNHS đối với bị can thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của CQCSĐT theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự kiểm sát của VKSND và được hỗ trợ bởi cơ chế phối hợp nghiệp vụ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

Hướng dẫn số 33/HD-VKSTC ngày 30/11/2018 và các Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023, số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024, số 309/TB-VKSTC ngày 19/11/2025... đã góp phần phát hiện, chấn chỉnh những sai sót trong xác định tình tiết, lựa chọn căn cứ, ban hành quyết định và thống kê các trường hợp đình chỉ do MTNHS [Phụ lục 6]. Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026 tiếp tục phản ánh yêu cầu quản lý, kiểm tra và báo cáo việc áp dụng Điều 29 BLHS trong giai đoạn cập nhật.

Cơ chế trao đổi giữa CQCSĐT với VKSND giúp làm rõ thêm những trường hợp có căn cứ, điều kiện khó xác định hoặc còn có cách hiểu khác nhau. Hoạt động phối hợp, kiểm sát góp phần hạn chế việc đình chỉ thiếu căn cứ, đồng thời hỗ trợ nhận diện, xem xét kịp thời trường hợp có căn cứ, điều kiện MTNHS. Tuy nhiên, VKSND thực

hiện kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định đình chỉ điều tra, không thực hiện thủ tục phê chuẩn quyết định đình chỉ của CQCSĐT. Việc duy trì các thông báo rút kinh nghiệm vừa phản ánh kết quả của cơ chế kiểm sát, vừa cho thấy thực tiễn áp dụng chưa hoàn toàn thống nhất.

Thứ năm, chính sách hình sự của Nhà nước ngày càng thể hiện rõ xu hướng nhân đạo, khoan hồng và tái hòa nhập cộng đồng

Sự thay đổi trong chính sách hình sự theo hướng nhân đạo, khoan hồng và tái hòa nhập cộng đồng là nguyên nhân quan trọng định hướng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Chính sách hình sự hiện nay không chỉ hướng đến việc xử lý nghiêm minh người phạm tội, mà còn chú trọng giáo dục, khuyến khích sửa chữa sai lầm, khắc phục hậu quả và tạo điều kiện cho người phạm tội tái hòa nhập xã hội khi có đủ điều kiện luật định.

Chính sách này được thể hiện thông qua các căn cứ MTNHS gắn với sự chuyển biến của tình hình, tình trạng sức khỏe, việc tự thú, hợp tác, lập công, công hiến, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và hòa giải. Việc quy định các căn cứ đó tạo động lực để người phạm tội chủ động khắc phục thiệt hại, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, đồng thời tạo cơ sở để CQCSĐT cá thể hóa việc xử lý. Tuy nhiên, chính sách khoan hồng chỉ được thực hiện khi có đầy đủ điều kiện luật định, không đồng nhất với việc giảm nhẹ yêu cầu chứng minh hoặc mở rộng MTNHS ngoài phạm vi pháp luật quy định.

Đối với người dưới 18 tuổi, trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, việc MTNHS được thực hiện theo Điều 91 BLHS năm 2015 và các văn bản có liên quan. Từ ngày 01/01/2026, Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, cùng các quy định về xử lý chuyển hướng tiếp tục cụ thể hóa chính sách bảo đảm lợi ích tốt nhất và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên [Phụ lục 6] đây là sự tiếp nối định hướng chính sách, không phải căn cứ để giải thích trực tiếp kết quả của giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Thứ sáu, điều kiện kỹ thuật, dữ liệu nghiệp vụ và quá trình chuyển đổi số bước đầu hỗ trợ việc thực hiện áp dụng pháp luật

Việc thu thập, lưu trữ, kiểm tra và đối chiếu tài liệu, chứng cứ ngày càng gắn với yêu cầu quản lý hồ sơ, khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong hoạt động điều tra. Những điều kiện này có thể hỗ trợ CQCSĐT kiểm tra thông tin về nhân thân, quá

trình giải quyết vụ án, bồi thường, khắc phục hậu quả và các tài liệu có liên quan đến căn cứ MTNHS. Tuy nhiên, luận án không sử dụng mức độ trang bị kỹ thuật hoặc chứng chỉ Công nghệ thông tin để suy ra trực tiếp chất lượng ADPL.

Phụ lục 11 cho thấy cơ cấu trình độ Công nghệ thông tin của đội ngũ chủ yếu được phản ánh qua chứng chỉ; số liệu này chỉ cho biết nền tảng đào tạo tại thời điểm thống kê, không chứng minh mức độ thành thạo công nghệ hoặc hiệu quả khai thác dữ liệu trong từng đơn vị. Vì vậy, điều kiện kỹ thuật và chuyển đổi số chỉ được xác định là yếu tố hỗ trợ; chất lượng ADPL vẫn phụ thuộc trực tiếp vào quy định pháp luật, chất lượng chứng cứ và năng lực của chủ thể có thẩm quyền.

Nhìn tổng thể, những kết quả đạt được trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là kết quả tác động đồng thời của các nguyên nhân chính trị, pháp lý, tổ chức, con người, phối hợp, kiểm sát và điều kiện kỹ thuật. Trong đó, mức độ hoàn thiện của pháp luật và năng lực của chủ thể ADPL có ảnh hưởng trực tiếp; sự lãnh đạo, cơ chế phối hợp, kiểm sát, cơ sở vật chất và chuyển đổi số giữ vai trò định hướng, hỗ trợ và kiểm soát quá trình thực hiện. Việc phân định này là cơ sở để đánh giá đúng những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế tại mục 3.2.2.

3.2.2. Hạn chế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT cho thấy vẫn còn những hạn chế trong xác định tình tiết, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định. Xét theo tính chất của căn cứ MTNHS, cần phân biệt hai nhóm: đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, yêu cầu trọng tâm là nhận diện đầy đủ căn cứ và ban hành quyết định đình chỉ kịp thời khi điều kiện luật định đã được xác lập; đối với trường hợp có thể được MTNHS, hạn chế chủ yếu liên quan đến chất lượng đánh giá chứng cứ, việc cân nhắc các điều kiện luật định và lập luận cho quyết định lựa chọn. Các trường hợp tại [Phụ lục 7] chủ yếu được sử dụng để nhận diện định tính những dạng hạn chế này, không phải mẫu thống kê đại diện và không được suy rộng thành tỷ lệ sai sót chung trên phạm vi cả nước.

Thứ nhất, giai đoạn xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án đã xảy ra cần áp dụng pháp luật miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT cho thấy, việc nhận diện, thu thập và đánh giá các tình tiết làm căn cứ MTNHS trong một số trường hợp chưa đầy đủ, thống nhất. Hạn chế này thể hiện ở việc chưa phân biệt rõ giữa chứng minh hành vi phạm tội với chứng minh điều kiện MTNHS; đánh giá chưa cân bằng giữa chính sách nhân đạo, khoan hồng với tính nghiêm minh của pháp luật trong các trường hợp có thể được MTNHS. Đây là những hạn chế có tính nền tảng, bởi kết quả của giai đoạn này chi phối trực tiếp việc lựa chọn quy phạm và ban hành quyết định ADPL ở các giai đoạn tiếp theo.

Các vụ án được viện dẫn dưới đây đồng thời là những trường hợp nghiên cứu điển hình đã được mã hóa tại [Phụ lục 7], được sử dụng để nhận diện các dạng hạn chế pháp lý cụ thể, không phải mẫu thống kê đại diện và không dùng để suy rộng thành tỷ lệ chung trên phạm vi cả nước.

Một là, việc nhận diện quan hệ giữa điều kiện MTNHS với yêu cầu chứng minh tội phạm có trường hợp chưa chính xác

Chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng có ý nghĩa định hướng đối với hoạt động ADPL, nhưng không phải là căn cứ pháp lý trực tiếp để đình chỉ điều tra. Trước khi xem xét MTNHS, CQCSĐT phải xác định người thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và lẽ ra phải chịu TNHS; sau đó mới đánh giá các tình tiết làm phát sinh căn cứ MTNHS. Nếu hai nội dung này không được phân định rõ, MTNHS có thể bị sử dụng để xử lý trường hợp chưa chứng minh đầy đủ tội phạm hoặc để khắc phục những thiếu sót phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra.

Tài liệu nghiệp vụ được hệ thống tại [Phụ lục 6] cho thấy đã phát sinh trường hợp việc áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS chưa được đặt đúng trong mối quan hệ với tư cách tổ tụng của người được xem xét MTNHS. Trong những năm đầu thi hành BLHS và BLTTHS năm 2015, thực tiễn còn có cách hiểu, cách xử lý chưa thống nhất; có trường hợp sau khi khởi tố VAHS, CQCSĐT xác định có căn cứ MTNHS và đình chỉ vụ án nhưng chưa khởi tố bị can. Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 của Bộ Công an đã hướng dẫn việc áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS theo hướng thống nhất hơn về trình tự xử lý, trong đó việc MTNHS đối với người thực

hiện hành vi phạm tội được đặt ra sau khi VAHS được khởi tố và tư cách bị can được xác lập [Phụ lục 6].

Trong phạm vi đề tài, ADPL về MTNHS đối với bị can chỉ được đặt ra khi người thực hiện hành vi đã bị khởi tố bị can; đồng thời, MTNHS theo Điều 29 BLHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS độc lập theo Điều 157 BLTTHS. Vì vậy, cần phân biệt rõ căn cứ chứng minh tội phạm, căn cứ MTNHS và căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra.

Hai là, việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết đặc thù trong một số trường hợp có thể được MTNHS chưa thật sự thống nhất

Trong năm 2021, VKSND tối cao (Vụ 3) nhận thấy có một số trường hợp khởi tố VAHS về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, Tội giúp người khác tạt sạt”, “*bị can gây tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả người thân thích, ruột thịt của bị can chết hay trong vụ án giúp người khác tạt sạt nạn nhân là con ruột của hai bị can. Việc khởi tố những trường hợp này là không nhân văn, CQCSĐT không đánh giá toàn diện vụ án và chính sách hình sự đối với loại tội phạm này, chưa đúng với tinh thần tại Hướng dẫn số 33 của VKSND tối cao*” điển hình một số VAHS được VKSND tối cao chỉ ra sau đây:

Ví dụ một số vụ án điển hình: “Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông khởi tố vụ án, bị can sau đó quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với Nguyễn Thị Lan Anh về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nạn nhân tử vong là con đẻ của bị can; Cơ quan CSĐT Công an huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu khởi tố vụ án, bị can sau đó quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với Nguyễn Minh Thương và Võ Thị Ngọc Phương về “Tội giúp người khác tạt sạt” nạn nhân là con ruột của hai bị can; Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng khởi tố vụ án, bị can sau đó quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với Trương Ngân Tường về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nạn nhân tử vong là mẹ ruột của bị can; Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang khởi tố vụ án, bị can sau đó quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với Nguyễn Văn Thế về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nạn nhân là cháu nội của bị can tử vong; Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

khởi tố vụ án, bị can sau đó quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đối với Đặng Thị Thu Mỹ về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, nạn nhân là con ruột của bị can tử vong, bản thân bị can My bị thương tích nặng” [62].

Các trường hợp trên phản ánh yêu cầu đánh giá toàn diện tính chất hành vi, hình thức lỗi, hậu quả và hoàn cảnh đặc thù của người thực hiện hành vi. Tuy nhiên, không thể từ việc khởi tố rồi sau đó đình chỉ do MTNHS để mặc nhiên kết luận quyết định khởi tố là trái pháp luật, bởi MTNHS theo Điều 29 BLHS hiện không phải là căn cứ không khởi tố VAHS tại Điều 157 BLTTHS. Vấn đề được đặt ra ở đây là việc nhận diện và đánh giá sớm các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS, cũng như cơ chế trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND, còn chưa thật sự thống nhất.

Ở chiều ngược lại, việc đề cao bồi thường, hòa giải hoặc hoàn cảnh của bị can mà không đánh giá đầy đủ hậu quả, mức độ nguy hiểm của hành vi cũng có thể dẫn đến quyết định khoan hồng thiếu thận trọng.

Ví dụ vụ án điển hình: Lê Quốc Việt bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An khởi tố về “Tội cản trở giao thông đường bộ” theo khoản 2 Điều 261 BLHS năm 2015. Việt có hành vi đỗ xe lu ở ven đường đang thi công khi trời tối, nhưng không treo đèn cảnh báo, dẫn đến hậu quả ông Lê Minh Hùng điều khiển xe mô tô chở con ruột của mình tên Lê Thị Ngọc Hiền va chạm vào xe lu, cả ông Hùng và cháu Hiền đều tử vong tại hiện trường. Mặc dù các bên thỏa thuận bồi thường, nhưng hậu quả của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng (chết 02 người cùng trong một gia đình) nên việc CQCSĐT quyết định đình chỉ vụ án, bị can theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 là chưa nghiêm minh, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm [62].

Đối với trường hợp này, việc đánh giá không thể chỉ căn cứ vào hậu quả làm chết hai người để kết luận quyết định MTNHS trái pháp luật. Cần đồng thời kiểm tra loại tội phạm theo Điều 9 BLHS, hình thức lỗi và toàn bộ các điều kiện tại khoản 3 Điều 29 BLHS. Giá trị của trường hợp điển hình này là cho thấy đối với căn cứ “có thể được MTNHS”, CQCSĐT phải lập luận đầy đủ sự phù hợp giữa điều kiện luật định, tính chất, hậu quả của hành vi và yêu cầu phòng ngừa, tránh để việc bồi thường hoặc đề nghị của bị hại trở thành căn cứ thay thế cho việc kiểm định các điều kiện của điều luật.

Ba là, việc nhận diện và đánh giá từ sớm tính chất đặc thù của các vụ án có bị hại là người thân thích, ruột thịt của bị can còn chưa thống nhất

Năm 2024, VKSND tối cao tiếp tục ghi nhận tình trạng khởi tố VAHS, khởi tố bị can rồi đình chỉ điều tra do MTNHS theo khoản 2, khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 trong một số vụ án vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ có nạn nhân là người thân thích, ruột thịt của bị can.

Ví dụ ở ba vụ án sau: “Vụ án tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành khởi tố bị can Nguyễn Văn Ngọc về Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ (khoản 1 Điều 260 BLHS) do điều khiển xe gây tai nạn khiến vợ của Ngọc chết; Cơ quan CSĐT Công an huyện Thới Lái, Cần Thơ quyết định khởi tố sau đó đình chỉ điều tra vụ án, bị can Nguyễn Thị Như Ý theo khoản 3, Điều 29, BLHS. Bị can Nguyễn Thị Như Ý điều khiển xe mô tô chở theo con gái là Trần Thanh Diễm và cháu ngoại là Cheng Feng, gây tai nạn giao thông, hậu quả là cháu ngoại Cheng Feng tử vong. Quá trình điều tra người thân trong gia đình viết đơn xin MTNHS. Cơ quan CSĐT công an huyện đã ban hành Quyết định đình chỉ VAHS, đình chỉ điều tra đối với bị can”.

Các trường hợp trên đã được Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ ra tại Thông báo số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024. Tiếp đó, thực tiễn còn ghi nhận:

Vụ án tại: huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Ân khởi tố VAHS và khởi tố bị can đối với Cù Thị Ánh Ngọc về hành vi điều khiển phương tiện xe mô tô chở sau là bà Nguyễn Thị Xuyên (mẹ đẻ của Ngọc), do buồn ngủ nên Ngọc đã đâm vào bồn hoa bê tông ở lề đường, hậu quả bà Xuyên tử vong trên đường đi cấp cứu, Ngọc bị gãy xương đùi hai bên, đa chấn thương. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Ân đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Ngọc về Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ khoản 1, Điều 260 BLHS. Tuy nhiên trong quá trình điều tra lại ra quyết định đình chỉ VAHS và đình chỉ điều tra đối với bị can và MTNHS theo khoản 3, Điều 29, BLHS với lý do gia đình bị hại không có yêu cầu gì và có đơn đề nghị MTNHS” [63].

Đến năm 2026, hạn chế này tiếp tục được VKSND tối cao ghi nhận tại Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026.

“Theo đó, một số địa phương khởi tố VAHS, khởi tố bị can về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS, bị can gây tai nạn làm người thân thích, ruột thịt tử vong, sau đó đình chỉ miễn TNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS. Điển hình là vụ Hà Thị Ngà tại Gia Lai và vụ Trần Văn Tài tại Cà Mau. VKSND tối cao yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương “cần cân nhắc, đánh giá kỹ lưỡng, có tình, có lý trước khi quyết định khởi tố”, nhằm hạn chế thấp nhất việc đình chỉ đối với loại tội phạm này” [65].

Chuỗi trường hợp trên cho thấy vấn đề lặp lại ở nhiều thời điểm, nhưng giới hạn pháp lý cần được xác định rõ: quan hệ thân thích giữa bị can và bị hại không phải căn cứ MTNHS độc lập và cũng không phải căn cứ không khởi tố VAHS theo Điều 157 BLTTHS. Hạn chế cần rút ra là việc nhận diện, đánh giá sớm và trao đổi thống nhất về các tình tiết đặc thù chưa thật sự đầy đủ; không phải bản thân việc khởi tố trong mọi trường hợp nêu trên đương nhiên là sai pháp luật.

Bốn là, việc nhận diện, đánh giá từ sớm các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin và quyết định khởi tố còn hạn chế

Hạn chế trong giai đoạn đánh giá tình tiết còn được phản ánh tại Thông báo số 309/TB-VKSTC năm 2025.

“Nổi bật là ba vụ án đình chỉ điều tra do MTNHS đối với bị can Hà Nhật Khang, Lù A Hồng và Y Hợp Drao được nêu trong Báo cáo rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát, nhưng đã có thiếu sót ngay từ giai đoạn ra quyết định khởi tố VAHS, khởi tố bị can. Cả ba bị can đều phạm tội ít nghiêm trọng trong lĩnh vực xâm phạm tính mạng do lỗi vô ý như: ngày 9/9/2025, CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Hà Nhật Khang về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS (bị can gây tai nạn giao thông làm vợ là bà Đỗ Thị Huyền tử vong); ngày 14/9/2025, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đình chỉ điều tra và miễn TNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS đối với hai bị can Lù A Hồng (vô ý làm chết con ruột là Lù Minh Nhân) và đình chỉ miễn TNHS đối với bị can Y Hợp Drao (vô ý làm chết con ruột là Y Sáo) về “Tội vô ý làm chết người” theo khoản 1 Điều 128 BLHS” [64].

Điểm chung của các trường hợp này là những tình tiết về lỗi vô ý, quan hệ thân thích và hậu quả đã xuất hiện từ giai đoạn đầu. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp luật hiện hành, việc các tình tiết đó đã được biết trước không làm phát sinh một căn cứ không khởi tố VAHS mới ngoài Điều 157 BLTTHS. Vì vậy, hạn chế ở đây cần được xác định là cơ chế nhận diện, đánh giá và trao đổi sớm đối với trường hợp có khả năng phát sinh căn cứ MTNHS chưa thống nhất, dẫn đến quá trình tố tụng sau đó kết thúc bằng đình chỉ. Không nên chuyển nhận định nghiệp vụ “cần cân nhắc trước khi khởi tố” thành kết luận rằng quyết định khởi tố đương nhiên trái pháp luật.

Nhìn tổng thể, hạn chế ở giai đoạn xác định, phân tích và đánh giá tình tiết thể hiện ở việc chưa làm rõ đầy đủ ranh giới giữa chứng minh tội phạm với chứng minh căn cứ MTNHS và việc đánh giá điều kiện của nhóm có thể được MTNHS có trường hợp chưa thật sự thống nhất. Đối với nhóm đương nhiên MTNHS, yêu cầu đặt ra là phải nhận diện và xử lý kịp thời khi căn cứ luật định đã được xác lập; tuy nhiên, tài liệu nghiên cứu điển hình không cho phép suy rộng về mức độ xảy ra của dạng hạn chế này. Những vấn đề về dữ liệu, phương tiện kỹ thuật và năng lực chủ thể không được xác định là hạn chế của giai đoạn này mà được phân tích tại mục 3.2.2.2 với tư cách nguyên nhân.

Thứ hai, giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Từ kết quả xác định, phân tích và đánh giá tình tiết, CQCSĐT phải lựa chọn đúng quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh vụ việc. Thực tiễn cho thấy, hạn chế ở giai đoạn này chủ yếu thể hiện ở việc chưa phân biệt rõ căn cứ MTNHS chung với căn cứ đặc thù; nhầm lẫn MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm; hoặc sử dụng căn cứ MTNHS khi những vấn đề cần tiếp tục điều tra chưa được làm rõ đầy đủ. Các trường hợp được sử dụng dưới đây nhằm nhận diện dạng sai lệch pháp lý điển hình, không được suy rộng thành tỷ lệ chung của toàn bộ ADPL [Phụ lục 7].

Một là, việc lựa chọn và viện dẫn căn cứ pháp luật trong một số trường hợp chưa làm rõ mối quan hệ giữa quy định chung về miễn trách nhiệm hình sự, quy định gắn với tội phạm cụ thể và căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra

Thực tiễn ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT cho thấy trong một số trường hợp việc viện dẫn pháp luật chưa thể hiện thật rõ mối quan hệ giữa các quy

định chung về MTNHS trong Phần chung BLHS với những quy định về MTNHS gắn với một số tội phạm cụ thể. Trong phạm vi luận án, các quy định tại Phần các tội phạm của BLHS không được xác lập thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT; việc viện dẫn các quy định này chỉ được xem xét ở mức độ cần thiết để phân tích những vấn đề đã phát sinh trong thực tiễn và phải đặt trong mối quan hệ với căn cứ tổ tụng để CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo BLTTHS.

Vụ án đánh bạc, tổ chức đánh bạc qua mạng internet: “Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Dương đã tự thú về hành vi cho Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao 700 triệu đồng, 01 bộ phần mềm diệt vi rút trị giá 30.000 USD....Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 29; đoạn 2 khoản 7 Điều 364 BLHS năm 2015, CQCSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định đình chỉ điều tra bị can do MTNHS đối với bị can Nguyễn Văn Dương về tội Đưa hối lộ theo “điểm c khoản 2 Điều 29 và Điều 364 BLHS năm 2015” [13].

Trường hợp này cho thấy việc ADPL về MTNHS đối với bị can ở giai đoạn điều tra được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra do CQCSĐT ban hành theo thẩm quyền tổ tụng, không phải bằng một “quyết định MTNHS” độc lập. Về căn cứ nội dung, khoản 7 Điều 364 BLHS là quy định trực tiếp, đặc thù đối với người đưa hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác; điểm c khoản 2 Điều 29 BLHS được viện dẫn với tư cách quy định chung của chế định MTNHS. Do đó, vấn đề cần chú ý không phải là việc viện dẫn đồng thời hai quy định này tự thân là không chính xác, mà là phải xác định rõ vai trò của căn cứ chung, căn cứ đặc thù và căn cứ tổ tụng làm cơ sở để CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra.

Việc viện dẫn đồng thời Điều 29 và Điều 364 BLHS tiếp tục xuất hiện trong thực tiễn, cho thấy hướng dẫn về mối quan hệ giữa căn cứ MTNHS chung và căn cứ MTNHS đặc thù chưa cụ thể, kỹ thuật lựa chọn và viện dẫn quy phạm chưa thống nhất. Năm 2022, trong vụ án buôn lậu xăng dầu tại tỉnh Đồng Nai:

Vụ án buôn lậu xăng, dầu “Trong bản kết luận điều tra của CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: khoảng từ ngày 27-29/01/2021, các bị can Nguyễn Hữu Tứ và Trần Ngọc Thanh đã có hành vi đưa hối lộ cho bị can Ngô Văn Thụy số tiền 10.000 USD và 1 thẻ ATM mang tên Nguyễn Hữu

Tứ, trong tài khoản có số dư 101 triệu đồng; Phan Thanh Hữu đưa hối lộ cho Nguyễn Văn Thụy 500 triệu đồng. Ngày 20/1/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 BLHS ra các quyết định đình chỉ điều tra VAHS, MTNHS đối với Phan Thanh Hữu, Nguyễn Hữu Tứ và Trần Ngọc Thanh về tội “Đưa hối lộ”; đồng thời trả lại 1 phần tiền đưa hối lộ cho bị can Hữu số tiền 250 triệu đồng, bị can Tứ số tiền 158 triệu đồng là có căn cứ và đúng pháp luật” [14].

Trường hợp này tiếp tục phản ánh việc đồng thời viện dẫn quy định chung về MTNHS và quy định gắn với tội đưa hối lộ trong cùng một cách xử lý. Xét dưới góc độ kỹ thuật ADPL, vấn đề đặt ra là phải xác định rõ quy phạm nào được sử dụng để làm rõ điều kiện nội dung của việc MTNHS và quy định tố tụng nào là căn cứ để CQCSĐT đình chỉ điều tra; không nên từ thực tiễn viện dẫn này hình thành một nhóm căn cứ MTNHS riêng thuộc thẩm quyền của CQCSĐT đối với các tội phạm cụ thể.

Hạn chế này tiếp tục được ghi nhận trong năm 2024, khi việc viện dẫn đồng thời điểm c khoản 2 Điều 29 và khoản 7 Điều 364 BLHS năm 2015 xuất hiện trong vụ án Vạn Thịnh Phát:

“Vụ án xảy ra tại Vạn Thịnh Phát, bà Trương Mỹ Lan chỉ đạo ông Võ Tấn Hoàng Văn trực tiếp đưa cho bà Nhân 5,2 triệu USD và đưa tiền, quà bồi dưỡng cho các thành viên trong Đoàn thanh tra. Tuy nhiên, Võ Tấn Hoàng Văn tố giác hành vi của Đỗ Thị Nhân (từ trước khi khởi tố VAHS). Võ Tấn Hoàng Văn cũng hợp tác tích cực với Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra, làm rõ vụ án. “Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 29 và khoản 7, Điều 364, BLHS năm 2015, không xem xét TNHS với Võ Tấn Hoàng Văn về tội Đưa hối lộ” [3].

Qua các trường hợp trên có thể thấy, hạn chế cần rút ra chủ yếu nằm ở kỹ thuật lựa chọn, viện dẫn và lý giải mối quan hệ giữa các quy phạm được áp dụng. Luận án không sử dụng các trường hợp này để xác lập khoản 7 Điều 364 BLHS hoặc các quy định tương tự tại Phần các tội phạm thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc thẩm quyền của CQCSĐT. Các quy định đó chỉ được đề cập nhằm lý giải thực tiễn đã phát sinh; còn hậu quả pháp lý thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án vẫn được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra do CQCSĐT ban hành theo căn cứ và thủ tục của BLTTHS.

Đồng quan điểm, tác giả Trịnh Tiến Việt chỉ ra khi phân tích chế định MTNHS: *“Nếu chủ thể áp dụng không xác định rõ phạm vi tác động của quy phạm chung và quy phạm đặc thù, thì việc vận dụng pháp luật sẽ trở nên tùy nghi và làm sai lệch ý chí của nhà làm luật”* [69]. Như vậy, các trường hợp TH16 - TH18 tại [Phụ lục 7] được luận án sử dụng để minh họa vấn đề kỹ thuật viện dẫn và xác định mối quan hệ giữa các quy phạm, không phải để mở rộng hệ thống căn cứ MTNHS thuộc phạm vi ADPL của CQCSĐT.

Hai là, lựa chọn sai bản chất căn cứ đình chỉ “hành vi không cấu thành tội phạm” nhưng lại sử dụng căn cứ MTNHS để đình chỉ điều tra

Bên cạnh hạn chế trong việc xác định mối quan hệ giữa các quy phạm có liên quan đến MTNHS, thực tiễn còn cho thấy trường hợp CQCSĐT lựa chọn không đúng bản chất pháp lý của căn cứ đình chỉ. Đây là dạng hạn chế cần phân biệt rõ với trường hợp có đủ căn cứ xác định người thực hiện hành vi phạm tội nhưng thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS. Nếu kết quả điều tra xác định hành vi không cấu thành tội phạm thì phải áp dụng căn cứ đình chỉ tương ứng của BLTTHS; chế định MTNHS không được sử dụng để thay thế cho căn cứ này.

Như vụ án “Nguyễn Văn Lập tại thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Trong vụ án này, sau khi định giá lại tài sản, thiệt hại thực tế được xác định không đủ định lượng cấu thành “Tội hủy hoại tài sản” theo Điều 178 BLHS năm 2015. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, đây là trường hợp phải đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm theo khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, CQCSĐT lại ban hành quyết định đình chỉ điều tra vụ án và bị can trên căn cứ MTNHS theo điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015” [62].

Trường hợp trên cho thấy sự nhầm lẫn giữa hai chế định có bản chất pháp lý khác nhau. MTNHS chỉ đặt ra đối với người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, lẽ ra phải chịu TNHS nhưng có căn cứ luật định để không tiếp tục truy cứu TNHS. Ngược lại, khi hành vi không cấu thành tội phạm thì không phát sinh cơ sở để đặt vấn đề MTNHS; việc đình chỉ phải được thực hiện theo căn cứ tương ứng của Điều 157 BLTTHS. Vì vậy, sử dụng điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS để đình chỉ trong trường hợp này không chỉ là sai sót về kỹ thuật viện dẫn mà là hạn chế trong việc xác định đúng bản chất của quan hệ pháp luật và lựa chọn quy phạm áp dụng.

Việc phân định rõ hai trường hợp có ý nghĩa trực tiếp đối với tính hợp pháp và chính xác của quyết định ADPL, đồng thời bảo đảm đúng tình trạng pháp lý của bị can, thuận lợi cho hoạt động kiểm sát của VKSND và phản ánh chính xác trong thống kê tư pháp hình sự. Đây cũng là minh chứng cho yêu cầu CQCSĐT phải hoàn tất việc xác định hành vi có cấu thành tội phạm hay không trước khi chuyển sang xem xét căn cứ MTNHS; không sử dụng MTNHS như một phương thức xử lý thay thế đối với những thiếu sót trong việc xác định căn cứ khởi tố hoặc căn cứ đình chỉ.

Ba là, lựa chọn căn cứ miễn trách nhiệm hình sự khi những vấn đề cần điều tra lại chưa được làm rõ

Thực tiễn năm 2024 cho thấy còn trường hợp sau khi vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc bản án bị hủy để điều tra lại, CQCSĐT đã áp dụng khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015 để đình chỉ điều tra trong khi những vấn đề cần tiếp tục chứng minh chưa được làm rõ đầy đủ. Hạn chế này không chỉ phát sinh ở CQCSĐT cấp huyện mà còn xuất hiện ở cấp tỉnh:

Ví dụ: “Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bạc Liêu quyết định khởi tố bị can Võ Thanh Tú về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Điều 323, BLHS năm 2015 sau khi Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ bản án để điều tra lại, CQCSĐT Công an tỉnh Bạc Liêu quyết định đình chỉ điều tra VAHS và quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can Võ Thanh Tú theo điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015” [63].

Trường hợp trên cho thấy, khi bản án đã bị hủy để điều tra lại, CQCSĐT phải tiếp tục làm rõ đầy đủ những vấn đề mà quyết định hủy án đặt ra trước khi xác định căn cứ xử lý cuối cùng. Việc lựa chọn căn cứ MTNHS chỉ có thể được thực hiện khi tài liệu, chứng cứ đã đủ để xác định hành vi phạm tội, trách nhiệm của bị can và các điều kiện MTNHS tương ứng. Nếu những nội dung cần điều tra lại chưa được chứng minh đầy đủ mà đã áp dụng MTNHS để đình chỉ thì tính có căn cứ của quyết định ADPL chưa được bảo đảm. Vì vậy, hạn chế cần rút ra không phải là suy đoán về động cơ xử lý vụ án của CQCSĐT, mà là việc lựa chọn căn cứ MTNHS trong một số trường hợp chưa gắn chặt với yêu cầu chứng minh đầy đủ các vấn đề cần tiếp tục điều tra.

Nhìn chung, hạn chế ở giai đoạn lựa chọn quy phạm pháp luật tập trung vào ba dạng chủ yếu: chưa xác định rõ mối quan hệ giữa quy định chung về MTNHS với quy

định đặc thù tại một số tội phạm cụ thể; sử dụng căn cứ MTNHS trong trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm; và lựa chọn căn cứ MTNHS khi những vấn đề cần tiếp tục điều tra chưa được chứng minh đầy đủ. Những khác biệt trong nhận thức giữa CQCSĐT với VKSND, hạn chế của hướng dẫn nghiệp vụ, dữ liệu và điều kiện kỹ thuật là nguyên nhân của các biểu hiện trên và được phân tích tại mục 3.2.2.2.

Thứ ba, giai đoạn ban hành văn bản áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Mặc dù BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ đã tạo cơ sở cho CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra khi có căn cứ MTNHS, thực tiễn vẫn còn một số hạn chế trong việc thể hiện căn cứ, chứng minh điều kiện và lập luận pháp lý trong quyết định. Hạn chế ở giai đoạn này có quan hệ trực tiếp với kết quả của các giai đoạn trước, bởi việc xác định tình tiết hoặc lựa chọn quy phạm chưa chính xác có thể được thể hiện trực tiếp trong quyết định tố tụng cá biệt. Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023 của VKSND tối cao cho thấy, trong một số trường hợp, quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được ban hành khi căn cứ pháp lý chưa phù hợp với bản chất vụ việc hoặc các điều kiện áp dụng chưa được chứng minh đầy đủ [Phụ lục 6].

Một là, căn cứ pháp lý trong một số quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS chưa phù hợp với bản chất của vụ án hình sự

Trong ví dụ 1 (Nguyễn Văn Lập), Thông báo nêu rõ: sau khi định giá lại và xác định trị giá tài sản “chưa đủ lượng để định tội”, thì phải đình chỉ do “hành vi không cấu thành tội phạm theo khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm 2015”. Việc CQCSĐT ban hành “Quyết định đình chỉ điều tra vụ án, bị can do MTNHS theo điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS” bị VKSND tối cao nhận định là “không đúng quy định của pháp luật, lạm dụng việc đình chỉ điều tra do MTNHS để trốn tránh trách nhiệm”.

Trong ví dụ 2 (Lê Văn Khanh), CQCSĐT áp dụng điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS với lý do “do chuyển biến tình hình, người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”, nhưng VKSND tối cao nhận định có dấu hiệu “lạm dụng việc đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự, chưa đúng quy định của pháp luật” và đề nghị kiểm tra, khắc phục kịp thời.

Các trường hợp trên cho thấy hạn chế trong lựa chọn và thể hiện căn cứ pháp lý của quyết định đình chỉ. Khi hành vi không cấu thành tội phạm thì phải áp dụng căn cứ

đình chỉ tương ứng của BLTTHS, không sử dụng MTNHS để thay thế. Đối với căn cứ “chuyển biến của tình hình”, việc áp dụng phải dựa trên những tình tiết cụ thể chứng minh đầy đủ điều kiện luật định, qua đó bảo đảm quyết định đình chỉ có căn cứ và có thể kiểm sát.

Hai là, việc phân tích và chứng minh mức độ nguy hiểm cho xã hội trong một số quyết định chưa đầy đủ

Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và của người phạm tội là nội dung cần được đánh giá toàn diện khi xem xét MTNHS. Tuy nhiên, một số quyết định chưa làm rõ mối liên hệ giữa tính chất hành vi, hình thức lỗi, hậu quả, khách thể bị xâm hại, khả năng tái phạm, tác động xã hội với căn cứ MTNHS được lựa chọn. Hạn chế này dễ xuất hiện khi áp dụng các điều kiện mang tính định tính như “chuyển biến của tình hình” hoặc “người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội”.

Việc lựa chọn lý do “chuyển biến của tình hình” trong trường hợp Lê Văn Khanh cho thấy, nếu quyết định không xác định rõ tình tiết mới phát sinh và tác động của tình tiết đó đến mức độ nguy hiểm cho xã hội thì căn cứ đình chỉ sẽ thiếu sức thuyết phục, gây khó khăn cho VKSND trong kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định.

Đối với các trường hợp có thể được MTNHS, việc đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội không thể thay thế cho việc kiểm tra đầy đủ các điều kiện luật định. Ngược lại, khi pháp luật quy định đương nhiên MTNHS thì việc đã xác lập đầy đủ căn cứ luật định phải dẫn tới việc xử lý kịp thời, không phụ thuộc vào sự cân nhắc mang tính tùy nghi của chủ thể ADPL.

Ba là, lập luận pháp lý trong một số quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS còn mang tính hình thức

Một số quyết định chủ yếu mô tả diễn biến VAHS và liệt kê các điều luật được áp dụng, nhưng chưa phân tích rõ từng điều kiện luật định đã được chứng minh bằng tài liệu, chứng cứ nào. Mối liên hệ giữa tình tiết thực tế, quy phạm được lựa chọn và kết luận MTNHS chưa được thể hiện đầy đủ, làm cho quyết định có biểu hiện hoàn tất về thủ tục nhưng chưa bảo đảm tính chặt chẽ của lập luận pháp lý.

Đối với VAHS có nhiều bị can, quyết định còn phải cá biệt hóa căn cứ, điều kiện MTNHS đối với từng người, không thể chỉ dựa vào những nhận định chung về vụ án.

Bị can có vai trò, hành vi, nhân thân và mức độ khắc phục hậu quả khác nhau thì căn cứ và lập luận trong quyết định cũng phải được xác định riêng, bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm sát.

Yêu cầu cá biệt hóa đặc biệt có ý nghĩa đối với trường hợp có thể được MTNHS, bởi việc một bị can đáp ứng điều kiện luật định không đương nhiên dẫn đến kết luận tương tự đối với các bị can khác trong cùng VAHS. Mỗi trường hợp phải được đánh giá trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và điều kiện pháp lý của chính bị can được xem xét.

Bốn là, việc thể hiện căn cứ MTNHS và thông tin về tình trạng pháp lý của bị can sau quyết định đình chỉ chưa thật sự đầy đủ, thống nhất

Pháp luật hiện hành không quy định một quyết định tố tụng độc lập mang tên “Quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can”. Việc ADPL về MTNHS của CQCSĐT được thể hiện thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo quy định của BLTTHS. Hệ thống biểu mẫu điều tra hình sự hiện hành đã có Mẫu số 230 “Quyết định đình chỉ điều tra bị can”; vì vậy, vấn đề đặt ra không phải là thiếu một hình thức quyết định tố tụng để CQCSĐT thực hiện việc đình chỉ do MTNHS.

Tuy nhiên, hệ thống biểu mẫu hiện hành chưa có mẫu thông báo riêng dành cho trường hợp đình chỉ điều tra bị can trên căn cứ MTNHS, tập trung thể hiện căn cứ MTNHS, phạm vi đình chỉ và những thông tin cần thiết về tình trạng pháp lý sau khi quyết định được ban hành. Khoảng trống này có thể làm cho việc tiếp nhận, hiểu và thực hiện quyết định của người có liên quan chưa thật sự thuận lợi. Đây là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất tại [Phụ lục 12] bổ sung Mẫu số 230A “Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự”, sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can theo Mẫu số 230; không phải đề xuất một quyết định MTNHS độc lập và không làm phát sinh thẩm quyền tố tụng mới.

Nhìn tổng thể, hạn chế ở giai đoạn ban hành văn bản tập trung vào tính chính xác của căn cứ, mức độ chứng minh điều kiện, chất lượng lập luận và việc cá biệt hóa quyết định đối với từng bị can. Các vấn đề về quy trình chuẩn bị hồ sơ, tiêu chí kiểm tra, năng lực của chủ thể, dữ liệu và phương tiện kỹ thuật là những nguyên nhân làm phát sinh hoặc gia tăng các hạn chế này và được phân tích tại mục 3.2.2.2.

Thứ tư, giai đoạn tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS là giai đoạn bảo đảm hậu quả pháp lý của quyết định được thực hiện trên thực tế. Qua nghiên cứu cho thấy, hạn chế ở giai đoạn này chủ yếu tập trung vào việc tổng đạt, thông báo, giải thích quyết định; xử lý những vấn đề có liên quan sau đình chỉ và thống kê, báo cáo kết quả thực hiện.

Một là, việc xử lý một số vấn đề có liên quan sau khi đình chỉ điều tra do MTNHS chưa thật sự thống nhất

Sau khi quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS được ban hành, việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi của quyết định chấm dứt; tuy nhiên, việc xử lý vật chứng, tài sản, bồi thường dân sự, trách nhiệm hành chính hoặc kỷ luật nếu có vẫn được giải quyết theo pháp luật có liên quan. Việc phân định và thông tin đầy đủ về những vấn đề này trong thực tiễn chưa phải lúc nào cũng được thực hiện thống nhất.

Trước đây, nội dung này từng được hướng dẫn tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999, tại tiểu mục 2, Phần I về Hình sự ghi nhận: “Người được miễn trách nhiệm hình sự...Tuỳ trường hợp cụ thể người được miễn trách nhiệm hình sự có thể bị xử lý hành chính”.

Tuy nhiên, đây là công văn nghiệp vụ đã hết hiệu lực và nội dung hướng dẫn không còn đủ để giải quyết toàn diện những vấn đề pháp lý có thể phát sinh trong điều kiện hiện nay. Thực tiễn này cho thấy cần phân định rõ hậu quả của việc đình chỉ điều tra do MTNHS với các trách nhiệm pháp lý khác, tránh cách hiểu rằng MTNHS đồng nghĩa với việc chấm dứt mọi quyền, nghĩa vụ pháp lý có liên quan.

Hai là, việc tổng đạt, thông báo và giải thích quyết định cho bị can, bị hại trong một số trường hợp chưa đầy đủ, kịp thời

Việc ban hành quyết định không tự động bảo đảm các chủ thể liên quan hiểu rõ căn cứ, phạm vi và hậu quả của MTNHS. Trong một số trường hợp, quyết định đã được gửi hoặc tổng đạt nhưng chưa được giải thích rõ về hành vi được MTNHS, thời điểm chấm dứt việc truy cứu TNHS, quyền khiếu nại, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và những trách nhiệm pháp lý khác còn có thể phát sinh.

Hạn chế này ảnh hưởng đến quyền được biết và quyền khiếu nại của bị can, quyền giám sát, yêu cầu bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị hại; đồng thời có thể làm phát sinh thắc mắc về tính khách quan, công bằng của quyết định.

Mẫu số 230 hiện hành là quyết định tố tụng trực tiếp nhưng chưa có mẫu thông báo riêng tập trung cung cấp những thông tin nêu trên đối với trường hợp đình chỉ điều tra bị can trên căn cứ MTNHS. Vì vậy, đề xuất tại [Phụ lục 12] được xây dựng theo hướng bổ sung hình thức thông báo sau quyết định, không thay thế Mẫu số 230 và không biến thông báo thành một quyết định MTNHS độc lập.

Ba là, công tác lưu trữ, thống kê và tổng hợp các trường hợp MTNHS chưa hoàn toàn thống nhất

Mặc dù cơ chế thống kê liên ngành đã được thiết lập, cách ghi nhận số vụ án, số bị can, căn cứ pháp luật, tội danh và kết quả xử lý sau MTNHS ở một số đơn vị còn chưa đồng bộ. Một số báo cáo chưa nêu rõ căn cứ áp dụng theo khoản nào của Điều 29 BLHS; việc ghi nhận, phân loại thông tin trong một số thời điểm, đơn vị còn chưa hoàn toàn thống nhất.

Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026 của VKSND tối cao tiếp tục ghi nhận trường hợp báo cáo đình chỉ theo Điều 29 BLHS nhưng không nêu rõ căn cứ thuộc khoản nào của điều luật [Phụ lục 6] điều này cho thấy hạn chế của công tác thống kê, báo cáo không chỉ nằm ở kỹ thuật tổng hợp số liệu mà còn ảnh hưởng đến khả năng kiểm tra căn cứ pháp lý và đánh giá thực tiễn ADPL.

Trong luận án, [Phụ lục 1] được chuẩn hóa để phản ánh cơ cấu tỷ lệ và xu hướng vụ án, bị can; [Phụ lục 4], [Phụ lục 5] phản ánh cơ cấu theo nhóm tội phạm; [Phụ lục 7] chỉ sử dụng cho nghiên cứu điển hình định tính. Việc chuẩn hóa dữ liệu nghiên cứu không đồng nghĩa những hạn chế của công tác thống kê, báo cáo trong thực tiễn đã được khắc phục.

Nhìn tổng thể, hạn chế ở giai đoạn tổ chức thực hiện quyết định tập trung vào việc tổng đạt, thông báo, giải thích quyết định; xử lý những vấn đề có liên quan sau đình chỉ và sự thống nhất của công tác thống kê, báo cáo. Những vấn đề về cơ chế phối hợp, tổng kết, rút kinh nghiệm, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật là nguyên nhân tác động đến việc tổ chức thực hiện, được phân tích tại mục 3.2.2.2.

Như vậy, những hạn chế trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT không được đánh giá trên cơ sở số lượng trường hợp MTNHS tăng hay giảm, mà phải được xem xét từ mức độ đúng đắn, đầy đủ, kịp thời và có thể kiểm soát của quá trình ADPL. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, hạn chế cần kiểm soát là việc không nhận diện hoặc chậm đình chỉ khi căn cứ luật định đã được xác lập; đối với trường hợp có thể được MTNHS, hạn chế chủ yếu nằm ở việc đánh giá chưa đầy đủ các điều kiện, lựa chọn hoặc viện dẫn quy phạm chưa chính xác và lập luận cho quyết định chưa thật sự chặt chẽ. Sự phân biệt này là cơ sở trực tiếp để xác định các nguyên nhân tương ứng tại mục 3.2.2.2 và xây dựng giải pháp tại Chương 4.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Từ những hạn chế đã phân tích, có thể thấy nguyên nhân của những hạn chế trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Nguyên nhân khách quan chủ yếu xuất phát từ quy định pháp luật, hướng dẫn áp dụng, sự thay đổi tổ chức bộ máy và điều kiện cơ sở vật chất, dữ liệu; nguyên nhân chủ quan chủ yếu thuộc về nhận thức, năng lực của chủ thể ADPL, cơ chế phối hợp, kiểm tra, kiểm sát, thống kê và tổng kết thực tiễn. Các nguyên nhân này có quan hệ tác động lẫn nhau, đồng thời tương ứng với những hạn chế đã được nhận diện theo từng giai đoạn ADPL tại mục 3.2.2.1 và hệ thống giải pháp tại Chương 4.

Thứ nhất, nguyên nhân từ sự chưa thống nhất trong nhận thức pháp luật và tư duy ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT

Sự chưa thống nhất trong nhận thức pháp luật là nguyên nhân có tính nền tảng, tác động trực tiếp đến việc nhận diện tình tiết, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL. Trong thực tiễn, có trường hợp căn cứ MTNHS chưa được nhận diện, đánh giá đầy đủ, kịp thời; ở chiều ngược lại, cũng có trường hợp chính sách nhân đạo, khoan hồng được đặt ra nhưng việc chứng minh các điều kiện luật định chưa chặt chẽ. Hai biểu hiện này đều cho thấy nhận thức về vị trí, điều kiện và giới hạn của chế định MTNHS chưa thật sự thống nhất.

Các định hướng cải cách tư pháp tại Nghị quyết số 49-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW đặt ra yêu cầu kết hợp giữa đấu tranh phòng,

chống tội phạm với bảo vệ công lý, quyền con người và quyền công dân [Phụ lục 6] theo đó, MTNHS phải được nhận thức là một chế định pháp lý có căn cứ, điều kiện và giới hạn cụ thể; không phải biện pháp xử lý tùy nghi, nhưng cũng không được bỏ qua khi bị can đã đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định.

Tuy nhiên, cách hiểu về mối quan hệ giữa MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, căn cứ không khởi tố VAHS, miễn hình phạt và các căn cứ đình chỉ điều tra khác vẫn chưa hoàn toàn thống nhất. Một số điều kiện mang tính định tính cũng có thể được nhận diện, đánh giá khác nhau giữa các chủ thể tiến hành tố tụng. Sự chưa thống nhất này có thể dẫn đến cả việc áp dụng MTNHS khi chưa đủ căn cứ và việc chưa nhận diện, xử lý kịp thời trường hợp đã có căn cứ luật định; không thể chỉ từ xu hướng tăng, giảm số lượng vụ án, bị can được đình chỉ do MTNHS để suy đoán nguyên nhân thuộc về tâm lý hoặc động cơ của chủ thể ADPL.

Thứ hai, nguyên nhân từ sự chưa hoàn thiện của pháp luật, thiếu hướng dẫn áp dụng thống nhất và chưa có biểu mẫu tố tụng riêng về quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can

Phụ lục 8 cho thấy những vướng mắc về căn cứ, điều kiện, trình tự và hình thức quyết định là nhóm nguyên nhân pháp lý có liên hệ trực tiếp với nhiều hạn chế tại các giai đoạn ADPL. Một số quy định còn sử dụng các khái niệm định tính như “chuyển biến của tình hình”, “không còn nguy hiểm cho xã hội”, “lập công lớn”, “có cống hiến đặc biệt”, “được Nhà nước và xã hội thừa nhận”...nhưng chưa có tiêu chí đầy đủ để nhận diện, chứng minh và áp dụng thống nhất [Phụ lục 8].

Ví dụ, “vụ án Nguyễn Văn Lập (Đồng Tháp, 2023) và vụ án Lê Văn Khanh (Long An, 2023) đã được VKSND tối cao chỉ ra điều cho thấy sự nhầm lẫn trong xác định căn cứ đình chỉ. Trong vụ Lê Văn Khanh, hành vi làm giả tài liệu vẫn tiềm ẩn nguy hiểm cho xã hội nhưng CQCSĐT áp dụng “chuyển biến tình hình” để MTNHS. Cả hai vụ việc này đều phản ánh hạn chế bắt nguồn từ việc chưa có sự thống nhất và cụ thể hóa hướng dẫn áp dụng các căn cứ MTNHS” [62].

Thực tiễn kiểm sát cho thấy sự thiếu cụ thể trong hướng dẫn nhận diện, chứng minh và lựa chọn căn cứ MTNHS có thể dẫn đến những cách áp dụng chưa chính xác. Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023 của VKSND tối cao đã chỉ ra hai dạng

sai sót điển hình. Trong vụ Nguyễn Văn Lập, sau khi định giá lại tài sản và xác định hành vi chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, căn cứ xử lý phù hợp phải là trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm theo BLTTHS; tuy nhiên, CQCSĐT lại áp dụng điểm a khoản 2 Điều 29 BLHS để đình chỉ do MTNHS. Trong vụ Lê Văn Khanh, CQCSĐT áp dụng căn cứ “do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội”, nhưng tài liệu, tình tiết của vụ án chưa chứng minh đầy đủ điều kiện của căn cứ này, nên VKSND tối cao xác định việc đình chỉ có dấu hiệu chưa đúng quy định của pháp luật [62] các trường hợp trên phản ánh hai vấn đề khác nhau nhưng có quan hệ trực tiếp với chất lượng ADPL: một là, chưa phân định chính xác giữa trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm với trường hợp người đã thực hiện tội phạm nhưng được MTNHS; hai là, việc nhận diện và chứng minh các căn cứ có nội dung định tính như “chuyển biến của tình hình”, “không còn nguy hiểm cho xã hội” còn chưa thống nhất. Vì vậy, hạn chế không chỉ nằm ở kỹ thuật viện dẫn điều luật mà còn ở việc xác định đúng bản chất pháp lý của vụ việc, kiểm tra đầy đủ điều kiện luật định và lập luận cho việc lựa chọn căn cứ đình chỉ.

Mặc dù Công văn số 998/V14 ngày 13/12/2019 của VKSND tối cao, Công văn số 69/TANDTC-PC ngày 19/5/2020 của TAND tối cao và Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 của Bộ Công an đã góp phần tháo gỡ vướng mắc trong áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS và thống nhất hơn về trình tự xử lý, các văn bản này chủ yếu là tài liệu trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ, không phải văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, đến nay chưa có văn bản liên ngành chuyên biệt quy định một cách đầy đủ, thống nhất về tiêu chí nhận diện từng căn cứ MTNHS, tài liệu cần chứng minh, trình tự trao đổi khi CQCSĐT và VKSND có quan điểm khác nhau, cũng như việc tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra trên căn cứ MTNHS. Đây là khoảng trống hướng dẫn có thể làm phát sinh cách hiểu và cách áp dụng khác nhau trong thực tiễn, nhất là đối với các căn cứ có nội dung định tính.

Hệ thống biểu mẫu về điều tra hình sự ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA hiện hành đã có Mẫu số 230 “Quyết định đình chỉ điều tra bị can”; do đó, nguyên nhân không phải là thiếu một biểu mẫu “Quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can” độc lập. Vấn đề đặt ra là hiện chưa có mẫu thông báo riêng được sử dụng sau quyết định đình chỉ điều tra để thể hiện tập trung căn cứ MTNHS,

phạm vi đình chỉ và tình trạng pháp lý của bị can sau khi việc truy cứu TNHS đối với hành vi thuộc phạm vi quyết định đình chỉ đã chấm dứt. Khoảng trống này có thể làm cho việc thông báo, giải thích và tổ chức thực hiện hậu quả pháp lý của quyết định đình chỉ chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, luận án kiến nghị tại [Phụ lục 12] bổ sung Mẫu số 230A sử dụng sau Mẫu số 230; đây chỉ là mẫu thông báo, không tạo ra một quyết định MTNHS độc lập và không làm thay đổi thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT.

Thứ ba, nguyên nhân từ trình độ, năng lực nghiệp vụ và bản lĩnh nghề nghiệp của chủ thể áp dụng pháp luật

Chất lượng ADPL phụ thuộc trực tiếp vào năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT trong thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nhận diện căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm và lập luận trong quyết định tố tụng. Các sai sót về phân biệt MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, về xác định mối quan hệ giữa các quy định pháp luật có liên quan hoặc về đánh giá những điều kiện mang tính định tính cho thấy kỹ năng chuyên sâu của chủ thể ADPL là một nguyên nhân cần được xem xét [Phụ lục 7, 8].

Số liệu tại [Phụ lục 9] phản ánh cơ cấu ngạch ĐTV của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT cấp Bộ, cấp tỉnh; [Phụ lục 10] phản ánh cơ cấu ĐTV, CBĐT; [Phụ lục 11] phản ánh cơ cấu trình độ đào tạo và công nghệ thông tin. Các số liệu này cho thấy nền tảng về đội ngũ và đào tạo nhưng không thể được sử dụng để suy ra trực tiếp năng lực thực tế của từng chủ thể hoặc chất lượng của từng quyết định ADPL. Vấn đề cần lưu ý chủ yếu là sự chưa đồng đều về kinh nghiệm thực tiễn, kỹ năng đánh giá chứng cứ, xử lý các căn cứ định tính và vận dụng quy phạm trong những VAHS phức tạp.

Trong một số hồ sơ, tài liệu chứng minh điều kiện MTNHS chưa được thu thập, hệ thống hóa đầy đủ; lập luận chưa làm rõ mối liên hệ giữa hành vi, hậu quả, nhân thân, việc khắc phục hậu quả và căn cứ pháp luật được lựa chọn. Đối với các vụ án mà bị hại là người thân thích, ruột thịt của bị can, việc đánh giá có thể thiên về hoàn cảnh đặc biệt mà chưa cân đối đầy đủ với tính chất, hậu quả của hành vi, hoặc ngược lại, quá chú trọng việc truy cứu TNHS mà chưa xem xét đầy đủ tính cần thiết và chính sách khoan hồng và nhân đạo.

Như vậy, nguyên nhân từ chủ thể ADPL không chỉ là vấn đề kiến thức pháp luật mà còn bao gồm kỹ năng chứng minh, phân tích, lập luận, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng cân bằng giữa yêu cầu nhân đạo với tính nghiêm minh của pháp luật.

Thứ tư, nguyên nhân từ tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm và thay đổi mô hình tổ chức Cơ quan Cảnh sát điều tra

Việc chuyển sang mô hình CQCSĐT hai cấp, không tổ chức CQCSĐT cấp huyện, làm thay đổi đầu mối tiếp nhận, phân loại, xác minh nguồn tin và tổ chức điều tra. CQCSĐT cấp tỉnh giữ vai trò trực tiếp điều tra và hướng dẫn nghiệp vụ; Công an cấp xã thực hiện một số hoạt động tiếp nhận, kiểm tra, xác minh sơ bộ theo quy định và sự phân công [Phụ lục 6] sự thay đổi này đòi hỏi phải phân định rõ trách nhiệm, trình tự chuyển giao thông tin và cơ chế kiểm tra đối với từng khâu.

Tuy nhiên, đây là yếu tố mới phát sinh từ năm 2025, chủ yếu được sử dụng để cập nhật bối cảnh tổ chức và dự báo tác động trong thời gian tới; không phải nguyên nhân giải thích cho toàn bộ hạn chế đã xảy ra trong giai đoạn từ năm 2018 - 2024. Trong thời gian đầu chuyển đổi mô hình, việc bố trí ĐTV, CBĐT, phân công địa bàn, tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn Công an cấp xã có thể chưa đồng đều, ảnh hưởng đến khả năng nhận diện sớm các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS.

Nếu trách nhiệm giữa CQCSĐT cấp tỉnh, ĐTV được phân công và Công an cấp xã không được quy định, hướng dẫn rõ, các tài liệu về hành vi, hậu quả, nhân thân, bồi thường, hòa giải và ý kiến của bị hại có thể không được thu thập đầy đủ ngay từ đầu. Nguyên nhân này đặt ra yêu cầu hoàn thiện việc phân công, chỉ đạo và kiểm tra nghiệp vụ trong mô hình tổ chức mới, nhưng không làm thay đổi thẩm quyền ADPL về MTNHS của CQCSĐT theo pháp luật hiện hành.

Thứ năm, nguyên nhân từ cơ chế phối hợp liên ngành chưa được chuẩn hóa đầy đủ, thiếu tính ràng buộc và chưa gắn chặt với từng giai đoạn áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can thuộc thẩm quyền của CQCSĐT trong giai đoạn điều tra, đồng thời chịu sự kiểm sát của VKSND và có liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong cung cấp tài liệu, xử lý hậu quả pháp lý và tổng kết thực tiễn. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp hiện nay chủ yếu được thực hiện thông qua quy định chung, công văn trao đổi hoặc phối hợp trong từng vụ việc, chưa có quy trình liên ngành chuyên biệt cho toàn bộ quá trình ADPL về MTNHS.

Thực tiễn vẫn còn trường hợp CQCSĐT và VKSND có quan điểm khác nhau trong việc lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp. Đồng quan điểm với Nghiên cứu sinh, Lê Văn Thanh, Trần Công Tuấn Anh cũng nhận định: *“Việc miễn TNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS 2015 dẫn tới quan điểm khác nhau giữa cơ quan điều tra, truy tố, xét xử vì không có tiêu chí hướng dẫn cụ thể”* [49] sự khác biệt quan điểm này không được xác định là một hạn chế độc lập của giai đoạn lựa chọn quy phạm, mà phản ánh nguyên nhân từ việc tiêu chí hướng dẫn và cơ chế trao đổi, giải quyết trường hợp chưa thống nhất còn chưa đầy đủ.

Ở giai đoạn xác định, đánh giá tình tiết, chưa có cơ chế chuyên biệt quy định rõ thời điểm và nội dung trao đổi khi xuất hiện vấn đề liên quan đến căn cứ MTNHS hoặc khi CQCSĐT và VKSND có cách đánh giá khác nhau. Ở giai đoạn lựa chọn quy phạm, việc xác định mối quan hệ giữa quy định chung về MTNHS, những quy định có liên quan tại một số tội phạm cụ thể và căn cứ tố tụng để CQCSĐT định chỉ điều tra vẫn cần được hướng dẫn rõ hơn. Ở giai đoạn ban hành và tổ chức thực hiện quyết định, việc gửi hồ sơ, kiểm sát, tổng đạt, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm chưa được thiết kế thành một quy trình phối hợp chuyên biệt, thống nhất.

Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định đình chỉ điều tra, không phê chuẩn quyết định của CQCSĐT. Do đó, nguyên nhân không nằm ở việc VKSND chưa “đồng ý” hoặc chưa “phê chuẩn”, mà ở chỗ cơ chế trao đổi trước khi ban hành quyết định, cách xử lý trường hợp có quan điểm khác nhau và trách nhiệm phản hồi chưa được chuẩn hóa. Đối với TAND và các cơ quan liên quan, vai trò chủ yếu là hướng dẫn, tổng kết thực tiễn, cung cấp thông tin và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh, không thay thế thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT, VKSND trong giai đoạn điều tra.

Việc thiếu cơ chế phối hợp thống nhất cũng làm cho các thông báo rút kinh nghiệm chưa được chuyển hóa đầy đủ thành tiêu chí và quy trình phòng ngừa sai sót. Đây là nguyên nhân trực tiếp của việc một số hạn chế về lựa chọn căn cứ, thống kê và tổ chức thực hiện quyết định còn lặp lại tại nhiều đơn vị, địa phương.

Thứ sáu, nguyên nhân từ cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa bảo đảm tính hệ thống

Hoạt động kiểm tra, thanh tra và kiểm sát đã góp phần phát hiện nhiều trường hợp lựa chọn căn cứ, ban hành hoặc tổ chức thực hiện quyết định chưa chính xác. Tuy

nhiên, việc kiểm soát trong một số trường hợp chủ yếu được thực hiện sau khi quyết định đã ban hành hoặc khi tiến hành tổng hợp, rút kinh nghiệm, trong khi cơ chế kiểm tra từ sớm đối với những vụ án có căn cứ, điều kiện phức tạp chưa rõ.

Thực tiễn cho thấy, một số sai sót trong việc xác định căn cứ MTNHS chỉ được phát hiện sau khi có hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát hoặc sau khi hồ sơ được xem xét lại. *Ví dụ, trong vụ “Võ Thanh Tú theo Thông báo số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024 của VKSND tối cao, sau khi Tòa án cấp cao hủy án để điều tra lại, CQCSĐT đã đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa làm rõ đầy đủ bản chất hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*. Trường hợp này cho thấy yêu cầu kiểm tra, kiểm sát cần được thực hiện xuyên suốt quá trình ADPL, không chỉ dừng ở việc phát hiện và rút kinh nghiệm sau khi quyết định đã được ban hành.

Bên cạnh đó, chưa có bộ tiêu chí thống nhất để kiểm tra việc chứng minh từng điều kiện MTNHS, tính tương xứng giữa khoan hồng với hậu quả của hành vi, nội dung bắt buộc của hồ sơ và quyết định. Việc kiểm tra vì vậy còn phụ thuộc vào nhận định của từng đơn vị, từng người thực hiện.

Cơ chế tiếp nhận, phân loại và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyết định đình chỉ do MTNHS được thực hiện theo các quy định chung của BLTTHS, nhưng chưa có hướng dẫn riêng đối với những vấn đề như phạm vi MTNHS, quyền của bị hại, việc xử lý vật chứng, tài sản và trách nhiệm pháp lý còn lại. Nguyên nhân này ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát quyền lực và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

Thứ bảy, nguyên nhân từ công tác thống kê, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm và văn hóa học hỏi tổ chức còn hạn chế

Công tác thống kê, báo cáo và tổng kết thực tiễn về MTNHS chưa được thực hiện thống nhất về tiêu chí, biểu mẫu và phạm vi thông tin. Một số báo cáo chưa phân định rõ số vụ án với số bị can, chưa ghi cụ thể khoản, điều luật được áp dụng hoặc chưa phản ánh đầy đủ lý do, kết quả kiểm sát và các vấn đề phát sinh sau khi đình chỉ.

Trong bộ phụ lục của luận án, [Phụ lục 1] phản ánh cơ cấu tỷ lệ và xu hướng vụ án, bị can; [Phụ lục 4], [Phụ lục 5] phản ánh cơ cấu theo nhóm tội phạm; [Phụ lục 7] hệ thống các trường hợp nghiên cứu điển hình theo phương pháp định tính. Các phụ lục này phục vụ yêu cầu nghiên cứu và công khai luận án, không thay thế cho một hệ

thống thống kê tư pháp liên ngành thống nhất. Việc dữ liệu thực tiễn còn phân tán làm hạn chế khả năng so sánh, đối chiếu, nhận diện những dạng áp dụng chưa thống nhất và đánh giá đầy đủ cả trường hợp đình chỉ chưa đúng căn cứ lẫn trường hợp đã có căn cứ luật định nhưng chưa được xử lý kịp thời.

Các thông báo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao đã chỉ ra nhiều dạng sai sót, nhưng chủ yếu được ban hành sau khi vụ việc đã phát sinh. Việc phổ biến, thảo luận và chuyển hóa nội dung rút kinh nghiệm thành bảng kiểm, quy trình hoặc chuyên đề bồi dưỡng chưa được thực hiện đồng đều. Ở một số đơn vị, sinh hoạt nghiệp vụ còn thiên về truyền đạt văn bản, chưa dành nhiều thời gian phân tích hồ sơ, đối chiếu các cách xử lý và làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể.

Do đó, nguyên nhân không chỉ nằm ở việc thiếu số liệu, mà còn ở khả năng sử dụng số liệu, vụ việc điển hình và kết quả kiểm tra để điều chỉnh cách thức ADPL, phòng ngừa sai sót lặp lại và hình thành cách hiểu thống nhất trong toàn hệ thống.

Thứ tám, nguyên nhân từ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, dữ liệu nghiệp vụ, chuyển đổi số và việc nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu áp dụng pháp luật

Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và khả năng khai thác dữ liệu giữa các cấp, đơn vị CQCSĐT còn chưa đồng đều. Trong khi đó, ADPL về MTNHS đối với bị can đòi hỏi phải thu thập, lưu trữ, kiểm tra và đối chiếu nhiều nhóm thông tin liên quan đến hành vi, hậu quả, nhân thân, tiền án, tiền sự, quá trình bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải, thái độ hợp tác và ý kiến của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại. Việc các thông tin này còn được lưu giữ phân tán trong nhiều hồ sơ, hệ thống và cơ quan khác nhau làm kéo dài thời gian xác minh, gây khó khăn cho việc đánh giá đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS và kiểm tra tính thống nhất giữa tài liệu trong hồ sơ với quyết định tố tụng.

Việc dữ liệu phân tán, thiếu liên thông là điều kiện làm gia tăng khó khăn trong nhận diện tình tiết, đối chiếu tài liệu và lựa chọn quy phạm, nhưng không tự thân là một sai sót ADPL.

Phụ lục 11 phản ánh cơ cấu trình độ đào tạo và công nghệ thông tin của đội ngũ được thống kê. Số liệu về văn bằng, chứng chỉ chỉ phản ánh nền tảng đào tạo, không đồng nghĩa với mức độ thành thạo công nghệ hoặc khả năng khai thác dữ liệu thực tế.

Vì vậy, vấn đề chủ yếu cần xem xét là mức độ đồng bộ của hạ tầng kỹ thuật, khả năng liên thông dữ liệu, tính phù hợp của phần mềm nghiệp vụ và kỹ năng khai thác thông tin phục vụ trực tiếp cho công tác điều tra.

Việc chưa có cơ sở dữ liệu chuyên biệt để theo dõi các trường hợp MTNHS từ giai đoạn nhận diện tình tiết, lựa chọn căn cứ, ban hành đến tổ chức thực hiện quyết định làm cho hoạt động kiểm tra hồ sơ, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm vẫn phụ thuộc nhiều vào phương thức thủ công.

Bên cạnh đó, hệ thống lưu trữ, tra cứu và công cụ hỗ trợ đối chiếu các điều kiện luật định, kiểm tra tính đầy đủ của tài liệu và sự thống nhất giữa hồ sơ với quyết định chưa thật sự đồng bộ. Hạn chế về điều kiện kỹ thuật có thể làm tăng nguy cơ sai sót trong lựa chọn, viện dẫn quy phạm và lập luận pháp lý; tuy nhiên, công nghệ chỉ là yếu tố hỗ trợ, không thay thế hoạt động đánh giá chứng cứ, lập luận pháp lý và trách nhiệm của người có thẩm quyền ADPL.

Việc nghiên cứu và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế cũng chưa được gắn kết chặt chẽ với yêu cầu hoàn thiện điều kiện bảo đảm ADPL trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu pháp luật của Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan, cùng việc khảo cứu sàng lọc một số hệ thống pháp luật khác tại mục 2.4, chủ yếu được sử dụng để đối chiếu về căn cứ, điều kiện và cơ chế pháp lý liên quan đến MTNHS, nhưng chưa được chuyên hóa đầy đủ thành những gợi mở cụ thể về chuẩn hóa dữ liệu, biểu mẫu, tiêu chí kiểm tra, thống kê và cơ chế phối hợp phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đây không phải là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh từng quyết định ADPL chưa chính xác, nhưng phản ánh việc khai thác giá trị tham khảo của kinh nghiệm quốc tế trong hỗ trợ hoàn thiện pháp luật, quy trình nghiệp vụ và điều kiện kỹ thuật còn hạn chế.

Do đó, việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ và cơ chế liên thông phải được thực hiện đồng thời với chuẩn hóa quy trình, phân quyền truy cập, bảo vệ thông tin, xác định trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của dữ liệu và nâng cao kỹ năng khai thác của chủ thể ADPL. Kinh nghiệm quốc tế chỉ được tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phù hợp với nguyên tắc, thẩm quyền tố tụng, mô hình tổ chức CQCSĐT và điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam; không sao chép máy móc mô hình pháp luật nước ngoài.

Nhìn tổng thể, các nguyên nhân khách quan chủ yếu gồm sự chưa hoàn thiện của pháp luật và hướng dẫn áp dụng; tác động của việc thay đổi tổ chức bộ máy từ năm 2025; điều kiện cơ sở vật chất, dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Các nguyên nhân chủ quan chủ yếu gồm nhận thức pháp luật chưa thống nhất; kỹ năng, trách nhiệm của chủ thể ADPL; cơ chế phối hợp, kiểm tra, kiểm sát, thống kê, tổng kết thực tiễn và khả năng khai thác kết quả nghiên cứu so sánh. Trong đó, mức độ rõ ràng của pháp luật và năng lực của chủ thể ADPL tác động trực tiếp đến chất lượng quyết định; các yếu tố tổ chức, phối hợp, kiểm soát, dữ liệu và kỹ thuật giữ vai trò bảo đảm và hỗ trợ quá trình thực hiện.

Các nguyên nhân trên có thể dẫn đến cả việc đình chỉ do MTNHS khi chưa đủ căn cứ và việc không nhận diện, xử lý kịp thời trường hợp đã có căn cứ luật định. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, yêu cầu là nhận diện đầy đủ và ban hành quyết định đình chỉ kịp thời khi căn cứ đã được xác lập; đối với trường hợp có thể được MTNHS, yêu cầu là chứng minh đầy đủ điều kiện và bảo đảm việc lựa chọn được lập luận khách quan, có căn cứ. Vì vậy, giải pháp tại Chương 4 phải hướng đến bảo đảm ADPL đúng, đầy đủ, kịp thời và có thể kiểm soát, không đặt mục tiêu tăng hoặc giảm số lượng trường hợp MTNHS một cách cơ học; đồng thời phải có giải pháp đối ứng về hoàn thiện pháp luật, chuẩn hóa quy trình, năng lực chủ thể, cơ chế phối hợp, kiểm soát, thống kê, dữ liệu và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025; số liệu 6 tháng đầu năm 2026 được sử dụng để cập nhật xu hướng. Trên cơ sở tiếp cận theo bốn giai đoạn ADPL, chương đã làm rõ những kết quả đạt được và các hạn chế chủ yếu trong xác định tình tiết, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các hạn chế tập trung ở việc đánh giá tình tiết chưa đầy đủ; lựa chọn, viện dẫn căn cứ có trường hợp chưa chính xác; chứng minh điều kiện và lập luận pháp lý chưa chặt chẽ; việc thông báo, giải thích, thống kê và tổ chức thực hiện quyết định còn chưa thống nhất. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, cần bảo đảm nhận diện và đình chỉ kịp thời khi căn cứ luật định đã được xác lập; đối với trường hợp có thể được MTNHS, cần bảo đảm việc đánh giá điều kiện và lựa chọn áp dụng có căn cứ. Các trường hợp tại [Phụ lục 7] chỉ được sử dụng để phân tích định tính; [Phụ lục 8] là khung đối chiếu thực trạng, nguyên nhân, giải pháp.

Nguyên nhân của những hạn chế xuất phát từ cả yếu tố pháp luật, nhận thức và năng lực của chủ thể ADPL, tổ chức bộ máy, phối hợp, kiểm sát, thống kê, dữ liệu và điều kiện kỹ thuật. Những kết quả này là cơ sở để Chương 4 xây dựng các giải pháp đối ứng, hướng đến bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời và có thể kiểm soát; không đặt mục tiêu tăng hoặc giảm số lượng MTNHS một cách cơ học.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

Việc xác định quan điểm bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT phải xuất phát từ cơ sở lý luận đã được làm rõ tại Chương 2 và những hạn chế, nguyên nhân được xác định tại Chương 3, đồng thời đặt trong bối cảnh những yếu tố mới tác động đến hoạt động điều tra và ADPL trong thời gian tới. Đó là yêu cầu tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, kiểm soát quyền lực nhà nước; sự thay đổi mô hình tổ chức CQCSĐT, nhất là việc không còn tổ chức CQCSĐT cấp huyện; tình hình tội phạm ngày càng đa dạng, phức tạp; yêu cầu chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm trong TTHS. Những yếu tố này đòi hỏi ADPL về MTNHS phải vừa thực hiện đúng chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng, vừa bảo đảm tính nghiêm minh, đúng căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có thể kiểm soát; không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm

4.1.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Cơ quan Cảnh sát điều tra là bộ phận quan trọng của lực lượng CAND, trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước trong khởi tố, điều tra và xử lý VAHS. Vì vậy, ADPL về MTNHS đối với bị can phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng, đồng thời tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, các nguyên tắc của TTHS và chịu sự kiểm sát của VKSND. Trong điều kiện xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với CAND phải gắn với nâng cao hiệu lực lãnh đạo, trách nhiệm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và bảo đảm hoạt động của lực lượng Công an đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền [34]. Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy không chỉ nhằm giữ

vững định hướng chính trị trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà còn phải bảo đảm chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước được thực hiện đúng đối tượng, đúng căn cứ, đúng thẩm quyền và không bị lợi dụng.

Quán triệt Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc, các cấp ủy, tổ chức đảng phải tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời bảo đảm nguyên tắc *“mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, chính xác, nghiêm minh...”* [7]. Trên cơ sở đó, Hướng dẫn số 04-HD/TW ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư tiếp tục hướng dẫn việc thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, góp phần thống nhất nhận thức, trách nhiệm và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong quá trình điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc [1], bên cạnh đó, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định định hướng tổ chức lực lượng theo phương châm *“Bộ tinh, tỉnh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”*. Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW tiếp tục đặt ra yêu cầu đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, trong đó có Cơ quan điều tra, theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với Hiến pháp năm 2013 [8]; Quán triệt thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị theo đó: *...Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại...thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong công tác phòng, chống tội phạm...nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu, thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay”* [9]; Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị, Đề án số 06-ĐA/ĐUCA ngày 01/12/2021 và Kế hoạch số 118-KH/ĐUCA ngày 25/5/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương *“về xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”* [56]; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *“tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Việt Nam trong giai đoạn mới” với mục tiêu cụ thể đến năm 2030 “bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật...hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo”; Ngày 30/4/2025, thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về *“đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”* với nội dung trọng tâm của Nghị quyết *“bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật”* đồng thời Nghị quyết cũng đặt ra vấn đề đổi mới trong chính sách hình sự *“không “hình sự hóa” các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự; không dùng biện pháp hành chính để can thiệp, giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh tế”*.

Đối với ADPL về MTNHS, sự lãnh đạo của các cấp ủy phải được thực hiện thông qua định hướng chính trị - pháp lý; xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ; phòng ngừa tiêu cực, lạm dụng chính sách khoan hồng hoặc né tránh trách nhiệm; đồng thời bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động điều tra. Nội dung lãnh đạo phải hướng đến việc CQCSĐT thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ khách quan; nhận diện đúng căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn đúng quy phạm và ban hành, tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Qua đó, phải kiểm soát đồng thời việc đình chỉ khi chưa đủ căn cứ và việc không nhận diện, chậm xử lý trường hợp đã có căn cứ luật định.

Sự lãnh đạo của Đảng không có nghĩa là cấp ủy làm thay hoạt động tố tụng, lựa chọn căn cứ MTNHS, quyết định việc đình chỉ điều tra hoặc can thiệp vào việc giải quyết từng VAHS cụ thể. Việc xác định sự kiện pháp lý, đánh giá chứng cứ, lựa chọn quy phạm và ban hành quyết định thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của CQCSĐT và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật. Các quyết định này phải được thực hiện độc lập trong phạm vi thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu sự kiểm sát của VKSND.

Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy phải gắn với thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, đề cao trách nhiệm của người có thẩm quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia tố tụng. Sự lãnh đạo đúng đắn tạo định hướng và điều kiện để CQCSĐT áp dụng pháp luật thống

nhất, khách quan, có căn cứ, nhưng không thay thế trách nhiệm pháp lý của chủ thể tiến hành tố tụng trong từng VAHS cụ thể.

4.1.2. Bảo đảm tính nghiêm minh, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Bảo đảm tính nghiêm minh, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong ADPL về MTNHS đối với bị can là yêu cầu gắn với nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước và tăng cường pháp chế, kỷ cương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa [53]. Theo đó, mọi quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS phải có căn cứ pháp luật, căn cứ thực tế rõ ràng, được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có khả năng kiểm tra, giám sát.

Tính nghiêm minh trước hết được thể hiện ở việc tuân thủ đúng căn cứ, đối tượng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức quyết định tố tụng. Chính sách nhân đạo, khoan hồng không làm giảm yêu cầu thượng tôn pháp luật và không trao cho chủ thể ADPL quyền lựa chọn ngoài giới hạn luật định. CQCSĐT phải phân biệt MTNHS với trường hợp không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS, miễn hình phạt và các căn cứ đình chỉ khác; đồng thời phải xác định rõ mối quan hệ giữa các quy định chung về MTNHS với những quy định có liên quan tại một số tội phạm cụ thể và căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra. Các quy định tại Phần các tội phạm không được xác lập thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT. Đối với từng bị can, việc xem xét MTNHS phải được cá biệt hóa trên cơ sở hành vi và các điều kiện luật định tương ứng, không suy đoán hoặc áp dụng đồng loạt theo toàn bộ VAHS.

Công khai, minh bạch trong lĩnh vực này không đồng nghĩa với việc công bố tài liệu thuộc bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin phải được bảo vệ. Nội dung cốt lõi của yêu cầu công khai, minh bạch là căn cứ, quy trình và trách nhiệm ADPL phải rõ ràng, thống nhất và có khả năng kiểm tra. Tài liệu chứng minh điều kiện MTNHS phải được thu thập, kiểm tra và hệ thống hóa trong hồ sơ; quyết định tố tụng phải nêu rõ hành vi của bị can, căn cứ pháp luật trực tiếp được áp dụng, lý do MTNHS, phạm vi hậu quả pháp lý và việc xử lý các vấn đề có liên quan. Việc gửi, tổng đạt, giải thích, lưu trữ, thống kê và báo cáo phải được thực hiện đầy đủ, khắc phục

tình trạng văn bản chỉ viện dẫn chung Điều 29 BLHS, không xác định rõ khoản áp dụng hoặc viện dẫn đồng thời nhiều quy phạm mà không làm rõ căn cứ trực tiếp của quyết định.

Trách nhiệm giải trình phải được xác định đối với từng chủ thể tham gia quá trình ADPL. ĐTV và CBĐT chịu trách nhiệm về việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và nội dung đề xuất; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT chịu trách nhiệm về việc kiểm tra hồ sơ, lựa chọn căn cứ, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định theo thẩm quyền. Khi có yêu cầu kiểm sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc khi quyết định có dấu hiệu chưa chính xác, người có thẩm quyền phải giải trình được cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, quá trình đánh giá chứng cứ và lý do lựa chọn phương án xử lý. Trách nhiệm giải trình không chỉ được thực hiện sau khi phát sinh sai sót, mà phải được thể hiện ngay trong hồ sơ đề xuất và nội dung quyết định tố tụng.

Việc bảo đảm các yêu cầu trên phải gắn với cơ chế kiểm sát của VKSND, nhưng không làm thay đổi thẩm quyền ban hành quyết định của CQCSĐT. VKSND kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra; CQCSĐT và người có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm độc lập về quyết định của mình. Khi có quan điểm khác nhau, việc trao đổi phải dựa trên tài liệu, chứng cứ, quy định pháp luật và được thể hiện bằng hình thức phù hợp, không chuyển trách nhiệm quyết định của CQCSĐT sang VKSND hoặc coi hoạt động kiểm sát là thủ tục phê chuẩn.

Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, tính nghiêm minh đòi hỏi CQCSĐT phải đình chỉ điều tra khi căn cứ luật định đã được xác lập đầy đủ, không đặt thêm điều kiện hoặc kéo dài việc truy cứu TNHS. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, yêu cầu minh bạch và giải trình phải được đặt ra chặt chẽ hơn, bảo đảm các điều kiện luật định được chứng minh và việc lựa chọn áp dụng có cơ sở khách quan. Những trường hợp có điều kiện pháp lý tương đồng phải được xem xét theo tiêu chí thống nhất, đồng thời vẫn bảo đảm cá biệt hóa theo tình tiết của từng bị can.

Như vậy, quan điểm bảo đảm tính nghiêm minh, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đòi hỏi quá trình ADPL phải có căn cứ, có khả năng kiểm tra và chịu sự kiểm soát theo pháp luật. Đây là cơ sở để chuẩn hóa việc nhận diện căn cứ, hồ sơ chứng minh, nội dung quyết định, phối hợp, kiểm sát, thống kê, báo cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng ngừa cả việc áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và việc bỏ qua trường hợp đã có căn cứ luật định.

4.1.3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can là yêu cầu trực tiếp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và là một trong những tiêu chí đánh giá tính hợp pháp, có căn cứ của ADPL về MTNHS trong giai đoạn điều tra. Đối với CQCSĐT, yêu cầu này không chỉ thể hiện ở việc tôn trọng các quyền tố tụng của bị can mà còn ở trách nhiệm nhận diện, kiểm tra và xem xét đầy đủ các căn cứ MTNHS khi tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy có cơ sở luật định. Việc không xem xét hoặc chậm xử lý khi căn cứ đã được xác lập có thể kéo dài tình trạng bị buộc tội và các biện pháp tố tụng bất lợi không còn cần thiết.

Việc bảo vệ quyền của bị can phải gắn với yêu cầu áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo đúng phạm vi, điều kiện và hiệu lực của pháp luật hình sự. Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016: *“Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật Hình sự; tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 1 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 109/2015/QH13; áp dụng các quy định của BLTTHS số 101/2015/QH13 để thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội...”*. Quy định có lợi cho người phạm tội phải được áp dụng đúng điều kiện, thời điểm và phạm vi mà pháp luật cho phép; không thể được hiểu là cơ sở để lựa chọn tùy nghi phương án có lợi cho bị can khi căn cứ pháp luật và chứng cứ chưa rõ ràng. Trong ADPL về MTNHS, CQCSĐT phải đánh giá đầy đủ cả những tình tiết buộc tội, gỡ tội và những tình tiết có ý nghĩa đối với việc MTNHS; không được chỉ tập trung chứng minh hành vi phạm tội mà bỏ qua tài liệu về nhân thân, việc khắc phục hậu quả, hòa giải, sự hợp tác, lập công hoặc các điều kiện khác được BLHS quy định. Đồng thời, việc áp dụng quy định có lợi phải dựa trên chứng cứ hợp pháp, không làm thay đổi bản chất vụ việc và không được sử dụng MTNHS để thay thế cho căn cứ xác định không có tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm, bị can còn phải được đặt trong mối quan hệ với nguyên tắc suy đoán vô tội tại Điều 13 BLTTHS năm 2015: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục...”*. Theo đó, trách nhiệm chứng minh

tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; bị can có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội theo trình tự, thủ tục luật định, CQCSĐT phải giải quyết theo căn cứ tố tụng tương ứng, không được chuyển sang áp dụng MTNHS. Người được MTNHS là người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và lẽ ra phải chịu TNHS, nhưng Nhà nước quyết định không truy cứu TNHS do đáp ứng căn cứ, điều kiện luật định. Vì vậy, cần phân biệt rõ bảo vệ quyền của bị can trong MTNHS với việc xác định bị can không thực hiện tội phạm hoặc hành vi không cấu thành tội phạm.

Trong toàn bộ quá trình ADPL, CQCSĐT phải bảo đảm các quyền tố tụng của bị can như quyền được biết lý do bị khởi tố, hành vi bị buộc tội; quyền trình bày lời khai, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; quyền tự bào chữa hoặc nhờ người bào chữa; quyền đọc, ghi chép tài liệu theo quy định; quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng. Khi CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS, bị can phải được gửi, tổng đạt quyết định theo quy định và được bảo đảm khả năng nhận biết căn cứ, phạm vi đình chỉ, quyền khiếu nại và những vấn đề pháp lý có liên quan. Các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và hạn chế quyền phải được xử lý kịp thời khi không còn căn cứ áp dụng.

Bảo đảm quyền của bị can cũng đòi hỏi việc xem xét MTNHS phải được thực hiện kịp thời ngay khi các tình tiết có ý nghĩa pháp lý đã được thu thập và kiểm tra đầy đủ. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành không quy định MTNHS là căn cứ không khởi tố VAHS theo Điều 157 BLTTHS. Vì vậy, yêu cầu nhận diện từ sớm không đồng nghĩa với việc CQCSĐT được bỏ qua trình tự khởi tố hoặc tự tạo ra một căn cứ xử lý ngoài luật định, mà nhằm tránh kéo dài không cần thiết hoạt động điều tra, áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc duy trì tình trạng bị buộc tội khi đã có đủ điều kiện ban hành quyết định theo thẩm quyền.

Mặt khác, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can không đồng nghĩa với việc dễ dãi, dung túng hoặc tuyệt đối hóa lợi ích của bị can mà bỏ qua tính chất, hậu quả của hành vi, quyền của bị hại và yêu cầu bảo vệ trật tự pháp luật. Việc MTNHS phải dựa trên sự cân bằng giữa chính sách nhân đạo, khoan hồng với tính nghiêm minh của pháp luật; được cá biệt hóa đối với từng bị can; chịu sự kiểm sát của VKSND và có cơ chế khiếu nại, kiểm tra, giải trình rõ ràng.

Như vậy, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can đòi hỏi CQCSĐT phải thu thập, kiểm tra, đánh giá khách quan chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS; nhận diện kịp thời căn cứ luật định; bảo đảm quyền bào chữa, quyền được biết, quyền khiếu nại và chấm dứt những biện pháp tố tụng không còn căn cứ. Quan điểm này đồng thời yêu cầu tăng cường kiểm sát của VKSND và chuẩn hóa việc thông báo, giải thích, tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra, qua đó bảo vệ quyền của bị can nhưng không làm suy giảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4.1.4. Bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội là yêu cầu cơ bản của việc tổ chức thực hiện pháp luật hình sự và hoạt động điều tra. Đối với ADPL về MTNHS, yêu cầu này không được hiểu theo hướng mọi người đã thực hiện hành vi phạm tội đều phải tiếp tục bị truy cứu TNHS, mà phải đặt trong giới hạn của các căn cứ, điều kiện do pháp luật quy định. MTNHS là việc Nhà nước chấm dứt việc truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện tội phạm khi có căn cứ luật định; vì vậy, áp dụng đúng chế định này không đối lập với yêu cầu bảo đảm trật tự pháp luật và phòng, chống tội phạm.

Chính sách nhân đạo, khoan hồng trong MTNHS không đối lập với yêu cầu giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Khi được áp dụng đúng, MTNHS có thể khuyến khích người phạm tội tự thú, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, khắc phục hậu quả, hòa giải với bị hại, lập công hoặc có những hành động tích cực đối với Nhà nước và xã hội; qua đó góp phần khôi phục các quan hệ xã hội bị xâm hại, hạn chế xung đột, giảm tác động bất lợi của quá trình tố tụng và hỗ trợ phòng ngừa tái phạm. Ngược lại, việc MTNHS khi chưa đủ căn cứ, không tương xứng với tính chất và hậu quả của hành vi có thể làm suy giảm tính nghiêm minh của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và tạo nhận thức không đúng về khả năng tránh khỏi TNHS.

Đối với trường hợp có thể được MTNHS, CQCSĐT phải đánh giá toàn diện các điều kiện luật định và những tình tiết có liên quan đến từng căn cứ cụ thể, đồng thời xem xét yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, cá nhân, tổ chức, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước. Việc đánh giá không được chỉ dựa vào hoàn cảnh

cá nhân, sự hòa giải hoặc đề nghị của bị hại nếu pháp luật còn đặt ra những điều kiện khác. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội không thể được sử dụng để bổ sung điều kiện hoặc từ chối đình chỉ điều tra khi căn cứ luật định đã được xác lập đầy đủ.

Do đó, yêu cầu giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội phải được đặt trong sự thống nhất giữa tính nghiêm minh và tính nhân đạo của pháp luật. Áp dụng MTNHS thiếu căn cứ có thể ảnh hưởng đến hiệu quả phòng, chống tội phạm; nhưng không nhận diện hoặc không xử lý kịp thời trường hợp có căn cứ luật định cũng làm sai lệch chính sách phân hóa TNHS, kéo dài tố tụng không cần thiết và ảnh hưởng đến quyền của bị can.

Quan điểm này phải được cụ thể hóa trong cả bốn giai đoạn ADPL: xác định, đánh giá đầy đủ tình tiết; lựa chọn đúng quy phạm; ban hành quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ, có khả năng giải trình; và tổ chức thực hiện quyết định đúng pháp luật, chịu sự kiểm sát của VKSND. Đây là cơ sở để xây dựng các giải pháp đối ứng về hướng dẫn áp dụng, năng lực chủ thể, phối hợp, kiểm sát và kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền.

4.1.5. Bảo đảm chính sách nhân đạo trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Bảo đảm chính sách nhân đạo là yêu cầu thuộc bản chất của chế định MTNHS và là định hướng quan trọng trong ADPL đối với bị can của CQCSĐT. Chính sách này thể hiện sự kết hợp giữa tính nghiêm minh của pháp luật với truyền thống khoan dung của dân tộc, đồng thời phù hợp với yêu cầu tôn trọng, bảo vệ quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc Nhà nước không tiếp tục truy cứu TNHS đối với người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm nhưng đáp ứng căn cứ, điều kiện luật định cho thấy mục đích của pháp luật hình sự không chỉ là xử lý người phạm tội, mà còn tạo điều kiện để họ khắc phục hậu quả, sửa chữa sai lầm và tái hòa nhập cộng đồng.

Chính sách nhân đạo trong MTNHS phải được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 BLHS năm 2015, bảo đảm phân hóa TNHS và cá thể hóa việc áp dụng pháp luật. MTNHS không phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi và không đồng nhất với trường hợp người bị buộc tội không thực hiện tội phạm hoặc hành

vi không cấu thành tội phạm. Trong giai đoạn điều tra, chính sách nhân đạo được thực hiện thông qua việc CQCSĐT xác định đúng căn cứ, điều kiện MTNHS và ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền. Vì vậy, việc áp dụng pháp luật phải dựa trên chứng cứ và điều kiện luật định của từng trường hợp, không thể chỉ dựa vào nhận xét chung về nhân thân hoặc hoàn cảnh của bị can.

Bảo đảm tính nhân đạo còn đòi hỏi CQCSĐT phải nhận diện và xử lý kịp thời trường hợp đã có căn cứ MTNHS, tránh kéo dài không cần thiết tình trạng bị buộc tội hoặc các biện pháp tố tụng bất lợi. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, khi căn cứ, điều kiện luật định đã được xác lập thì phải ban hành quyết định đình chỉ điều tra; đối với trường hợp có thể được MTNHS, việc lựa chọn áp dụng phải dựa trên đánh giá khách quan, đầy đủ và có khả năng giải trình. Bị can đồng thời phải được bảo đảm các quyền tố tụng, được gửi, tổng đạt quyết định và thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, chính sách nhân đạo không đồng nghĩa với sự dễ dãi, dung túng hoặc sử dụng MTNHS như phương thức giảm số lượng VAHS đang điều tra. Việc giảm chi phí tố tụng hoặc tập trung nguồn lực cho các vụ án phức tạp chỉ có thể là hệ quả gián tiếp của việc áp dụng đúng pháp luật, không phải căn cứ hoặc mục tiêu của việc áp dụng MTNHS và ban hành quyết định đình chỉ điều tra trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự. CQCSĐT không được vì áp lực công việc, quan hệ cá nhân, hoàn cảnh đặc biệt hoặc sự thỏa thuận giữa các bên để áp dụng MTNHS đối với bị can khi chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định. Ngược lại, cũng không được vì sự thận trọng trong xử lý mà bỏ qua trường hợp đã có đầy đủ căn cứ luật định.

Việc bảo đảm tính nhân đạo phải được đặt trong mối quan hệ hài hòa với quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại và các lợi ích khác được pháp luật bảo vệ. Việc đình chỉ điều tra do MTNHS làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi quyết định, nhưng không đương nhiên loại trừ việc xử lý vật chứng, tài sản, bồi thường dân sự, trách nhiệm hành chính, kỷ luật hoặc những vấn đề pháp lý khác nếu có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật. Vì vậy, tổ chức thực hiện quyết định phải bảo đảm rõ ràng, đầy đủ và không làm phát sinh những bất lợi ngoài phạm vi pháp luật quy định.

Như vậy, bảo đảm chính sách nhân đạo trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT phải được hiểu là thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời sự khoan hồng của Nhà nước trong giới hạn của pháp luật. Quan điểm này không hướng tới tăng hoặc giảm số lượng trường hợp MTNHS một cách cơ học, mà nhằm bảo đảm trường hợp có căn cứ được xử lý đúng, đồng thời ngăn ngừa việc đình chỉ điều tra thiếu căn cứ. Đây là cơ sở định hướng trực tiếp cho các giải pháp hoàn thiện pháp luật, hướng dẫn áp dụng, nâng cao năng lực chủ thể, tăng cường kiểm sát và hoàn thiện các điều kiện bảo đảm tại mục 4.2.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

4.2.1.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự

Từ những hạn chế và nguyên nhân đã được xác định tại Chương 3, việc hoàn thiện các quy định của BLHS về MTNHS cần tập trung vào những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng nhận diện căn cứ, chứng minh điều kiện và áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Việc hoàn thiện không nhằm mở rộng phạm vi MTNHS một cách cơ học mà phải làm rõ hơn giới hạn của chính sách nhân đạo và khoan hồng, phân biệt trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để CQCSĐT áp dụng và VKSND thực hiện kiểm sát.

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về hậu quả pháp lý của miễn trách nhiệm hình sự

Bộ luật hình sự năm 2015 quy định các căn cứ MTNHS nhưng chưa thể hiện tập trung, đầy đủ mối quan hệ giữa việc chấm dứt truy cứu TNHS với các trách nhiệm pháp lý khác có thể tiếp tục phát sinh. Thực tiễn được phân tích tại Chương 3 cho thấy sau khi CQCSĐT đình chỉ điều tra do MTNHS, việc xử lý vật chứng, tài sản, bồi thường dân sự, trách nhiệm hành chính, kỷ luật và những vấn đề pháp lý có liên quan vẫn cần được xác định trên cơ sở căn cứ pháp luật riêng. Nếu không phân định rõ, MTNHS có thể bị hiểu theo hai chiều không chính xác: hoặc tiếp tục duy trì những bất

lợi mang tính hình sự sau khi việc truy cứu TNHS đã chấm dứt; hoặc suy rộng MTNHS thành việc loại trừ mọi trách nhiệm pháp lý khác.

Vì vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện quy định trong Phần chung BLHS theo hướng xác định rõ nguyên tắc: việc MTNHS làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với hành vi thuộc phạm vi được MTNHS; việc xử lý trách nhiệm dân sự, hành chính, kỷ luật, nghĩa vụ hoàn trả tài sản hoặc hậu quả pháp lý khác chỉ được thực hiện khi có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật có liên quan. Quy định này phải bảo đảm phân biệt MTNHS với trường hợp không có tội, hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS và miễn hình phạt.

Đồng thời, cần bảo đảm sự thống nhất giữa BLHS với BLTTHS và các quy định pháp luật có liên quan trong việc xử lý hậu quả sau khi đình chỉ điều tra do MTNHS. Nội dung hoàn thiện không đặt vấn đề quy định người được MTNHS “không phải chịu TNHS và không bị coi là có án tích”, mà tập trung làm rõ phạm vi hậu quả của MTNHS và nguyên tắc xử lý các quan hệ pháp luật còn lại. Việc thể hiện cụ thể căn cứ, phạm vi đình chỉ và những thông tin cần thiết cho bị can sau khi CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra được tiếp tục xử lý bằng giải pháp về hình thức thông báo tại [Phụ lục 12].

Thứ hai, tiếp tục cụ thể hóa các căn cứ, điều kiện miễn trách nhiệm hình sự có nội dung định tính để bảo đảm áp dụng thống nhất

Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất là một số căn cứ, điều kiện MTNHS còn chứa những yếu tố định tính, đòi hỏi chủ thể ADPL phải đánh giá trên cơ sở nhiều tình tiết của VAHS. Trong thực tiễn, nếu không có tiêu chí nhận diện và yêu cầu chứng minh đủ rõ, cùng một căn cứ pháp luật có thể được hiểu và vận dụng khác nhau; từ đó dẫn đến nguy cơ vừa áp dụng MTNHS khi chưa đủ căn cứ, vừa bỏ qua trường hợp đã đáp ứng điều kiện luật định.

Do đó, đối với các căn cứ thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS, pháp luật và hướng dẫn áp dụng phải bảo đảm các dấu hiệu được xác định đủ rõ để khi căn cứ luật định đã được chứng minh, CQCSĐT có cơ sở ban hành quyết định đình chỉ điều tra kịp thời, không đặt thêm điều kiện ngoài luật. Đối với trường hợp có thể được MTNHS,

cần cụ thể hóa những tiêu chí có ý nghĩa cho việc đánh giá và lựa chọn áp dụng, nhất là cách nhận diện sự “chuyển biến của tình hình”, mức độ không còn nguy hiểm cho xã hội trong trường hợp luật định, “lập công lớn”, “có công hiến đặc biệt” và các điều kiện định tính khác có liên quan.

Việc cụ thể hóa phải gắn từng điều kiện với yêu cầu về tài liệu, chứng cứ chứng minh và không biến tiêu chí hướng dẫn thành những điều kiện mới làm thu hẹp hoặc mở rộng nội dung của BLHS. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, chủ thể ADPL phải làm rõ trong hồ sơ những tình tiết đã được chứng minh và cơ sở của việc lựa chọn áp dụng; đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, việc đánh giá không được chuyển thành quyền cân nhắc tùy nghi của cơ quan tiến hành tố tụng.

Bên cạnh đó, cần hướng dẫn thống nhất kỹ thuật lựa chọn và viện dẫn quy phạm trong những trường hợp thực tiễn có liên quan đồng thời đến quy định chung về MTNHS và quy định tại một số điều luật thuộc Phần các tội phạm. Việc hướng dẫn này nhằm làm rõ giá trị và phạm vi của từng quy định được viện dẫn, không xác lập các quy định tại Phần các tội phạm thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT. Hậu quả pháp lý trong phạm vi nghiên cứu của luận án vẫn được thực hiện thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo căn cứ, thẩm quyền và thủ tục của BLTTHS.

Thứ ba, về lâu dài nghiên cứu hệ thống hóa các quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong Phần chung Bộ luật Hình sự

Các quy định về MTNHS hiện được đặt tại nhiều vị trí trong BLHS. Vấn đề cần quan tâm không phải là tập hợp cơ học các quy định này, mà là làm rõ hơn bản chất pháp lý, nguyên tắc áp dụng, sự phân biệt giữa trường hợp đương nhiên MTNHS và trường hợp có thể được MTNHS, hậu quả pháp lý của MTNHS và giới hạn quyền của cơ quan nhà nước khi áp dụng. Việc hệ thống hóa theo hướng đó có ý nghĩa đối với tính minh bạch, thống nhất của pháp luật và khả năng kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước.

Trong khi về bản chất, đây là một chế định có phạm vi điều chỉnh rộng và có vai trò cấu trúc trong toàn bộ hệ thống TNHS. Như Tác giả Trịnh Tiến Việt đã chỉ ra:

“những chế định có tính nguyên tắc, mang tính định hướng chung và tác động đến cơ chế xác lập cũng như chấm dứt TNHS không thể tồn tại dưới dạng quy phạm phân tán, mà phải được tổ chức lại theo một cấu trúc mang tính hệ thống, nhằm bảo đảm tính minh bạch, tính ổn định và khả năng áp dụng thống nhất trong thực tiễn” [67].

Trên cơ sở đó, về lâu dài có thể nghiên cứu tổ chức lại các quy định về MTNHS trong Phần chung BLHS theo hướng hệ thống hơn, trong đó làm rõ: bản chất và nguyên tắc của chế định; sự phân biệt giữa căn cứ dẫn đến đương nhiên MTNHS và căn cứ cho phép có thể được MTNHS; hậu quả pháp lý; nguyên tắc áp dụng và trách nhiệm ban hành hướng dẫn. Việc tổ chức lại phải bảo đảm không làm thay đổi thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT và không biến các quy định về MTNHS tại Phần các tội phạm thành một nhóm căn cứ độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT.

Đây là định hướng hoàn thiện pháp luật có tính dài hạn. Trong điều kiện pháp luật hiện hành, yêu cầu trước mắt vẫn là hướng dẫn rõ và áp dụng thống nhất các căn cứ, điều kiện MTNHS thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án; bảo đảm sự thống nhất giữa quy định nội dung của BLHS với căn cứ, thẩm quyền, hình thức và thủ tục đình chỉ điều tra của BLTTHS. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, vừa trực tiếp khắc phục những hạn chế đã được xác định tại Chương 3.

4.2.1.2. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

Thứ nhất, hoàn thiện quy định và cơ chế thực hiện thẩm quyền áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự

Bộ luật hình sự quy định căn cứ, điều kiện MTNHS, còn BLTTHS xác định căn cứ tố tụng, thẩm quyền, hình thức quyết định, trình tự và thủ tục để các căn cứ đó được thực hiện trong từng giai đoạn tố tụng. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, CQCSĐT không ban hành một quyết định tố tụng độc lập mang tên “*Quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can*”, mà khi xác định bị can thuộc trường hợp MTNHS thì ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo quy định của BLTTHS. VKSND thực hiện kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra, không phê chuẩn quyết định đình chỉ điều tra của CQCSĐT.

Do đó, việc hoàn thiện BLTTHS cần tập trung làm rõ hơn mối quan hệ giữa căn cứ MTNHS theo BLHS với căn cứ, thẩm quyền và hình thức đình chỉ điều tra theo

BLTTHS; trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc kiểm tra hồ sơ, ban hành quyết định, gửi và tổng đạt quyết định, xử lý các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, vật chứng, tài sản và những vấn đề có liên quan. Quy định phải đồng thời bảo đảm trách nhiệm độc lập của CQCSĐT đối với quyết định do mình ban hành và chức năng kiểm sát của VKSND, tránh chuyển trách nhiệm quyết định của CQCSĐT sang VKSND hoặc coi việc trao đổi giữa hai cơ quan là điều kiện thay thế căn cứ pháp luật.

Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, khi các căn cứ luật định đã được xác lập đầy đủ thì CQCSĐT phải kịp thời ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, hồ sơ và quyết định phải thể hiện đầy đủ các điều kiện luật định, tài liệu chứng minh và cơ sở của việc lựa chọn áp dụng. Sự phân định này cần được thể hiện rõ trong hướng dẫn thực hiện BLTTHS để tránh đồng nhất giữa trường hợp pháp luật bắt buộc chấm dứt việc truy cứu TNHS với trường hợp chủ thể có thẩm quyền phải đánh giá, lựa chọn trên cơ sở những điều kiện do pháp luật quy định.

Hệ thống biểu mẫu điều tra hình sự hiện hành đã có Mẫu số 230 “Quyết định đình chỉ điều tra bị can”; vì vậy, luận án không đề xuất bổ sung một “Quyết định MTNHS đối với bị can” độc lập. Vấn đề cần hoàn thiện là cách thể hiện, thông báo và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ trong trường hợp căn cứ đình chỉ là MTNHS. Theo hướng đó, [Phụ lục 12] chỉ đề xuất bổ sung Mẫu số 230A “Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự”, được sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành quyết định đình chỉ điều tra bị can theo Mẫu số 230, không tạo ra loại quyết định hoặc thẩm quyền tổ tụng mới.

Thứ hai, hoàn thiện trình tự, thủ tục áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự trong giai đoạn điều tra

Theo pháp luật hiện hành được sử dụng để đánh giá thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025, MTNHS không phải là một căn cứ không khởi tố VAHS độc lập theo Điều 157 BLTTHS. Trong phạm vi nghiên cứu đối với bị can, CQCSĐT áp dụng căn cứ MTNHS để đình chỉ điều tra sau khi tư cách bị can đã được xác lập và có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh người đó đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng thuộc trường hợp đương nhiên MTNHS hoặc có thể được MTNHS theo quy định của pháp luật.

Cách tiếp cận này cũng được thể hiện trong Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020 của CQCSĐT - Bộ Công an. Tuy nhiên, đây là văn bản nghiệp vụ, có giá trị hướng dẫn, trao đổi trong thực tiễn, không phải văn bản quy phạm pháp luật và không thể tạo ra căn cứ tổ tụng mới ngoài BLTTHS [Phụ lục 6].

Trong giai đoạn điều tra, khi đã có đủ căn cứ, điều kiện luật định, việc áp dụng MTNHS đối với bị can được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền. Tuy nhiên, việc thu thập, kiểm tra, đánh giá các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS không chỉ đặt ra ở thời điểm kết thúc điều tra mà phải được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Những tình tiết về hành vi, hậu quả, nhân thân, việc khắc phục hậu quả, hòa giải, hợp tác, lập công và những điều kiện khác theo quy định của BLHS cần được nhận diện, thu thập, kiểm tra trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Việc nhận diện sớm giúp tránh kéo dài không cần thiết quá trình tổ tụng nhưng không cho phép CQCSĐT bỏ qua trình tự luật định hoặc sử dụng MTNHS để thay thế trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm.

Trên cơ sở đó, cần ban hành hướng dẫn liên ngành về trình tự xem xét MTNHS trong giai đoạn điều tra, tập trung vào các nội dung: tài liệu tối thiểu phải có để chứng minh hành vi phạm tội và từng điều kiện MTNHS; trách nhiệm của Điều tra viên, CBĐT trong thu thập, kiểm tra, hệ thống hóa tài liệu; trình tự báo cáo, đề xuất và kiểm tra hồ sơ trước khi người có thẩm quyền ban hành quyết định; cơ chế trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND khi căn cứ pháp lý hoặc việc đánh giá chứng cứ còn có quan điểm khác nhau; việc gửi, tổng đạt, giải thích, xử lý biện pháp ngăn chặn, vật chứng, tài sản, thống kê, báo cáo và giải quyết khiếu nại.

Cơ chế trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND cần được thực hiện từ sớm đối với những trường hợp có căn cứ, điều kiện phức tạp hoặc còn cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, trao đổi nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất và phòng ngừa sai sót, không phải thủ tục xin ý kiến phê chuẩn; CQCSĐT vẫn chịu trách nhiệm về quyết định đình chỉ điều tra do mình ban hành và VKSND thực hiện chức năng kiểm sát theo BLTTHS.

Việc chuẩn hóa trình tự nêu trên trực tiếp khắc phục những nguyên nhân đã được xác định tại Chương 3 về hồ sơ chứng minh chưa đầy đủ, cách hiểu căn cứ chưa thống nhất, cơ chế phối hợp chưa được chuẩn hóa và việc tổ chức thực hiện quyết định còn có mặt chưa đồng bộ. Qua đó, vừa hạn chế đình chỉ điều tra khi chưa đủ căn cứ, vừa bảo đảm trường hợp đã có căn cứ luật định được xem xét, xử lý kịp thời.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện sự thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong việc nhận diện và xử lý sớm căn cứ miễn trách nhiệm hình sự

Sự thống nhất giữa BLHS và BLTTHS là điều kiện để căn cứ MTNHS được chuyển hóa thành quyết định tố tụng hợp pháp. BLHS xác định căn cứ, điều kiện Nhà nước chấm dứt việc truy cứu TNHS; BLTTHS phải quy định thẩm quyền, tiêu chuẩn chứng minh, hình thức quyết định, trình tự, thủ tục và cơ chế kiểm sát tương ứng. Vì vậy, không thể chỉ dựa vào quy định nội dung của BLHS để tự hình thành một phương thức tố tụng mà BLTTHS chưa quy định.

Theo cơ chế chung của pháp luật hiện hành, Điều 157 BLTTHS chưa quy định MTNHS theo Điều 29 BLHS là một căn cứ không khởi tố VAHS độc lập. Do đó, trong phạm vi áp dụng chung, CQCSĐT không được lấy Điều 29 BLHS làm căn cứ trực tiếp để không khởi tố VAHS hoặc sử dụng văn bản hướng dẫn nghiệp vụ để bổ sung một căn cứ không khởi tố mới. Đây cũng là cơ sở để phân biệt hạn chế của ADPL với bất cập của thiết kế pháp luật: trường hợp CQCSĐT khởi tố theo đúng BLTTHS rồi sau đó đình chỉ điều tra do MTNHS không thể chỉ vì trình tự đó mà bị coi là áp dụng pháp luật sai.

Tác giả Hồ Ngọc Thảo cũng cho rằng *“không cần thiết phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can rồi mới ra quyết định đình chỉ để miễn TNHS,... Như vậy, vừa tổn công, tốn thời gian của các cơ quan tố tụng...thời gian dài là bị can nên chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng về tâm lý, sức khỏe, lý lịch cá nhân...”* [51].

Quan điểm trên có giá trị tham khảo trong việc đặt ra yêu cầu xử lý sớm và hạn chế những tác động tố tụng không cần thiết, nhưng không thể được sử dụng để vượt qua giới hạn của Điều 157 BLTTHS. Người được MTNHS phải là người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và đáp ứng căn cứ, điều kiện luật định; vì vậy, bất kỳ cơ chế MTNHS nào được thực hiện trước khi khởi tố bị can cũng phải có cơ sở pháp luật rõ ràng về tiêu chuẩn chứng minh, thẩm quyền, hình thức quyết định và cơ chế kiểm sát.

Đáng chú ý, sau giai đoạn nghiên cứu chính của luận án, pháp luật đã xuất hiện những cơ chế đặc thù. Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Nghị quyết số 37/2026/QH16 cho phép xử lý MTNHS ở những thời điểm sớm hơn, kể cả trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhưng chỉ đối với các đối tượng, hành vi, điều kiện và phạm vi đặc thù do từng Nghị quyết quy định. Đây là những văn bản quy phạm pháp luật hiện

hành, phản ánh xu hướng lập pháp mới nhưng không sửa đổi Điều 157 BLTTHS năm 2015 thành một căn cứ MTNHS chung và không được sử dụng để đánh giá ngược thực trạng ADPL giai đoạn 2018 - 2025 [Phụ lục 3, Phụ lục 6].

Trước tiên, cần hoàn thiện hướng dẫn liên ngành về nhận diện sớm căn cứ MTNHS trong quá trình giải quyết nguồn tin và điều tra, nhưng việc xử lý phải tuân thủ đúng hình thức tố tụng mà pháp luật hiện hành quy định đối với từng trường hợp. Hướng dẫn cần làm rõ trình tự kiểm tra, đánh giá tài liệu; trách nhiệm trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND; thời điểm xem xét căn cứ MTNHS; hình thức quyết định; việc gửi, tổng đạt, thống kê, báo cáo và giải quyết khiếu nại. Hướng dẫn dưới luật không được bổ sung một căn cứ khởi tố VAHS ngoài luật.

Về lâu dài, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện các cơ chế đặc thù và quá trình sửa đổi pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, có thể tiếp tục nghiên cứu khả năng xây dựng cơ chế xử lý MTNHS ở thời điểm sớm hơn đối với những trường hợp thật sự phù hợp. Nếu lựa chọn hướng này, pháp luật phải đồng bộ ít nhất các vấn đề về: tiêu chuẩn chứng minh người thực hiện hành vi đã thực hiện tội phạm; phạm vi căn cứ MTNHS được phép xử lý trước khi khởi tố bị can; thẩm quyền và hình thức quyết định; cơ chế kiểm sát của VKSND; quyền được thông báo, giải thích, khiếu nại của người có liên quan; xử lý vật chứng, tài sản và các trách nhiệm pháp lý khác; thống kê, lưu trữ và bảo vệ dữ liệu.

Dự thảo sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2026 chỉ được sử dụng trong luận án đề nhận diện xu hướng lập pháp, không phải căn cứ pháp luật hiện hành. Việc dự thảo tiếp tục duy trì cơ chế đình chỉ điều tra, chức năng kiểm sát của VKSND và không thiết lập một quyết định MTNHS độc lập cho thấy các kiến nghị của luận án cần tiếp tục được xây dựng thận trọng, trên cơ sở thẩm quyền và hình thức tố tụng hiện có [Phụ lục 3].

Như vậy, hoàn thiện BLTTHS về MTNHS không phải là tạo thêm một thủ tục hoặc quyết định tố tụng độc lập, mà trước hết là bảo đảm sự thống nhất giữa căn cứ nội dung của BLHS với căn cứ, thẩm quyền, hình thức và trình tự đình chỉ điều tra; chuẩn hóa cơ chế nhận diện, chứng minh, phối hợp và kiểm sát; đồng thời tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ nếu trong tương lai mở rộng cơ chế xử lý MTNHS ở thời điểm sớm hơn. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm quyền của người bị buộc tội, vừa giữ vững nguyên tắc pháp chế, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm phát sinh thẩm quyền ngoài luật.

4.2.1.3. Hoàn thiện các luật khác và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan đến áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thứ nhất, bổ sung biểu mẫu thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong hệ thống biểu mẫu điều tra hình sự

Hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA đã có Mẫu số 230 “Quyết định đình chỉ điều tra bị can”. Vì vậy, vấn đề đặt ra không phải là bổ sung một “Quyết định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can” độc lập, mà là hoàn thiện hình thức thông tin sau khi CQCSĐT đã ban hành quyết định đình chỉ điều tra trên căn cứ MTNHS. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy việc thể hiện, thông báo căn cứ MTNHS, phạm vi đình chỉ và những thông tin cần thiết về tình trạng pháp lý của bị can sau đình chỉ còn có mặt chưa thống nhất.

Do đó, đề xuất bổ sung Mẫu số 230A “Thông báo về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự” ngay sau Mẫu số 230 trong hệ thống biểu mẫu điều tra hình sự. Mẫu này chỉ được sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can theo Mẫu số 230 trong trường hợp căn cứ đình chỉ là MTNHS; không thay thế quyết định đình chỉ điều tra, không tạo ra một loại quyết định tố tụng mới và không làm thay đổi thẩm quyền của CQCSĐT.

Nội dung thông báo cần tập trung vào: quyết định đình chỉ điều tra đã được ban hành; căn cứ MTNHS được áp dụng; phạm vi hành vi mà việc tiếp tục truy cứu TNHS đã chấm dứt; quyền, nghĩa vụ có liên quan của người được thông báo và những vấn đề pháp lý cần tiếp tục giải quyết theo quy định. Thông báo được gửi cho bị can và VKSND có thẩm quyền để phục vụ việc kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra. Việc gửi thông báo cho VKSND không phải là thủ tục đề nghị phê chuẩn, bởi quyết định đình chỉ điều tra của CQCSĐT không thuộc trường hợp phải được VKSND phê chuẩn.

Giải pháp này được cụ thể hóa tại [Phụ lục 12] của luận án. Việc bổ sung Mẫu số 230A nhằm tăng tính minh bạch, khả năng kiểm tra, thống kê và tạo điều kiện để người được đình chỉ điều tra nhận biết, chứng minh tình trạng pháp lý của mình; đồng thời vẫn bảo đảm đúng bản chất của ADPL về MTNHS đã được xác định tại Chương 2: hậu quả pháp lý trực tiếp trong giai đoạn điều tra được thực hiện thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo BLTTHS.

Thứ hai, hoàn thiện hướng dẫn về áp dụng khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự và các căn cứ miễn trách nhiệm hình sự có nội dung định tính

Khoản 3 Điều 29 BLHS quy định trường hợp “có thể được MTNHS”, do đó cần phân biệt rõ giữa các điều kiện luật định bắt buộc phải được chứng minh với việc đánh giá, lựa chọn áp dụng của chủ thể có thẩm quyền sau khi các điều kiện đó đã được xác lập. “Có thể được MTNHS” không phải là quyền tùy nghi không giới hạn, nhưng cũng không đồng nghĩa cứ đáp ứng một tình tiết có lợi riêng lẻ là đương nhiên MTNHS.

Thực trạng tại Chương 3 cho thấy những căn cứ, điều kiện có nội dung định tính là một trong những lĩnh vực dễ phát sinh cách hiểu và đánh giá khác nhau. Vì vậy, việc hướng dẫn phải hướng đến hai mục tiêu đồng thời: không áp dụng MTNHS khi chưa chứng minh đầy đủ điều kiện luật định và không bỏ qua trường hợp đã có đủ căn cứ để được xem xét theo chính sách khoan hồng.

Trước hết, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cần tiếp tục hướng dẫn thống nhất cách xác định các điều kiện của khoản 3 Điều 29 BLHS, nhất là tính chất của tội phạm và hình thức lỗi; thiệt hại thuộc phạm vi điều luật; tính tự nguyện của việc sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả; việc hòa giải và đơn đề nghị MTNHS của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp. Đối với các căn cứ khác có sử dụng khái niệm định tính, cần làm rõ nội hàm, dấu hiệu nhận diện và yêu cầu chứng minh tương ứng.

Đồng thời, cần phân biệt rõ trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS. Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, khi căn cứ và điều kiện luật định đã được xác lập thì CQCSĐT phải xử lý theo quy định, không đặt thêm điều kiện ngoài luật. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, quyết định phải thể hiện được các điều kiện luật định đã được chứng minh và cơ sở của việc lựa chọn áp dụng trong VAHS, bị can cụ thể. Hướng dẫn không được bổ sung những điều kiện mới làm thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi của BLHS.

Bên cạnh hướng dẫn giải thích pháp luật, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp nghiệp vụ giữa CQCSĐT và VKSND về tài liệu cần kiểm tra, cách thức trao đổi khi có quan điểm khác nhau và việc kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra. VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra theo quy định của BLTTHS; quyết định đình chỉ của CQCSĐT không thuộc trường hợp phải được VKSND phê chuẩn.

Cùng với đó, các thông báo rút kinh nghiệm, tình huống nghiệp vụ và kết quả kiểm tra cần được hệ thống hóa, phổ biến theo hướng làm rõ dạng sai sót, căn cứ pháp luật và phương pháp khắc phục. Việc công khai, sử dụng thông tin phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân và các thông tin khác được pháp luật bảo vệ. Qua đó, hình thành những tiêu chí tham khảo thống nhất nhưng vẫn bảo đảm cá biệt hóa việc ADPL đối với từng bị can.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế xử lý các vấn đề pháp lý có liên quan sau khi đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự

Miễn trách nhiệm hình sự làm chấm dứt việc tiếp tục truy cứu TNHS đối với bị can về hành vi thuộc phạm vi của quyết định đình chỉ điều tra, nhưng không đương nhiên chấm dứt mọi quyền, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý khác. Ngược lại, cũng không thể mặc nhiên chuyển chính hành vi phạm tội đã được MTNHS thành vi phạm hành chính để tiếp tục xử phạt, bởi mỗi loại trách nhiệm pháp lý phải có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc hoàn thiện các luật và văn bản hướng dẫn có liên quan cần dựa trên nguyên tắc phân định rõ hậu quả pháp lý của MTNHS với các quan hệ pháp luật khác phát sinh từ vụ việc. Theo đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hoàn trả tài sản và nghĩa vụ dân sự được giải quyết khi có căn cứ của pháp luật dân sự; trách nhiệm hành chính chỉ được đặt ra khi có căn cứ pháp luật độc lập, không mặc nhiên áp dụng thay thế TNHS; trách nhiệm kỷ luật, công vụ hoặc nghề nghiệp được xem xét theo pháp luật chuyên ngành và đúng thẩm quyền. Việc xử lý vật chứng, tài sản và các vấn đề có liên quan phải tuân thủ BLTTHS và pháp luật tương ứng.

Hoàn thiện cơ chế dẫn chiếu và phối hợp giữa pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, dân sự, hành chính, công vụ và pháp luật chuyên ngành để mỗi vấn đề được chuyển xử lý đúng căn cứ, đúng thẩm quyền và không trùng lặp.

Trong quyết định đình chỉ điều tra và quá trình tổ chức thực hiện cần xác định rõ vấn đề thuộc phạm vi đã chấm dứt việc truy cứu TNHS và những vấn đề còn phải tiếp tục giải quyết theo căn cứ pháp luật khác. Mẫu số 230A đề xuất tại [Phụ lục 12] có ý nghĩa hỗ trợ thông tin cho bị can về nội dung này, nhưng không tự tạo ra nghĩa vụ dân sự, hành chính, kỷ luật hoặc hậu quả pháp lý mới ngoài quy định của pháp luật.

Như vậy, hoàn thiện các luật khác và hệ thống văn bản hướng dẫn phải bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời khắc phục trực tiếp những nguyên

nhân đã được xác định tại Chương 3 về cách hiểu chưa thống nhất, thiếu tiêu chí hướng dẫn, phối hợp chưa được chuẩn hóa và việc tổ chức thực hiện quyết định còn có mặt chưa đồng bộ. Các giải pháp không nhằm mở rộng MTNHS hay bổ sung hậu quả pháp lý ngoài luật, mà hướng đến bảo đảm việc đình chỉ điều tra do MTNHS được thực hiện đúng căn cứ, minh bạch, có thể kiểm sát và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan.

4.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng của CQCSĐT là điều kiện tổ chức để các quy định về MTNHS được thực hiện đúng trong thực tiễn. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy việc thay đổi mô hình tổ chức CQCSĐT từ năm 2025 làm thay đổi đầu mối tiếp nhận, phân loại, xác minh nguồn tin, phân công điều tra và chuyển giao hồ sơ; qua đó đặt ra yêu cầu phân định rõ trách nhiệm giữa CQCSĐT các cấp, ĐTV được phân công và Công an cấp xã [Phụ lục 6, Phụ lục 8]. Vì vậy, giải pháp không chỉ hướng đến tinh gọn bộ máy mà phải bảo đảm sự liên tục của quá trình tố tụng, phân công rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm trong từng giai đoạn ADPL về MTNHS đối với bị can.

Cơ sở chính trị - pháp lý của giải pháp được thể hiện trong chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, hoàn thiện tổ chức bộ máy và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đã chỉ đạo:

“Đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo quy định của Hiến pháp năm 2013”.

Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị cũng yêu cầu:

“Tiếp tục kiện toàn cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm từ Trung ương đến địa phương theo hướng gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả thực chất”.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu:

“rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra...theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả”.

Trong lực lượng CAND, Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14-NQ/ĐUCA năm 2022 và Đề án số 10/ĐA-BCA, ngày 07/12/2022 của Bộ Công an về việc *“xây dựng Cơ quan điều tra của CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”* [15], Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Chương trình hành động số 54-CTr/ĐUCA ngày 26/6/2025 và Kế hoạch số 488 ngày 12/8/2025 của Bộ Công an đặt yêu cầu gắn liền toàn tổ chức với nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật và trách nhiệm của chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước. Đối với ADPL về MTNHS đối với bị can, các định hướng này cần được cụ thể hóa thành cơ chế phân công, kiểm tra và chịu trách nhiệm trong từng VAHS, không dừng ở việc sắp xếp đầu mối về mặt tổ chức.

Theo mô hình hiện hành, CQCSĐT trong CAND được tổ chức ở Bộ Công an và Công an cấp tỉnh; Công an cấp xã không phải là CQCSĐT. Do đó, việc kiện toàn tổ chức phải trước hết bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của CQCSĐT cấp Bộ Công an, CQCSĐT Công an cấp tỉnh và trách nhiệm của Công an cấp xã trong những hoạt động được pháp luật quy định hoặc được phân công. Việc tổ chức theo mô hình hai cấp phải bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất về nghiệp vụ, đồng thời không để phát sinh khoảng trống trách nhiệm, gián đoạn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ hoặc bỏ sót những tài liệu có ý nghĩa đối với việc xem xét MTNHS.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an cần tiếp tục phát huy vai trò tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra nghiệp vụ; tổng hợp những dạng sai sót điển hình về nhận diện căn cứ, đánh giá điều kiện, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS; qua đó chuyên hóa kết quả kiểm tra, tổng kết và rút kinh nghiệm thành hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất trong toàn lực lượng. Việc hướng dẫn phải bám sát những vấn đề đã phát sinh trong thực tiễn, nhất là sự phân biệt giữa trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS, giữa MTNHS với các căn cứ đình chỉ khác và giữa quy định nội dung của BLHS với căn cứ, hình thức tổ tụng theo BLTTHS.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh là cấp trực tiếp thực hiện phần lớn nhiệm vụ điều tra trong mô hình tổ chức hiện nay, vì vậy cần được bố trí nhân lực và phân công công việc phù hợp với khối lượng, tính chất VAHS và đặc điểm địa bàn. Việc phân công ĐTV không nên chỉ căn cứ cơ học vào số lượng hồ sơ mà phải tính

đến tính chất vụ án, mức độ phức tạp của căn cứ MTNHS, kinh nghiệm và khả năng xử lý của người được giao nhiệm vụ. Đối với VAHS có căn cứ MTNHS mang tính định tính, nhiều bị can hoặc có cách hiểu pháp luật khác nhau, cần tăng cường trách nhiệm kiểm tra hồ sơ của lãnh đạo CQCSĐT và cơ chế hướng dẫn nghiệp vụ trong nội bộ trước khi người có thẩm quyền ban hành quyết định. Việc trao đổi, hướng dẫn nội bộ có ý nghĩa hỗ trợ kiểm soát chất lượng, không thay thế trách nhiệm pháp lý của người có thẩm quyền quyết định.

Đối với Công an cấp xã, cần xác định đúng vai trò trong tiếp nhận nguồn tin, nắm tình hình địa bàn, bảo vệ hiện trường, xác minh ban đầu và thực hiện những nhiệm vụ được pháp luật quy định hoặc CQCSĐT cấp tỉnh phân công. Những tài liệu về diễn biến hành vi, hậu quả, nhân thân, việc tự thú, hợp tác, bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và ý kiến của bị hại có thể có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xem xét căn cứ MTNHS nên cần được ghi nhận, bảo quản và chuyển giao kịp thời. Tuy nhiên, việc phát hiện tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS không làm phát sinh cho Công an cấp xã thẩm quyền tự xác định căn cứ hoặc ban hành quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Đối với ĐTV được bố trí, phân công thực hiện nhiệm vụ tại Công an cấp xã, hoạt động điều tra phải được thực hiện đúng phạm vi được giao và chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của CQCSĐT cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Cùng với việc phân định trách nhiệm giữa các cấp, cần tổ chức công việc trong nội bộ CQCSĐT phù hợp với bốn giai đoạn ADPL đã được xác định tại Chương 2. Ở giai đoạn xác định, đánh giá tình tiết của VAHS, phải bảo đảm thu thập và kiểm tra đồng thời chứng cứ buộc tội, gỡ tội và những tài liệu có ý nghĩa đối với MTNHS. Ở giai đoạn lựa chọn quy phạm, phải kiểm tra việc phân biệt MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, căn cứ không khởi tố và các căn cứ đình chỉ khác; đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa quy định chung về MTNHS, những quy định có liên quan tại một số tội phạm cụ thể và căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra. Ở giai đoạn ban hành quyết định, phải phân định trách nhiệm của ĐTV trong việc đề xuất và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT trong kiểm tra hồ sơ, lựa chọn căn cứ và ban hành quyết định theo thẩm quyền. Ở giai đoạn tổ chức thực hiện, phải xác định rõ trách nhiệm gửi, tổng đạt, giải thích, xử lý các biện pháp ngăn chặn, vật chứng, tài sản, cập nhật dữ liệu và báo cáo kết quả.

Việc kiện toàn tổ chức phải đồng thời tăng cường cơ chế kiểm tra nội bộ nhưng không thay thế hoạt động kiểm sát của VKSND. Thủ trưởng CQCSĐT có trách nhiệm kiểm tra việc phân công, tiến độ, chất lượng hồ sơ và cơ sở của đề xuất trước khi ban hành quyết định theo thẩm quyền; trách nhiệm của ĐTV, CBĐT và người ban hành quyết định phải được thể hiện trong hồ sơ để bảo đảm khả năng kiểm tra, giải trình. Cơ chế kiểm soát nội bộ phải hướng đến phòng ngừa đồng thời hai nguy cơ: đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa đủ căn cứ và không nhận diện, xử lý kịp thời trường hợp đã có căn cứ luật định.

Trong quá trình vận hành mô hình tổ chức mới, cần thường xuyên đánh giá khối lượng VAHS, đặc điểm địa bàn, cơ cấu tội phạm và khả năng đáp ứng của từng đơn vị để điều chỉnh việc bố trí, phân công ĐTV, CBĐT phù hợp. Việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu giữa các đơn vị phải bảo đảm đầy đủ, liên tục, có người chịu trách nhiệm và không làm mất, thiếu những tài liệu liên quan đến hành vi, hậu quả, nhân thân, khắc phục hậu quả, hòa giải hoặc các tình tiết có lợi cho bị can. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong giai đoạn đầu vận hành mô hình hai cấp, nhưng chỉ được sử dụng để nhận diện và xử lý những vấn đề phát sinh từ sự thay đổi tổ chức kể từ năm 2025, không dùng để giải thích ngược các hạn chế của giai đoạn từ năm 2018 - 2024.

Điều kiện về phương tiện, hồ sơ và dữ liệu phải được tổ chức tương thích với mô hình bộ máy mới, bảo đảm thông tin phục vụ ADPL được chuyển giao và khai thác liên tục. Tuy nhiên, việc kiện toàn tổ chức không đồng nhất với hiện đại hóa kỹ thuật; công nghệ chỉ hỗ trợ quản lý hồ sơ, theo dõi tiến độ, thống kê và kiểm tra, còn việc đánh giá chứng cứ, xác định căn cứ và ban hành quyết định đình chỉ điều tra vẫn thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền.

Như vậy, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng của CQCSĐT phải được tiếp cận như một giải pháp hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong điều tra, không chỉ là việc giảm đầu mối hoặc điều chỉnh cơ cấu hành chính. Giải pháp phải bảo đảm phân công rõ ràng, trách nhiệm cá nhân, kiểm tra thường xuyên và sự liên tục của quá trình tố tụng; qua đó hỗ trợ trực tiếp cho việc xác định đúng tình tiết, lựa chọn đúng quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đúng căn cứ, kịp thời và có thể kiểm soát.

4.2.3. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng nghiệp vụ của các chủ thể có thẩm quyền trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can ở Việt Nam

Đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT là những chủ thể trực tiếp tham gia thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nhận diện căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm, đề xuất, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS. Số liệu tại [Phụ lục 9], [Phụ lục 10] và [Phụ lục 11] phản ánh cơ cấu ngạch, trình độ đào tạo và nền tảng công nghệ thông tin của đội ngũ, nhưng không thể từ đó suy ra trực tiếp năng lực thực tế của từng chủ thể hoặc chất lượng của từng quyết định ADPL. Vì vậy, giải pháp đặt ra không phải đào tạo lại một cách dàn trải mà tập trung bồi dưỡng những năng lực chuyên sâu trực tiếp liên quan đến ADPL về MTNHS đối với bị can, nhất là kỹ năng đánh giá chứng cứ, nhận diện các căn cứ có nội dung định tính, lựa chọn và viện dẫn quy phạm, lập luận pháp lý và giải trình quyết định [Phụ lục 8, 9, 10, 11].

Trước hết, cần tiếp tục củng cố bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm và tinh thần thượng tôn pháp luật của người có thẩm quyền trong CQCSĐT. Điều 46 Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định người được bổ nhiệm chức danh điều tra phải:

“...có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa...”.

Yêu cầu này có ý nghĩa trực tiếp đối với ADPL về MTNHS đối với bị can, bởi chủ thể có thẩm quyền phải thực hiện quyền lực nhà nước trong giới hạn pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa tính nghiêm minh và chính sách nhân đạo, khoan hồng. Việc xem xét MTNHS phải dựa trên tài liệu, chứng cứ và các điều kiện luật định, không để những yếu tố ngoài tổ tụng hình sự chi phối; đồng thời phải nhận diện, xử lý kịp thời trường hợp đã có căn cứ pháp luật, tránh cả việc đình chỉ thiếu căn cứ và việc bỏ qua trường hợp đủ điều kiện MTNHS.

Về chuyên môn, nội dung bồi dưỡng phải bám sát bốn giai đoạn ADPL đã được luận giải tại Chương 2 và các hạn chế, nguyên nhân đã xác định tại Chương 3.

Giai đoạn xác định, đánh giá tình tiết của VAHS, cần tăng cường kỹ năng thu thập, kiểm tra đồng thời chứng cứ buộc tội, gỡ tội và tài liệu có ý nghĩa đối với

MTNHS; kiểm tra tính xác thực của tài liệu về khắc phục hậu quả, hòa giải, hợp tác, lập công, nhân thân và ý kiến của bị hại. Đặc biệt, phải bảo đảm trước khi xem xét MTNHS đã có đủ căn cứ xác định bị can thực hiện hành vi phạm tội, tránh sử dụng MTNHS để thay thế căn cứ xác định hành vi không cấu thành tội phạm.

Giai đoạn lựa chọn quy phạm, cần bồi dưỡng khả năng phân biệt MTNHS với trường hợp không có tội, hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS, miễn hình phạt và các căn cứ đình chỉ khác; phân biệt trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa các quy định chung về MTNHS, những quy định gắn với một số tội phạm cụ thể và căn cứ tố tụng để CQCSĐT đình chỉ điều tra. Các quy định tại Phần các tội phạm không được nhận thức thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập thuộc phạm vi áp dụng của CQCSĐT.

Giai đoạn ban hành quyết định, cần chú trọng kỹ năng lập luận pháp lý, cá biệt hóa căn cứ và điều kiện đối với từng bị can, viện dẫn chính xác quy phạm được áp dụng và thể hiện rõ mối liên hệ giữa tài liệu, chứng cứ với kết luận pháp lý. ĐTV, CBĐT phải xác định được tài liệu nào chứng minh từng điều kiện MTNHS; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT phải kiểm tra được tính đầy đủ của hồ sơ, tính chính xác của căn cứ và tính có căn cứ của đề xuất trước khi ban hành quyết định. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, yêu cầu lập luận và giải trình phải đặc biệt chặt chẽ; đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, không được đặt thêm điều kiện hoặc biến việc áp dụng thành sự lựa chọn tùy nghi.

Giai đoạn tổ chức thực hiện, cần thống nhất kỹ năng gửi, tổng đạt, giải thích quyết định; xử lý kịp thời biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khi không còn căn cứ; xử lý vật chứng, tài sản và những vấn đề pháp lý có liên quan; cập nhật dữ liệu, thống kê, báo cáo và tiếp nhận, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền. Việc bồi dưỡng phải thống nhất với Mẫu số 230 hiện hành và đề xuất Mẫu số 230A tại [Phụ lục 12], không hình thành nhận thức rằng CQCSĐT ban hành một “Quyết định MTNHS” độc lập.

Phương thức đào tạo, bồi dưỡng cần chuyển mạnh từ truyền đạt lại quy định pháp luật sang nghiên cứu hồ sơ, giải quyết tình huống và phân tích những dạng sai sót đã phát sinh trong thực tiễn. Nội dung chuyên đề nên tập trung vào các vấn đề trực tiếp được Chương 3 xác định như: phân biệt hành vi không cấu thành tội phạm với MTNHS; đánh giá các căn cứ, điều kiện có nội dung định tính; kiểm tra điều kiện của khoản 3 Điều 29

BLHS; xử lý mối quan hệ giữa quy định chung về MTNHS với quy định gắn với tội phạm cụ thể; cá biệt hóa căn cứ đối với nhiều bị can trong cùng VAHS; và xử lý trường hợp CQCSĐT với VKSND có cách đánh giá khác nhau về căn cứ, chứng cứ.

Các thông báo, báo cáo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao và kết quả kiểm tra, thanh tra trong lực lượng CAND cần được hệ thống hóa thành tình huống nghiệp vụ để Cơ quan điều tra các cấp trực tiếp nhận diện sai sót, xác định quy phạm và xây dựng phương án xử lý. Việc sử dụng tên, thông tin vụ án phải phù hợp với tính chất của nguồn tài liệu và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân; đối với tài liệu đã được cơ quan có thẩm quyền công khai thì việc trích dẫn phải bảo đảm chính xác nội dung của nguồn.

Cùng với nội dung đào tạo, cần đổi mới phương thức đánh giá kết quả bồi dưỡng. Việc tham gia khóa học, có văn bằng hoặc chứng chỉ không phản ánh đầy đủ năng lực ADPL về MTNHS đối với bị can. Kết quả cần được đánh giá thông qua bài tập hồ sơ, chất lượng báo cáo đề xuất, khả năng xác định và viện dẫn căn cứ, chất lượng lập luận pháp lý, kỹ năng xử lý tình huống và kết quả thực hiện nhiệm vụ sau bồi dưỡng. Những dạng sai sót lặp lại về chứng minh điều kiện, lựa chọn quy phạm, thẩm quyền, quyết định và thống kê cần được sử dụng để xác định nội dung phải tiếp tục bồi dưỡng và trách nhiệm của người thực hiện.

Công tác bố trí, sử dụng cán bộ phải gắn với vị trí việc làm, tính chất VAHS và yêu cầu chuyên môn. Đối với những VAHS có căn cứ MTNHS phức tạp, nhiều bị can hoặc có vấn đề pháp lý cần đánh giá chuyên sâu, cần phân công ĐTV có kinh nghiệm và xác định rõ trách nhiệm kiểm tra của lãnh đạo CQCSĐT. Điều tra viên mới được bổ nhiệm cần được hướng dẫn thông qua cơ chế kèm cặp, cùng nghiên cứu hồ sơ và trao đổi nghiệp vụ; việc đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ phải dựa vào chất lượng xử lý công việc, không chỉ dựa vào thời gian công tác hoặc hình thức luân chuyển.

Trong mô hình tổ chức CQCSĐT hiện nay, việc bồi dưỡng năng lực ADPL cần được đặt trong cơ chế phân công nhiệm vụ đã được xác lập tại Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 [6] và Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 ngày 28/6/2025 [4] của Bộ Công an. Theo Điều 6 Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC, Thủ trưởng CQCSĐT Công an cấp tỉnh có thể phân công ĐTV trung cấp hoặc ĐTV cao cấp là Trưởng, Phó Trưởng Công

an cấp xã giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố và điều tra tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn theo phạm vi luật định. Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 tiếp tục cụ thể hóa việc bố trí, thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV, CBĐT ở Công an cấp xã và việc tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm. Vì vậy, không thể hiểu việc không tổ chức CQCSĐT cấp huyện đồng nghĩa với toàn bộ hoạt động điều tra đều tập trung thực hiện tại cấp tỉnh.

Từ cơ chế này, yêu cầu bồi dưỡng đối với ĐTV, CBĐT thực hiện nhiệm vụ tại Công an cấp xã phải gắn trực tiếp với phạm vi thẩm quyền được giao. Đối với ĐTV trung cấp, ĐTV cao cấp là Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp xã được Thủ trưởng CQCSĐT Công an cấp tỉnh phân công, cần chú trọng kỹ năng giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra; thu thập, kiểm tra và đánh giá đầy đủ chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS; nhận diện đúng trường hợp đương nhiên MTNHS và trường hợp có thể được MTNHS; đồng thời thực hiện đúng chế độ báo cáo, chỉ đạo, kiểm tra của CQCSĐT Công an cấp tỉnh. Đối với CBĐT và cán bộ được giao nhiệm vụ có liên quan tại Công an cấp xã, nội dung bồi dưỡng phải bám đúng nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật và Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 xác định, tránh diễn giải mở rộng thẩm quyền ngoài quy định.

Công an cấp xã không phải là một cấp CQCSĐT độc lập; tuy nhiên, điều đó không có nghĩa ĐTV được bố trí tại Công an cấp xã không thực hiện hoạt động điều tra. Khi được Thủ trưởng CQCSĐT Công an cấp tỉnh phân công theo quy định, ĐTV trung cấp, ĐTV cao cấp là Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp xã trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tố tụng trong phạm vi được giao và chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Thủ trưởng CQCSĐT Công an cấp tỉnh. Vì vậy, giải pháp nâng cao năng lực phải hướng đến bảo đảm ĐTV thực hiện đúng phạm vi thẩm quyền, thu thập đầy đủ tài liệu ngay từ địa bàn cơ sở và kịp thời nhận diện những tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS, qua đó vừa phát huy ưu thế bám sát địa bàn, vừa bảo đảm sự chỉ đạo, kiểm soát thống nhất của CQCSĐT Công an cấp tỉnh.

4.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và hạ tầng dữ liệu là những điều kiện bảo đảm cần thiết cho hoạt động điều tra nói chung và ADPL về MTNHS đối với bị can

nói riêng. Khoản 1 Điều 62 Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm điều kiện vật chất cho hoạt động điều tra. Đồng thời, khoản 6 Điều 183 BLTTHS năm 2015 quy định:

“việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh”

Các quy định trên cho thấy điều kiện vật chất, kỹ thuật không chỉ hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ mà còn góp phần bảo đảm tính khách quan, khả năng kiểm tra và kiểm soát việc thực hiện quyền lực trong điều tra. Tuy nhiên, đây chỉ là điều kiện hỗ trợ; chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can trước hết vẫn phụ thuộc vào pháp luật, việc đánh giá chứng cứ và trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền.

Đối với ADPL về MTNHS đối với bị can, cơ sở vật chất, kỹ thuật và dữ liệu có ý nghĩa ở cả bốn giai đoạn đã xác định tại Chương 2: hỗ trợ thu thập, bảo quản, kiểm tra tài liệu, chứng cứ; tra cứu và đối chiếu quy định pháp luật; quản lý hồ sơ, kiểm tra tài liệu chứng minh từng điều kiện MTNHS; và phục vụ việc gửi, tổng đạt, thống kê, báo cáo, tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra. Vì vậy, giải pháp đầu tư phải gắn trực tiếp với những yêu cầu này, không mở rộng thành đầu tư chung cho toàn bộ hoạt động điều tra.

Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu nghiệp vụ và khả năng khai thác thông tin giữa các đơn vị còn chưa đồng đều; một số thông tin về nhân thân, hậu quả, bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải và các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS còn phân tán, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu [Phụ lục 8]; [Phụ lục 11] phản ánh nền tảng đào tạo và công nghệ thông tin của đội ngũ được thống kê nhưng không thể từ văn bằng, chứng chỉ suy ra mức độ thành thạo công nghệ hoặc chất lượng ADPL. Do đó, trọng tâm của giải pháp không phải tăng số lượng thiết bị một cách cơ học mà là nâng cao tính đồng bộ, khả năng khai thác và mức độ phục vụ trực tiếp cho ADPL.

Thứ nhất, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phải căn cứ vào vị trí việc làm, khối lượng công việc, đặc điểm địa bàn và yêu cầu của mô hình CQCSĐT hiện hành. Trong mô hình không tổ chức CQCSĐT cấp huyện, cần bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho CQCSĐT Công an cấp tỉnh và ĐTV, CBĐT được bố trí, phân công thực hiện nhiệm vụ

tại địa bàn cấp xã theo quy định, nhất là phương tiện phục vụ tiếp nhận, thu thập, bảo quản và chuyển giao tài liệu, chứng cứ. Việc phân bổ nguồn lực phải bảo đảm hoạt động tổ tụng liên tục, không để việc thay đổi mô hình tổ chức làm gián đoạn hoặc thất lạc tài liệu có ý nghĩa đối với việc xem xét MTNHS.

Thứ hai, tiếp tục chuẩn hóa các phương tiện phục vụ thu thập, ghi nhận, lưu giữ và kiểm tra chứng cứ theo quy định của BLTTHS, trong đó có hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh, thiết bị lưu trữ dữ liệu và hệ thống quản lý hồ sơ. Cùng với đầu tư thiết bị cần xác định rõ trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì, sao lưu và bảo vệ dữ liệu để bảo đảm tài liệu được thu thập, lưu giữ có tính toàn vẹn, có thể kiểm tra và sử dụng hợp pháp trong quá trình đánh giá căn cứ MTNHS.

Thứ ba, đẩy mạnh số hóa và chuẩn hóa dữ liệu hồ sơ phục vụ trực tiếp cho ADPL về MTNHS đối với bị can trong các hệ thống nghiệp vụ được kiểm soát. Hệ thống quản lý hồ sơ cần hỗ trợ theo dõi VAHS, bị can, thời hạn tổ tụng, biện pháp ngăn chặn, căn cứ pháp luật được viện dẫn, tài liệu chứng minh điều kiện MTNHS, người đề xuất, người kiểm tra, quyết định đình chỉ và kết quả kiểm sát. Việc chuẩn hóa các trường dữ liệu có ý nghĩa hỗ trợ kiểm tra, thống kê và phát hiện thông tin còn thiếu, nhưng không được biến dữ liệu hoặc tiêu chí kỹ thuật thành căn cứ tự động quyết định việc MTNHS.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế kết nối và trao đổi dữ liệu giữa CQCSĐT với VKSND và các cơ quan có liên quan trong phạm vi pháp luật cho phép. Việc chia sẻ phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, có phân quyền truy cập và bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân cũng như an ninh, an toàn hệ thống. Liên thông dữ liệu không đồng nghĩa với mở quyền tiếp cận không giới hạn hồ sơ điều tra; mỗi chủ thể chỉ được khai thác thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Trên cơ sở dữ liệu đã được chuẩn hóa, cần từng bước hình thành nguồn dữ liệu nghiệp vụ phục vụ thống kê, tổng kết và rút kinh nghiệm về đình chỉ điều tra do MTNHS. Dữ liệu sử dụng cho nghiên cứu, bồi dưỡng hoặc tổng kết phải được xử lý phù hợp với yêu cầu bảo mật và bảo vệ dữ liệu; có thể phản ánh nhóm căn cứ pháp luật, dạng sai sót, kết quả kiểm tra, kiểm sát và tình hướng nghiệp vụ điển hình. Mục đích của cơ sở dữ liệu là hỗ trợ tra cứu, đối chiếu và thống nhất nhận thức, không thay thế việc đánh giá chứng cứ và quyết định của người có thẩm quyền trong từng VAHS cụ thể.

Thứ năm, gắn đầu tư với trách nhiệm khai thác và trách nhiệm của người đứng đầu. Các đơn vị cần định kỳ đánh giá tình trạng thiết bị, chất lượng dữ liệu, khả năng sử dụng hệ thống và những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến ADPL; trên cơ sở đó xác định nhu cầu đầu tư, nâng cấp hoặc điều chỉnh phù hợp. Việc đầu tư phải đi đôi với quy trình sử dụng, đào tạo kỹ năng và kiểm tra hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp hoặc có thiết bị nhưng không khai thác được trong thực tiễn.

Như vậy, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và dữ liệu nghiệp vụ là giải pháp có tính điều kiện, đối ứng trực tiếp với nguyên nhân đã được xác định tại Chương 3. Mục tiêu không phải hiện đại hóa kỹ thuật một cách hình thức mà tạo môi trường bảo đảm để CQCSĐT thu thập, quản lý, kiểm tra và đối chiếu thông tin đầy đủ, kịp thời hơn; qua đó hỗ trợ việc xác định căn cứ, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS đúng pháp luật và có khả năng kiểm tra, giải trình.

4.2.5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Cơ chế phối hợp là điều kiện quan trọng bảo đảm sự thống nhất giữa việc thực hiện chức năng điều tra của CQCSĐT với thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND trong ADPL về MTNHS đối với bị can. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy việc trao đổi về căn cứ, điều kiện MTNHS, tài liệu cần chứng minh, lựa chọn quy phạm và xử lý những trường hợp có quan điểm khác nhau giữa CQCSĐT và VKSND vẫn có mặt chưa thống nhất [Phụ lục 8]. Vì vậy, giải pháp đặt ra không phải thiết lập thêm một cơ chế phối hợp tách rời pháp luật TTTHS, mà tiếp tục cụ thể hóa và vận hành hiệu quả các quy định phối hợp hiện hành.

Hiện nay, cơ sở pháp lý quan trọng cho cơ chế này là Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 quy định phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTTHS, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; cùng với Thông tư liên tịch số 01/2026/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 28/01/2026 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra của Bộ Công an, Cơ quan điều tra của Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của BLTTTHS [66] đây là nền tảng để tiếp tục chuẩn hóa phối hợp trong những trường hợp CQCSĐT xem xét đình chỉ điều tra do MTNHS.

Phối hợp không làm hòa nhập chức năng, thẩm quyền hoặc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng. CQCSĐT chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra và quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền; VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của hoạt động và quyết định tố tụng theo BLTTHS. Vì vậy, trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND không phải là thủ tục xin VKSND phê chuẩn quyết định đình chỉ điều tra và cũng không được sử dụng để chuyển trách nhiệm pháp lý từ chủ thể có thẩm quyền này sang chủ thể khác.

Thứ nhất, chuẩn hóa việc trao đổi giữa CQCSĐT và VKSND đối với những trường hợp cần thiết

Trong thực tiễn trước đây, việc trao đổi đã được thực hiện thông qua Công văn số 7452/C01-P2 của CQCSĐT, Công văn số 998/V14 ngày 13/12/2019 của VKSND tối cao và Công văn số 2034 ngày 11/6/2020 của CQCSĐT Bộ Công an. Các tài liệu này có giá trị nhận diện những vướng mắc nghiệp vụ đã phát sinh, nhưng việc phối hợp hiện nay cần được đặt trong khuôn khổ của BLTTHS và các Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC, số 01/2026/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP.

Không cần thiết quy định việc trao đổi bằng văn bản là một thủ tục bắt buộc đối với mọi trường hợp đình chỉ điều tra do MTNHS. Trao đổi nên tập trung vào những vụ án có căn cứ, điều kiện mang tính định tính; nhiều bị can nhưng điều kiện áp dụng khác nhau; tài liệu, chứng cứ còn có cách đánh giá khác nhau; hoặc có vướng mắc trong việc xác định căn cứ pháp luật và hình thức tố tụng. Cách tiếp cận này vừa phát huy tác dụng phòng ngừa sai sót của cơ chế phối hợp, vừa không làm phát sinh thêm thủ tục ngoài luật.

Nội dung trao đổi cần tập trung vào tài liệu chứng minh hành vi phạm tội; tài liệu chứng minh từng căn cứ, điều kiện MTNHS; quy phạm pháp luật được dự kiến áp dụng; việc phân biệt MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS và các căn cứ đình chỉ khác. Ý kiến trao đổi cần được thể hiện, lưu giữ theo quy định để phục vụ kiểm tra, kiểm sát và giải trình, nhưng người có thẩm quyền vẫn phải độc lập xem xét và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Thứ hai, gắn cơ chế phối hợp với từng giai đoạn ADPL về MTNHS đối với bị can

Giai đoạn xác định, đánh giá tình tiết của VAHS, phối hợp cần hướng đến việc bảo đảm các tài liệu có ý nghĩa đối với việc xác định hành vi phạm tội và căn cứ

MTNHS được thu thập, kiểm tra đầy đủ, khách quan; tránh chỉ chú trọng chứng cứ buộc tội hoặc chỉ tập trung vào những tình tiết có lợi cho bị can. VKSND thông qua thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra có điều kiện phát hiện yêu cầu chứng minh còn thiếu để yêu cầu CQCSĐT thực hiện theo quy định của BLTTHS.

Giai đoạn lựa chọn quy phạm, CQCSĐT và VKSND cần trao đổi khi có cách hiểu khác nhau về căn cứ, điều kiện MTNHS hoặc mối quan hệ giữa các quy định pháp luật có liên quan. Đối với các quy định về MTNHS gắn với một số tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của BLHS, việc trao đổi phải nhằm xác định đúng phạm vi và ý nghĩa của quy định đó, không hình thành một nhóm căn cứ MTNHS độc lập ngoài phạm vi pháp luật mà CQCSĐT được áp dụng. Hậu quả tố tụng trong phạm vi đề tài vẫn được thực hiện thông qua quyết định đình chỉ điều tra theo BLTTHS.

Giai đoạn ban hành quyết định, sự phối hợp cần tập trung vào việc kiểm tra tính đầy đủ của tài liệu, chứng cứ; tính chính xác của căn cứ pháp luật được viện dẫn; phạm vi đình chỉ đối với từng bị can và sự phù hợp giữa căn cứ MTNHS với căn cứ tố tụng để đình chỉ điều tra. CQCSĐT ban hành quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định; VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát quyết định theo quy định của BLTTHS. Quyết định đình chỉ điều tra của CQCSĐT không thuộc trường hợp phải được VKSND phê chuẩn.

Giai đoạn tổ chức thực hiện quyết định, phối hợp phải bảo đảm quyết định đình chỉ điều tra được gửi, tổng đạt đúng đối tượng, thời hạn; các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế được xử lý kịp thời khi không còn căn cứ; vật chứng, tài sản và các vấn đề dân sự, hành chính, kỷ luật có liên quan được giải quyết đúng quy định; đồng thời thực hiện đầy đủ việc cập nhật dữ liệu, thống kê, báo cáo và giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền. VKSND tiếp tục kiểm sát việc tổ chức thực hiện quyết định và sử dụng các quyền hạn do BLTTHS quy định khi phát hiện vi phạm; việc phối hợp ở giai đoạn này không làm thay đổi trách nhiệm của CQCSĐT đối với quyết định đã ban hành và việc tổ chức thi hành quyết định đó.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế xử lý trường hợp CQCSĐT và VKSND có quan điểm khác nhau

Sự khác nhau về đánh giá chứng cứ hoặc căn cứ MTNHS là vấn đề có thể phát sinh trong thực tiễn và đã được xác định tại Chương 3 là một yếu tố ảnh hưởng đến

ADPL, không phải tự thân là một sai phạm. Khi phát sinh khác biệt, hai cơ quan cần trao đổi trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ và quy định pháp luật; mỗi quan điểm phải chỉ rõ căn cứ pháp lý, tài liệu chứng minh và phương án xử lý. Trường hợp chưa thống nhất thì thực hiện chế độ báo cáo, chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền và quan hệ ngành dọc của từng cơ quan.

Cơ chế này phải bảo đảm không kéo dài không cần thiết việc giải quyết VAHS, không lấy yêu cầu “thống nhất liên ngành” để thay đổi căn cứ pháp luật và không sử dụng ý kiến của cơ quan phối hợp để loại trừ trách nhiệm của người trực tiếp đề xuất, kiểm tra hoặc ban hành quyết định. Qua đó, phối hợp trở thành phương thức hỗ trợ kiểm soát quyền lực và nâng cao chất lượng lập luận pháp lý, chứ không phải cơ chế thỏa thuận thay thế pháp luật.

Thứ tư, tăng cường vai trò của VKSND trong kiểm sát việc đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự

Đây là nội dung cần được nhấn mạnh riêng trong cơ chế phối hợp. VKSND không chỉ tiếp nhận quyết định đình chỉ sau khi CQCSĐT đã ban hành mà, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo BLTTHS và các văn bản phối hợp hiện hành, cần kịp thời kiểm sát việc thu thập, đánh giá tài liệu, việc xác định căn cứ, điều kiện MTNHS và tính hợp pháp của quyết định đình chỉ. Qua kiểm sát, nếu phát hiện quyết định không có căn cứ hoặc trái pháp luật thì VKSND thực hiện quyền hạn theo BLTTHS; nếu có thiếu sót, vi phạm trong quá trình điều tra thì yêu cầu khắc phục theo thẩm quyền.

Việc tăng cường vai trò của VKSND không làm thay đổi thẩm quyền quyết định của CQCSĐT mà nhằm nâng cao hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực trong TTHS. Nội dung này trực tiếp đáp ứng yêu cầu bảo đảm việc đình chỉ điều tra do MTNHS của CQCSĐT có căn cứ, đúng pháp luật và có khả năng kiểm tra, giải trình.

Thứ năm, phát huy vai trò của TAND và các cơ quan có liên quan trong hướng dẫn, tổng kết thực tiễn

Công văn số 69/TANDTC-PC ngày 19/5/2020 có giá trị tham khảo trong việc nhận diện cách hiểu pháp luật từng phát sinh trong thực tiễn. Tuy nhiên, TAND không tham gia quyết định việc đình chỉ điều tra do MTNHS trong VAHS đang ở giai đoạn điều tra. Vai trò của TAND cần được đặt đúng ở hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật thuộc thẩm quyền, tổng kết thực tiễn xét xử, giải đáp nghiệp vụ và cung cấp những kết quả có giá trị tham khảo cho việc nhận thức, áp dụng thống nhất pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, VKSND và TAND có thể phối hợp tổng kết những dạng vụ việc phát sinh cách hiểu khác nhau, nhưng việc tổng kết phải tôn trọng chức năng của từng cơ quan, không hình thành cơ chế liên ngành thay thế thẩm quyền tố tụng của CQCSĐT và VKSND. Những trường hợp điển hình được sử dụng cho hướng dẫn, bồi dưỡng phải bảo đảm yêu cầu về bí mật nhà nước, bí mật điều tra, dữ liệu cá nhân và các thông tin được pháp luật bảo vệ.

Thứ sáu, hoàn thiện phối hợp trong thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm

Cơ quan Cảnh sát điều tra và VKSND cần thống nhất phương pháp thống kê, đối chiếu các thông tin cơ bản về số VAHS, số bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS, căn cứ pháp luật, kết quả kiểm sát và những trường hợp quyết định bị hủy bỏ hoặc yêu cầu khắc phục vi phạm. Việc thống kê không chỉ nhằm tổng hợp số lượng mà phải hỗ trợ phát hiện dạng sai sót lặp lại, nhận diện vấn đề cần hướng dẫn và phục vụ kiểm tra chất lượng ADPL [Phụ lục 8].

Kết quả kiểm sát, kiểm tra và các thông báo rút kinh nghiệm cần được hệ thống hóa thành chuyên đề, tình huống nghiệp vụ và nội dung bồi dưỡng. Trọng tâm là những sai sót đã được Chương 3 xác định như chứng minh chưa đầy đủ điều kiện MTNHS, nhầm lẫn MTNHS với trường hợp hành vi không cấu thành tội phạm, viện dẫn quy phạm chưa chính xác, chưa cá biệt hóa điều kiện đối với từng bị can hoặc tổ chức thực hiện quyết định chưa đầy đủ.

Thứ bảy, thực hiện phối hợp sớm nhưng phải tuân thủ đúng căn cứ và hình thức tố tụng của pháp luật hiện hành

Ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, CQCSĐT và VKSND cần chú ý nhận diện, kiểm tra những tình tiết có thể có ý nghĩa đối với MTNHS để định hướng thu thập tài liệu đầy đủ. Tuy nhiên, đối với cơ chế chung của BLTTHS được sử dụng để đánh giá thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025, Điều 29 BLHS không phải là một căn cứ không khởi tố VAHS độc lập theo Điều 157 BLTTHS. Vì vậy, phối hợp sớm không được hiểu là hai cơ quan có thể thống nhất tạo ra một hình thức xử lý ngoài quy định của pháp luật.

Sau giai đoạn nghiên cứu chính, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Nghị quyết số 37/2026/QH16 đã thiết lập một số cơ chế đặc thù cho phép xem xét MTNHS và áp dụng các hình thức tố tụng tương ứng ở thời điểm sớm hơn trong những phạm vi, điều

kiện cụ thể. Đây là pháp luật hiện hành có phạm vi áp dụng đặc thù, phản ánh xu hướng hoàn thiện cơ chế xử lý nhưng không làm thay đổi Điều 157 BLTTHS thành một căn cứ MTNHS chung và không được sử dụng để đánh giá ngược thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025 [Phụ lục 3, Phụ lục 6].

Như vậy, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong ADPL về MTNHS đối với bị can phải dựa trên pháp luật hiện hành, đồng thời bảo đảm ba yêu cầu: phối hợp kịp thời, chức năng và thẩm quyền độc lập, trách nhiệm cá nhân rõ ràng. Thực hiện tốt cơ chế này giúp CQCSĐT và VKSND nhận diện, kiểm tra đầy đủ căn cứ, điều kiện MTNHS; hạn chế cả đình chỉ điều tra thiếu căn cứ và việc không xem xét kịp thời trường hợp đã có căn cứ luật định; qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực và bảo đảm tính thống nhất trong ADPL.

4.2.6. Tiếp tục tăng cường thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo là những cơ chế quan trọng nhằm kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước trong ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy hoạt động kiểm sát, thanh tra, kiểm tra đã góp phần phát hiện sai sót, nhưng việc theo dõi khắc phục và kiểm soát nguy cơ áp dụng MTNHS thiếu căn cứ hoặc bỏ qua trường hợp có căn cứ luật định vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện [Phụ lục 8]. Vì vậy, trọng tâm của giải pháp không phải tăng số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra mà là xác định đúng phạm vi, nội dung, phương pháp kiểm tra, trách nhiệm khắc phục và cơ chế xử lý kết quả.

Nội dung kiểm soát cần bám sát bốn giai đoạn ADPL đã được xác định tại Chương 2, gồm xác định, đánh giá tình tiết của VAHS; lựa chọn quy phạm; ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định. Đồng thời, việc kiểm soát phải được thực hiện theo hai chiều: vừa phát hiện, phòng ngừa trường hợp đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa đủ căn cứ, điều kiện; vừa kịp thời nhận diện trường hợp đã có căn cứ pháp luật nhưng chưa được xem xét hoặc xử lý phù hợp.

Thứ nhất, thực hiện thanh tra trong Công an nhân dân đúng chức năng, thẩm quyền và gắn với yêu cầu bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can

Luật Thanh tra năm 2025 và Nghị định số 273/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân [18] là cơ sở

pháp lý hiện hành để tổ chức hoạt động thanh tra trong CAND. Theo đó, hoạt động thanh tra phải tuân thủ pháp luật về thanh tra và các quy định có liên quan, tập trung vào việc chấp hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi thanh tra.

Đối với ADPL về MTNHS đối với bị can, hoạt động thanh tra cần chú ý trách nhiệm quản lý, chỉ đạo, kiểm tra; việc chấp hành các quy định về tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo và việc thực hiện yêu cầu khắc phục sau thanh tra, kiểm tra. Thanh tra trong CAND không thay thế hoạt động kiểm sát của VKSND, không thay người có thẩm quyền tố tụng đánh giá chứng cứ hoặc ban hành quyết định đình chỉ điều tra. Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm liên quan đến quyết định, hành vi tố tụng, việc xử lý phải được thực hiện theo thẩm quyền và trình tự của BLTTHS.

Thứ hai, tăng cường kiểm tra nghiệp vụ chuyên sâu đối với ADPL về MTNHS đối với bị can

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và các đơn vị có chức năng tham mưu, kiểm tra nghiệp vụ tại Công an cấp tỉnh cần đưa ADPL về MTNHS đối với bị can vào nội dung kiểm tra định kỳ hoặc chuyên đề phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Kiểm tra phải dựa trên hồ sơ TTHS và đi vào nội dung thực chất, không chỉ kiểm tra sự đầy đủ về hình thức của văn bản, tài liệu.

Giai đoạn xác định, đánh giá tình tiết của VAHS, cần kiểm tra việc thu thập, đánh giá chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội và các tài liệu liên quan đến căn cứ, điều kiện MTNHS; giai đoạn lựa chọn quy phạm, cần kiểm tra việc phân biệt MTNHS với trường hợp không có tội, hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS và các căn cứ đình chỉ khác; đồng thời phân biệt trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; giai đoạn ban hành quyết định, cần kiểm tra căn cứ pháp luật, thẩm quyền, phạm vi đình chỉ và việc cá biệt hóa đối với từng bị can; giai đoạn tổ chức thực hiện quyết định, cần kiểm tra việc gửi, tổng đạt, xử lý biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, vật chứng, tài sản, cập nhật dữ liệu, thống kê, báo cáo và các vấn đề pháp lý có liên quan.

Kết quả kiểm tra phải xác định rõ sai sót phát sinh ở giai đoạn nào, trách nhiệm của chủ thể có liên quan và biện pháp khắc phục. Sai sót về nhận thức, kỹ năng cần được sử dụng để xác định nội dung bồi dưỡng, rút kinh nghiệm; đối với quyết định,

hành vi tố tụng không có căn cứ hoặc trái pháp luật phải được xử lý theo thẩm quyền, trình tự của BLTTHS và pháp luật có liên quan.

Thứ ba, mở rộng phạm vi kiểm tra đối với cả trường hợp có căn cứ MTNHS nhưng chưa được xem xét, áp dụng

Hoạt động kiểm tra không nên chỉ tập trung vào những VAHS, bị can đã được đình chỉ điều tra do MTNHS. Nếu chỉ hậu kiểm các quyết định đã ban hành thì chủ yếu có khả năng phát hiện trường hợp áp dụng thiếu căn cứ mà chưa kiểm soát đầy đủ chiều ngược lại là trường hợp pháp luật đã đặt ra căn cứ MTNHS nhưng chưa được nhận diện hoặc xem xét đầy đủ. Vì vậy, cần mở rộng phạm vi kiểm tra đối với cả những hồ sơ có tài liệu cho thấy có căn cứ, điều kiện MTNHS nhưng vấn đề này chưa được xem xét hoặc chưa được đánh giá đầy đủ [Phụ lục 8].

Đối với trường hợp đương nhiên MTNHS, kiểm tra phải làm rõ CQCSĐT có nhận diện và áp dụng kịp thời khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định hay không, tránh biến căn cứ bắt buộc thành sự lựa chọn tùy nghi. Đối với trường hợp có thể được MTNHS, kiểm tra không nhằm buộc CQCSĐT phải đình chỉ điều tra trong mọi trường hợp có điều kiện cần thiết, mà phải xem xét người có thẩm quyền đã nhận diện đầy đủ căn cứ, đánh giá khách quan các tình tiết liên quan và giải trình được việc lựa chọn phương án xử lý hay chưa. Qua đó, hoạt động kiểm tra kiểm soát đồng thời nguy cơ áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và nguy cơ bỏ qua trường hợp pháp luật cho phép xem xét áp dụng.

Việc mở rộng phạm vi kiểm tra theo hướng này không nhằm làm tăng cơ học số vụ án, số bị can được MTNHS mà nhằm bảo đảm mọi trường hợp đều được xem xét đúng căn cứ, đúng tính chất bắt buộc hoặc tùy nghi của quy phạm, đúng thẩm quyền và có khả năng kiểm tra, giải trình.

Thứ tư, bảo đảm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến ADPL về MTNHS đối với bị can đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

Khiếu nại, tố cáo đối với quyết định, hành vi tố tụng phải được tiếp nhận và giải quyết theo các quy định của BLTTHS, không đồng nhất với cơ chế giải quyết khiếu nại hành chính thông thường. Chương XXXIII của BLTTHS quy định về khiếu nại, tố cáo trong TTHS; trong đó Điều 475 quy định thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng của ĐTV, CBĐT, Phó Thủ trưởng, Thủ trưởng CQĐT và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra phải bảo đảm người có quyền khiếu nại được nhận quyết định tố tụng theo quy định và được thực hiện quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng. Khi tiếp nhận khiếu nại liên quan đến đình chỉ điều tra do MTNHS, cơ quan có thẩm quyền cần phân định rõ nội dung khiếu nại về căn cứ đình chỉ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp ngăn chặn, vật chứng, tài sản hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan để giải quyết đúng phạm vi và thẩm quyền.

Việc giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải bảo đảm khách quan, kịp thời, đúng thẩm quyền; đồng thời thực hiện đầy đủ yêu cầu bảo vệ người tố cáo, bí mật nhà nước, bí mật điều tra và dữ liệu được pháp luật bảo vệ. Khi phát hiện dấu hiệu lạm quyền, vụ lợi hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ, tài liệu liên quan đến căn cứ MTNHS, cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định, không được lấy yêu cầu bảo mật làm lý do để bỏ qua thông tin có căn cứ.

Thứ năm, tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận và khắc phục sai sót sau thanh tra, kiểm tra

Hiệu quả của thanh tra, kiểm tra không chỉ được đánh giá ở số lượng sai sót được phát hiện mà quan trọng hơn là mức độ khắc phục và khả năng phòng ngừa tái diễn. Pháp luật hiện hành về thanh tra CAND đã đặt ra cơ chế tổ chức thực hiện, theo dõi kết luận thanh tra; vì vậy, đối với những vấn đề liên quan đến ADPL về MTNHS, cần xác định rõ nội dung phải khắc phục, cá nhân, đơn vị chịu trách nhiệm và thời hạn thực hiện, đồng thời kiểm tra lại kết quả sau khi hết thời hạn khắc phục.

Kết quả thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo cần được phân loại theo từng dạng sai sót để phục vụ theo dõi khắc phục, xác định trách nhiệm và lựa chọn nội dung kiểm tra chuyên đề tiếp theo. Những kết quả này cùng với kết quả kiểm sát, các thông báo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao và tài liệu nghiệp vụ có liên quan là nguồn thực tiễn quan trọng để tiếp tục tổng kết, rút kinh nghiệm, hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ; nội dung này được triển khai tập trung tại mục 4.2.7.

Như vậy, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ADPL về MTNHS đối với bị can phải được thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và gắn với trách nhiệm khắc phục sau kiểm tra. Điểm cần chú trọng là phạm vi kiểm soát không chỉ hướng vào những quyết định đã đình chỉ điều tra do MTNHS mà còn phải bao quát

việc nhận diện, xem xét những trường hợp có căn cứ MTNHS nhưng chưa được áp dụng. Qua đó, cơ chế kiểm soát vừa phòng ngừa việc đình chỉ thiếu căn cứ, vừa hạn chế việc bỏ sót trường hợp cần được xem xét theo chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của chủ thể ADPL.

4.2.7. Thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Tổng kết, rút kinh nghiệm là phương thức kết nối kết quả ADPL với việc thống nhất nhận thức, hướng dẫn nghiệp vụ, nâng cao năng lực của chủ thể và hoàn thiện pháp luật. Đối với MTNHS, yêu cầu này càng có ý nghĩa khi một số căn cứ, điều kiện còn mang tính định tính và việc ADPL đòi hỏi đánh giá tổng hợp chứng cứ, tính chất của hành vi, những tình tiết liên quan đến bị can, hậu quả và việc khắc phục hậu quả. Kết quả nghiên cứu tại Chương 3 cho thấy công tác báo cáo, tổng kết và rút kinh nghiệm đã được thực hiện nhưng việc chuyển hóa kết quả thành tiêu chí kiểm tra, tình huống nghiệp vụ và cơ chế phòng ngừa sai sót lặp lại còn chưa đồng đều. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện công tác này theo hướng thiết thực, thường xuyên và trực tiếp phục vụ ADPL về MTNHS đối với bị can.

Thứ nhất, tổ chức tổng kết định kỳ và tổng kết theo chuyên đề về ADPL về MTNHS đối với bị can

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và CQCSĐT Công an cấp tỉnh cần gắn nội dung ADPL về MTNHS đối với bị can với sơ kết, tổng kết công tác điều tra, đồng thời lựa chọn những vấn đề phát sinh nhiều vướng mắc để tổng kết chuyên đề. Nội dung tổng kết cần bám sát bốn giai đoạn ADPL, gồm xác định, đánh giá tình tiết của VAHS; lựa chọn quy phạm; ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định. Trong đó, cần chú trọng những vấn đề như xác định căn cứ, điều kiện mang tính định tính tại Điều 29 BLHS; phân biệt trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; xử lý vụ án có nhiều bị can nhưng điều kiện áp dụng khác nhau; đánh giá việc bồi thường, khắc phục hậu quả, hòa giải, hợp tác; xác định đúng căn cứ pháp luật và tổ chức thực hiện quyết định đình chỉ điều tra.

Việc tổng kết phải dựa trên hồ sơ, quyết định, kết quả kiểm sát, kiểm tra và tài liệu thực tiễn cụ thể, không lấy sự tăng hoặc giảm số vụ án, số bị can được MTNHS làm tiêu chí trực tiếp đánh giá chất lượng ADPL. Vấn đề cần làm rõ là căn cứ, điều

kiện luật định có được nhận diện và chứng minh đầy đủ hay không; quy phạm được lựa chọn có chính xác hay không; quyết định có đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và được tổ chức thực hiện đầy đủ hay không. Đồng thời, việc tổng kết cần xem xét cả trường hợp đã đình chỉ điều tra do MTNHS và trường hợp hồ sơ xuất hiện căn cứ, điều kiện MTNHS nhưng chưa được nhận diện, xem xét hoặc đánh giá đầy đủ.

Thứ hai, khai thác có hệ thống các thông báo rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và kết quả kiểm sát có liên quan

Các Thông báo rút kinh nghiệm của VKSND tối cao gồm: Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023, Thông báo số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024 và Thông báo số 309/TB-VKSTC ngày 19/11/2025, Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026 về rút kinh nghiệm trong công tác báo cáo, xác định căn cứ và áp dụng Điều 29 BLHS, trong đó lưu ý một số trường hợp đình chỉ do MTNHS [Phụ lục 6] các thông báo này phản ánh những vấn đề phát sinh trong thực tiễn xác định căn cứ, kiểm tra, quản lý, báo cáo và đình chỉ điều tra do MTNHS, là nguồn tài liệu thực tiễn quan trọng để CQCSĐT nghiên cứu, đối chiếu và rút kinh nghiệm, nhưng không phải là căn cứ pháp lý trực tiếp để xác định căn cứ MTNHS hoặc ban hành quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can. Trong đó, Thông báo số 66/TB-VKSTC được ban hành sau giai đoạn nghiên cứu chính của luận án nên được sử dụng để cập nhật yêu cầu nghiệp vụ hiện nay, không dùng để đánh giá ngược thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Việc khai thác các thông báo rút kinh nghiệm không nên dừng ở phổ biến nội dung văn bản mà cần phân loại theo từng dạng vấn đề và từng giai đoạn ADPL. Qua đó, những sai sót về thu thập, đánh giá chứng cứ; xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn và viện dẫn quy phạm; cá biệt hóa đối với từng bị can; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định cần được chuyển hóa thành tình huống nghiệp vụ, bảng kiểm và nội dung bồi dưỡng. Đối với những vấn đề đã được nhắc lại qua nhiều thông báo nhưng vẫn tiếp tục phát sinh, cần xác định nguyên nhân thuộc quy định pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, năng lực của chủ thể hay tổ chức thực hiện để lựa chọn giải pháp phù hợp.

Thứ ba, chuẩn hóa công tác thống kê, báo cáo phục vụ tổng kết và rút kinh nghiệm

Hệ thống thống kê, báo cáo cần phản ánh chính xác số VAHS, số bị can được đình chỉ điều tra do MTNHS; căn cứ pháp luật trực tiếp được áp dụng; tính chất đương

nhiên hoặc tùy nghi của căn cứ; loại quyết định tố tụng; kết quả kiểm sát; những trường hợp quyết định bị hủy bỏ, thay đổi hoặc phát hiện sai sót và kết quả khắc phục. Các chỉ tiêu phải được giải thích và áp dụng thống nhất để hạn chế chênh lệch giữa các đơn vị, đồng thời phân biệt rõ số vụ án với số bị can và tránh thống kê trùng một trường hợp theo nhiều tiêu chí khác nhau.

Công tác thống kê không nên mở rộng dần trải sang những thông tin về nhân thân không có ý nghĩa trực tiếp đối với việc đánh giá ADPL. Dữ liệu phục vụ tổng kết phải được thu thập đúng mục đích, bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật điều tra và bảo vệ dữ liệu cá nhân; khi công khai phục vụ nghiên cứu cần ưu tiên số liệu tổng hợp và cơ cấu tỷ lệ. Việc chuẩn hóa thống kê không chỉ nhằm tạo ra số liệu chính xác mà còn phải hỗ trợ nhận diện những dạng sai sót lặp lại, xu hướng áp dụng khác nhau và vấn đề cần tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra.

Thứ tư, xây dựng ngân hàng tình huống và cơ chế theo dõi việc thực hiện nội dung rút kinh nghiệm

Cơ quan Cảnh sát điều tra cần lựa chọn có hệ thống các trường hợp áp dụng đúng, trường hợp có sai sót và trường hợp phát sinh nhiều cách hiểu để xây dựng ngân hàng tình huống nghiệp vụ. Mỗi trường hợp cần được hệ thống theo các nội dung cơ bản gồm sự kiện pháp lý; tài liệu, chứng cứ; căn cứ và điều kiện MTNHS; quy phạm được lựa chọn; thẩm quyền, hình thức quyết định; kết quả kiểm sát; sai sót hoặc vấn đề pháp lý cần rút kinh nghiệm. Thông tin nhận dạng bị can, bị hại và người có liên quan phải được ẩn danh và xử lý phù hợp với yêu cầu bảo vệ bí mật điều tra, bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân.

Các trường hợp được lựa chọn chỉ có giá trị rút kinh nghiệm định tính, không được sử dụng để suy rộng thành tỷ lệ sai sót của toàn bộ CQCSĐT. Sau khi ban hành thông báo hoặc tổ chức rút kinh nghiệm, đơn vị có trách nhiệm cần theo dõi việc tiếp thu, khắc phục và kiểm tra lại đối với những dạng sai sót đã được chỉ ra. Cơ chế này giúp kết quả tổng kết không dừng ở việc mô tả lại vụ án hoặc phổ biến văn bản mà được chuyển hóa thành thay đổi cụ thể trong nhận thức, kỹ năng và phương pháp ADPL.

Thứ năm, gắn kết quả tổng kết, rút kinh nghiệm với hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng và hoàn thiện pháp luật

Kết quả tổng kết phải được phân loại theo đúng nguyên nhân của vấn đề. Đối với vướng mắc xuất phát từ quy định pháp luật chưa rõ, chưa thống nhất hoặc thiếu cơ chế

TTHS tương ứng, cần tổng hợp để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành hướng dẫn theo thẩm quyền. Đối với hạn chế xuất phát từ nhận thức, kỹ năng, phối hợp hoặc tổ chức thực hiện, giải pháp phải tập trung vào hướng dẫn nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên sâu, chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu, dữ liệu và xác định trách nhiệm của chủ thể có liên quan. Không nên chuyển mọi sai sót thực tiễn thành kiến nghị sửa đổi pháp luật khi nguyên nhân chủ yếu thuộc về tổ chức thi hành hoặc năng lực ADPL.

Kết quả tổng kết cũng cần được chia sẻ có chọn lọc giữa CQCSĐT, VKSND và TAND thông qua hội nghị chuyên đề, thông báo rút kinh nghiệm, tài liệu nghiệp vụ và hoạt động bồi dưỡng phù hợp với chức năng, thẩm quyền của từng cơ quan. Việc chia sẻ nhằm làm rõ những cách hiểu khác nhau, thống nhất phương pháp nhận diện và xử lý vấn đề pháp lý, nhưng không làm thay đổi thẩm quyền độc lập của từng cơ quan và không được sử dụng để hợp thức hóa cách áp dụng không phù hợp với pháp luật.

Như vậy, thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm là cơ chế phản hồi từ thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can. Khi được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, số liệu chuẩn hóa, các thông báo rút kinh nghiệm, kết quả kiểm sát, kiểm tra và trách nhiệm khắc phục cụ thể, công tác này sẽ góp phần hạn chế sai sót lặp lại, thống nhất nhận thức, nâng cao kỹ năng của chủ thể ADPL và cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật về MTNHS.

4.2.8. Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam

Hợp tác quốc tế và nghiên cứu pháp luật nước ngoài không phải là căn cứ trực tiếp để CQCSĐT quyết định đình chỉ điều tra do MTNHS trong một VAHS cụ thể, nhưng có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và phát triển phương pháp ADPL. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế. Đối với lĩnh vực nghiên cứu của luận án, định hướng này cần được thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, gắn với những vấn đề thực tiễn đã được nhận diện tại Chương 3 và không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kinh nghiệm quốc tế chỉ có giá trị tham khảo, đối chiếu và gợi mở những giải pháp phù hợp; không thay thế pháp luật Việt Nam và không được tiếp thu máy móc

những mô hình hình thành trong điều kiện chính trị, pháp lý và tổ chức khác biệt. Việc nghiên cứu, tiếp thu phải hướng trực tiếp đến yêu cầu nâng cao chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu có hệ thống pháp luật và thực tiễn nước ngoài đã được khảo cứu trong luận án

Việc nghiên cứu cần tiếp tục tập trung vào Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan là nhóm quốc gia được phân tích trọng tâm tại Chương 2; đồng thời sử dụng kinh nghiệm của Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome để đối chiếu, làm rõ ranh giới giữa MTNHS với các chế định pháp lý có liên quan. Nội dung so sánh cần tập trung vào bản chất pháp lý của MTNHS; hệ thống căn cứ; thẩm quyền và hình thức chấm dứt việc truy cứu TNHS ở giai đoạn trước xét xử; cơ chế kiểm sát; quyền của bị hại; hậu quả pháp lý; trách nhiệm giải trình và phương thức lưu giữ, thống kê thông tin.

Nghiên cứu so sánh không nên dừng ở mô tả quy định hoặc xác định mô hình của một quốc gia là ưu việt hơn. Mỗi kinh nghiệm cần được xem xét trong điều kiện vận hành cụ thể, chỉ ra nội dung có khả năng tham khảo và giới hạn của việc tiếp thu, trên cơ sở bảo đảm sự tương thích với Hiến pháp, BLHS, BLTTHS, mô hình CQCSĐT, cơ chế kiểm sát của VKSND và yêu cầu bảo vệ quyền con người trong TTHS ở Việt Nam.

Thứ hai, tăng cường trao đổi chuyên môn, nghiên cứu và đào tạo về pháp luật có liên quan đến miễn trách nhiệm hình sự

Bộ Công an và các cơ quan, đơn vị có liên quan có thể phối hợp với VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Tư pháp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong nước và đối tác nước ngoài để tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu so sánh và trao đổi chuyên gia về những vấn đề trực tiếp liên quan đến MTNHS. Nội dung trao đổi cần tập trung vào tiêu chí đánh giá các căn cứ có tính định tính, trách nhiệm lập luận khi chấm dứt việc truy cứu TNHS, cơ chế kiểm tra, kiểm sát, bảo đảm quyền của người bị buộc tội và bị hại, cũng như phương thức thống kê và quản lý dữ liệu thực tiễn.

Công tác này cần gắn với xây dựng đội ngũ có khả năng nghiên cứu pháp luật nước ngoài, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành và khai thác nguồn tài liệu chính thức. Kết quả nghiên cứu phải được kiểm chứng, hệ thống hóa và chuyển thành tài liệu tham

khảo phục vụ xây dựng pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ và bồi dưỡng chuyên sâu; tránh sử dụng nguồn thứ cấp chưa được kiểm chứng hoặc lấy một quy định riêng lẻ để đại diện cho toàn bộ hệ thống pháp luật của một quốc gia.

Thứ ba, lựa chọn những kinh nghiệm có khả năng chuyển hóa phù hợp với pháp luật và thực tiễn Việt Nam

Những nội dung có thể tiếp tục nghiên cứu để tham khảo gồm phương pháp phân định rõ các căn cứ MTNHS và các chế định gần gũi; yêu cầu thể hiện lập luận trong quyết định chấm dứt tố tụng; cơ chế kiểm tra, kiểm sát và trách nhiệm giải trình; phương thức thống kê, phân loại, ẩn danh dữ liệu; xây dựng tình huống nghiệp vụ; bảo đảm quyền được thông báo, khiếu nại của người bị buộc tội và quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Đây là những nội dung có khả năng hỗ trợ trực tiếp cho các hạn chế đã được nhận diện tại Chương 3.

Việc chuyển hóa kinh nghiệm nước ngoài phải được thực hiện thông qua sửa đổi, bổ sung pháp luật, ban hành hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc hoàn thiện quy trình nghiệp vụ trong nước. Không được áp dụng trực tiếp một thủ tục, hình thức quyết định hoặc biện pháp quản lý của nước ngoài khi pháp luật Việt Nam chưa quy định. Đặc biệt, không nên tiếp thu những cơ chế làm phát sinh hạn chế quyền hoặc nghĩa vụ mới đối với người đã được MTNHS nếu chưa có căn cứ pháp luật tương ứng.

Thứ tư, gắn hợp tác quốc tế với việc giải quyết những VAHS có yếu tố nước ngoài

Trong những VAHS có bị can, bị hại, tài sản, dữ liệu hoặc hành vi liên quan đến nước ngoài, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần thực hiện việc tương trợ tư pháp, trao đổi thông tin và thu thập chứng cứ theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các cơ chế hợp tác có liên quan. Tài liệu về bồi thường, khắc phục hậu quả, hoàn trả tài sản, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền hoặc những tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét MTNHS chỉ được sử dụng sau khi được thu thập hợp pháp, kiểm tra và đánh giá theo quy định của BLTTHS Việt Nam.

Hợp tác quốc tế trong trường hợp này nhằm bảo đảm nguồn chứng cứ được thu thập đầy đủ và hợp pháp, không phải là căn cứ để hạ thấp yêu cầu chứng minh hoặc mặc nhiên MTNHS chỉ vì người thực hiện hành vi đã hợp tác với cơ quan nước ngoài. Việc xác định có căn cứ MTNHS hay không và ban hành quyết định tố tụng vẫn phải căn cứ vào pháp luật Việt Nam và thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam.

Thứ năm, bảo đảm tiếp thu có chọn lọc và phù hợp với điều kiện của Việt Nam

Việc tiếp thu kinh nghiệm quốc tế phải đặt chính sách nhân đạo, khoan hồng trong mối quan hệ với nguyên tắc pháp chế, bình đẳng trước pháp luật, bảo vệ quyền con người và kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Kinh nghiệm được lựa chọn phải góp phần làm rõ căn cứ, điều kiện, nâng cao trách nhiệm giải trình, hạn chế khả năng áp dụng tùy nghi không có cơ sở và hỗ trợ nhận diện đầy đủ trường hợp có căn cứ MTNHS; không hướng đến mục tiêu làm tăng hoặc giảm cơ học số VAHS, số bị can được MTNHS.

Các dự thảo pháp luật năm 2026 có liên quan chỉ được sử dụng để nhận diện xu hướng lập pháp và đối chiếu với kinh nghiệm nước ngoài, không phải là căn cứ pháp luật hiện hành để đánh giá thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Đối với những cơ chế đặc thù đã được pháp luật năm 2026 chính thức ghi nhận sau giai đoạn nghiên cứu chính, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cũng phải đặt trong đúng phạm vi, điều kiện và thời điểm có hiệu lực của từng văn bản, không sử dụng để đánh giá ngược tính hợp pháp của việc ADPL trong giai đoạn khảo sát.

Như vậy, tăng cường hợp tác quốc tế trong ADPL về MTNHS đối với bị can cần được thực hiện có trọng tâm, gắn trực tiếp với nhu cầu hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực chủ thể và chất lượng tổ chức thực hiện ở Việt Nam. Kinh nghiệm của Liên bang Nga, Kazakhstan và Tajikistan là nguồn tham khảo trọng tâm; kinh nghiệm của Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome có giá trị bổ trợ trong việc kiểm tra ranh giới giữa các chế định có liên quan. Giá trị của nghiên cứu so sánh chỉ được thể hiện khi những nội dung phù hợp được chuyển hóa thành tiêu chí, quy trình, hướng dẫn, phương thức kiểm tra, thống kê và bồi dưỡng nghiệp vụ trên cơ sở tôn trọng đặc điểm của hệ thống pháp luật và mô hình CQCSĐT Việt Nam.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận tại Chương 2 và những hạn chế, nguyên nhân đã được xác định tại Chương 3, Chương 4 đã xây dựng hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam đúng pháp luật, có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thống nhất và có khả năng kiểm soát. Các quan điểm được xác lập trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp chế, bảo vệ quyền con người, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, đồng thời gắn chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Trên nền tảng đó, hệ thống giải pháp được xây dựng theo hướng đồng bộ nhưng có trọng tâm, tập trung vào tiếp tục hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất; bảo đảm tổ chức, phân công và kiểm tra trong CQCSĐT phù hợp với mô hình tổ chức hiện hành; nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng nghiệp vụ của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT trong ADPL về MTNHS đối với bị can; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, dữ liệu nghiệp vụ và chuyển đổi số; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra; nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm và tăng cường hợp tác quốc tế có chọn lọc.

Các giải pháp được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với bốn giai đoạn ADPL, từ xác định, đánh giá tình tiết của VAHS; lựa chọn quy phạm; ban hành quyết định đến tổ chức thực hiện quyết định. Trong đó, yêu cầu kiểm soát được thực hiện theo hai chiều: vừa phòng ngừa việc đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa đủ căn cứ, điều kiện, vừa bảo đảm nhận diện và xem xét kịp thời những trường hợp pháp luật quy định đương nhiên MTNHS. Vì vậy, mục tiêu của các giải pháp không phải làm tăng hoặc giảm cơ học số VAHS, số bị can được MTNHS mà là bảo đảm ADPL đúng, đầy đủ, kịp thời, có căn cứ và có thể kiểm tra, giải trình.

Đối với những vấn đề có thể thực hiện trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, cần ưu tiên hướng dẫn nghiệp vụ, phối hợp, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, bồi dưỡng

chuyên sâu, chuẩn hóa biểu mẫu, dữ liệu, thống kê và tổng kết thực tiễn. Đối với những vấn đề thuộc về sự chưa đầy đủ, chưa thống nhất của pháp luật hình sự và pháp luật TTHS, việc sửa đổi, bổ sung cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật. Qua đó, hệ thống quan điểm và giải pháp tại Chương 4 tạo sự liên kết với những vấn đề đã được luận giải tại Chương 2 và những hạn chế, nguyên nhân đã xác định tại Chương 3, góp phần nâng cao chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Luận án “*ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam*” được thực hiện trong bối cảnh tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, hoàn thiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng và tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của ADPL về MTNHS đối với bị can trong giai đoạn điều tra, qua đó hướng tới bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án đã xây dựng và làm rõ khung lý luận về ADPL đối với các trường hợp MTNHS thuộc phạm vi đề tài. ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được xác định là một hình thức thực hiện pháp luật mang tính quyền lực nhà nước, do chủ thể có thẩm quyền tiến hành thông qua bốn giai đoạn: xác định, đánh giá tình tiết của VAHS; lựa chọn quy phạm pháp luật; ban hành quyết định và tổ chức thực hiện quyết định. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, hậu quả tố tụng của việc ADPL về MTNHS đối với bị can được thể hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra theo thẩm quyền của CQCSĐT và chịu sự kiểm sát của VKSND theo quy định của BLTTHS. Luận án đồng thời phân biệt MTNHS với trường hợp không có tội, hành vi không cấu thành tội phạm, loại trừ TNHS và miễn hình phạt; phân định trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS. Đối với tội đưa hối lộ, khoản 7 Điều 364 là căn cứ trực tiếp, đặc thù, còn Điều 29 BLHS là cơ sở chung của chế định MTNHS.

Trên phương diện thực tiễn, luận án đã đánh giá ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025; số liệu 6 tháng đầu năm 2026 chỉ được sử dụng để cập nhật xu hướng. Kết quả nghiên cứu cho thấy ADPL về MTNHS đối với bị can đã góp phần thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng, cá biệt hóa TNHS và bảo vệ quyền của bị can. Số VAHS và bị can được MTNHS có xu hướng giảm xét trên toàn giai đoạn nghiên cứu, nhưng sự tăng hoặc giảm về số lượng không tự thân phản ánh chất lượng ADPL. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là từng trường hợp phải được nhận diện, đánh giá và xử lý đúng căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có khả năng kiểm tra, giải trình.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn vẫn còn hạn chế trong xác định, chứng minh căn cứ và điều kiện MTNHS; lựa chọn, viện dẫn quy phạm; phân biệt các trường hợp đương nhiên MTNHS với trường hợp có thể được MTNHS; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định; phối hợp, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra, thống kê và tổng kết thực tiễn. Những hạn chế này làm phát sinh hai nguy cơ cần được kiểm soát đồng thời: đình chỉ điều tra do MTNHS khi chưa đủ căn cứ, điều kiện và chưa kịp thời nhận diện, xem xét trường hợp có căn cứ MTNHS theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân xuất phát từ cả quy định pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức thực hiện, cơ chế phối hợp, kiểm soát, điều kiện dữ liệu, cơ sở vật chất và sự chưa đồng đều về kinh nghiệm, kỹ năng chuyên sâu của một bộ phận chủ thể ADPL.

Từ kết quả nghiên cứu, luận án đã xây dựng hệ thống quan điểm và giải pháp theo hướng đồng bộ, gắn trực tiếp với những hạn chế và nguyên nhân đã xác định. Các giải pháp tập trung vào tiếp tục hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng; bảo đảm tổ chức, phân công và kiểm tra trong CQCSĐT phù hợp với mô hình tổ chức hiện hành; nâng cao năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT; tăng cường cơ sở vật chất, dữ liệu nghiệp vụ và chuyển đổi số; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND và tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong kiểm sát tính có căn cứ, hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra; nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế. Trong cơ chế chung của BLTTHS, Điều 29 BLHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS độc lập theo Điều 157 BLTTHS; các cơ chế đặc thù được pháp luật năm 2026 ghi nhận sau giai đoạn nghiên cứu chính chỉ được sử dụng để cập nhật pháp luật và nhận diện xu hướng mới, không dùng để đánh giá ngược thực trạng giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Các giải pháp của luận án không nhằm làm tăng hoặc giảm cơ học số VAHS, số bị can được MTNHS, mà hướng đến bảo đảm ADPL đúng, đầy đủ, kịp thời, có căn cứ và có thể kiểm soát. Qua đó, việc thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng được đặt trong mối quan hệ thống nhất với yêu cầu pháp chế, kiểm soát quyền lực, bảo vệ quyền con người, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm, góp phần nâng cao chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

* Tạp chí trong nước

1. Lê Trọng An (6/2024), “*Miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 2015 - thực tiễn áp dụng và một số vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 341, ISSN: 2354 - 0761
2. Lê Trọng An (10/2024), “*Miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 345, ISSN: 2354 - 0761
3. Lê Trọng An (02/2025), “*Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 349, ISSN: 2354 - 0761
4. Lê Trọng An (5/2025), “*Vai trò của việc áp dụng quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự với bị can trong hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 5, ISSN: 2354 - 0761
5. Lê Trọng An (5/2025), “*Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số 5, ISSN: 1859 - 3917
6. Lê Trọng An (6/2025), “*Miễn trách nhiệm hình sự với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra và một số đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả*”, Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy, số 6, ISSN: 1859 - 4719
7. Lê Trọng An (6/2025), “*Giải pháp nâng cao hiệu lực thực thi chế định miễn trách nhiệm hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số 6, ISSN: 1859 - 3917.

* Tạp chí quốc tế

8. Le Trong An (2024), Tạp chí Luật và pháp luật (Lên Bang Nga - ЗАКОН И ПРАВО) LAW & LEGISLATION số tháng 4/2024 “Институт освобождения от уголовной ответственности, установленный в статье 29 Уголовного кодекса Социалистической Республики Вьетнам 2015 года (с изменениями и дополнениями 2017 года)”, Dịch: “Chế định miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017” ISSN: 2073 - 3313
9. Le Trong An (2024), Tạp chí Luật và pháp luật (Lên Bang Nga - ЗАКОН И ПРАВО) LAW & LEGISLATION số tháng 12/2024 “Освобождение от уголовной ответственности несовершеннолетних в соответствии с законодательством Вьетнама”, Dịch: “Chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam” ISSN: 2073 - 3313

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Bí thư (2020), *Hướng dẫn số 04-HD/TW ngày 09/12/2020 về thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2020), *Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2, ngày 11/6/2020 “Hướng dẫn về trình tự, thủ tục áp dụng khoản 3, Điều 29, Bộ luật hình sự năm 2015”*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2024), *Bản kết luận điều tra Cơ quan điều tra Bộ Công an trong đại án Vạn Thịnh Phát*, tại trang <https://plo.vn/mot-ca-nhan-duoc-mien-trach-nhiem-hinh-su-toi-dua-hoi-lo-vu-van-thinh-phat-post767726.html>, [truy cập ngày 18/12/2024].
4. Bộ Công an (2025), *Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 ngày 28/6/2025 về việc bố trí, thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên, Cán bộ điều tra ở Công an cấp xã và việc tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm*, Hà Nội.
5. Bộ Công an, *Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật (2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 6/2026)*; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo thống kê án hình sự toàn quốc năm (2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 6/2026)*; Chính phủ, *Báo cáo về kết quả công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật (2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 6/2026)*, Hà Nội.
6. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2025), *Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 quy định phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*, Hà Nội.

8. Bộ Chính trị (2020), *Kết luận số 84-KL/TW ngày 29-7-2020 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 13-KL/TW ngày 16-8-2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22-10-2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
10. Bộ Chính trị (2026), *Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-09-kl-tw-ngay-10-3-2026-cua-bo-chinh-tri-ve-hoan-thien-cau-truc-he-thong-phap-luat-viet-nam-dap-ung-yeu-cau-.html>, [truy cập 26/7/2026].
11. Mai Bộ, Vũ Cao Nguyên (2024), *Đình chỉ vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, ngày 19/9/2024, <https://tapchitoaan.vn/viec-dinh-chi-vu-an-hinh-su-theo-quy-dinh-cua-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-201511954.html> [truy cập 15/9/2025]
12. Lê Cẩm (Chủ biên) (2018), *Pháp luật hình sự Việt Nam từ thế kỷ X đến nay: Lịch sử và thực tại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Công an tỉnh Phú Thọ (2018), *Bản kết luận điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ*, tại trang <https://dantri.com.vn/phap-luat/vu-danh-bac-nghin-ty-vi-sao-nguyen-van-duong-khong-bi-truy-to-toi-dua-hoi-lo-20180905070600533.htm>, [truy cập ngày 10/12/2024].
14. Công an tỉnh Đồng Nai (2022), *Bản kết luận điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai, ngày 20/1/2022*, tại trang <https://tienphong.vn/duong-day-buon-lau-204-trieu-lit-xang-vi-sao-khong-xu-ly-hinh-su-toi-dua-hoi-lo-post1454338.tpo>, [truy cập ngày 15/2/2025].
15. Công an tỉnh Tây Ninh (2025), *Đẩy mạnh việc xây dựng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, tại trang <https://congan.tayninh.gov.vn/vi/chi-tiet-tin-tuc?Id=81936>, [truy cập 10/9/2025].
16. Cục Đào tạo - Bộ Công an (2021), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Lao động, Hà Nội.

17. Đỗ Văn Chiến (2025), *Áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án có bị can là người dưới 18 tuổi của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện ở vùng Tây Bắc, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
18. Chính phủ (2025), *Nghị định số 273/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân*, Hà Nội.
19. Hoàng Đình Duyên (2019), *Áp dụng không thống nhất về miễn trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 3, Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án số 4/2019, tại trang <https://tapchitoaan.vn/ap-dung-khong-thong-nhat-ve-mien-trach-nhiem-hinh-su-quy-dinh-tai-khoan-3-dieu-29-blhs-2015>, [truy cập ngày 18/12/2023].
20. Lê Văn Đông (2023), *Áp dụng pháp luật về phòng, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm trong giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Vũ Công Giao (2022), *Nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 4 (452), tr.3-10, Hà Nội.
22. Trần Thị Thu Hiền (2021), *Bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*. Nxb Tư pháp, Hà Nội.
23. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (phần chung)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
24. Lê Huy Hoàng (2025), *Áp dụng pháp luật trong điều tra các vụ án ma túy của lực lượng Công an các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
25. Học viện Chính trị khu vực II (2025), *Giải pháp tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Hội thảo khoa học, tại trang https://hcma2.hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx/View_Detail.aspx?ItemID=3804, [truy cập ngày 29/7/2026].

26. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Nhà nước và pháp luật Việt Nam (Dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
27. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Tổng kết kết quả thực hiện Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025 và định hướng Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2026-2030*, tại trang <https://hcma.vn/tong-ket-ket-qua-thuc-hien-chuong-trinh-nghien-cuu-khoa-hoc-ly-luan-chinh-tri-giai-doan-20212025-va-dinh-huong-chuong-trinh-nghien-cuu-khoa-hoc-ly-luan-chinh-tri-giai-doan-20262030-20502.htm>, [truy cập ngày 29/7/2026]
28. Triệu Hồ (2024), “Năm 2024 số lượng tội phạm tăng cao và diễn biến phức tạp”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, tại trang <https://tapchitoaan.vn/nam-2024-so-luong-toi-pham-tang-cao-va-dien-bien-phuc-tap12472.html>, [truy cập ngày 18/12/2025].
29. Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
30. Phạm Mạnh Hùng (2005), *Chế định trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
31. Nguyễn Văn Lam (2018), *Chế định miễn trách nhiệm hình sự*, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày 10/12/2018, tại trang <https://tapchitoaan.vn/index.php/che-dinh-mien-trach-nhiem-hinh-su>, [truy cập ngày 18/12/2023].
32. Tô Lâm (2022), *Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Tô Lâm (2023), *Xây dựng văn hóa ứng xử cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Tô Lâm (2024), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

35. Vũ Trọng Lâm (2024), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Hoàng Nga, Hồng Nhân (2019), *Bàn về chế định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, ngày 07/11/2019, tại trang <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-che-dinh-dinh-chi-mien-trach-nhiem-hinh-su-theo-quy-dinh-cua-phap-luat> [truy cập 15/9/2025]
37. Lê Đình Nghĩa (2022), *Bàn về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015*, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 2, tại trang <https://lsvn.vn/ban-ve-cac-truong-hop-mien-trach-nhiem-hinh-su-quy-dinh-tai-dieu-29-blhs-nam-20151645454295.html>, [truy cập ngày 18/11/2024].
38. Nguyễn Tiên Phương (2023), *Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 335(2023), Hà Nội.
39. Nguyễn Tiên Phương (2024), *Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm An ninh quốc gia của Cơ quan An ninh điều tra*, Bộ Công an Việt Nam, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
40. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1988), *Bộ luật Tổ tụng hình sự 1988*, Hà Nội.
41. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
42. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025*, Hà Nội.
43. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025*, Hà Nội.
44. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021*, Hà Nội.
45. Trần Thị Quỳnh (2020), *Miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

46. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
47. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập I (1945-1974), Hà Nội.
48. Nguyễn Văn Tuấn (2020), *Pháp luật tố tụng hình sự với việc bảo vệ quyền con người*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
49. Lê Văn Thanh, Trần Công Tuấn Anh (2024), *Bàn về quy định miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự*, Kiểm sát Online, tại trang: <https://kiemsat.vn/ban-ve-quy-dinh-mien-trach-nhiem-hinh-su-theo-khoan-3-dieu-29-bo-luat-hinh-su-68925.html>, [truy cập ngày 10/10/2025].
50. Trương Hữu Thành (2019), *Nghiên cứu áp dụng tư pháp miễn hình phạt*, Luận án tiến sĩ Luật, Đại học Trưng Tân, Trung Quốc.
51. Hồ Ngọc Thảo (2019), *Cần hướng dẫn về miễn trách nhiệm hình sự tại khoản 3, Điều 29, BLHS 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân, tại trang <https://tapchitoaan.vn/can-huong-dan-ve-mien-trach-nhiem-hinh-su-tai-khoan-3-dieu-29-blhs-2015>, [truy cập ngày 17/7/2025].
52. Dương Văn Thăng (2017), *Áp dụng pháp luật trong xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Tòa án Quân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
53. Tăng Thị Thu Trang (2023), “Thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo vệ kỷ cương xã hội trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ISSN 2734.
54. Tăng Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Hồng Thúy (2024), *Hoàn thiện pháp luật về xác minh tài sản, thu nhập trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát, số 19, tr.3-10, tại trang <https://kiemsat.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-xac-minh-tai-san-thu-nhap-trong-phong-chong-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-70949.html>, [truy cập ngày 28/9/2025].
55. Trần Hữu Tráng (2021), *Bàn về cơ sở của trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 6 (53), tr.3-9, tại trang <https://vjol.info.vn/index.php/tks/article/download/67546/57109/>, [truy cập ngày 28/4/2025].

56. Trường Đại học An ninh nhân dân (2023), *Bộ Công an tổ chức Hội thảo khoa học - Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo trong CAND đến năm 2030 đáp ứng mục tiêu xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, tại trang <https://dhannd.bocongan.gov.vn/bo-cong-an-to-chuc-hoi-thao-khoa-hoc-nang-cao-chat-luong-giao-duc-dao-tao-trong-cand-den-nam-2030-dap-ung-muc-tieu-xay-dung-luc-luong-cand-that-su-trong-sach-vung-manh-chinh-quy-tinh-nhue-hien-dai-a-2762>, [truy cập ngày 04/4/2025]
57. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Đào Trí Úc, Hoàng Thị Kim Quế (2023), *Giáo trình đại cương về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
59. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (2020), *Thông báo số 236/TB-VKS-P1 ngày 25/11/2020 về việc kiểm sát đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015*, Bình Phước.
60. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2022), *Thông báo Kết luận điều tra vụ án hình sự trong trường hợp đình chỉ điều tra số 19/BKL-ĐTĐC ngày 10/11/2022 về việc kiểm sát đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015*, Thanh Hóa.
61. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2023), *Thông báo Kết luận điều tra vụ án hình sự trong trường hợp đình chỉ điều tra số 02/BKL-ĐCĐT ngày 12/01/2023 về việc kiểm sát đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015*, Thanh Hóa.
62. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/06/2023 về việc kiểm sát đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015*, Hà Nội.
63. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024), *Thông báo số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024 về việc rút kinh nghiệm trong kiểm sát đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015*, Hà Nội.
64. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2025), *Thông báo số 309/TB-VKSTC ngày 19/11/2025 về việc rút kinh nghiệm về công tác quản lý kiểm tra và báo cáo đánh*

giá việc đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 29 BLHS năm 2015, Hà Nội.

65. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2026), *Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026 về công tác quản lý, kiểm tra và báo cáo đánh giá việc đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 29 Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
66. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2026), *Thông tư liên tịch số 01/2026/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 28/01/2026 quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội, tại trang <https://chinhphu.vn/?classid=1&docid=216989&pageid=27160>, [truy cập ngày 28/7/2026].
67. Trịnh Tiến Việt (2008), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
68. Trịnh Tiến Việt (2010), *Chế định miễn trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Trịnh Tiến Việt (2013), *Miễn trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
70. Trịnh Tiến Việt (2019), *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. Trịnh Tiến Việt (2022), *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự - tái bản lần thứ 2 có sửa đổi, bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. Bùi Viết Vinh (2022), *Miễn trách nhiệm hình sự - Bất cập và kiến nghị, đề xuất*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 7, tại trang <https://tapchitoaan.vn/mien-trach-nhiem-hinh-su-bat-cap-va-kien-nghi-de-xuat6784.html>, [truy cập ngày 18/12/2023].
73. Đặng Bá Vinh (2026), *Áp dụng pháp luật trong điều tra tội phạm vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

74. Võ Khánh Vinh (2020), *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận* (Kỳ 1), Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 03 (38), tr.6-15, tại trang <https://vjol.info.vn/index.php/tks/article/view/53705/44421>, [truy cập ngày 18/12/2023].
75. Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
76. Võ Khánh Vinh (Chủ biên, 2005), *Luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
77. Ngô Văn Vịnh (2025), *Về biện pháp nhận dạng và nhận biết giọng nói trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Tạp chí Kiểm sát, số 13, tại trang <https://kiemsat.vn/ve-bien-phap-nhan-dang-va-nhan-biet-giong-noi-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-76268.html>, [truy cập ngày 28/12/2025].

*** Tài liệu nước ngoài**

78. A.G. Antonov (2010), *Special basis for exemption from criminal liability (punishment) for committing economic crimes in the criminal legislation of countries with a continental legal system*, Criminology Journal of Baikal National University of Economics and Law, No. 1, pp. 62-68.
79. Akramova Muazzam (2021), “*Exemption of criminal liability in connection with the expiration of the period*” Tạp chí European Journal of Research Development and sustainability, số tháng 2 (2021).
80. Alexander Vladimirovich Rostokinsky, Rita Surenovna Danelyan, Sergei Vladimirovich Danelyan, Konstantin Andreevich Tolpekin, Elena Nikolaevna Savinkova (2020), “*Application of the Rules on the Exemption from Criminal Liability with the Imposition of a Court Fine: Problems, Features and Experience*” Tạp chí Cuestiones Políticas Nga, số 37 (2020).
81. Antony Duff (Chủ biên) (2007), “*Answering for Crime: Responsibility and Liability in the Criminal Law*” Nxb Hart Publishing.
82. Bộ luật Hình sự Cộng hòa Kazakhstan ban hành ngày 3 tháng 7 năm 2014, số 226-V (sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 9 năm 2025).

83. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)
84. Bộ luật Hình sự Tajikistan số 574 ngày 21/5/1998 (sửa đổi đến 14/5/2025).
85. Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Kazakhstan ngày 4 tháng 7 năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), số 231-V, bản hợp nhất đến ngày 16 tháng 9 năm 2025, Điều 35 khoản 3.
86. Bộ luật Tố tụng hình sự Liên bang Nga năm 2001 (sửa đổi, bổ sung đến 2023)
87. Chernova Maya Borisovna (Чернова Майя Борисовна) (2006), *“Tự thú - Một trường hợp của miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 75 Bộ Luật hình sự Liên bang Nga (Деятельное раскаяние как институт освобождения от уголовной ответственности: ст. 75 УК РФ)”*, Luận án tiến sĩ - Trường Đại học Tổng hợp Xanh Pê-téc-bua - Bộ Nội vụ Nga.
88. Daryl Ray Churney (Chủ biên) (2006), *“An Analysis of the Limited Criminal Liability Exemption in the Context of Organized Crime Investigations in Canada”* NXB, Đại học Carleton, Canada.
89. Elspeth Guild, P. Paul E. Minderhoud (Chủ biên) (2007), *Immigration and Criminal Law in the European Union: The Legal Measures and Social consequences of Criminal Law in member states on Trafficking and Smuggling in Human Beings*, Nxb Martinus Nijhoff, Leiden/Boston.
90. Endoltseva Alla Vasilievna (Ендольцева Алла Васильевна) (2005), *Chế định miễn trừ trách nhiệm hình sự: các vấn đề lý luận, lập pháp và hành pháp (Институт освобождения от уголовной ответственности: теоретические, законодательные и правоприменительные проблемы)*, Luận án Trường Đại học tổng hợp Matxcova Bộ Nội vụ Nga.
91. Glavan Boris (2010), *“Release of criminal responsibility in the context of the laws of the Republic of Moldova”* Luận án tiến sĩ Luật của Cộng hoà Moldova.
92. Gulmira T Onayeva, Aytugan Zh Abdizhami, Akylbek T Kabzhanov, Lazzat M Zhunusova (2018), *“Some Issues of Exemption from Criminal Liability on the Existing Criminal Code of the Republic of Kazakhstan”* Tạp chí Journal of Legal, Ethical and Regulatory Issues, số 21 (2018).

93. Kozlova, A.E. (2024), *Thực tiễn áp dụng miễn TNHS ở giai đoạn điều tra tiền xét xử*, Tạp chí Luật Hình sự Nga, tr.45-47.
94. Larisa Monakhova, Mikhail Smirnov, Polina Starygina, Olga Timofeeva “*Grounds for the exemption from criminal responsibility under the Criminal Code of the Russian Federation*”, Tạp chí Revista Espacios số 38 (2017).
95. Leonid Evgenievich Shchetnev và Maya Aleksandrovna Klyuchnikova (2021), “*Institution for the Exemption from Criminal Liability: Current Issues of Law Enforcement*” Tạp chí: “Science and Technology Publications” (2021).
96. Liên hợp quốc (1966), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 2200A (XXI) ngày 16/12/1966, có hiệu lực từ ngày 23/3/1976; Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982, tại trang <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/international-covenant-civil-and-political-rights>, [truy cập ngày 26/7/2026].
97. Livings Ben (2016), *A “zone of legal exemption” for sports violence? Form and substance in the criminal law*, Luận án tiến sĩ Luật, Đại học Warwick, Vương quốc Anh
98. Novikov Vitaly Alexandrovich (Новиков, Виталий Александрович) (2003), *Miễn trách nhiệm hình sự (Освобождение от уголовной ответственности)*, Luận án - Trường Đại học tổng hợp quốc gia, Kuban, Nga.
99. Supreme Court of Kazakhstan (2023), *Judicial Review Report 2023*, Astana, Tr 112-114. tại trang: <https://sud.gov.kz>, [truy cập ngày 15/12/2024].
100. Supreme Court of Kazakhstan (2023), *Statistical Bulletin 2023*, Astana, p. 56 - 57. Truy cập tại: <https://sud.gov.kz>, [truy cập ngày 5/9/2024].
101. Tòa án tối cao Liên bang Nga (2023), *Tổng quan thống kê tư pháp hình sự năm 2023*, tại trang <https://www.cdep.ru/index.php?id=79&item=7374>, [truy cập ngày 15/3/2025].
102. Tòa án tối cao Liên bang Nga (2024), *Tổng quan thống kê tư pháp hình sự năm 2023*, Moskva, tại trang <https://cdep.ru/index.php?id=79&item=6730>, [truy cập ngày 15/12/2024].

103. Trinh Tien Viet (2013), “*Improving provisions on criminal liability and penalty exemption*” đăng trên diễn đàn VietNam Law and Legal Forum 06/02/2013.
104. United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC) (2023), *United Nations Survey of Crime Trends and Operations of Criminal Justice Systems (UN-CTS)*, UNODC Data Portal, tại trang <https://data.unodc.org/datasearch?>, [truy cập ngày 10/3/2025].
105. Ủy ban Điều tra Liên bang Nga (2023), *Galdin, M.V, Thực tiễn đình chỉ vụ án hình sự kèm áp dụng phạt tiền tư pháp: Giáo trình hướng dẫn, Moskva*, tại trang https://academy-skrf.ru/science/publishing/collection_of_forums/2024/sb21-22.05.2024spb.pdf? [truy cập ngày 8/10/2025].

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

CƠ CẤU TỶ LỆ (%) VÀ XU HƯỚNG VỤ ÁN, BỊ CAN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018 - 2025 VÀ CẬP NHẬT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Phạm vi và cách trình bày: Tỷ trọng năm được tính riêng trên tổng số vụ án và tổng số bị can giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Đối với 6 tháng đầu năm 2026, chiều hướng tăng, giảm được xác định bằng mức bình quân tháng của kỳ báo cáo so với mức bình quân tháng năm 2025; số liệu 6 tháng đầu năm 2026 không được đưa vào mẫu số của giai đoạn chính

1. Tỷ trọng và chiều hướng biến động theo năm, cập nhật xu hướng 6 tháng đầu năm 2026

Năm	Tỷ trọng vụ án giai đoạn 2018 - 2025 (%)	Chiều hướng vụ án	Tỷ trọng bị can giai đoạn 2018 - 2025 (%)	Chiều hướng bị can	Quan hệ giữa số vụ án và số bị can
2018	16,2	Mốc đầu kỳ	14,7	Mốc đầu kỳ	Số vụ án cao hơn số bị can
2019	19,2	Tăng	17,8	Tăng	Số vụ án cao hơn số bị can
2020	13,7	Giảm	13,8	Giảm	Số bị can cao hơn số vụ án
2021	14,2	Tăng nhẹ	14,7	Tăng	Số bị can cao hơn số vụ án
2022	10,1	Giảm	11,0	Giảm	Số bị can cao hơn số vụ án
2023	10,3	Tăng nhẹ	10,5	Giảm nhẹ	Số bị can cao hơn số vụ án
2024	8,6	Giảm	9,4	Giảm	Số bị can cao hơn số vụ án
2025	7,7	Giảm	8,1	Giảm	Số bị can cao hơn số vụ án
Tổng giai đoạn	100,0	—	100,0	—	—
6T/2026	—	Giảm 20,45% so với mức bình quân tháng của năm 2025	—	Giảm 4,66% so với mức bình quân tháng của năm 2025	Số bị can cao hơn số vụ án

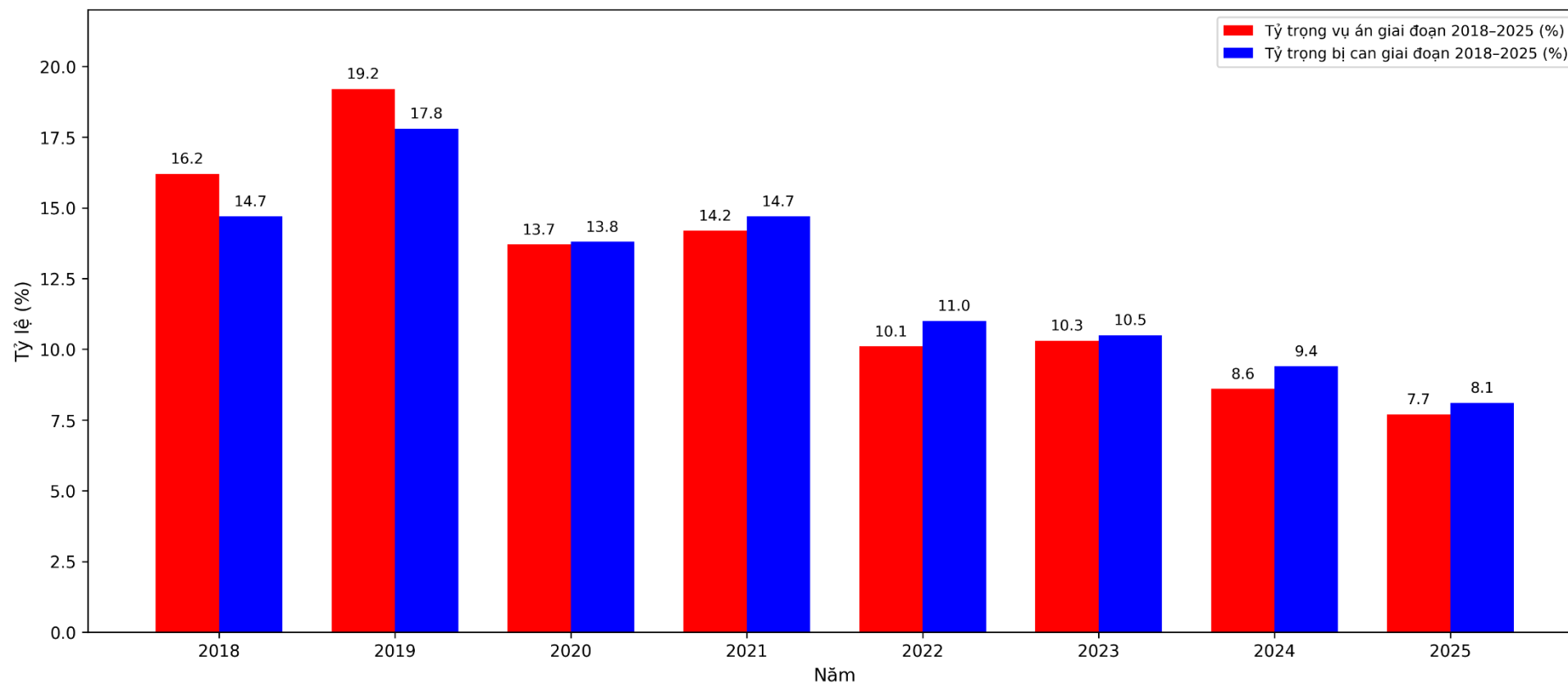
2. Cơ cấu theo nhóm tội phạm giai đoạn 2018 - 2025 và 6 tháng đầu năm 2026

Nhóm tội phạm	Vụ án 2018 - 2025 (%)	Bị can 2018 - 2025 (%)	Vụ án 6T/2026 (%)	Bị can 6T/2026 (%)
Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe	11,03	10,94	14,29	20,30
Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ	0,78	0,93	0,95	2,26
Các tội xâm phạm sở hữu	14,37	14,51	9,52	10,53
Các tội phạm về kinh tế, môi trường	2,32	2,52	1,90	3,01
Các tội phạm về ma túy	1,13	1,25	0,95	0,75
Các tội xâm phạm trật tự công cộng	65,54	63,93	66,67	54,89
Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	1,04	1,60	0,95	2,26
Các tội phạm về chức vụ	1,57	2,06	2,86	3,76
Các tội phạm khác	2,21	2,26	1,90	2,26
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5].

Ghi chú về công khai và bảo vệ bí mật nhà nước: Số liệu trong phụ lục được chuyển hóa từ số liệu tuyệt đối sang tỷ lệ (%) nhằm bảo đảm việc công khai luận án và bảo vệ bí mật nhà nước. Số liệu tuyệt đối được lưu giữ, quản lý và sử dụng theo quy định, không công bố trong phụ lục. Số liệu đã được VKSND công khai trong thông báo, văn bản rút kinh nghiệm được sử dụng và dẫn nguồn trực tiếp trong luận án, không thuộc phạm vi chuyển hóa này. Tỷ lệ có thể có sai số do làm tròn.

Biểu đồ 1. CƠ CẤU TỶ LỆ (%) VÀ XU HƯỚNG VỤ ÁN, BỊ CAN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA
DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018 - 2025 VÀ CẬP NHẬT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026



Ghi chú: 6 tháng đầu năm 2026, số vụ án giảm 20,45% và số bị can giảm 4,66% so với mức bình quân tháng của năm 2025

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5]

Phụ lục 2
PHỤ LỤC SỐ LIỆU PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

Danh mục	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố								
- Tổng số phải giải quyết	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Số vụ mới nhận	88,90%	86,48%	85,48%	81,45%	82,81%	76,63%	72,27%	67,80%
+ Số phục hồi	1,07%	1,75%	5,28%	6,24%	6,74%	8,26%	12,83%	12,64%
+ Số kỳ trước chuyển sang	10,03%	11,77%	9,24%	12,31%	10,45%	15,11%	14,90%	19,56%
- Tổng số đã giải quyết	87,20%	87,36%	74,94%	88,81%	82,96%	85,58%	86,05%	85,88%
+ Số khởi tố	54,38%	56,69%	61,68%	51,75%	51,65%	52,03%	52,30%	51,71%
+ Số không khởi tố	36,85%	35,47%	38,24%	31,66%	30,55%	30,83%	31,83%	31,69%
+ Số tạm đình chỉ	14,14%	13,06%	15,88%	16,59%	17,80%	17,15%	15,87%	16,59%
2. Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm								
- Tội phạm chung	81,33%	78,00%	85,69%	87,05%	86,94%	86,94%	83,48%	81,02%
- Tội phạm rất nghiêm trọng	88,53%	91,32%	88,55%	95,00%	95,12%	95,12%	95,15%	90,25%
- Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng	90,20%	96,02%	96,92%	96,60%	96,27%	96,27%	97,08%	93,22%
3. Công tác điều tra, xử lý tội phạm								
- Tổng số vụ án đã thụ lý	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
- Số bị can	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
- Tổng số vụ án khởi tố mới	76,60%	76,39%	76,34%	73,39%	71,68%	73,21%	69,81%	57,93%
+ Số bị can khởi tố mới	76,52%	76,47%	76,47%	73,50%	71,00%	72,90%	70,42%	71,10%
- Tổng số vụ án đề nghị truy tố	62,63%	62,30%	61,30%	61,73%	61,34%	59,43%	60,64%	60,29%
+ Số bị can	76,87%	76,08%	75,33%	75,58%	74,30%	74,08%	74,67%	91,58%

Phương pháp xử lý: Tại Mục 1, tổng số phải giải quyết được quy ước là 100%; ba nguồn hình thành tổng số phải giải quyết được chuẩn hóa theo cùng mẫu số. Các tỷ lệ kết quả giải quyết được trình bày theo mẫu số tương ứng của nguồn thống kê. Tại Mục 2, tỷ lệ được xử lý từ số liệu tuyệt đối. Tại Mục 3, tổng số vụ án đã thụ lý và tổng số bị can tương ứng được quy ước là 100%.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu; số liệu đã được xử lý và trình bày dưới dạng tỷ lệ (%) thay cho số liệu tuyệt đối nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Phụ lục 3

ĐỐI CHIẾU NHỮNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ DỰ THẢO BỘ LUẬT HÌNH SỰ, BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2026

Phạm vi và giá trị sử dụng: Phụ lục chỉ đối chiếu những quy định trực tiếp liên quan đến căn cứ, thời điểm, thẩm quyền và hình thức xử lý miễn trách nhiệm hình sự có ý nghĩa đối với đề tài. Pháp luật hiện hành được xác định trên cơ sở Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tổ tụng hình sự và các nghị quyết của Quốc hội đang có hiệu lực, trong đó có Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Nghị quyết số 37/2026/QH16 quy định một số cơ chế đặc thù liên quan đến không truy cứu trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự. Do có phạm vi, điều kiện và thời hạn áp dụng riêng, các nghị quyết này được sử dụng để cập nhật pháp luật và nhận diện xu hướng lập pháp, không dùng để đánh giá ngược tính hợp pháp của các quyết định được ban hành trước thời điểm có hiệu lực. Dự thảo Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2026 không phải là pháp luật hiện hành, chỉ được sử dụng để nhận diện xu hướng lập pháp và kiểm tra tính dự báo của các kiến nghị trong luận án; không dùng làm căn cứ đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật giai đoạn 2018 - 2025 hoặc tính hợp pháp của các quyết định trong giai đoạn khảo sát. Nội dung đối chiếu phản ánh tình trạng của các dự thảo tại thời điểm hoàn thiện luận án và không thay thế văn bản chính thức được ban hành sau đó.

I. BỘ LUẬT HÌNH SỰ

Điều luật/nội dung	Pháp luật hiện hành	Dự thảo năm 2026	Điểm mới và giá trị sử dụng trong luận án
Điều 7 Hiệu lực về thời gian	Quy định nguyên tắc không áp dụng hồi tố quy định bất lợi và áp dụng hồi tố quy định có lợi cho người phạm tội; chưa liệt kê riêng, đầy đủ các chế định nhân đạo, khoan hồng chịu tác động của nguyên tắc này.	Liệt kê rõ quy định hạn chế hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, MTNHS, loại trừ TNHS, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi hoặc không có lợi.	Cụ thể hóa phạm vi hiệu lực hồi tố đối với MTNHS. Luận án chỉ sử dụng để làm rõ nguyên tắc lựa chọn quy phạm hình sự theo thời gian; không đồng nhất với hiệu lực của pháp luật TTHS.
Điều 16 Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được MTNHS về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã cấu thành tội khác thì phải chịu TNHS về tội đó.	Tiếp tục giữ căn cứ và hậu quả pháp lý cơ bản như pháp luật hiện hành.	Là căn cứ MTNHS thuộc Phần chung nhưng có bản chất riêng, gắn với việc tự nguyện chấm dứt hành vi. Có thể sử dụng để hoàn thiện cách phân nhóm căn cứ MTNHS, không coi đây là điểm mới của dự thảo.
Điều 29 Căn cứ MTNHS	Quy định các trường hợp đương nhiên MTNHS tại khoản 1; có thể được MTNHS tại khoản 2; và MTNHS trên cơ sở bồi thường, hòa giải, đề nghị của bị hại tại khoản 3.	Bổ sung điểm d khoản 2 đối với trường hợp được tạm hoãn truy cứu TNHS theo Điều 27a, đã khắc phục xong hậu quả và mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đồng thời, tại cả khoản 1, khoản 2 và khoản 3, dự thảo bổ sung rõ các căn cứ MTNHS tương ứng có thể được áp dụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.	Đây là điểm mới có tác động trực tiếp và lớn đối với đề tài: không chỉ mở rộng căn cứ MTNHS mà còn thay đổi nhận thức về thời điểm áp dụng, cho phép xem xét MTNHS ngay trong giai đoạn khởi tố đối với các trường hợp thuộc cả khoản 1, khoản 2 và khoản 3. Sự thay đổi này đòi hỏi BLTTHS phải quy định thống nhất về căn cứ, thẩm quyền, hình thức quyết định và cơ chế kiểm sát, nhất là trong quan hệ với Điều 157 BLTTHS hiện hành. Chỉ dùng để nhận diện xu hướng lập pháp; việc đánh giá thực trạng vẫn căn cứ pháp luật có hiệu lực trong từng thời điểm.

Điều luật/nội dung	Pháp luật hiện hành	Dự thảo năm 2026	Điểm mới và giá trị sử dụng trong luận án
Khoản 5 Điều 145 Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi	Điều luật hiện hành chưa quy định căn cứ MTNHS riêng tại điều này.	Bổ sung khả năng MTNHS khi: (a) phạm tội do lạc hậu và có đề nghị của bị hại hoặc người đại diện theo pháp luật; hoặc (b) do yếu tố khách quan dẫn đến nhận thức sai lầm về độ tuổi của bị hại là từ đủ 16 tuổi trở lên.	Là điểm mới tại tội phạm cụ thể và thuộc phạm vi có thể phát sinh trong hoạt động của CQCSĐT. Khi phân tích cần tách rõ căn cứ đặc thù với khoản 3 Điều 29, đồng thời lưu ý yêu cầu bảo vệ người dưới 18 tuổi và chứng minh yếu tố nhận thức sai lầm.
Khoản 4 Điều 247, Tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy	Người phạm tội thuộc khoản 1, đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng trước khi thu hoạch, có thể được MTNHS.	Tiếp tục duy trì căn cứ MTNHS đặc thù; dự thảo chủ yếu điều chỉnh các nội dung khác của điều luật.	Khẳng định khi lựa chọn quy phạm, CQCSĐT phải kiểm tra cả căn cứ chung và căn cứ đặc thù. Khoản 4 Điều 247 là căn cứ trực tiếp nếu đủ điều kiện.
Khoản 7 Điều 364 Tội đưa hối lộ	Người bị ép buộc đưa hối lộ, chủ động khai báo trước khi bị phát giác được coi là không có tội; người không bị ép buộc nhưng chủ động khai báo trước khi bị phát giác có thể được MTNHS.	Tiếp tục giữ cơ chế tại khoản 7; đồng thời dự thảo bổ sung TNHS của pháp nhân thương mại đối với tội đưa hối lộ tại khoản 8 nhưng không bổ sung căn cứ MTNHS tương ứng cho pháp nhân tại Điều 29.	Khoản 7 Điều 364 là căn cứ trực tiếp, đặc thù; Điều 29 chỉ là cơ sở chung của chế định. Dự thảo không tạo cơ sở để khẳng định pháp nhân thương mại được MTNHS.
Khoản 6 Điều 365 Tội môi giới hối lộ	Người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác có thể được MTNHS.	Tiếp tục duy trì căn cứ MTNHS đặc thù.	Là căn cứ trực tiếp tại điều luật cụ thể; cần phân biệt với tự thú và căn cứ tại điểm c khoản 2 Điều 29.
Khoản 2 Điều 390 Tội không tố giác tội phạm	Người không tố giác đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm có thể được MTNHS hoặc miễn hình phạt.	Tiếp tục duy trì cơ chế lựa chọn giữa MTNHS và miễn hình phạt.	Khi ADPL phải phân biệt rõ hai hậu quả pháp lý; MTNHS không đồng nhất với miễn hình phạt. Đây là căn cứ đặc thù có thể thuộc phạm vi điều tra của CQCSĐT tùy tội phạm nguồn.

II. BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Điều luật/nội dung	Pháp luật hiện hành	Dự thảo năm 2026	Điểm mới và giá trị sử dụng trong luận án
Điều 23 dự thảo Bảo đảm phân hóa xử lý khoan hồng	BLTTHS hiện hành chưa có một nguyên tắc riêng hệ thống hóa các cơ chế không khởi tố, MTNHS và tạm hoãn truy cứu TNHS.	Xác định cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện phân hóa TNHS thông qua không khởi tố, MTNHS, tạm hoãn truy cứu TNHS, thủ tục rút gọn và các cơ chế khác theo BLTTHS, BLHS.	Tạo cơ sở tổ tụng thống nhất cho chính sách khoan hồng; củng cố cách tiếp cận ADPL về MTNHS như một hoạt động quyền lực nhà nước có kiểm soát.

Điều luật/nội dung	Pháp luật hiện hành	Dự thảo năm 2026	Điểm mới và giá trị sử dụng trong luận án
Các điều 145-148 dự thảo Tạm hoãn truy cứu TNHS	BLTTHS hiện hành chưa quy định thủ tục riêng về tạm hoãn truy cứu TNHS.	Quy định điều kiện, hình thức tạm đình chỉ, theo dõi cam kết và xử lý đối với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội. Khi hoàn thành cam kết và đủ điều kiện MTNHS có thể không khởi tố, đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án.	Là cơ chế mới liên kết với Điều 27a và điểm d khoản 2 Điều 29 Dự thảo BLHS. Chỉ nên phân tích như xu hướng lập pháp, không dùng để đánh giá ngược thực trạng.
Điều 163 dự thảo Căn cứ không khởi tố VAHS (đối chiếu Điều 157 hiện hành)	Điều 157 BLTTHS hiện hành không quy định MTNHS theo Điều 29 BLHS là căn cứ không khởi tố VAHS.	Khoản 9 Điều 163 bổ sung trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp được MTNHS theo Điều 29 BLHS là căn cứ không khởi tố VAHS.	Trực tiếp khắc phục khoảng trống pháp lý từng làm phát sinh cách hiểu và thực hành chưa thống nhất. Đây là điểm mới quan trọng nhất đối với đề tài.
Điều 164 dự thảo Quyết định không khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố	Khi có căn cứ tại Điều 157, người có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố; nếu đã khởi tố thì xử lý theo quy định hiện hành.	Gắn với căn cứ mới tại khoản 9 Điều 163; quy định nếu đã khởi tố thì phải hủy bỏ quyết định khởi tố VAHS, thông báo lý do và gửi quyết định, tài liệu cho VKSND để kiểm sát.	Làm rõ hình thức văn bản và cơ chế kiểm sát ở giai đoạn khởi tố. Không đồng nhất với quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can.
Điều 236 dự thảo Đình chỉ điều tra (đối chiếu Điều 230 hiện hành)	CQĐT đình chỉ điều tra khi có căn cứ tại Điều 29 BLHS; có thể đình chỉ đối với từng bị can nếu căn cứ không liên quan đến tất cả bị can. VKSND kiểm sát, không phê chuẩn quyết định đình chỉ.	Tiếp tục quy định Điều 29 BLHS là căn cứ đình chỉ; quy định rõ nội dung quyết định và cơ chế VKSND xem xét, hủy bỏ quyết định không có căn cứ, yêu cầu phục hồi điều tra hoặc truy tố khi đủ căn cứ.	Khẳng định hình thức ADPL đối với người đã là bị can vẫn là quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ điều tra đối với bị can; VKSND thực hiện kiểm sát, không phê chuẩn.
Điều 240 dự thảo Kết luận điều tra khi đình chỉ (đối chiếu Điều 232 hiện hành)	Bản kết luận điều tra trong trường hợp đình chỉ phải ghi diễn biến sự việc, quá trình điều tra, lý do và căn cứ đình chỉ.	Tiếp tục yêu cầu bản kết luận điều tra thể hiện diễn biến, quá trình điều tra, lý do, căn cứ; đồng thời nhấn mạnh quyết định đình chỉ phải giải quyết biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, tài liệu, vật chứng và vấn đề liên quan.	Cơ sở để đề xuất chuẩn hóa nội dung quyết định đình chỉ hiện hành; dự thảo không thiết lập một quyết định MTNHS độc lập.
Điều 430 dự thảo Đình chỉ đối với pháp nhân	BLTTHS hiện hành quy định thủ tục tố tụng đối với pháp nhân nhưng chưa có căn cứ MTNHS chung cho pháp nhân thương mại.	Dự thảo liệt kê các căn cứ đình chỉ đối với pháp nhân nhưng không bổ sung trường hợp pháp nhân được MTNHS.	Cho thấy hai dự thảo chưa tạo nền tảng trực tiếp cho kiến nghị MTNHS đối với pháp nhân thương mại; nội dung này nằm ngoài trọng tâm thực chứng của đề tài.

III. NHẬN XÉT KHÁI QUÁT

Thứ nhất, dự thảo tiếp tục duy trì đồng thời các căn cứ MTNHS tại Phần chung và tại một số tội phạm cụ thể; vì vậy, chủ thể ADPL phải xác định đúng căn cứ trực tiếp, tránh viện dẫn chồng chéo giữa Điều 29 và điều luật đặc thù.

Thứ hai, việc Dự thảo BLHS bổ sung giai đoạn khởi tố tại cả khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 29 thể hiện sự thay đổi quan trọng về nhận thức và thời điểm áp dụng MTNHS. Dự thảo BLTTHS phải được thiết kế thống nhất với thay đổi này, đặc biệt bằng việc bổ sung căn cứ không khởi tố VAHS đối với trường hợp được MTNHS, thay cho cách hiểu phát sinh từ Điều 157 BLTTHS hiện hành; đối với người đã bị khởi tố thành bị can, việc xử lý tiếp tục được thực hiện bằng quyết định đình chỉ điều tra.

Thứ ba, dự thảo tiếp tục xác định VKSND thực hiện chức năng kiểm sát quyết định không khởi tố và đình chỉ điều tra; không thiết lập thủ tục phê chuẩn quyết định đình chỉ của CQĐT.

Thứ tư, dự thảo chưa quy định một quyết định MTNHS độc lập và chưa bổ sung căn cứ MTNHS chung cho pháp nhân thương mại. Do đó, các kiến nghị tương ứng trong luận án cần được rà soát theo hướng thận trọng, phù hợp phạm vi nghiên cứu và xu hướng lập pháp.

Nguồn đối chiếu

[1] Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024 và 2025; Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

[2] Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung các năm 2021 và 2025; Luật số 99/2025/QH15 ngày 27/6/2025.

[3] Dự thảo Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2026, dự kiến trình Quốc hội khóa XVI xem xét tại kỳ họp tháng 10/2026.

[4] Dự thảo Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2026, bản hoàn chỉnh ngày 09/7/2026, dự kiến trình Quốc hội khóa XVI xem xét kỳ họp tháng 10/2026.

Phụ lục 4

**CƠ CẤU TỶ LỆ (%) VỤ ÁN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO NHÓM TỘI PHẠM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018 - 2025 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Phạm vi và cách tính: Mỗi tỷ lệ phản ánh cơ cấu của từng nhóm tội phạm trong tổng số của chính năm tương ứng; tổng cơ cấu mỗi dòng bằng 100%. Số liệu 6 tháng đầu năm 2026 được trình bày riêng để cập nhật cơ cấu nửa đầu năm, không dùng để so sánh trực tiếp về quy mô với số liệu cả năm.

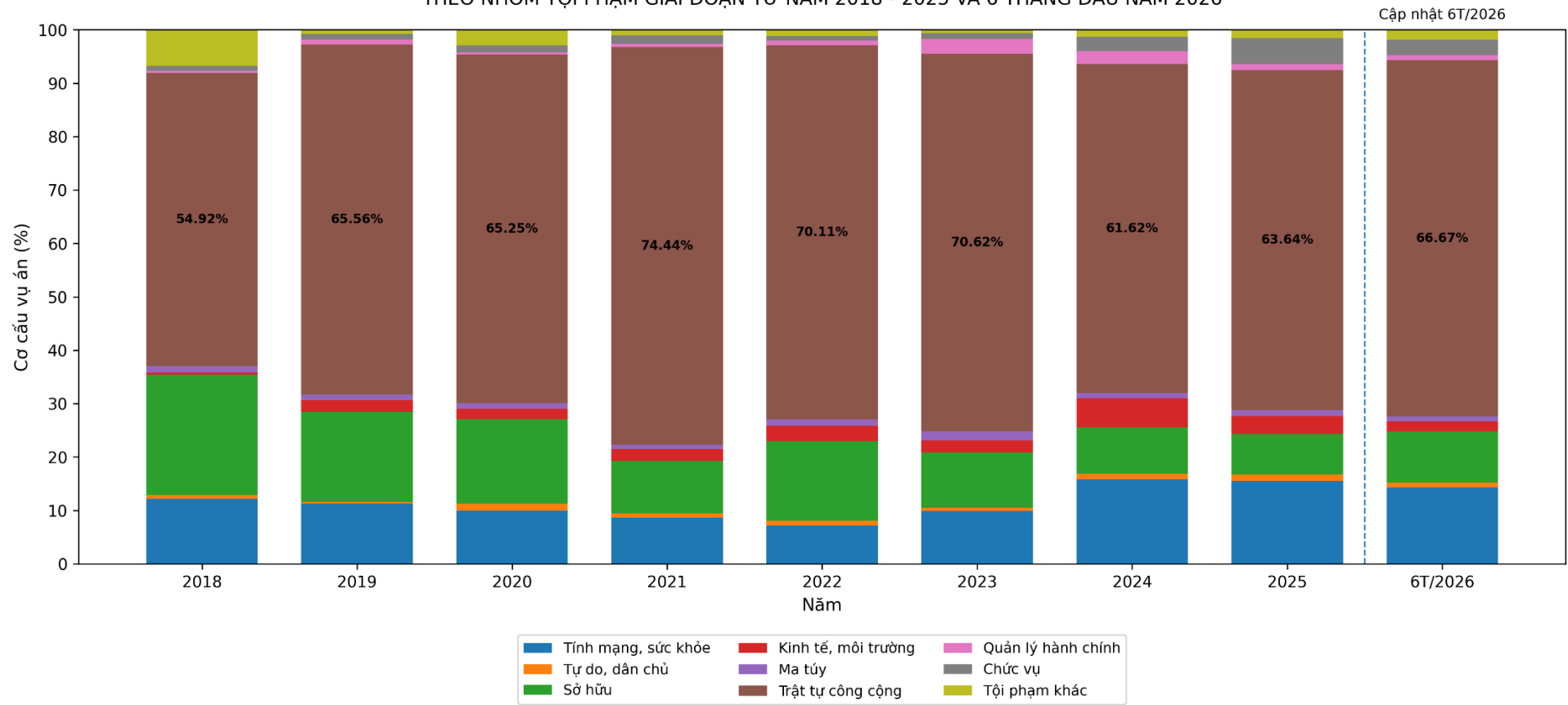
Năm	Tổng cơ cấu (%)	Tính mạng, sức khỏe	Tự do, dân chủ	Sở hữu	Kinh tế, môi trường	Ma túy	Trật tự công cộng	Quản lý hành chính	Chức vụ	Tội phạm khác
2018	100,00	12,16	0,72	22,54	0,36	1,25	54,92	0,36	0,89	6,80
2019	100,00	11,33	0,30	16,77	2,27	1,06	65,56	0,91	1,06	0,76
2020	100,00	9,96	1,27	15,89	1,91	1,06	65,25	0,42	1,27	2,97
2021	100,00	8,59	0,82	9,82	2,25	0,82	74,44	0,61	1,64	1,02
2022	100,00	7,18	0,86	14,94	2,87	1,15	70,11	0,86	0,86	1,15
2023	100,00	9,89	0,56	10,45	2,26	1,69	70,62	2,82	1,13	0,56
2024	100,00	15,82	1,01	8,75	5,39	1,01	61,62	2,36	2,69	1,35
2025	100,00	15,53	1,14	7,58	3,41	1,14	63,64	1,14	4,92	1,52
6T/2026	100,00	14,29	0,95	9,52	1,90	0,95	66,67	0,95	2,86	1,90
Chênh lệch cơ cấu	0,00	-1,24	-0,19	+1,94	-1,51	-0,19	+3,03	-0,19	-2,06	+0,38

Chú thích: Dòng “Chênh lệch cơ cấu” phản ánh số điểm phần trăm của 6 tháng đầu năm 2026 tăng hoặc giảm so với cơ cấu cả năm 2025; chỉ dùng để nhận diện sự dịch chuyển cơ cấu, không phản ánh mức tăng hoặc giảm về số lượng.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5].

Ghi chú về công khai và bảo vệ bí mật nhà nước: Số liệu trong phụ lục được chuyển hóa từ số liệu tuyệt đối sang tỷ lệ (%) nhằm bảo đảm việc công khai luận án và bảo vệ bí mật nhà nước. Số liệu tuyệt đối được lưu giữ, quản lý và sử dụng theo quy định, không công bố trong phụ lục. Số liệu đã được VKSND công khai trong thông báo, văn bản rút kinh nghiệm được sử dụng và dẫn nguồn trực tiếp trong luận án, không thuộc phạm vi chuyển hóa này. Tỷ lệ có thể có sai số do làm tròn.

Biểu đồ 2. CƠ CẤU TỶ LỆ (%) VỤ ÁN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO NHÓM TỘI PHẠM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018 - 2025 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026



Ghi chú: Mỗi cột phản ánh cơ cấu 100% số vụ án của năm tương ứng; 6T/2026 được trình bày riêng để nhận diện sự dịch chuyển cơ cấu, không phản ánh mức tăng/giảm về số lượng.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5]

Phụ lục 5

**CƠ CẤU TỶ LỆ (%) BỊ CAN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO NHÓM TỘI PHẠM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018-2025 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Phạm vi và cách tính: Mỗi tỷ lệ phản ánh cơ cấu của từng nhóm tội phạm trong tổng số của chính năm tương ứng; tổng cơ cấu mỗi dòng bằng 100%. Số liệu 6 tháng đầu năm 2026 được trình bày riêng để cập nhật cơ cấu 6 tháng đầu năm, không dùng để so sánh trực tiếp về quy mô với số liệu cả năm.

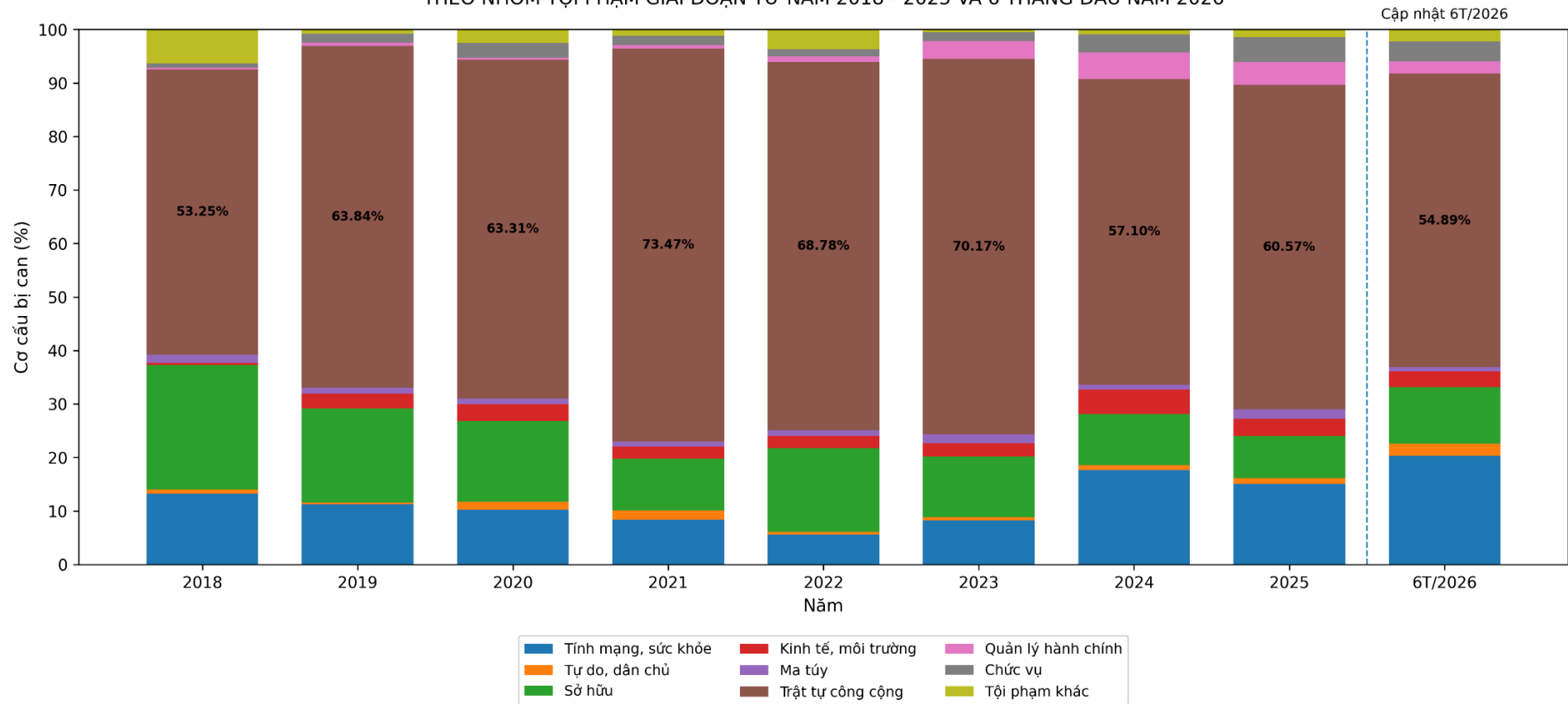
Năm	Tổng cơ cấu (%)	Tính mạng, sức khỏe	Tự do, dân chủ	Sở hữu	Kinh tế, môi trường	Ma túy	Trật tự công cộng	Quản lý hành chính	Chức vụ	Tội phạm khác
2018	100,00	13,21	0,79	23,27	0,39	1,58	53,25	0,39	0,79	6,31
2019	100,00	11,24	0,33	17,59	2,77	1,14	63,84	0,65	1,63	0,81
2020	100,00	10,27	1,47	15,09	3,14	1,05	63,31	0,42	2,73	2,52
2021	100,00	8,32	1,78	9,70	2,18	0,99	73,47	0,59	1,78	1,19
2022	100,00	5,56	0,53	15,61	2,38	1,06	68,78	1,06	1,32	3,70
2023	100,00	8,29	0,55	11,33	2,49	1,66	70,17	3,31	1,66	0,55
2024	100,00	17,59	0,93	9,57	4,63	0,93	57,10	4,94	3,40	0,93
2025	100,00	15,05	1,08	7,89	3,23	1,79	60,57	4,30	4,66	1,43
6T/2026	100,00	20,30	2,26	10,53	3,01	0,75	54,89	2,26	3,76	2,26
Chênh lệch cơ cấu	0,00	+5,25	+1,18	+2,64	-0,22	-1,04	-5,68	-2,04	-0,90	+0,83

Chú thích: Dòng “Chênh lệch cơ cấu” phản ánh số điểm phần trăm của 6 tháng đầu năm 2026 tăng hoặc giảm so với cơ cấu cả năm 2025; chỉ dùng để nhận diện sự dịch chuyển cơ cấu, không phản ánh mức tăng hoặc giảm về số lượng.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5].

Ghi chú về công khai và bảo vệ bí mật nhà nước: Số liệu trong phụ lục được chuyển hóa từ số liệu tuyệt đối sang tỷ lệ (%) nhằm bảo đảm việc công khai luận án và bảo vệ bí mật nhà nước. Số liệu tuyệt đối được lưu giữ, quản lý và sử dụng theo quy định, không công bố trong phụ lục. Số liệu đã được VKSND công khai trong thông báo, văn bản rút kinh nghiệm được sử dụng và dẫn nguồn trực tiếp trong luận án, không thuộc phạm vi chuyển hóa này. Tỷ lệ có thể có sai số do làm tròn.

Biểu đồ 3. CƠ CẤU TỶ LỆ (%) BỊ CAN ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA DO MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO NHÓM TỘI PHẠM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2018 - 2025 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026



Ghi chú: Mỗi cột phản ánh cơ cấu 100% số bị can của năm tương ứng; 6T/2026 được trình bày riêng để nhận diện sự dịch chuyển cơ cấu, không phản ánh mức tăng/giảm về số lượng.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu [5]

Phụ lục 6**HỆ THỐNG VĂN KIỆN CHÍNH TRỊ, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA***(Cập nhật đến tháng 8/2026)*

Ghi chú: Danh mục được hệ thống hóa theo tính chất, giá trị pháp lý và mục đích sử dụng trong luận án. Văn kiện của Đảng, đề án, công văn, hướng dẫn và thông báo rút kinh nghiệm không phải là căn cứ pháp lý trực tiếp để quyết định MTNHS; các tài liệu này được sử dụng nhằm làm rõ cơ sở chính trị, tổ chức thực hiện, quan điểm nghiệp vụ, khó khăn, vướng mắc và kinh nghiệm thực tiễn. Khi viện dẫn trong luận án, các văn bản được sử dụng trên cơ sở đối chiếu bản gốc và tình trạng hiệu lực tương ứng.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
I. VĂN KIỆN CHÍNH TRỊ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT, CẢI CÁCH TƯ PHÁP VÀ TỔ CHỨC CQCSĐT				
1	Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 và Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016	Bộ Chính trị	Định hướng chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và tiếp tục thực hiện chiến lược đến năm 2020.	Giá trị lịch sử, nền tảng; sử dụng khi khái quát quá trình đổi mới xây dựng và thi hành pháp luật.
2	Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005; Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020	Bộ Chính trị	Định hướng chiến lược cải cách tư pháp; tiếp tục thực hiện và tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW.	Giá trị lịch sử và định hướng cải cách tư pháp; không dùng thay thế căn cứ pháp luật hiện hành.
3	Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018	Bộ Chính trị	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Cơ sở chính trị để phân tích quá trình tổ chức lại bộ máy CAND và CQCSĐT giai đoạn nghiên cứu.
4	Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021	Bộ Chính trị	Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.	Cơ sở chính trị phục vụ phân tích yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.
5	Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022	Bộ Chính trị	Đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.	Cơ sở chính trị trực tiếp đối với giải pháp về tổ chức bộ máy, đội ngũ và điều kiện bảo đảm của CQCSĐT.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
6	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII	Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.	Cơ sở chính trị trọng tâm về kiểm soát quyền lực, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người và tổ chức thi hành pháp luật.
7	Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025	Bộ Chính trị	Định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.	Cơ sở chính trị hiện hành về đổi mới tư duy và quy trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.
8	Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026	Bộ Chính trị	Về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Cơ sở chính trị hiện hành về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
9	Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI	Bộ Chính trị	Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp; yêu cầu pháp luật thống nhất, minh bạch, khả thi, gắn kết giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm giải trình.	Văn kiện chính trị định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; sử dụng để nhận diện bối cảnh và xu hướng hoàn thiện pháp luật hình sự, TTHS, không phải căn cứ trực tiếp để quyết định MTNHS.
10	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025	Bộ Chính trị	Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.	Cơ sở chính trị hiện hành, trực tiếp cho các giải pháp về hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.
11	Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 và Hướng dẫn số 04-HD/TW ngày 09/12/2020	Bộ Chính trị; Ban Bí thư	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý vụ án, vụ việc; hướng dẫn thực hiện Chỉ thị.	Cơ sở chính trị về lãnh đạo, phối hợp và kiểm soát trong giải quyết VAHS; không thay thế thẩm quyền tố tụng.
12	Nghị quyết số 14-NQ/ĐUCA ngày 08/11/2022	Đảng ủy Công an Trung ương	Tiếp tục xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.	Văn kiện ngành; sử dụng cho phân điều kiện bảo đảm về tổ chức, cán bộ và hiện đại hóa lực lượng.
13	Đề án số 10/ĐA-BCA ngày 07/12/2022	Bộ Công an	Tiếp tục xây dựng Cơ quan điều tra của CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.	Tài liệu tổ chức, nghiệp vụ ngành; sử dụng để phân tích định hướng xây dựng CQĐT trong CAND.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỰC TIẾP QUY ĐỊNH CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC				
14	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025	Quốc hội	Ghi nhận quyền con người, quyền công dân; nguyên tắc tổ chức, thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước; cơ sở hiến định về tổ chức bộ máy nhà nước sau khi được sửa đổi, bổ sung.	Cơ sở hiến định cao nhất; sử dụng xuyên suốt luận án theo nội dung hiện hành sau khi được sửa đổi, bổ sung
15	Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017	Quốc hội	Quy định việc thi hành BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung và hiệu lực thi hành của BLTTHS, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.	Văn bản quy phạm pháp luật về chuyển tiếp và tổ chức thi hành các đạo luật hình sự, TTHS.
16	BLHS số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025	Quốc hội	Quy định các căn cứ, điều kiện MTNHS trong Phần chung và các trường hợp MTNHS tại một số tội danh cụ thể.	Căn cứ pháp luật nội dung trực tiếp; viện dẫn theo quy định hiện hành sau các lần sửa đổi, bổ sung.
17	BLTTHS số 101/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Luật số 02/2021/QH15 ngày 12/11/2021; Luật số 99/2025/QH15 ngày 27/6/2025	Quốc hội	Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, đình chỉ điều tra, kiểm sát và các quyết định tố tụng liên quan đến MTNHS.	Căn cứ pháp luật hình thức trực tiếp; viện dẫn theo quy định hiện hành sau các lần sửa đổi, bổ sung.
18	Nghị quyết số 225/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về việc thi hành các luật sửa đổi, bổ sung về tổ chức TAND, tổ chức VKSND, các luật tố tụng và luật khác có liên quan	Quốc hội	Quy định việc thi hành và chuyển tiếp khi tổ chức lại hệ thống TAND, VKSND và thực hiện các sửa đổi của pháp luật tố tụng; liên quan đến việc xác định thẩm quyền, chuyển giao và tiếp tục giải quyết vụ án, vụ việc sau khi thay đổi tổ chức bộ máy.	Có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; dùng để phân tích bối cảnh chuyển đổi tổ chức và bảo đảm tính liên tục trong thực hiện thẩm quyền tố tụng, không phải căn cứ nội dung để MTNHS.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
19	Nghị quyết số 37/2026/QH16 ngày 24/8/2026 về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Quốc hội	Quy định cơ chế đặc thù về không truy cứu TNHS, loại trừ TNHS, tạm hoãn truy cứu TNHS và MTNHS đối với hành vi vi phạm thuộc phạm vi điều chỉnh nhưng vì lợi ích chung. Điều 8 quy định MTNHS trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; Điều 9 quy định các quyết định tố tụng tương ứng, trong đó có không khởi tố VAHS, tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra.	Có hiệu lực từ ngày 01/9/2026, thực hiện trong thời hạn 3 năm. Là văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp nhưng có phạm vi, điều kiện và thời hạn áp dụng đặc thù; được sử dụng để cập nhật pháp luật và nhận diện xu hướng mới, không dùng để đánh giá ngược thực trạng giai đoạn 2018 - 2025.
20	Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài	Quốc hội	Quy định cơ chế đặc thù về không truy cứu TNHS, tạm hoãn truy cứu TNHS và MTNHS; xác định hình thức tố tụng tương ứng gồm không khởi tố VAHS, tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin, tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra vụ án, bị can.	Có hiệu lực từ ngày 01/5/2026. Là văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp nhưng có phạm vi áp dụng đặc thù đối với vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước ngày 01/8/2024; dùng để cập nhật pháp luật và đối chiếu xu hướng mới, không đánh giá ngược thực trạng ADPL giai đoạn 2018 - 2025.
21	Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 ngày 26/11/2015	Quốc hội	Quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐT; chức danh, quan hệ công tác và bảo đảm hoạt động điều tra hình sự.	Cơ sở pháp lý trực tiếp về chủ thể, tổ chức và thẩm quyền của CQCSĐT.
22	Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 ngày 30/11/2024 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025	Quốc hội	Quy định nguyên tắc xử lý, biện pháp xử lý chuyển hướng, thủ tục tố tụng và bảo đảm quyền của người chưa thành niên.	Căn cứ hiện hành từ ngày 01/01/2026 đối với người chưa thành niên; được sử dụng để cập nhật pháp luật sau giai đoạn nghiên cứu chính và đối chiếu với các quy định tương ứng được áp dụng trong giai đoạn 2018 - 2025.
23	Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018	Chính phủ	Quy định chi tiết thi hành các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được MTNHS.	Chủ yếu phản ánh pháp luật áp dụng trong giai đoạn 2018 - 2025; đối với năm 2026, được đặt trong mối quan hệ với Luật Tư pháp người chưa thành niên và văn bản hướng dẫn có liên quan.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
24	Nghị định số 333/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025	Chính phủ	Quy định chi tiết một số biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng, giám sát điện tử và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội.	Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành từ ngày 01/01/2026; liên quan trực tiếp đến nội dung người chưa thành niên.
25	Thông tư số 53/2020/TT-BTC ngày 10/6/2020	Bộ Tài chính	Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện việc giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được MTNHS.	Sử dụng khi phân tích điều kiện bảo đảm về kinh phí
III. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN VÀ PHỐI HỢP TỔ TỤNG ĐANG ĐƯỢC SỬ DỤNG				
26	Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020	Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao	Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ; có nội dung liên quan đến chính sách xử lý đối với người đưa hối lộ, môi giới hối lộ.	Văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; sử dụng khi phân tích các căn cứ MTNHS đặc thù.
27	Công văn số 69/TANDTC-PC ngày 19/5/2020	TAND tối cao	Trao đổi, giải đáp về việc áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.	Tài liệu hướng dẫn, giải đáp nghiệp vụ; không phải văn bản quy phạm pháp luật, dùng để đối chiếu cách hiểu và thực tiễn.
28	Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018	VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Phối hợp thực hiện một số quy định của BLTTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi.	Sử dụng đối với giai đoạn 2018 - 2025; đối với năm 2026, được đặt trong mối quan hệ với Luật Tư pháp người chưa thành niên và văn bản hướng dẫn có liên quan.
29	Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025	Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao	Quy định phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTHS, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.	Văn bản phối hợp hiện hành từ ngày 01/7/2025; có giá trị trực tiếp đối với cơ chế phối hợp trong điều tra và kiểm sát.
30	Thông tư liên tịch số 01/2026/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 28/01/2026	VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Quy định phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS.	Văn bản phối hợp hiện hành từ ngày 15/3/2026; được sử dụng khi phân tích cơ chế phối hợp, kiểm sát và tổ chức thực hiện quyết định ADPL

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
31	Thông tư số 119/2021/TT-BCA ngày 08/12/2021, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 128/2025/TT-BCA ngày 19/12/2025	Bộ Công an	Quy định hệ thống biểu mẫu, giấy tờ và sổ sách về điều tra hình sự; sửa đổi, bổ sung hệ thống biểu mẫu từ năm 2026.	Căn cứ nghiệp vụ hiện hành về hình thức văn bản, biểu mẫu điều tra; được sử dụng để đối chiếu các biểu mẫu liên quan đến đình chỉ điều tra.
32	Thông tư số 03/2026/TT-VKSTC ngày 09/02/2026	VKSND tối cao	Quy định biểu mẫu văn bản tố tụng, văn bản nghiệp vụ trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.	Văn bản hiện hành từ ngày 15/02/2026; dùng đối chiếu cơ chế kiểm sát, báo cáo và biểu mẫu nghiệp vụ của VKS.
33	Quyết định số 1089/QĐ-TTg ngày 09/6/2025	Thủ tướng Chính phủ	Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên.	Văn bản tổ chức thi hành; sử dụng khi phân tích lộ trình, trách nhiệm và điều kiện triển khai pháp luật mới.
34	Hướng dẫn số 33/HD-BCA-V03 ngày 28/6/2025	Bộ Công an	Hướng dẫn việc bố trí, thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên, Cán bộ điều tra ở Công an cấp xã và việc tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm.	Văn bản nghiệp vụ ngành; sử dụng để cập nhật tác động của mô hình tổ chức mới, không coi là căn cứ trực tiếp quyết định MTNHS.
IV. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN, TRAO ĐỔI VÀ RÚT KINH NGHIỆM NGHIỆP VỤ				
35	Hướng dẫn số 33/HD-VKSTC ngày 30/11/2018	VKSND tối cao	Hướng dẫn công tác quản lý, kiểm tra, báo cáo và đánh giá việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ do MTNHS theo Điều 29 BLHS.	Tài liệu nghiệp vụ quan trọng để phân tích thống kê, kiểm tra và rút kinh nghiệm; không phải căn cứ pháp lý trực tiếp.
36	Công văn số 998/V14 ngày 13/12/2019	VKSND tối cao	Trao đổi quan điểm về việc áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.	Tài liệu trao đổi nghiệp vụ; sử dụng để nhận diện cách hiểu và vướng mắc trong áp dụng.
37	Thông báo số 133/TB-VKSTC ngày 26/6/2023	VKSND tối cao	Rút kinh nghiệm công tác quản lý, kiểm tra, báo cáo việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ do MTNHS.	Tài liệu thực tiễn phục vụ Chương 3; không dùng làm căn cứ pháp lý trực tiếp.
38	Thông báo số 79/TB-VKSTC ngày 26/4/2024	VKSND tối cao	Rút kinh nghiệm công tác quản lý, kiểm tra, báo cáo việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ do MTNHS.	Tài liệu thực tiễn phục vụ đánh giá hạn chế, nguyên nhân và yêu cầu áp dụng thống nhất.

TT	Tên, số ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung trực tiếp liên quan đến luận án	Tình trạng và giá trị sử dụng
39	Thông báo số 309/TB-VKSTC ngày 19/11/2025	VKSND tối cao	Rút kinh nghiệm công tác quản lý, kiểm tra, báo cáo việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ do MTNHS.	Tài liệu thực tiễn cập nhật năm 2025; sử dụng có kiểm soát theo nội dung bản gốc.
40	Thông báo số 66/TB-VKSTC ngày 30/3/2026	VKSND tối cao	Rút kinh nghiệm về báo cáo, xác định căn cứ và áp dụng Điều 29 BLHS; lưu ý một số trường hợp đình chỉ MTNHS trong thực tiễn.	Tài liệu thực tiễn cập nhật năm 2026; được sử dụng khi phân tích thực trạng và làm căn cứ đối chiếu cho các giải pháp về hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo
41	Công văn số 2034/VPCQCSĐT-P2 ngày 11/6/2020	Bộ Công an	Hướng dẫn trình tự, thủ tục áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.	Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ của CQCSĐT; không phải văn bản quy phạm pháp luật, sử dụng khi phân tích quy trình thực tiễn.
42	Công văn số 921/ĐTHS-P3 ngày 29/5/2024	Bộ Quốc phòng	Trao đổi về trình tự, thủ tục báo cáo xin ý kiến chỉ đạo khi áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015.	Tài liệu đối chiếu nghiệp vụ; chỉ sử dụng ở mức tham khảo, không mở rộng phạm vi nghiên cứu sang CQĐT trong Quân đội.
V. VĂN BẢN LỊCH SỬ PHỤC VỤ KHẢO CỨU QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỊNH MTNHS				
43	Sắc lệnh số 52/SL ngày 20/10/1945	Chính phủ lâm thời	Xá miễn cho một số tội phạm trước ngày 19/8/1945.	Tài liệu lịch sử; không dùng làm căn cứ áp dụng pháp luật hiện hành.
44	Sắc lệnh số 413/TTg ngày 19/11/1954	Thủ tướng Chính phủ	Quy định về đại xá trong bối cảnh lịch sử năm 1954.	Tài liệu lịch sử phục vụ khảo cứu về đại xá; không dùng làm căn cứ áp dụng hiện hành.
45	Nghị quyết số 02-HĐTP-TANDTC/QĐ ngày 05/01/1986	Hội đồng Thẩm phán TAND TC	Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong giai đoạn đầu thi hành BLHS năm 1985.	Tài liệu lịch sử, dùng để khảo cứu sự phát triển của pháp luật hình sự.
46	Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19/4/1989	Hội đồng Thẩm phán TAND TC	Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS.	Tài liệu lịch sử; chỉ dùng khi phân tích quá trình phát triển của chế định.
47	Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000	Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao	Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999, trong đó có các tình tiết liên quan đến đánh giá nhân thân, giảm nhẹ và xử lý người phạm tội.	Tài liệu hướng dẫn lịch sử; sử dụng có giới hạn để đối chiếu, không thay thế pháp luật hiện hành.

Nguồn: Nghiên cứu sinh hệ thống hóa từ các văn kiện, văn bản và tài liệu nghiệp vụ phục vụ nghiên cứu; cập nhật, đối chiếu đến tháng 8/2026.

Phụ lục 7

**KHUNG MÃ HÓA VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH CÁC TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG PHÁP LUẬT
VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

Phương pháp và giới hạn sử dụng: Nghiên cứu sinh lựa chọn có chủ đích 18 nhóm trường hợp đã được trích dẫn trong luận án từ tài liệu vụ án, báo cáo, thông báo rút kinh nghiệm và tài liệu công khai có liên quan. Các trường hợp được mã hóa từ TH01 đến TH18, lược bỏ thông tin cá nhân không cần thiết và chỉ sử dụng nhằm minh họa những dạng kết quả, hạn chế và vấn đề pháp lý điển hình trong quá trình nhận diện tình tiết, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL. Kết quả nghiên cứu điển hình không phải là mẫu thống kê đại diện cho toàn bộ bị can được MTNHS trên phạm vi cả nước và không được sử dụng để suy rộng về cơ cấu nhân thân.

TT	Mã trường hợp	Năm, địa bàn	Tội danh/nhóm hành vi	Căn cứ hoặc cách xử lý	Tình tiết pháp lý chủ yếu	Kết quả, vấn đề rút ra	Nguồn trong luận án
1	TH01	2020, Bình Phước	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Đình chỉ điều tra và MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Bị can có lỗi vô ý; thành khẩn khai báo; bồi thường toàn bộ thiệt hại; đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị MTNHS.	Trường hợp được luận án đánh giá là áp dụng phù hợp; thể hiện việc kiểm tra đầy đủ điều kiện khắc phục hậu quả, hòa giải và đề nghị của bị hại.	Chương 3
2	TH02	2022, địa bàn được mã hóa trong luận án	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Đề nghị đình chỉ điều tra, MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Bị can có nhân thân tốt, lỗi vô ý, thành khẩn khai báo; bồi thường toàn bộ; đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị MTNHS.	Trường hợp tích cực, cho thấy việc cá thể hóa TNHS trên cơ sở chứng cứ về nhân thân, lỗi, bồi thường và ý chí của bị hại.	Chương 3
3	TH03	2021, huyện Cư Jút, Đắk Nông	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Khởi tố VAHS, khởi tố bị can, sau đó đình chỉ do MTNHS	Nạn nhân tử vong là con đẻ của bị can.	Cần cân nhắc toàn diện tính nhân văn, hậu quả gia đình và sự cần thiết của việc khởi tố ngay từ đầu; tránh khởi tố rồi đình chỉ mang tính hình thức.	Chương 3
4	TH04	2021, huyện Phước Long, Bạc Liêu	Giúp người khác tạt sát	Khởi tố hai bị can, sau đó đình chỉ do MTNHS	Nạn nhân là con ruột của hai bị can.	Đặt ra yêu cầu đánh giá kỹ bối cảnh gia đình, mức độ lỗi, hậu quả và chính sách hình sự trước khi khởi tố và lựa chọn cách xử lý.	Chương 3
5	TH05	2021, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Khởi tố, sau đó đình chỉ do MTNHS	Nạn nhân tử vong là mẹ ruột của bị can.	Phản ánh hạn chế lặp lại trong việc đánh giá tính cần thiết của khởi tố đối với tai nạn làm người thân thích ruột thịt tử vong.	Chương 3

TT	Mã trường hợp	Năm, địa bàn	Tội danh/nhóm hành vi	Căn cứ hoặc cách xử lý	Tình tiết pháp lý chủ yếu	Kết quả, vấn đề rút ra	Nguồn trong luận án
6	TH06	2021, huyện Châu Thành, Tiền Giang	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Khởi tố, sau đó đình chỉ do MTNHS	Nạn nhân tử vong là cháu nội của bị can.	Cần xác định rõ ranh giới giữa yêu cầu nghiêm minh và xử lý có tình, có lý; hạn chế phát sinh thủ tục tố tụng không cần thiết.	Chương 3
7	TH07	2021, huyện Phú Mỹ, Bình Định	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Khởi tố, sau đó đình chỉ do MTNHS	Nạn nhân là con ruột của bị can; bản thân bị can bị thương tích nặng.	Cho thấy yêu cầu đánh giá toàn diện hậu quả pháp lý, hậu quả gia đình và khả năng đạt mục đích phòng ngừa bằng biện pháp khác.	Chương 3
8	TH08	2021, huyện Thạnh Hóa, Long An	Cản trở giao thông đường bộ, khoản 2 Điều 261 BLHS	Đình chỉ VAHS, bị can theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Hành vi không có cảnh báo tại khu vực thi công, làm hai người trong cùng một gia đình tử vong; các bên đã thỏa thuận bồi thường.	Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng vẫn đình chỉ; luận án xác định việc áp dụng chưa bảo đảm tính nghiêm minh và yêu cầu phòng ngừa.	Chương 3
9	TH09	2024, huyện Châu Thành, Tiền Giang	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Khởi tố bị can, sau đó đình chỉ do MTNHS	Tai nạn làm vợ của bị can tử vong.	Tiếp tục phản ánh hạn chế khởi tố rồi đình chỉ trong trường hợp nạn nhân là người thân thích ruột thịt.	Chương 3
10	TH10	2024, huyện Thới Lai, Cần Thơ	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Đình chỉ VAHS và bị can theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Tai nạn làm cháu ngoại của bị can tử vong; người thân trong gia đình có đơn đề nghị MTNHS.	Cần cân nhắc kỹ trước khi khởi tố để hạn chế thủ tục tố tụng kéo dài nhưng kết quả cuối cùng vẫn đình chỉ.	Chương 3
11	TH11	2024, huyện Hoài Ân, Bình Định	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Khởi tố, sau đó đình chỉ và MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Tai nạn làm mẹ đẻ của bị can tử vong; bị can bị đa chấn thương; gia đình không yêu cầu và đề nghị MTNHS.	Minh họa tình trạng áp dụng chưa thống nhất giữa quyết định khởi tố ban đầu và kết quả xử lý cuối cùng.	Chương 3
12	TH12	2026, Gia Lai	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Khởi tố, sau đó đình chỉ do MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Tai nạn làm người thân thích, ruột thịt của bị can tử vong.	VKSND tối cao yêu cầu cân nhắc, đánh giá kỹ lưỡng, có tình, có lý trước khi quyết định khởi tố loại vụ việc này.	Chương 3

TT	Mã trường hợp	Năm, địa bàn	Tội danh/nhóm hành vi	Căn cứ hoặc cách xử lý	Tình tiết pháp lý chủ yếu	Kết quả, vấn đề rút ra	Nguồn trong luận án
13	TH13	2026, Cà Mau	Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, khoản 1 Điều 260 BLHS	Khởi tố, sau đó đình chỉ do MTNHS theo khoản 3 Điều 29 BLHS	Tai nạn làm người thân thích, ruột thịt của bị can tử vong.	Tiếp tục cho thấy hạn chế lặp lại qua nhiều năm và nhu cầu hướng dẫn thống nhất ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin.	Chương 3
14	TH14	2024, tỉnh Bạc Liêu	Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Điều 323 BLHS	Sau khi bản án bị hủy để điều tra lại, CQCSĐT đình chỉ theo khoản 2 Điều 29 BLHS	Bản chất hành vi và các vấn đề cần điều tra lại chưa được làm rõ đầy đủ.	Việc dùng MTNHS để kết thúc hồ sơ sau khi hủy án có nguy cơ làm mờ ranh giới giữa yêu cầu điều tra làm rõ và chính sách khoan hồng.	Chương 3
15	TH15	2023, Long An	Hành vi liên quan đến làm giả tài liệu	Áp dụng căn cứ chuyển biến của tình hình để MTNHS	Hành vi vẫn được đánh giá còn tiềm ẩn nguy hiểm cho xã hội.	Minh họa sự thiếu thống nhất trong nhận diện căn cứ định tính và yêu cầu cụ thể hóa tiêu chí “chuyển biến của tình hình”.	Chương 3
16	TH16	Vụ án đánh bạc qua mạng, Phú Thọ	Đưa hối lộ	Đồng thời viện dẫn điểm c khoản 2 Điều 29 và khoản 7 Điều 364 BLHS	Người đưa hối lộ tự thú trước khi hành vi bị phát giác và hợp tác với CQCSĐT.	Kết quả MTNHS có thể phù hợp, nhưng kỹ thuật viện dẫn chưa phân biệt rõ căn cứ chung với căn cứ đặc thù; khoản 7 Điều 364 là căn cứ trực tiếp.	Chương 3
17	TH17	2022, vụ án buôn lậu xăng dầu tại Đồng Nai	Đưa hối lộ	Đồng thời viện dẫn điểm c khoản 2 Điều 29 và khoản 7 Điều 364 BLHS đối với ba bị can	Các bị can đưa tiền, tài sản; sau đó chủ động khai báo, hợp tác; CQCSĐT đình chỉ và xử lý tiền đưa hối lộ.	Tiếp tục phản ánh cách viện dẫn chồng chéo giữa căn cứ chung và căn cứ đặc thù, dù định hướng xử lý được đánh giá là có cơ sở.	Chương 3
18	TH18	2024, vụ án Vạn Thịnh Phát	Đưa hối lộ	CQCSĐT đã xác định hành vi cấu thành tội phạm nhưng áp dụng căn cứ MTNHS và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 29, khoản 7 Điều 364 và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP	Người thực hiện hành vi tổ giác trước khi khởi tố VAHS và tích cực hợp tác làm rõ vụ án.	Minh họa nhu cầu hướng dẫn thống nhất: khoản 7 Điều 364 là căn cứ trực tiếp, đặc thù	Chương 3

Tổng hợp các dạng vấn đề trong mẫu nghiên cứu điển hình

TT	Nhóm kết quả/vấn đề	Số nhóm trường hợp	Ý nghĩa sử dụng trong luận án
1	Trường hợp được đánh giá áp dụng phù hợp	2	Minh họa kết quả tích cực trong việc chứng minh điều kiện, cá thể hóa TNHS và bảo đảm quyền của các chủ thể.
2	Trường hợp cần cân nhắc kỹ từ giai đoạn khởi tố khi nạn nhân là người thân thích, ruột thịt	10	Minh họa hạn chế lặp lại và yêu cầu nhận diện sớm căn cứ, xử lý có tình, có lý, tránh khởi tố rồi đình chỉ.
3	Trường hợp đình chỉ chưa bảo đảm tính nghiêm minh do hậu quả đặc biệt nghiêm trọng	1	Minh họa yêu cầu cân bằng giữa chính sách nhân đạo và mục tiêu phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.
4	Trường hợp lựa chọn, viện dẫn căn cứ hoặc sử dụng MTNHS chưa chính xác về kỹ thuật pháp lý	5	Minh họa hạn chế trong phân biệt căn cứ chung - đặc thù, căn cứ điều tra lại và các căn cứ định tính.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp và mã hóa từ các trường hợp, tài liệu và nguồn đã được trích dẫn trong luận án. Số nhóm trường hợp trong bảng tổng hợp chỉ phản ánh mẫu nghiên cứu điển hình được lựa chọn có chủ đích, không phản ánh tỷ lệ chung trên phạm vi cả nước.

Phụ lục 8

**KHUNG ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT
VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

Ghi chú: Phụ lục hệ thống hóa các nhóm vấn đề phục vụ phân tích kết quả, hạn chế và nguyên nhân tại Chương 3; đồng thời xác định giải pháp đối ứng tại Chương 4. Nội dung mang tính phân tích định tính, không phải số liệu thống kê và không dùng để suy rộng trên phạm vi cả nước.

TT	Nhóm nội dung, tiêu chí đánh giá thực trạng	Biểu hiện cần phân tích tại Chương 3	Nguyên nhân chủ yếu	Giải pháp đối ứng tại Chương 4	Liên kết, minh chứng
I. NỘI DUNG THEO CÁC GIAI ĐOẠN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT					
1	Xác định, phân tích và đánh giá tình tiết vụ án	Kết quả điều tra cơ bản bảo đảm căn cứ; một số trường hợp nhận diện chưa sớm, đánh giá chưa toàn diện lỗi, hậu quả, nhân thân, bồi thường, hòa giải và ý kiến bị hại.	Tiêu chí đánh giá còn khái quát; kỹ năng kiểm tra chứng cứ chưa đồng đều; tâm lý chọn phương án tổ tụng an toàn.	Cụ thể hóa tiêu chí, quy trình nhận diện sớm; bồi dưỡng kỹ năng thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ.	Mục 3.2.1.1, 3.2.2.1; PL7; mục 4.2.1.1, 4.2.1.2, 4.2.3
2	Xác định căn cứ và điều kiện MTNHS	Việc áp dụng Điều 29 BLHS và các căn cứ đặc thù đã có kết quả; vẫn còn cách hiểu khác nhau đối với căn cứ định tính, trường hợp hậu quả lớn hoặc nạn nhân là người thân thích.	Pháp luật chưa cụ thể; hướng dẫn phân tán; đánh giá có lúc thiên về bồi thường, đề nghị của bị hại.	Hoàn thiện BLHS, hướng dẫn liên ngành; xây dựng tiêu chí cân bằng tính nhân đạo, nghiêm minh và yêu cầu phòng ngừa.	Mục 3.2.1.1, 3.2.2.1; PL7 (TH03-TH15); mục 4.2.1.1, 4.2.1.3, 4.2.5
3	Lựa chọn và viện dẫn quy phạm pháp luật	Phần lớn quyết định viện dẫn đúng; một số trường hợp chưa phân biệt rõ căn cứ chung, căn cứ đặc thù hoặc MTNHS với các trường hợp loại trừ, không cấu thành tội phạm, miễn hình phạt.	Quy định nằm ở nhiều điều luật; thiếu hướng dẫn về quan hệ giữa quy phạm chung và đặc thù; rà soát pháp lý chưa chặt.	Hướng dẫn thứ tự áp dụng, kỹ thuật viện dẫn; sử dụng bảng kiểm pháp lý trước khi đề xuất, ký quyết định.	Mục 3.2.1.1, 3.2.2.1; PL7 (TH16-TH18); mục 4.2.1.1, 4.2.1.3, 4.2.3

TT	Nhóm nội dung, tiêu chí đánh giá thực trạng	Biểu hiện cần phân tích tại Chương 3	Nguyên nhân chủ yếu	Giải pháp đối ứng tại Chương 4	Liên kết, minh chứng
4	Ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL	Quyết định cơ bản đúng thẩm quyền; hình thức, nội dung, tổng đạt, xử lý biện pháp ngăn chặn, vật chứng, dân sự và hậu quả pháp lý còn chưa thật thống nhất.	Chưa có mẫu thông báo riêng sau quyết định đối với trường hợp đình chỉ điều tra bị can trên căn cứ MTNHS; quy trình phối hợp và trách nhiệm tổ chức thực hiện chưa được chuẩn hóa đầy đủ.	Bổ sung Mẫu số 230A sau Mẫu số 230; chuẩn hóa việc thông báo và tổ chức thực hiện quyết định; làm rõ hậu quả hình sự, dân sự, hành chính, kỷ luật.	Mục 3.2.1.1, 3.2.2.1; PL12; mục 4.2.1.2, 4.2.1.3, 4.2.5
II. CHỦ THỂ, TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM					
5	Hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ	Pháp luật tạo cơ sở áp dụng nhưng một số căn cứ, thủ tục, biểu mẫu và quan hệ giữa BLHS với BLTTHS, luật chuyên ngành còn thiếu đồng bộ.	Chậm tổng kết vướng mắc; thiếu văn bản liên ngành có giá trị áp dụng thống nhất.	Hoàn thiện BLHS, BLTTHS, luật liên quan; ban hành hướng dẫn liên ngành và biểu mẫu thống nhất.	Mục 3.2.2.2; PL6; mục 4.2.1.1, 4.2.1.2, 4.2.1.3
6	Tổ chức bộ máy, phân công và thẩm quyền	Mô hình QCCSDT được kiện toàn; việc phân công giữa cấp Bộ, cấp tỉnh, Công an cấp xã và trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn cần tiếp tục làm rõ.	Tổ chức bộ máy thay đổi; phân cấp chưa luôn gắn với nguồn lực và cơ chế kiểm soát chất lượng.	Rà soát chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và tăng vai trò hướng dẫn của cấp trên.	Mục 3.1.1.1, 3.1.1.2, 3.2.2.2; PL6; mục 4.2.2
7	Năng lực, kỹ năng và trách nhiệm của chủ thể ADPL	Đội ngũ cơ bản đáp ứng nhiệm vụ; năng lực xử lý căn cứ định tính, đánh giá chứng cứ, lựa chọn quy phạm và soạn thảo quyết định chưa đồng đều.	Bồi dưỡng chưa chuyên sâu theo tình huống; kinh nghiệm và bản lĩnh nghề nghiệp giữa các đơn vị còn chênh lệch.	Bồi dưỡng theo bốn giai đoạn ADPL; sinh hoạt chuyên đề, họp án, kiểm tra hồ sơ và gắn trách nhiệm cá nhân.	Mục 3.1.1.1, 3.2.2.2; PL9, PL10, PL11; mục 4.2.3
8	Cơ sở vật chất, dữ liệu nghiệp vụ và chuyển đổi số	Điều kiện kỹ thuật từng bước được đầu tư; dữ liệu về nhân thân, bồi thường, hòa giải, căn cứ MTNHS và kết quả kiểm sát chưa liên thông đầy đủ.	Đầu tư chưa đồng bộ; dữ liệu phân tán; chưa có cơ sở dữ liệu chuyên đề phục vụ tra cứu, đối chiếu.	Đầu tư theo nhu cầu thực tế; số hóa hồ sơ, xây dựng dữ liệu dùng chung, công cụ tra cứu và cảnh báo nghiệp vụ.	Mục 3.2.2.2; PL11; mục 4.2.4

TT	Nhóm nội dung, tiêu chí đánh giá thực trạng	Biểu hiện cần phân tích tại Chương 3	Nguyên nhân chủ yếu	Giải pháp đối ứng tại Chương 4	Liên kết, minh chứng
III. PHỐI HỢP, KIỂM SOÁT VÀ PHÁT TRIỂN THỰC TIỄN					
9	Phối hợp giữa CQCSĐT, VKSND và cơ quan liên quan	Phối hợp đã hỗ trợ kiểm soát quyết định; thời điểm trao đổi, tài liệu cung cấp và xử lý quan điểm khác nhau còn chưa thống nhất.	Thiếu quy trình bắt buộc và thời hạn phản hồi; phối hợp còn phụ thuộc vào kinh nghiệm từng địa phương.	Thiết lập cơ chế trao đổi trước quyết định; quy định nội dung, thời hạn, trách nhiệm và lưu vết phối hợp trong hồ sơ.	Mục 3.2.1.2, 3.2.2.2; mục 4.2.5
10	Kiểm sát, thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	Hoạt động kiểm sát, kiểm tra đã phát hiện sai sót; việc hậu kiểm, theo dõi khắc phục và kiểm soát nguy cơ lạm dụng hoặc bỏ sót căn cứ chưa đồng đều.	Cơ chế kiểm soát còn phân tán; trách nhiệm khắc phục sau kiểm tra chưa được theo dõi thường xuyên.	Kiểm tra chuyên đề, hậu kiểm quyết định; gắn kết quả với trách nhiệm, đào tạo và xử lý khiếu nại, tố cáo.	Mục 3.2.1.2, 3.2.2.2; mục 4.2.6
11	Thống kê, báo cáo, tổng kết và rút kinh nghiệm	Đã có báo cáo và thông báo rút kinh nghiệm; chỉ tiêu chưa phản ánh đầy đủ căn cứ áp dụng, sai sót, kết quả kiểm sát và việc khắc phục.	Thống kê còn thủ công; dữ liệu chưa thống nhất; văn hóa chia sẻ và học hỏi từ vụ việc chưa thành nền nếp.	Chuẩn hóa chỉ tiêu, báo cáo định kỳ; xây dựng ngân hàng tình huống và cơ chế theo dõi việc thực hiện kiến nghị.	Mục 3.1.2.1, 3.1.2.3, 3.2.2.1, 3.2.2.2; PL1, PL4, PL5, PL6 (TB 133, 79, 309, 66); mục 4.2.7
12	Nghiên cứu, tham khảo và hợp tác quốc tế	Kinh nghiệm nước ngoài đã được khảo cứu nhưng việc chuyển hóa thành hướng dẫn, đào tạo và cơ chế kiểm soát phù hợp với Việt Nam còn hạn chế.	Trao đổi chuyên môn chưa thường xuyên; thiếu cơ chế chọn lọc, đánh giá khả năng vận dụng.	Hợp tác nghiên cứu, đào tạo, trao đổi chuyên gia; tiếp thu có chọn lọc về tiêu chí, quy trình, kiểm soát quyền lực và bảo vệ quyền con người.	Mục 2.4.1.4, 2.4.2.4, 2.4.3.4, 3.2.2.2; mục 4.2.8

Nguồn: Nghiên cứu sinh hệ thống hóa từ nội dung Chương 3, hệ thống giải pháp tại Chương 4, các trường hợp nghiên cứu điển hình tại Phụ lục 7 và tài liệu đã được trích dẫn trong luận án.

Phụ lục 9
CƠ CẤU TỶ LỆ (%) NGẠCH ĐIỀU TRA VIÊN CỦA THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP BỘ, CẤP TỈNH
(Số liệu đã được xử lý từ số liệu thống kê gốc nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước)
(Tính đến ngày 31/12/2025)

STT	Địa phương/ đơn vị	CẤP BỘ								CẤP TỈNH							
		Thủ trưởng				Phó Thủ trưởng				Thủ trưởng				Phó Thủ trưởng			
		Tổng	CAO CẤP	TRUNG CẤP	SƠ CẤP	Tổng	CAO CẤP	TRUNG CẤP	SƠ CẤP	Tổng	CAO CẤP	TRUNG CẤP	SƠ CẤP	Tổng	CAO CẤP	TRUNG CẤP	SƠ CẤP
1	Tổng toàn quốc	100%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	87,88%	12,12%	0%	100%	41,71%	54,74%	3,55%

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu; số liệu trong phụ lục được trình bày dưới dạng cơ cấu tỷ lệ (%) thay cho số liệu tuyệt đối nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Phụ lục 10
CƠ CẤU TỶ LỆ (%) ĐIỀU TRA VIÊN, CÁN BỘ ĐIỀU TRA
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CẤP BỘ, CẤP TỈNH VÀ LỰC LƯỢNG ĐƯỢC BỐ TRÍ TẠI CÔNG AN CẤP XÃ
(Tính đến ngày 14/6/2026)

Cấp, đơn vị bố trí lực lượng	Cơ cấu ngạch ĐTV				Chỉ tiêu tham chiếu (*)	
	Tổng	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	CBĐT/Tổng ĐTV	ĐTV, TSV/Tổng ĐTV
CQCSĐT cấp Bộ	100,00%	24,31%	55,05%	20,64%	6,88%	45,87%
CQCSĐT cấp tỉnh	100,00%	0,82%	37,63%	61,55%	8,76%	55,96%
Công an cấp xã	100,00%	0,00%	20,28%	79,72%	52,98%	58,27%

(*) Các chỉ tiêu CBĐT và ĐTV, (Trình sát viên) TSV được tính riêng trên tổng số ĐTV của từng nhóm thống kê để tham chiếu; không cộng gộp với ba ngạch ĐTV cao cấp, trung cấp và sơ cấp.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu thống kê phục vụ nghiên cứu; số liệu trong phụ lục được trình bày dưới dạng cơ cấu tỷ lệ (%) thay cho số liệu tuyệt đối nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Phụ lục 11

**CƠ CẤU TỶ LỆ (%) TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA THỦ TRƯỞNG,
PHÓ THỦ TRƯỞNG, ĐTV, TSV, CBĐT CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ CÔNG AN CẤP XÃ**

(Tính đến ngày 14/6/2026)

I. CƠ CẤU CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO						
Nhóm đào tạo	Đại học trở lên	Cao đẳng, trung cấp	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Khác	Tổng nhóm	Ghi chú
Chuyên ngành điều tra	39,68%	3,87%	0,60%	0,00%	44,15%	
Chuyên ngành khác tại các trường CAND	33,32%	9,01%	3,21%	0,00%	45,53%	
Ngành ngoài	8,56%	1,41%	0,00%	0,35%	10,32%	Cột “Khác” áp dụng cho nhóm ngành ngoài.
Tổng cơ cấu	81,55%	14,28%	3,81%	0,35%	100,00%	Mẫu số: tổng lượt chuyên ngành đào tạo trong bảng gốc.
II. CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
Danh mục	Đại học trở lên	Cao đẳng	Trung cấp	Chứng chỉ	Chưa có	Tổng
Cơ cấu trình độ công nghệ thông tin	2,36%	0,47%	0,59%	94,13%	2,44%	100,00%

Ghi chú: Cơ cấu chuyên ngành đào tạo và cơ cấu trình độ công nghệ thông tin được tính theo hai mẫu số khác nhau trong bảng gốc; do đó không so sánh trực tiếp tỷ lệ giữa hai nhóm. Tỷ lệ được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Nguồn: Nghiên cứu sinh tổng hợp, xử lý từ số liệu gốc thống kê phục vụ nghiên cứu; số liệu trong phụ lục được trình bày dưới dạng cơ cấu tỷ lệ (%) thay cho số liệu tuyệt đối nhằm phục vụ công khai luận án và bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước.

Phụ lục 12**ĐỀ XUẤT BỔ SUNG BIỂU MẪU****THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI BỊ CAN
TRÊN CĂN CỨ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

*(Đề xuất bổ sung Mẫu số 230A ngay sau Mẫu số 230 “Quyết định đình chỉ điều tra bị can”
tại Nhóm 6 - Biểu mẫu sử dụng trong việc tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra,
Danh mục biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự ban hành kèm theo
Thông tư số 128/2025/TT-BCA ngày 19/12/2025 của Bộ Công an)
Mẫu sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can theo Mẫu số
230 trong trường hợp căn cứ đình chỉ là căn cứ miễn trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự.*

Mẫu số: 230A (đề xuất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-.....

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc đình chỉ điều tra đối với bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự**

Kính gửi: Ông/Bà

Sinh ngày tháng năm tại

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú/nơi ở hiện tại:

Căn cứ Quyết định đình chỉ điều tra bị can số/QĐ-..... ngày tháng năm
..... của Cơ quan điều traCăn cứ điểm khoản Điều Bộ luật Hình sự và các quy định pháp luật có liên
quan về miễn trách nhiệm hình sự;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự;

CƠ QUAN ĐIỀU TRA THÔNG BÁO:

Ông/Bà

đã bị khởi tố bị can theo Quyết định khởi tố bị can số ngày tháng năm
củavề tội
quy định tại khoản Điều Bộ luật Hình sự.Ngày.....tháng.....năm....., Cơ quan điều tra
đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can số/QĐ-..... đối với bị can
.....**Lý do đình chỉ điều tra:** Áp dụng căn cứ miễn trách nhiệm hình sự theo
.....**Căn cứ, điều kiện miễn trách nhiệm hình sự chủ yếu đã được xác định trong hồ sơ
gồm:**.....
.....
.....
.....

(Ghi rõ căn cứ, điều kiện miễn trách nhiệm hình sự tương ứng với trường hợp cụ thể và các tình tiết pháp lý chủ yếu đã được chứng minh trong hồ sơ; đối với trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự, ghi những tình tiết chủ yếu đã được xem xét, đánh giá làm cơ sở ban hành quyết định đình chỉ điều tra.)

Kể từ thời điểm Quyết định đình chỉ điều tra bị can nêu trên có hiệu lực, việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ông/Bà về hành vi thuộc phạm vi quyết định đình chỉ điều tra được chấm dứt.

Việc xử lý biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, vật chứng, tài sản, tài liệu, đồ vật và các vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo Quyết định đình chỉ điều tra bị can số/QĐ-..... ngày tháng năm, các quyết định tố tụng có liên quan và quy định của pháp luật.

Việc đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự không loại trừ việc thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự, nghĩa vụ hoàn trả tài sản, xử lý hành chính, kỷ luật hoặc trách nhiệm pháp lý khác nếu có căn cứ độc lập theo quy định của pháp luật.

Thông báo này được lập trên cơ sở Quyết định đình chỉ điều tra bị can theo Mẫu số 230, nhằm thông tin tập trung cho bị can về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý của việc đình chỉ điều tra; không thay thế Quyết định đình chỉ điều tra bị can và không phải là một quyết định miễn trách nhiệm hình sự độc lập.

Thông báo này được gửi cho Ông/Bà để biết, thực hiện quyền và nghĩa vụ có liên quan và sử dụng khi cần thiết để chứng minh tình trạng pháp lý của mình; đồng thời được gửi đến Viện kiểm sát có thẩm quyền để phục vụ việc kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát
-
- Hồ sơ 02 bản.

.....(1)
(Ký, đóng dấu; ghi rõ chức vụ, họ tên)

(1) Chức danh tư pháp của người ký ban hành văn bản.

Ghi chú về mục đích và vị trí của biểu mẫu đề xuất:

Mẫu số 230A được đề xuất bổ sung ngay sau Mẫu số 230 trong Nhóm 6 của Danh mục biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 128/2025/TT-BCA; sử dụng sau khi Cơ quan điều tra đã ban hành Quyết định đình chỉ điều tra bị can trên căn cứ miễn trách nhiệm hình sự. Mẫu nhằm khắc phục việc hệ thống hiện hành chưa có thông báo riêng cho bị can thể hiện tập trung căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp lý của việc đình chỉ; hỗ trợ Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát và tạo điều kiện cho người được đình chỉ điều tra chứng minh tình trạng pháp lý, ổn định đời sống, tái hòa nhập cộng đồng. Mẫu không thay thế Quyết định đình chỉ điều tra, không thiết lập thủ tục Viện kiểm sát phê chuẩn và không tạo ra một quyết định miễn trách nhiệm hình sự độc lập.